

Lời Nói Đầu

Tập cổ sử truyện này sở dĩ được lấy tên là **“Thập Đại Sa Di Trưởng Lão”** là vì thời đức Phật tôi tìm thấy có 9 vị sa-di tuy mới bảy tuổi nhưng đã đắc quả A-la-hán với những hành trạng, công hạnh và khả năng khác nhau, xứng đáng để tôn gọi danh xưng trưởng lão, “*danh*” đi liền với “*thực*”, chứ không phải hề cứ già lão thì được gọi là “*trưởng lão*” như đức Phật chê trách trong Kinh Lời Vàng số 260:

“- *Phải đâu trưởng lão sa-môn*
Phải đâu đâu bạc, thượng tôn tăng đoàn?
Tuổi cao, trí kém, ngu, tham:
‘Sư già rỗng tuếch’ xứng mang danh này!’
(Na tena thero hoti,
yen ’assa palitaṃ siro,
paripakko vayo tassa
‘moghajijṇo’⁽¹⁾ ti vuccati).

Họ tuy nhỏ tuổi nhưng đã thành tựu rốt ráo cứu cánh sa-môn hạnh, như Kinh Lời Vàng số 382:

⁽¹⁾ Mogha: Rỗng không; jīṇa: già lão, già yếu... Nên có thể dịch là “lão ngu” hoặc “lão già vô vị”; nhưng tôi dịch là “sư già rỗng tuếch” là đúng với ý của sự khiển trách trong câu này.

*Tỳ-khuru nhỏ tuổi mặc dầu
Tự thân cần quán, pháp mẫu siêng tu
Vàng trắng thoát đám mây lu
Chiếu soi rõ rõ, cõi mù thế gian!
(Yo have daharo bhikkhu
yuñjati buddhasāsane,
somam lokam pabhāseti
abbhā mutto va candimā).*

Tất cả 9 vị sa-di kể trên, có vị khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da đầu thì liền đắc quả A-la-hán. Có vị làn dao thứ nhất đắc quả Tu-đà-hoàn, làn dao thứ hai đắc quả Tu-đà-hàm, làn dao thứ ba đắc quả A-na-hàm, làn dao thứ tư đắc quả A-la-hán. Có vị làn dao thứ nhất và thứ hai đắc quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm và sau đó, vào rừng, tinh cần minh sát, đắc luôn hai tầng thánh quả còn lại. Có vị sa-di thì đắc quả A-la-hán ngay trong ngày xuất gia. Có vị vào rừng sâu, trong mùa an cư mới đắc quả A-la-hán cùng các thắng trí. Có vị vừa đắc quả A-la-hán vừa đắc luôn tuệ phân tích. Có vị sau khi đắc quả, được đức Phật đặc cách cho thọ luôn đại giới như sa-di Dabba Mallaputta. Có vị tuy mới sa-di, sau khi đắc quả, đắc thần thông, lại có khả năng giáo hóa làm cho 500 tên cướp hồi đầu hướng thiện; và cũng chính vị sa-di này - Saṅkicca - lại làm thầy thế độ cho 500 tên cướp xuất gia sa-di luôn!

Tuy mới bảy tuổi nhưng họ đều có trí tuệ và công hạnh đặc thù, chư tăng thấy đều quý trọng và tôn kính.

Riêng Rāhula, con trai đức Phật, đắc quả A-la-hán năm 21 tuổi, nhưng từ khi 7 tuổi thọ sa-di, đến năm 20 tuổi thọ đại giới; suốt 13 năm làm sa-di, vị ấy cũng được chư tăng quý trọng vì đời sống phục vụ, vì đức hạnh thâm lặng, cả về thấu hiểu giáo pháp. Nhờ vậy, Rāhula cũng được chư tăng trẻ tôn kính gọi là trưởng lão lúc còn là sa-di.

Kể khái quát như vậy để chúng ta biết là có 10 vị sa-di xứng danh là trưởng lão với tất cả nội hàm cao quý của từ

này. Vì khó sắp xếp theo thời gian nên chúng tôi biên soạn tiểu truyện của từng vị tạm thời với thứ tự như sau:

- An Lạc Dưới Cái Bóng Mát Mẻ Của Sa Môn

(Tiểu truyện *Rāhula* tôn giả)

- Bảy Năm Trong Bình Máu

(Tiểu truyện *Sīvali* tôn giả)

- Trong Rừng Cây Xiêm Gai

(Tiểu truyện *Revata* tôn giả)

- Cây Quạt Thốt Nốt

(Tiểu truyện *Vô Danh* tôn giả)

- Chàng Đại Bần Khổ

(Tiểu truyện *Paṇḍita* tôn giả)

- Nhất Chỉ Quang Tướng Thần Thông

(Tiểu truyện *Dabba-Mallaputta* tôn giả)

- Ngọn Đèn Trong Chiếc Ghè

(Tiểu truyện *Saṅkicca* tôn giả)

- Phước Như Cây Lành, Trái Ngọt

(Tiểu truyện *Tissa* tôn giả)

- Những Hạt Đậu Ván

(Tiểu truyện *Sopāka* tôn giả)

- Bữa Cơm Ngân Vàng

(Tiểu truyện *Sukha* tôn giả)

Tất cả đây là 10 tiểu truyện. Chúng tôi, ở phần tiếp theo đây, có bài “*thay lời tựa*” với tựa đề “*Chúng Sa-Di ‘Đuổi Quạ’ Luận Pháp*”; và bài cuối “*Căn Nhà Năm Lỗ Hổng*” kể chuyện “*bốn vị thánh sa-di bị bỏ đói*” tổng cộng thành 12 truyện cả thảy.

Do giới hạn tư liệu, do trình độ có hạn, do nghiên cứu chưa thấu đáo; hơn nữa đây chỉ là truyện lịch sử - chứ không phải tư liệu lịch sử - nên đôi chỗ phải hư cấu, đôi chỗ khó tránh khỏi thiếu sót, bất cập, mong độc giả mười phương thông cảm.

Trân trọng,

Mai Trúc Am, Xuân Giáp Ngọ, 2014
Minh Đức Triều Tâm Ảnh

Chúng Sa-Di “Đuổi Quạ” Luận Pháp

(Thay Lời Tựa)

Tôn giả Sāriputta sáng nào cũng dạo một vòng quanh sân, vườn, rừng cây Kỳ Viên tịnh xá, xem thử công việc rác lá đây đó được chúng sa-di quét tước tới đâu, và chỗ nào thấy chưa được vén khéo thì đích thân ngài cùng một số vị tỳ-khưu hay sa-di khác phụ nhau quét dọn.

Giờ ấy là giờ chur tăng lác đác rời Kỳ Viên để đi trì bình khát thực trong kinh thành Sāvattthi hoặc vùng phụ cận. Trông những bóng vàng thấp thoáng giữa rừng cây thật là đẹp, thật là thanh bình, thật là thiên vị. Tôn giả đưa mắt nhìn. Quả thật, đâu đó đều sạch sẽ, ngăn nắp, gọn gàng. Rác khô, lá khô được tấp lại thành đống, đốt lên, khói lan tỏa, nhẹ nhàng rồi nhòa lẫn trong sương mù. Cốc liêu nửa ẩn, nửa hiện giữa màu xanh điệp trùng, nối nhau vắt qua sườn đồi thoải thoải, qua các triền đá, xuống suối... đúng là đáng đáp một con rồng nằm lấp ló trong mây!

Đến một khúc đường quanh, thấy có một nhóm sa-di, sau công việc, đang còn nắm trên tay những cây chổi bằng lá chà là: Họ đang tụ tập và tranh luận nhau về một đề tài nào đó. Tôn giả ngồi xuống nơi một tảng đá, khuất sau cội cây cổ thụ, lắng nghe.

Một tiếng nói:

- Quét rác cũng tu tập! Thầy tôi, bậc Tướng quân Chánh

pháp dạy như vậy.

- Bạn đưa bậc Tướng quân Chánh pháp ra mà dọa thì ai chịu thấu? Nhưng “*nghe nhiều, học rộng*” không phải là tu tập sao?

- Ai cũng không biết bạn là học trò cưng của tôn giả Ānanda mà lại đánh trống thổi kèn lên như thế!

- Sống đời trì bình khát thực, thực hành một đến mười ba pháp đầu-đà (dhutaṅga)⁽¹⁾ là tu tập một cách đại cao thượng chứ?

- Ai mà không biết thế, ông bạn tiểu Mahā Kassapa! Vậy bạn tu được mấy pháp đầu-đà nào?

- Vì tôi còn nhỏ, ngày nào cũng “*đuổi quạ*”, đội nước, quét rác miết, biết làm sao được!

- Thế là tu đấy, mà lại tu giỏi nữa, đừng lo, ông bạn tiểu đầu-đà ạ!

- Phải thuộc lòng bốn vài ba câu Abhidhamma, các bạn nên nhớ như vậy! Abhidhamma mới “*siêu*” chứ!

- Tôn giả Sāriputta thông suốt Abhidhamma mà tôn giả Mahā Moggallāna cũng như thế, lại có thêm cả đại thần thông nữa. Là đệ tử của ngài, bạn có được mấy chữ, mấy thông hử?

- Anh em đừng có nhạo nhau nghe, nhạo nhau là không tốt đâu đấy. Đừng bắt chước bọn sa-di vừa mới tới mà hư hỏng đó nghe!

- Thôi, xin lỗi, thành thật xin lỗi!

- Xin lỗi không được đâu, phải sám hối kia!

- Sám hối thì sám hối, có sao đâu! Sa-di huynh trưởng của tôi, Rāhula, còn thực hành những hạnh khó làm hơn vậy nữa kia!

- Phải thông Luật nữa, các bạn! Không biết Luật thì làm sao gọi là tu? Giới mới sinh Định, Định mới sinh Tuệ mà!

- Không sai! Ngài Upāli con!

Có một giọng lớn tiếng, át tất cả:

- Đây các bạn! Các bạn nói đúng cả đấy. Về phương diện tu tập nào, nếu được thực hành tốt thì đức Thế Tôn, bậc Tướng

⁽¹⁾ 13 pháp khổ hạnh chơn chánh để tiêu trừ phiền não.

quân Chánh pháp, đức Mahā Moggallāna đều tán thán, sách tấn, ca ngợi cả! Nhưng các bạn nói chưa hay! Làm sao các bạn nói về cách tu của mình một cách có hình ảnh cụ thể, sống động, nó mới tuyệt cú mèo!

- Thế nào là hình ảnh cụ thể hả?

- Thế nào là sống động, tuyệt cú mèo hả?

- Ví như tôi nói đây nhá! Tu là như nhảy xuống sông mà bơi, thế rồi hai tay cứ quấy miết, hai chân cứ đạp miết, thế là có ngày sang được Bờ Bên Kia! Bờ Bên Kia là cái gì nhỉ - cái gì mà bậc Tướng quân Chánh pháp hay nói đấy? Cái gì hở ông bạn “*nghe nhiều, học rộng*”?

- Pāramī (đến bờ kia)

- Cao hơn nữa kia!

- Upapāramī (đến bờ trên)

- Hơn chút nữa!

- Paramatthapāramī (đến bờ rốt ráo, cao thượng)

- Đúng đấy! Đúng cái chữ ấy đấy!

Một tiếng cười ha hả:

- Cứ quấy miết, cứ bơi miết; nếu bạn không chết chìm thì có lẽ bạn sẽ sang được bên kia sông Gaṅgā, nhưng đến được cái Paramatthapāramī thì còn lâu!

Mọi người thấy đều im lặng. Cái ví dụ có hình ảnh sống động bơi qua bờ thì rất hay, nhưng người hỏi ngược lại thì cũng chẳng có ai cãi được!

- Vậy bạn thì sao nào? Đừng đứng đó mà cười người ta!

Chú bé kia vẫn còn cười, đáp:

- Tôi ấy à? Tôi có cách tu của tôi! Cũng có hình ảnh lắm, cụ thể lắm, chẳng thua gì bạn đâu!

- Nói đi, ông bạn thân yêu!

- Thì nói, này nhé! Tôi tu như kiểu bắn chim vậy!

- Cũng kỳ đấy, nói nghe coi!

- Tu như bắn chim nghĩa là cái cung cho tốt, mũi tên cho tốt, mắt nhắm cho trúng, thế là chim rơi!

- Gì là cung tên? Gì là mắt nhắm? Gì là con chim? Phải giải thích cho rành rồi chứ?

- Con chim là Niết-bàn, thừa các bạn! Cung tên là Giới Định, nhắm mắt cho trúng là Trí Tuệ, thừa các bạn! Muốn đến Niết-bàn mà không đi theo lộ trình Giới, Định, Tuệ thì đi bằng gì? Các bạn cứ cãi đi nào?

- Chịu, nói vậy thì đủ cả pháp và luật, chẳng ai mà cãi nổi!
Chợt một giọng cười hề hề cất lên:

- Rằng hay thì thật là hay, nhưng nghe ra như thể một tay học mờ!

- Ngon nhỉ! Nhưng tại sao bạn bảo tôi là học mờ?

- Có gì đâu! Học mờ là học chưa sáng, chưa thông! Nếu bạn bảo bạn sáng, bạn thông thì thử giảng về Giới Định Tuệ một cách nghiêm túc, thấu đáo, rõ ràng nghe coi nào?

Im lặng một lát, chú bé kia chợt xuống giọng:

- Đúng vậy! Bạn nói đúng! Tôi nói cái lỗ miệng chơi thôi! Không giảng nổi đâu! Tôi rất “gà mờ” là khác!

- Thế anh bạn kia! Bạn bắt bẻ người ta thì hay; còn bạn, bạn tu ra sao?

- Tôi ấy à? Tôi có một phương pháp siêu tuyệt mà lại rất đơn giản: Tôi tu theo kiểu bắt dế đấy các bạn!

- Bắt dế?

- Phải, như bắt dế vậy thôi!

Mọi người châu quanh, trố mắt ngạc nhiên.

Vị sa-di kia nói:

- Hãy lại đây xem, các bạn!

Nói xong, chú sa-di kia dẫn mọi người đến bên một mô đất. Họ lom khom nhìn vào các hang lỗ. Chú sa-di nhanh tay lấy đất bít chặt mấy lỗ, còn chừa sáu lỗ, rồi nói:

- Trong sáu lỗ này, không biết cơ man nào là dế. Các bạn muốn bắt chúng thì phải làm sao nào?

- Dễ ợt, lấy lửa mà đốt!

- Bạn nói vậy là sai rồi, là sát sanh rồi!

- Vậy lấy nước được không? Ngộ nước là chúng bò ra ngay!
- Sẽ có con chết ngộ, ông bạn!
- Chịu thôi!
- Vậy xem đây!

Vị sa-di lấy đất bịt chặt năm lỗ, chỉ chừa một lỗ, rồi chú lấy tay vỗ mạnh lên đất xung quanh hang để. Mọi người thấy vui bèn vỗ theo. Một lát có một con thập thò, lộ ra, nhúc nhích mấy sợi râu rồi bỏ chạy. Các con khác từ từ chạy ra theo.

Vị sa-di vừa reo cười vừa đếm:

- Một con, hai con, ba con... Chú nâu, chú xám, chú đỏ, chú to, chú nhỏ, chú vừa... Tất cả đều được thấy rõ, ghi nhận rõ...

- Bạn đang nói gì vậy? Tại sao không bắt mà lại ghi nhận, thấy rõ?

- Hãy nghe đây, thưa các bạn! Bắt dễ chính là phép tu tuệ quán mà thầy tôi, bậc Tướng quân Chánh pháp thường dạy. Sáu lỗ để tượng trưng cho sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bịt chặt năm căn, chỉ còn chừa lại một căn ý mà thôi!⁽¹⁾ Ý căn cũng là nhận thức, nó quan sát luôn cả ý căn. Khi hành tuệ quán, minh sát như thế thì những tâm niệm của chúng ta tựa như những con dế... Con xanh là tham, con đỏ là sân, con đen là si... gì đó đi ngang qua ý căn đều phải được nhìn ngắm, đều phải được thấy rõ. Thấy rõ, nhận biết thôi... chứ không được chụp bắt con dế nào cả! Thưa các bạn! Chụp bắt chính là chấp thủ. Vậy hãy tha thứ cho nó, buông xả chúng đi. Khi ấy thì cả bọn, cả lũ họ hàng nhà dế lâu đời lâu kiếp ở trong tâm chúng ta... đều phải ra ngoài mà đi chơi chỗ khác hết! Vậy là hết dế, vậy là hết tham sân, phiền não, vậy là giải thoát! Có phải thế không?

Các chú sa-di ngỡ ngác, trở mắt nhìn ông pháp sư tí hon. Rõ ràng là trò bắt dế này hay quá, ấn tượng quá. Họ không biết là có chỗ nào sai trong lối diễn giảng ấy không nhưng ai cũng lãnh hội được ý nghĩa.

⁽¹⁾ Ý nói từ an chỉ định, xuống cận hành để quan sát.

Chợt một chú sa-di đưa ra một câu hỏi rắc rối:

- Vậy thì “*cái vỗ, cái đập*” ấy là gì?

Mọi người chăm chăm nhìn vào vị pháp sư tí hon chờ câu trả lời, nhưng chú sa-di nhún nhó đưa tay gãi gãi đầu, không đáp được!

Tôn giả Sāriputta tự nghĩ: “*Thật là may mắn cho giáo pháp! Thật là triển vọng thay cho giáo pháp! Đây là thế hệ kế thừa rất trẻ trung, rất sáng tạo về ngữ nghĩa, về ví dụ, về ẩn dụ. Chính nhờ thế hệ này mà sau này giáo pháp sẽ phong phú, đa dạng, nhiều màu sắc hơn. Qua câu chuyện này, ta càng xác tín được một điều, là có nhiều căn cơ rất dễ nhạy bén về trí tuệ chứ không phải chỉ có một vài trường hợp biệt lệ. Lại nữa, tâm hồn họ rất trong sáng, chưa bị bụi đời vấy nhiễm, chưa bị dính mắc bởi những kinh nghiệm, thói quen, tập quán thế tục. Vậy đối với thế hệ đồng chân xuất gia này, người thầy phải biết hướng dẫn, phải biết tôn quý, cần trọng, sáng suốt, cảm thông và thương yêu! Họ sẽ là những đóa hoa sen tinh khiết tô thắm cho tượng đài Tam Bảo trong mai hậu*”.

Tôn giả từ từ bước ra. Các chú sa-di thấy ngài, hoảng sợ quá, đồng quỳ lạy.

Tôn giả mỉm cười, đến xoa đầu vài chú sa-di rồi vui vẻ ngồi xuống bên cạnh mấy hang dế.

- Câu chuyện giữa các con với nhau thật là tuyệt vời - Ngài chậm rãi nói - Từ chuyện quét rác, pháp và luật đến chuyện bơi qua sông, bắn chim, bắt dế... tất cả đều tuyệt vời! Ta đã học được nơi các con rất nhiều điều đấy! Ôi! Các con của ta thật ngoan ngoãn, thông minh, dí dỏm, thực tu, thực học - thật là tuyệt vời!

Các chú sa-di tưởng là sẽ bị la rầy, không ngờ lại được khen ngợi hết mình; mà người khen ngợi họ lại là bậc Tướng quân Chánh pháp, bậc lãnh đạo uy nghiêm, bậc vua chúa chưa chắc đã dám gần, bậc mà chính các vị thượng tọa niên cao, lap lớn thấy ngài cũng run sợ, bậc mà ngay các giáo chủ ngoại đạo

gặp mặt đã bị khớp tinh thần, cho nên họ vô cùng sung sướng, trố mắt, hểnh mũi ra!

Ngài âu yếm nói:

- Cái trò bắt đề này hay lắm đấy! Hồi nãy, ai trong các con đưa ra câu hỏi hóc búa là: *Cái võ, cái đập* ấy là gì? làm cho ta cũng phải suy nghĩ đến nát cả óc!

Các chú đồng cười reo:

- Bậc Tướng quân Chánh pháp mà cũng nát cả óc à? Hay quá nhỉ!

Ngài cười xòa:

- Phải nát óc chứ! Nát óc một hồi mới nghĩ ra được chứ dễ đâu!

- Tuyệt vời, bộ óc của ngài mới tuyệt vời làm sao!

- Ngài hãy giảng cho chúng con nghe!

- Này nhé, các con! Ngài cất giọng lớn hơn một tí - Tu minh sát là như vậy đấy. Hãy bịt chặt năm căn, chừa lại một căn là ý căn để quan sát. Hãy quan sát các tâm niệm như người đứng canh cửa vậy, cứ ngồi nhìn và đếm mặt: À, đây là đề lửa, đề mèn, đề choai choai, đề lóc nhóc... Tất cả họ hàng nhà đề đều phải được ghi nhận một cách rõ ràng như thế.

Chợt có một chú hỏi:

- Trong bình thường mình sinh hoạt cả sáu căn thì làm sao mà quan sát cho hết, thưa tôn giả?

- Ô, hay lắm! Hỏi chính xác lắm! Tôn giả đáp - Tuy sáu căn nhưng chỉ có một tâm, vậy chỉ cần quan sát cái tâm, này các con!

- Con hiểu rồi!

- Không dễ hiểu đâu! Hay hiểu nhưng hành không được vì cái tâm nó chạy lung tung... mà!

- Vậy thì cột nó lại?

- Cột bằng gì?

- Cột bằng giới!

- Hay cột cả năm căn bằng định!

Tôn giả gật đầu:

- Đúng thế! Không sai được!

Một chú chột hỏi:

- Vậy “*cái vỗ, cái đập*” là gì, thưa tôn giả?

- À, vỗ, đập là những động tác kích thích. Bất kỳ một pháp nào mang năng lực tác động, hỗ trợ, kích động, lay động... làm cho các thiện pháp tăng trưởng, làm cho tâm càng ngày càng được trong sáng, vắng lặng... thì nó chính là cái vỗ, cái đập ấy!

- Hay quá! Đúng quá!

Một chú có vẻ nghĩ ngợi rồi vòng tay nói:

- Bạch thầy! Biết sợ hãi những ý nghĩ xấu ác thì đây có phải là cái vỗ, cái đập ấy không?

- Đúng lắm! Ngài tán thán - Con thật là giỏi, đã thấy rõ cái năng lực hỗ trợ ấy!

Vị sa-di khác cũng không chịu thua:

- Bạch thầy! Phải siêng năng công việc, đừng ăn no quá, đừng ngủ nhiều quá, đừng gây gổ tranh hơn tranh thua với chúng bạn thì có phải là cái vỗ, cái đập ấy không?

- Lại đúng quá nữa! Các con thật tuyệt vời!

- Bạch thầy! Phải biết kính trên, nhường dưới, siêng năng nghe pháp, học hỏi giáo pháp, mở rộng lòng từ, biết yêu thương huynh đệ!

- Rất đúng, rất giỏi!

- Bạch thầy! Đi, đứng, ngồi, nằm đều phải chánh niệm, tỉnh thức... để xóa bỏ dễ dãi, hôn trầm, giải đãi cũng là cái vỗ, cái đập nữa chứ?

- Đúng thế, không sai được!

Được khen ngợi liên tục, chúng sa-di hoan hỷ quá, có lẽ suốt ngày hôm nay, chúng không cần ăn mà vẫn no!

Riêng ngài Sāriputta lại tự nghĩ:

“- Như rừng cây của ông hoàng Jeta này: Cây nào lá nấy, hoa nào hương sắc nấy, loại nào cũng có cái đặc thù riêng của nó, thì chúng sa-di này cũng vậy; chúng đều có sở thích riêng, cá tính riêng, thói quen riêng... nhờ vậy khu rừng giáo pháp

mai hậu mới phong phú, đa dạng. Đừng tạo nên những khuôn mẫu giống nhau; tạo khuôn mẫu hoặc quy định khuôn mẫu sẽ thui chột thiên tài, thiêu hủy năng lực sáng tạo tự do và hồn nhiên của chúng”.

Rồi ngài dụ dàng nói:

- Các con ngày mai sẽ là rường cột cho giáo hội nên phải sống sao cho thật tốt, thật đẹp; phải biết nghe lời các bậc huynh trưởng, các bậc trưởng lão để đem lại hạnh phúc cho mình và cho người khác. Các con có làm được thế không?

Cả hội chúng reo lên vui vẻ:

- Làm được, chúng con làm được.

- Chúng con mong ước trở thành như bậc Tướng quân Chánh pháp kia!

- Mong được thần thông như ngài Mahā Moggallāna kia!

Tôn giả nói tiếp với giọng đầy thương yêu trìu mến:

- Vậy là tốt. Nhưng đôi khi các con chỉ cần noi gương các huynh đệ của các con thì đã là một đại hạnh cho giáo hội rồi. Như noi gương các trưởng lão sa-di Rāhula, trưởng lão sa-di Tissa, trưởng lão sa-di Paṇḍita, trưởng lão sa-di Revata, trưởng lão sa-di Sukha, trưởng lão sa-di Sopāka, trưởng lão sa-di Dabba Mallaputta, trưởng lão sadi Sīvali, trưởng lão sa-di Saṅkicca, trưởng lão sa-di của trưởng lão Tissa... thì đã tuyệt vời rồi...

- Chúng đệ tử sẽ cố gắng!

- Sādhu, lành thay!

Niềm vui nhẹ nhàng, trong sáng của chúng sa-di như lan tỏa, lấp lánh theo với ánh nắng ban mai bây giờ đã phủ khắp vườn cây Kỳ Viên... Và có lẽ chư thiên, thọ thần ở nơi này cũng vô cùng hoan hỷ.

Tôn giả Sāriputta mỉm cười.

(Trích một đoạn từ “ Một Cuộc Đời, Một Ngôi Sao ” - là truyện về Tôn giả Sāriputta - cùng một tác giả).

Và trong cổ sử truyện này chính là tiểu truyện của **Thập Đại Sa Di Trưởng Lão** mà tôn giả Sāriputta đề cập ở trên.

An Lạc Dưới

Cái Bóng Mát Mẽ Của Sa Môn⁽¹⁾

(Tiểu truyện Rāhula tôn giả)

Sau sáu năm khổ hạnh và sau hai năm thành đạo dưới cội bồ-đề bên sông Nerañjarā, lần đầu tiên, đức Phật về thăm lại quê hương, kinh thành Kapilavatthu. Suốt mấy ngày nói chuyện với vua cha, thuyết pháp đến triều đình, dẫn hoàng tử Nanda xuất gia, đức Phật mới dành được chút ít thì giờ trở lại Cung Vui thưởng thức để thăm “*người sương phụ!*”

Trái tim của công nương Yasodharā bồi hồi bồi hồi, mấy ngày hôm nay cứ nhảy loạn trong lồng ngực, bây giờ mới có dịp nhìn ngắm đức Phật một cách kỹ lưỡng như thế sau thời gian đằng đẵng mù sương bóng khói. “Ồi! *Tướng mạo sa-môn trong chiếc y màu san hô của ‘người ấy’ nổi bật giữa hàng cây xanh trông đẹp làm sao! Từng bước đi của ‘người ấy’ vừa oai nghiêm, trầm hùng vừa an lạc, thanh thoi mà không ai trên đời này có thể bắt chước được! Đường như mỗi bước đi đã là một sự dừng nghỉ! Đường như mỗi bước đi đã là một sự tựu thành! Ồi! Vị ấy, ‘người ấy’ không còn là Siddhattha thuở nào của ta nữa rồi!*”

⁽¹⁾ *Sukhā vata te chayā, samaṇa!*

Thấy công nương Yasodharā mê mải ngắm nhìn người lạ mặt bên dưới sân đang bước lại gần, chú bé Rāhula đưa tay níu níu và giật giật tấm sārī màu vàng chanh của bà:

- Mẹ! Mẹ! Ai vậy mẹ?

Như sực tỉnh, công nương ngồi thấp xuống với con, mỉm cười, đưa ngón tay chỉ về hướng đức Phật:

- Con có thấy vị sa-môn trông như một vị phạm thiên oai vệ đó không?

- Thấy, có thấy! Vị ấy là ai mà đẹp thế mẹ?

- Là cha của con đấy!

- Cha của con?

- Ủ! Rồi Yasodharā khẽ nói - Vị ấy chính là cha của con, người cha đã xa cách bấy lâu của con đó; và vị ấy hiện đang có một kho tàng vĩ đại, vô cùng quý giá! Từ ngày vị ấy ra đi, đã gần tám năm qua, con chưa hề được gặp mặt. Con hãy chạy xuống bên vị ấy, nắm tay vị ấy, lắc lắc chéo y của vị ấy rồi nói rằng: *“Thưa cha, con là con của cha, con hiện là một vương tôn, mai sau con sẽ lên ngôi, cai trị một vương quốc tươi đẹp và thanh bình này! Hiện giờ con đang cần một gia sản. Mẹ nói rằng, cha đang sở hữu một kho tàng vô giá, vậy cha hãy trao nó cho con, vì tài sản của cha chính là tài sản của con vậy!”* Nhớ nói thế nhé, Rāhula nhé!

Ngoan ngoãn, Rāhula gật đầu, cười títt mắt rồi chạy vụt xuống các bậc cấp. Đến gần bên, cậu bé ngậy thơ nắm tay đức Phật, giật giật chéo y của ngài và nói gần đúng với nguyên văn như mẹ đã dặn.

Đức Phật mỉm cười, nhìn đứa trẻ với khuôn mặt tròn trĩnh, tươi sáng - biết là Rāhula, cái sợi dây ràng buộc thuở nào - ngài đáp lời:

- Ủ! Rồi Như Lai sẽ trao gia tài ấy cho con!

Vừa nhìn ngắm Rāhula, trong tâm ngài biết được rằng: *“Nó đã được nuôi dưỡng từ nhỏ nhưng trông khuôn mặt, cách nói, bước đi - không thấy biểu hiện một cá tính gì rõ rệt, chưa có*

một đức tánh gì nổi bật; được cái là sau này nó sẽ không cứng đầu, ương ngạnh, khó dạy!”

Rồi đức Đạo Sư ưu ái nắm tay trẻ Rāhula cùng bước lên lầu hoa thuở trước, nơi mọi người - đức vua Suddhodana, lệnh bà Gotamī và một số hoàng thân quốc thích - đang chờ đợi sẵn!

Hôm ấy, đức Phật nói chuyện nhiều về những điều kiện cần và đủ để duy trì hạnh phúc gia đình. Bỏn phận của chồng đối với vợ, bỏn phận của vợ đối với chồng. Ngài cũng nói sơ về chính sách trị dân thế nào cho phải lẽ, đúng đắn... Và khi đức Phật từ giã, cậu bé Rāhula có vẻ lưu luyến nên nó tất tả chạy theo, nắm tay ngài ra chiều thân thiết.

Lúc ấy là sau Ngọ, trời nắng hơi gắt, Rāhula vừa bước đi vừa núp trong cái bóng của đức Phật, vừa phát biểu rất dễ thương, rất ân tượng: *“Ôi! Chỉ cái bóng của sa-môn thôi, mà sao làm cho con bình yên và mát mẻ đến thế!”*

Thấy Rāhula đi theo đức Phật, không ai ngăn cản. Đi một hồi, tôn giả Sāriputta nắm tay Rāhula rồi một ý nghĩ chợt khởi sanh:

- Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật quá khứ lúc về thăm quê nhà, các ngài cứu độ quyền thuộc khó khăn hay dễ dàng?

- Cái ấy tùy thuộc nhân duyên, này Sāriputta! Hạt giống giáo pháp chỉ bén rễ sâu ở mảnh đất màu mỡ cùng với các điều kiện môi sinh thuận lợi! Do vậy, có vị Phật tiếp độ quyền thuộc dễ dàng, có vị tiếp độ quyền thuộc khó khăn - là do nhân do duyên từ quá khứ cả.

Tôn giả Sāriputta hiểu, ngài chạnh lòng nghĩ đến gia đình của mình với tín ngưỡng truyền thống cổ truyền đã ăn sâu vào huyết mạch rất khó lay chuyển; chưa có cách chi mà cứu độ mẹ được, do tà kiến nhiều đời đã bám rễ vào phế phủ của bà.

Trở về đến công viên xanh mát có tên là Vườn Cây Đa (Nigrodhārāma), đức Phật dẫn Rāhula vào hương phòng, lúc ấy nơi này đã xây dựng xong chỗ nghỉ của ngài cùng một số liêu thất khác; ngài nói:

- Này Rāhula! Mẹ dặn con là xin cho được một gia tài quý báu, bây giờ con hãy nghe đây! Gia tài, gia sản vật chất nhiều khổ ít vui; nó lại còn là nơi nuôi dưỡng lòng tham, phát sanh tranh chấp, đau khổ, phiền não cùng nhiều ràng buộc, hệ lụy khác nữa! Hiện tại, Như Lai có một gia tài, gia sản tinh thần rất lớn, rất quý báu; nó chỉ đem đến nụ cười, niềm vui, thanh bình và siêu thoát, Như Lai muốn trao cho con, con có nhận không?

- Có ạ! Rāhula vòng tay lễ phép - Con chỉ muốn nhận gia tài niềm vui mà thôi!

Đức Phật mỉm cười:

- Muốn có được “*gia tài niềm vui*” ấy, con phải cạo đầu, mặc y, mang bát như Như Lai, như ông Sāriputta, như chú Nanda và như mọi người ở đây! Con có đồng ý không?

- Con đồng ý ạ!

Thế rồi, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta làm lễ xuất gia ngay tức khắc cho Rāhula! Như vậy, tôn giả Sāriputta nhận nhiệm vụ giáo thọ vị sa-di tí hon, bắt đầu dạy cách mặc y, mang bát, đi đứng, lúc ngủ nghỉ, cách nói năng, thưa hỏi thế nào cho đúng phép tắc, luật nghi! Và thật khó tưởng tượng một vương tôn cành vàng lá ngọc, quen nếp sống được nuông chiều trong cung điện lại có thể thích nghi được đời sống của một khất sĩ khổ hạnh! Tuy nhiên, thật đáng ngạc nhiên làm sao, là sa-di Rāhula chẳng nhớ nội, nhớ bà, nhớ mẹ, nhớ ai ở cung đình cả; lại rất sung sướng trong đời sống mới, ngoan ngoãn, lễ độ, biết nghe lời dạy bảo trực tiếp của thầy mình là tôn giả Sāriputta.

Ngày hôm sau, đức vua Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, công nương Yasodharā mới hay tin, ai cũng bàng hoàng. Quả thật như một tiếng sét đánh ở cung đình. Hoàng tử Nanda vừa xuất gia đúng vào giờ cử hành hôn lễ cách đây bốn ngày, bây giờ lại Rāhula nữa, nó còn quá ngây thơ, bé bỏng mà! Người đau khổ, sầu não nhất là công nương Yasodharā, thứ đến là lệnh bà Gotamī; nhưng khi cả hai muốn đến chất vấn đức Phật thì

đức vua Suddhodana⁽¹⁾ ngăn lại, ông nói:

- Đừng có quá vội vàng, nóng nảy như thế! Một đức Chánh Đẳng Giác làm việc gì cũng có nhân, duyên và quả của nó; đừng nhìn hiện tượng bên ngoài, tâm lý thường tình hoặc tình cảm cá nhân để xét định một sự việc. Trăm tin tưởng tuyệt đối vào giáo pháp, vào trí tuệ của con trầm, bây giờ là vị Phật đó! Chẳng bao giờ một bậc Toàn Giác lại thấy biết sai lầm, các khanh nên hiểu như vậy!

Đúng là tâm và trí của một vị thánh đệ tử!

Sau khi trấn an hai bà và mọi người khác, đức vua lên xe ngựa một mình cùng với vài quân hầu đến công viên Nigrodhārāma. Gặp đức Phật, nhà vua mở lời trách cứ khá nhẹ nhàng:

- Khi thái tử lìa bỏ cung vàng, điện ngọc ra đi, trăm vô cùng đau xót, ái hậu Gotamī cũng thế. Còn Yasodharā lại càng sầu muộn, buồn tủi, thống khổ hơn! Lại trải qua tám năm dài đằng đẳng “*làm sương phụ sa-môn*” vô võ, cô đơn, gổi chiếc cũng không phải là dễ dàng gì cho lắm; ngoại trừ Yasodharā, không có ai bản lĩnh, nghị lực đến thế! Bây giờ đến lượt Nanda! Trầm xin hỏi đức Thế Tôn! Người cha người mẹ bình thường nào mà không xót xa, đứt ruột? Chuyện Nanda chưa nguôi, cả hoàng cung lại mất thêm Rāhula, là trẻ được cưng chiều, thương yêu; là nguồn an ủi duy nhất của hai vị phu nhân. Tình thương của người mẹ mất con, ông bà mất cháu cũng dường như bị ai đó cắt da, xẻ thịt, cắt gân, róc luôn cả xương, cả tủy...

Ngừng lại giây lát, đức vua nói tiếp:

- May nhờ cả hai vị phu nhân đều là bậc trí, hai trái tim mềm yếu kia có năng lực tự chủ tăng thêm sức mạnh, nếu không họ đã gục ngã rồi! Còn trầm thì đã thấy rõ ái luyến sinh đau khổ, ái luyến sinh buộc ràng, ái luyến đưa vào dòng chảy trầm luân nên tình cảm kia chỉ như một cơn gió nhẹ xao thổi qua rồi mất! Tuy nhiên, trầm xin thỉnh nguyện đức Thế Tôn

⁽¹⁾ *Mấy hôm trước, đức vua đã đắc quả Nhập Lưu.*

một điều: Từ rày về sau, sẽ không ban hành lễ xuất gia cho bất kỳ một người con nào, nhất là tuổi vị thành niên hoặc còn quá bé mà chưa được cha mẹ hoặc gia đình cho phép, ưng thuận!

Lời lẽ trình bày với lý tình minh bạch của đức vua, người đã bước được đôi chân vững chắc trên đạo lộ bất tử, làm cho đức Phật rất hoan hỷ. Ngay tức khắc hôm ấy, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta, tôn giả Mahā Kassapa bố cáo cho tỳ-khưu tăng khắp các tu viện, vườn rừng, các nhóm học chúng đó đây, xem lời thỉnh cầu của đức vua đã trở thành điều luật được ban hành rộng rãi!

Sau thời gian thăm quê hương, đức Phật và đại chúng rời Kapilavatthu, đến ngôi làng Anupiya, cố ý chờ đợi sáu ông hoàng Ānanda, Devadatta, Bhaddiya, Kimbila, Bhagu, Anuruddha và người thợ cạo Upāli xuất gia. Xong nhân duyên thu nạp những vị đệ tử lớn này, đức Phật cùng với đại chúng lại xuôi xuống Vesālī, vượt sông Gaṅgā, về Trúc Lâm tịnh xá cho kịp an cư mùa mưa.

Thế là đường xa, bộ hành vất vả, khá thương cho chú bé sa-di Rāhula lại phải dầm sương, dãi nắng, gỏi cây, nằm đất suốt gần tháng trường. Cái mầm xanh non trẻ này không bị cảm mạo phong sương cũng là chuyện lạ. Tuy nhiên, tôn giả Sāriputta luôn đề tâm, dành mọi tiện nghi có thể, chăm lo cho vị sa-di tí hon này từng li, từng tí. Tỳ-khưu Nanda cũng đành gác lại mối “*tình si*” qua một bên để đặc biệt quan tâm đến cháu của mình. Trên đường đi, khi khát thực kiếm được, thấy có gì ngon, tỳ-khưu Nanda lại san sẻ cho Rāhula; và ngay tâm y đáp, ông cũng phủ ẩm cho cháu.

Như vậy là dù xa cách vương cung với đời sống vương giả, xa hoa, Rāhula vẫn thấy mình đang sống trong tình thương ấm áp. Và tại khu rừng Anupiya, khi có thêm sáu ông hoàng xuất gia nữa thì Rāhula lại càng thấy mình được đùm bọc, chở che trong những vòng tay thân thuộc.

Về Trúc Lâm, với khung cảnh vườn rừng khoáng khoáng, trong

lành, Rāhula bắt đầu hội nhập đời sống mới. Chú được mọi người quan tâm, ưu ái, nhất là hai vị Đại Đệ Tử. Hai năm đầu, từ bảy tuổi đến chín tuổi, cứ mỗi sáng sớm, Rāhula ngày nào cũng ra vườn, tung một nắm lá lên trời rồi nguyện rằng, ngày hôm nay sẽ học nhiều như đám lá⁽¹⁾ kia. Và quả thật, Rāhula cứ lặng lẽ, miệt mài theo đuổi sự học, khi là với thầy của mình là tôn giả Sāriputta, sau đó là với tôn giả Moggallāna hoặc các vị trưởng lão có đầy đủ tuệ phân tích hoặc tinh thông pháp học. Giỏi một cái là Rāhula học nhiều mà không sinh ngã mạn chút nào.

Vậy là cái tính tốt ham học của Rāhula, đại chúng ai cũng biết cả. Ngoài ra, chú lại luôn luôn lễ phép, nhu thuận, không ý thể mình là con Phật mà sinh ra kiêu căng, ngã mạn, xem thường chư vị tỳ-khuru dù lớn hay nhỏ. Có một số vị trưởng lão chưa có thắng trí, không tin ông hoàng tôn này có phẩm hạnh “tuyệt vời” đến vậy, nên tìm cách thử thách để dò xét xem thử tâm địa của Rāhula - bằng cách quăng rác lung tung chỗ này, chỗ kia, nơi nào chú bước qua; rồi giả vờ quát lớn:

- Này chú bé, ai quăng rác bừa bãi ở đây?
- Thừa tôn giả, đệ tử không biết!
- Ai nữa! Chỉ có ông ở đây thôi mà!
- Vậy thì thừa tôn giả thứ lỗi cho, đệ tử sẽ tức khắc dọn rác ngay!

Nói xong, Rāhula kiểm cách quét dọn đâu đó sạch sẽ đàng hoàng rồi mới bước đi!

Tuy nhiên, do còn quá nhỏ tuổi, không tránh khỏi ham chơi, hoang nghịch chút đỉnh, nhưng khi được hai vị Đại Đệ Tử hỏi, Rāhula tìm cách chối quanh! Đức Phật hướng tâm, ngài biết, nên ngài tìm cách tưới tẩm cho cái mầm phẩm hạnh đang xanh tốt kia được thuận duyên phát triển, bằng cách giáo giới trong khi dẫn Rāhula trì bình khất thực.

⁽¹⁾ Có nơi nói là “hạt cát - grains of sand” như Dictionary of Pāli Proper names - Q.1, trang 737.

Với những bước chân thư thả, trên đường đi, đức Phật cẩn thận “kiểm tra” chú sa-di cách đi, cách đứng, cách ôm bát đứng bên ngoài cửa nhà người; và nên nói lời phúc chúc như thế nào đối với thí chủ.

Chỉ một đổi đường, thấy Rāhula có vẻ rất thuận thực; lúc dừng chân nơi một cội cây để nghỉ nắng, đức Phật hỏi:

- Khi đi bát như thế, tâm con đặt ở đâu?

Rāhula nói như trả bài:

- Đặt chánh niệm trước mặt, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy là cứ nhìn trước mặt mà đi?

- Dạ thưa vâng!

Đức Phật dừng lại một chút rồi cùng bước song song với Rāhula:

- Thế lỡ có viên đá dưới chân thì sao, có thấy viên đá không?

- Dạ thấy chứ!

- Vậy khi thấy viên đá dưới chân thì không còn chánh niệm trước mặt nữa hay sao?

Thấy Rāhula có vẻ lúng túng, đức Phật mỉm cười hỏi:

- Như Lai nghe con học nhiều lắm, dữ lắm. *Định*, *tuệ* gì con cũng đều đã học cả rồi, phải vậy không?

- Dạ thưa vâng!

- Hầu như con đã thuộc lòng những bài học của hai vị Thượng Thủ và chư vị trưởng lão?

- Dạ, con thuộc!

- Vậy con hãy chú tâm nghe Như Lai nói thêm cho rõ ràng về *định* và *tuệ* ấy: Khi *định* thì chánh niệm, an trú tâm một chỗ, một nơi, một đề mục; ví dụ hơi thở, ví dụ các kasiṇa. Khi *tuệ* thì hăng tỉnh thức, sáng suốt trong ngoài. Khi trong *định* có *tuệ* thì không những tâm được an trú mà còn quan sát được cả mọi duyên khởi. Khi trong *tuệ* có *định* thì luôn tỉnh thức, sáng suốt và không có một pháp trần nào lay động tâm vị ấy được! Con có nắm bắt được bốn trường hợp ấy không, Rāhula?

- Dạ, tuy hơi rắc rối nhưng đệ tử thuộc rồi!

- Ủ, nó rắc rối thật, lại khó hiểu nữa! Chỉ cần thuộc thôi, rồi sau này con chiêm nghiệm thì sẽ thấu hiểu hơn. Nhưng câu hỏi này thì cũng không dễ dàng: Vậy khi đi bát như thế này, chúng ta nên sử dụng trường hợp nào trong bốn trường hợp ấy?

Rāhula suy nghĩ một chút:

- Dạ thưa, dùng cái *“trong tuệ có định”*!

- Ủ, đúng! Đức Phật cười vui, rồi nói - tuy nhiên, giả dụ Như Lai vẫn chú tâm trong từng bước đi, nhưng Như Lai vẫn quan sát được mọi sự xảy ra xung quanh thì sao?

- Thưa, trong trường hợp này thì có phải dùng cái *“trong định có tuệ”*?

- Khá lắm, giỏi lắm này Rāhula! Đúng là con không những thuộc bài mà còn biết chú tâm quan sát trong đời sống thường nhật nữa. Tuy nhiên, con phải học hỏi thêm điều này nữa: Khi đi trì bình khát thực như thế này, nếu trong giai đoạn ta đang tu tập minh sát thì phải nên sử dụng trường hợp *tuệ có định* để cho tuệ quán chiếu được tiếp diễn liên tục; nếu trong giai đoạn ta đang tu tập thiền định thì nên sử dụng *định có tuệ* để cho tâm an trú được dính khít liên tục, con có hiểu không?

Nội dung giáo pháp trong cuộc đối thoại này rất cao siêu thường chỉ dành cho những sa môn lâu năm trong tu tập; nhưng với cách giảng giải cụ thể và cô đọng như thế, giảng đi giảng lại nhiều lần thì đức Phật đã trang bị cho Rāhula một sở học căn bản nhất, những tinh yếu cốt lõi nhất.

Buổi trưa, đức Phật ghé khu vườn Ambalatthika - có khá nhiều tỳ-khưu tá túc ở đây - để độ thực và nghỉ trưa. Chư tăng tìm đến đánh lễ, thăm hỏi, ngồi xuống một bên... Đức Phật giáo giới sách tấn vài lời rồi ngài bảo là cần có thời gian với Rāhula.

Khi mọi người ra về hết, sa-di Rāhula nhanh nhẹn bưng vào một chậu nước cho ngài rửa chân, rồi đứng hầu một bên.

Rửa chân xong, nhìn chậu nước bẩn, đức Phật nói:

- Nước bẩn này có còn dùng được không, Rāhula?

- Thưa, chẳng dùng được nữa!

- Cũng vậy, đây là một bài học để chiêm nghiệm, để giác ngộ: Con người mà có tâm bản như chậu nước này, cũng y như thế, chẳng dùng được vào việc gì nữa! Đổ đi thôi!

Nói xong, đức Phật đổ nước trong chậu, còn chừa một ít:

- Còn một chút ít nước bản, thế nào, này Rāhula - có dùng được không?

- Cũng không được, dù một ít.

- Cũng vậy, này Rāhula - đây cũng là bài học để chiêm nghiệm, để giác ngộ: Cái tâm của con người, dầu chỉ bản một ít cũng không dùng được.

Đức Phật nhìn chú bé, dịu dàng nói tiếp:

- Cái gì làm cho tâm chúng sanh trở nên dơ bẩn, Rāhula có biết không?

- Thừa, kẻ ác hạnh, ác giới, kẻ không có năm giới, bạch đức Thế Tôn.

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - vậy trong năm giới ấy, con thấy khó nhất là giới nào, giới nào là khó giữ nhất?

- Thừa, giới nào con cũng giữ được, riêng giới nói dối, vọng ngữ thì...

Đức Phật mỉm cười:

- Thỉnh thoảng con bị “lùng”, bị “bẻ”, bị “rách” giới ấy phải không, Rāhula?

Chú sa-di đỏ mặt, lúng túng một hồi rồi bẽn lễn gật đầu.

Đức Phật lấy ngón tay trở gõ nhẹ nhẹ vào đầu chú bé:

- Vậy là tâm con bẩn rồi. Dầu nói dối một ít cũng bẩn rồi; cái đầu này có thấy ra điều đó không, Rāhula?

- Dạ, cái đầu của con hiểu rõ rồi ạ!

Đức Phật đổ hết nước trong chậu. Nhìn cái chậu không, đức Phật nói, có vẻ hỏi băng quơ:

- Nhìn cái chậu không này, chẳng biết nó có dạy cho ta bài học nào nữa không đây?

- Dạ, có chứ! Rāhula mau mắn đáp - Nước bẩn không dùng được thì cái chậu đựng nước bẩn ấy cũng phải cọ rửa cho sạch...

- Ủ, con lại nói đúng nữa! Vậy, đây là bài học tiếp theo: Không những chỉ nói dối, mà cái tâm đưng cái bản ấy như biếng nhác, buông lung, giải đãi, dă dươi, ngủ ngày, ham chơi, ăn nhiều... cũng phải được cọ rửa kỹ càng cho sạch sẽ mới dùng được, mới trở thành người tốt được.

- Dạ, con hiểu rồi.

- Còn có bài học nào nữa nơi cái chậu không ấy không, này Rāhula?

Thấy Rāhula nhăn trán, đức Phật gợi ý:

- Khi chỉ một người ngu, một người vô tích sự, một người mà trong óc không có gì - chỉ biết ăn cho đầy bụng, ngủ li bì xác thân, la cà chuyện phiếm nơi này nơi kia, thích khoái kiếm tìm ngũ dục - ngôn ngữ bình dân xứ này chế nhạo họ là “*kẻ rỗng tuếch, người rỗng không*” - này Rāhula!

- Dạ, con hiểu rồi! Một người mà không biết kiếm tìm, tích lũy một thiện pháp nào, không chịu khó học hỏi những điều hay, tốt thì sẽ bị người đời cười chê là “*kẻ rỗng tuếch*” như thế.

Đức Phật khen “*giỏi, giỏi*” rồi ngài lật úp cái chậu lại:

- Nếu cái chậu úp lại thì ta sẽ học được bài học gì?

- Thừa, cái chậu lật úp thì không dùng nữa, bên trong tối tăm, đấy là bài học!

- Chính xác! Đức Phật tiếp lời - khi con người mà quá xấu xa, quá dơ bẩn, quá nhiều ác giới, ác hạnh, cứng đầu, ngu si, tà kiến... thì cái tâm ấy cũng bị lật úp rồi, không dùng được nữa; không có ánh sáng trí tuệ nào có thể lọt vào đây được; chúng sẽ sống mãi trong cõi tối tăm ấy! Vậy, con đừng làm cái chậu lật úp nhé, Rāhula?

Rāhula lạnh toát cả người, chú lấp bắp:

- Dạ... con sẽ cố gắng... cố gắng... nhiều hơn nữa...

Sau khi nằm nghỉ nghiêng lưng, tịnh chỉ ban trưa một lát, vừa mở mắt, đức Phật thấy bên cạnh đã có một thau nước trong vắt và một chiếc khăn trắng. Chú bé sa-di còn đang ngồi thiền bên cạnh. Hình ảnh ấy đẹp quá, đức Phật hoan hỷ ngắm nhìn

mãi. Đúng là một tiểu thiên thần.

Đội Rāhula xả thiền, đức Phật chỉ vào thau đựng nước:

- Cái thau đồng sáng loáng ở đâu mà trông quý báu quá vậy?
- Cửa hoàng gia dâng cúng cho chư tăng, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật gật đầu rồi tắm tặc:

- Nước cũng trong quá nhỉ? Chắc có giếng nước tốt?
- Dạ, giếng có mạch đá nên trong, ngọt và mát lạnh. Thánh y Jivaka dâng cúng và khuyên chư tăng nên lưu tâm đến chuyện nước uống...

Đức Phật chuyển mạch câu chuyện:

- Cái thau sạch, quý lại đựng nước trong, ngọt, mát lạnh, ai trông cũng thích mắt, cũng muốn uống, phải vậy không Rāhula?

- Dạ phải!

- Cũng vậy, khi tâm ta sạch và quý, rồi đựng bên trong những đức tính, những phẩm hạnh trong, lành, mát thì ai cũng mến, cũng trọng; ai cũng hoan hỷ, ai cũng muốn thân cận, kể cả chư thiên và thọ thần.

Rāhula chăm chú lắng nghe bài học quý giá.

Đức Phật chỉ tay vào thau nước:

- Hãy quan sát thau nước, này Rāhula!

- Dạ!

- Thau nước ấy không những “*trong*” mà còn “*lặng*” nữa, có phải thế không? Tâm trí ta cũng vậy, “*trí trong*” nên ta mới sáng suốt, “*tâm lặng*” nên cái bọt mới lặn chìm tận đáy. *Trí trong là tuệ, tâm lặng là định*. Từ cái thau nước mà ta cũng rút ra được bài học về định tuệ đây, này Rāhula!

- Dạ, thật hay quá là hay!

- Còn nữa, Rāhula! Cũng nhờ “*trong*” và “*lặng*” ấy, ta còn soi mặt được đây! Con hãy soi mặt thử xem!

Khi Rāhula soi mặt, đức Phật nói thoảng bên tai:

- Thấy rõ cả từng sợi tóc, lông mi, có phải thế không?

- Dạ!

- Cũng vậy, khi có định và tuệ rồi, ta có thể thường trực soi

chiếu nội tâm; và có thể thấy rõ cả những lăn tăn, li ti, cấu bợn phiền não. Vậy, cái xấu, cái bản nào trong tâm cũng thấy rõ được cả, phải vậy không, Rāhula?

- Quả là thế, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật hài lòng vì Rāhula đã thấu hiểu những điều căn bản nhất của sa-môn hạnh.

Buổi chiều, lúc mát trời, đức Phật và Rāhula trở về Trúc Lâm. Trên đường đi, họ gặp một đoàn voi. Con nào con nấy to lớn, hùng dũng, với những bước đi đỉnh đạc, oai nghiêm. Chúng đi trật tự, giữ khoảng cách đều đặn, thẳng hàng, thẳng lớp, không nhìn ngược, không nhìn xiên... Trên đầu voi, từng viên nài trang bị quân phục chiến sĩ, tay cầm búa khiên voi lấp lánh sáng. Thoáng nhìn, đức Phật biết đây là đoàn binh chiến tượng đã được huấn luyện kỹ càng, có nhiệm vụ bảo vệ hoàng thành, đôi khi còn để làm chiến sĩ tiên phong xung trận.

Bước tránh vào một công viên, đức Phật hỏi Rāhula:

- Khi ra chiến trận, những chú voi chiến sĩ này sử dụng cái gì mà chiến đấu, con có biết không?

- Thưa, có lẽ là cái vòi vì đệ tử thấy chúng ăn mía bằng vòi, hút nước, giỡn nước bằng vòi mà nhổ cây, quật gốc, bẻ cành cũng bằng vòi...

- Đúng vậy! Thế nhờ cái vòi bị thương tích thì sao?

- Thưa, bị thương là hỏng, là phải vào bệnh viện thú của hoàng gia để chữa trị.

- Vậy nó phải biết bảo vệ cái vòi của mình, chính là bảo vệ mạng sống của mình, phải vậy không?

- Dạ đúng vậy!

- Nay Rāhula! Khi lâm trận, những chú voi chiến sĩ của chúng ta sử dụng tất cả mọi vũ khí tự thân có được. Nó dùng vòi, dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng ngà, dùng đầu và dùng cả đuôi. Tất cả vũ khí tự thân ấy, cái nào bị thương, bị tật cũng được nhưng cái vòi thì đừng để bị thương. Tại sao vậy? Vì ăn, vì

uống, vì thở đều ở nơi cái vòi cả. Cái vòi mà “*tử thương*” thì coi như con voi bị tước đoạt mạng sống. Vậy, với giá nào, con voi cũng phải biết bảo vệ cẩn mật cái vòi của mình.

- Vậy, hồng vòi là hồng tất cả!

- Đúng vậy! Khi lâm trận, con voi sẵn sàng hứng chịu hằng trăm, hằng ngàn lần tên, ngọn giáo - cho dầu cái đầu, cái đuôi, cái tai, cái lưng, cái bụng... có bị thương mà cái vòi chưa bị thương thì con voi kia vẫn là một chiến sĩ, vẫn còn có khả năng kiên cường và dũng mãnh được. Nhưng nếu cái vòi mà bị thương là coi như bỏ. Cũng vậy, một tỳ-khưu trong giáo pháp của Như Lai, sống giữa cuộc đời khi còn hệ lụy bởi cái ăn, cái mặc, cái ở, cái ngủ nghỉ... thì cũng phải hứng chịu hằng trăm, hằng ngàn lời chê bai, sỉ nhục, vu khống, mạ lỵ, đàm tiếu, cạnh khốe, xoi móc... lẫn ác tâm, ác ý, nhiều cạm bẫy, gai chông không lường được của thế gian. Tuy nhiên, vị tỳ-khưu ấy, cho dầu cái bụng có bị thương vì thiếu vật thực; cái da có bị thương vì y áo không đủ ấm; cái lưng có bị thương vì nằm đất, nằm cây; cái tai có bị thương vì ác ngôn, sàm ngôn của kẻ thế; cái chân cái tay có bị thương vì ôm o gầy mòn; cái mặt có bị thương vì nắng mưa sương gió... nhưng mà “*cái tâm chưa bị thương*” là chưa sao cả. Cái gì cũng bị thương, nhưng cái tâm mà chưa bị thương thì tỳ-khưu ấy vẫn tồn tại - tồn tại đồng mãnh - trong giáo pháp của Như Lai. Còn cái tâm mà bị thương rồi thì coi chừng, cái mạng sống phạm hạnh của vị ấy sẽ không còn nữa! Vậy, nếu con voi biết bảo trọng cái vòi của nó như thế nào thì con cũng phải biết bảo trọng cái tâm của mình như thế ấy, này Rāhula!

Bài học này, quả thật là thấm thía tận ruột gan. Sa-di Rāhula nghĩ rằng, ai mà đã nghe rồi, một lần, thì suốt đời cũng không thể quên được câu chuyện về cái chậu nước bẩn, cái thau nước trong và cái vòi voi này!

Rāhula còn học bài học khi bị người sỉ nhục nữa!

Thuở đó, cũng tại Trúc Lâm tịnh xá, sa-di Rāhula cùng với

một số huynh đệ sa-di bộ hành về quê của tôn giả Sāriputta để khát thực. Mẹ của tôn giả thấy rõ là sa-môn nên đem tâm ghét cay, ghét đắng; bà cho người mời vào rồi hỏi:

- Các vị là học trò của ai?

- Chúng cháu là học trò nhỏ của tôn giả Sāriputta, thưa ngoại!

- Thế à! *Bà vốn vả nói* - Sāriputta là con trai của ta, các vị là học trò của con trai ta, vậy ta phải xem các vị như cháu nội, cháu ngoại của ta vậy.

Nói xong, bà quát tả hữu:

- Bây đầu! Hãy mau ra tiếp bát cho các cháu của ta!

Đám gia nhân vâng lời, xin thỉnh bát, rồi mời mấy vị sa-di vào phòng khách an tọa. Bà hỏi lung tung:

- Này các cháu của ta! Các cháu đã đói bụng chưa?

Các sa-di im lặng - vì họ biết nói đói bụng là như gợi ý kẻ khác cúng dường là tà mạng.

- Về đây là như về nhà của các cháu vậy! Các cháu ưa ăn gì nào, cứ thật tình nói đi?

Các sa-di đều im lặng - vì họ biết, nói ưa ăn gì cũng thuộc tà mạng.

Bà Sārī biết các sư không bao giờ than đói bụng, không gợi ý thích ăn món gì nên bà mới hỏi vậy.

- Hay là ta nói nhé! Các cháu có thích ăn món thịt gà không? Bọn nô lệ đầu! Hãy làm thịt mấy con gà béo mập nhé!

Đến nước này thì Rāhula phải lên tiếng:

- Không được đâu, thưa ngoại!

- Hay là các cháu chê thịt gà. Vậy thì thịt heo nhé! Hãy thịt một chú lợn choai choai nghe bọn bây, các cháu của ta thích món ấy!

- Không được đâu, thưa ngoại!

- Vậy thì cá nhé! Hãy ra hồ bắt mấy con lý ngư mang vào đãi các cháu ta!

- Không được đâu, thưa ngoại!

Bà Sārī chột làm mặt giận, nói lầy:

- Cái gì cũng không được, không được! Món ăn ngon béo bổ cũng không muốn. Thôi được rồi, bà cũng không ép.

Bà bỏ đi vào trong một lát, khi đi ra thì gia nhân ôm theo những bình bát đầy ở trên tay. Bà bảo trao bát cho mấy vị, rồi nói:

- Heo suốt đời thích ăn cám, chó suốt đời thích ăn phần, trâu bò suốt đời thích ăn cỏ. Các sa-môn Thích tử, sa-môn con trai ta, đệ tử con trai ta suốt đời thích ăn cơm thừa, canh cặn, nước cháo chua, nước cháo thiêu thì biết làm thế nào? Thôi, dù sao ta cũng là bà nội, bà ngoại - chiều theo ý các cháu nên các món mà các cháu ưa thích, ta đã sai gia nhân trộn lẫn với nhau rồi, cho dễ ăn, cho dễ nuốt! Trời cũng đã trưa, thôi các cháu đi đi. Ta già cả rồi, không đưa tiễn được!

Thế rồi, trưa hôm ấy, độ thực giữa rừng cây, chúng sa-di thấy trong bình bát, các món ăn được trộn lẫn rất khó nuốt, tương tự cháo cám heo.

Rāhula nói với các bạn:

- Đói một bữa, không chết ai - nhưng ngược lại, tôi và các bạn cùng nhau học được một bài học nhẫm nhục tuyệt vời!

- Đúng vậy! Một nhẫm nhục không có hận, không có sân! Nó còn có bi và có xả nữa!

Thế là nhờ phẩm tính sẵn có, nhờ môi trường giáo dục tốt, nhờ hai vị Đại Đệ Tử trui rèn, nhờ đức Phật tiếp giáo đúng lúc nên khi được về thăm quê hương lần đầu, lúc đức vua Suddhodana thăng hà thì Rāhula trông đã chừng chạc, đã quen thuộc và đã mến thích đời sống xuất gia rồi.

Bên giường nằm bệnh của đức vua Suddhodana, bắt chước mọi người “*phát nguyện chân thật*”, Rāhula đã thành kính chấp tay, nói rằng: “*Từ khi xuất gia đến nay, cháu rất vui vẻ, thỏa thích; có vài lần ham chơi vì sợ quý thầy là tôn giả Sāriputta và tôn giả Moggallāna la rầy, trách phạt nên cháu đã nói dối. Tuy nhiên, cháu rất cố gắng học; học về cách đi đứng, nằm ngồi, học cách ôm bát đi khất thực, học pháp và luật, học thiền định*

và cả học quán chiếu tam tướng nữa. Cứ mỗi buổi sáng, cháu tung một nắm lá lên trời rồi nguyện ngày hôm ấy phải học nhiều như số lượng lá rơi xuống đất. Nếu điều ấy là do cháu nói thật, thì xin cho ‘vua nội’ giảm cơn đau nhức ở hai cẳng chân”.

Thế rồi, bàn tay của Rāhula thần kỳ cũng không kém ai, chú xoa tay đến đâu thì cơn đau nhức của đức vua Suddhodana lặn mất đến đấy.

Mấy năm sau, theo đức Phật và hai vị Đại Đệ Tử về sống ở Kỳ Viên tịnh xá thì sa-di Rāhula đã tỏ ra khá trưởng thành, mặc dù chú mới mười hai tuổi. Ở tại đây, Rāhula nổi bật về hạnh phục vụ và quán xuyên mọi việc.

Ai cũng biết rằng, bình thường thì nhân số ở Kỳ Viên chừng năm bảy trăm vị, nhưng khi nghe có mặt đức Thế Tôn thì chư tăng các nơi lũ lượt tìm về, có khi lên đến con số bốn, năm ngàn người. Những lúc như thế thì thật khổ cho chư vị trưởng lão, nhất là hai vị Đại Đệ Tử. Việc ăn, việc ở, việc tới lui phức tạp, nhà tắm, nhà cầu, phòng ăn... thật là hằng trăm thứ việc phải lo toan, cáng đáng. Chuyện thường xuyên bức xúc nhất là trật tự, kỷ cương, ngăn nắp, vệ sinh trong sinh hoạt tịnh xá. Tăng chúng quá đông, thế là chim linh, phượng hoàng ở lẫn với gà cồ, gà mái; ngọc vàng lẫn với bụi cát. Cả hằng trăm tỳ-khưu và sa-di còn quá nhiều phàm tính, tục tính, chưa được thuần thực trong giáo pháp, chính họ là thủ phạm làm xáo trộn nếp sống yên ả, thanh bình ở đây. Có nhiều nhóm, đôi khi chỉ vì một gốc cây, một chỗ nghỉ mà sinh ra tranh giành, ẩu đả, chửi mắng nhau. Nhiều vị do ích kỷ, biếng nhác, ăn và chơi, không chịu sờ mó công việc, không chịu tu tập mà chỉ mong chiếm tiện nghi, thủ lợi riêng cho mình, ai ra sao, mặc kệ. Chư thánh trưởng lão sống đời khiêm tốn, vô tranh, từ hòa, vắng lặng nên họ luôn là kẻ thua cuộc, lặng lẽ ôm y bát nhường chỗ, nhường phần cho họ.

Cáng đáng công việc đa đoan, phức tạp ở đây thường là hai vị Đại Đệ Tử, tôn giả Ānanda cùng hội chúng mấy chục sa-di

lớn nhỏ. Trong số đó, có Rāhula cùng mấy vị thánh tăng sa-di⁽¹⁾ là giúp việc đắc lực, âm thầm và bền bỉ nhất.

Hôm nọ, hai vị Đại Đệ Tử đi vắng, tôn giả Ānanda cũng có việc đi xa, công việc thường ngày phải đổ bốn phận lên vai chư vị sa-di.

Lúc trở về, đi một vòng, tôn giả Sāriputta ngạc nhiên, cho họp hội chúng sa-di giữa vườn cây, ngài nói:

- Ta đi cũng đã khá lâu, nhưng trở về thì thấy đâu cũng sạch sẽ ngăn nắp, thơm mát như thế? Không biết ai là người cất đặt công việc ở đây?

Sa-di Sīvali lễ phép nói:

- Thưa, sư huynh Rāhula đó ạ!

- Không phải mình đệ tử đâu! Rāhula đánh chính - là khối óc và bàn tay chung của rất nhiều vị đấy ạ!

Sa-di Saṅkicca cũng thưa:

- Nhưng sư huynh Rāhula là người quán xuyến nhất.

Tôn giả đưa mắt nhìn Rāhula:

- Con cứ kể lại tất cả tình hình trong thời gian ta vắng mặt, cho ta nghe!

- Thưa vâng! Rāhula mau mắn đáp - Nơi bệnh xá lúc này hiện có một số khá đông tỳ-khưu ở Takkaṣilā, Vamsā, Aṅgā, Kosambī, Kuru... về; có nhiều vị do đường xa nên ngã bệnh. Họ bị sốt rét, tả lỵ hoặc thương hàn... Hôm kia, tôn giả Mahā Moggallāna trở về, ghé thăm, ngài đã ủy lạo và sách tấn tinh thần. Tôn giả còn kể lại một câu chuyện cũ để nhắc nhở chư tỳ-khưu và chúng sa-di. Rằng là đã có trường hợp đáng tiếc xảy ra ở đây, chuyện ấy không thể lặp lại. Có một thầy tỳ-khưu bị bệnh mụn nhọt, lở loét, hôi hám, dơ dáy... đã bị vị tỳ-khưu nào đó quăng bỏ vào bìa rừng. Sáng ngày, chính đức Đạo Sư đã sai mang vào phòng giữ lửa; chính ngài đã đích thân nấu nước sôi,

⁽¹⁾ Lúc ở Kỳ Viên này thì đã có chư vị thánh tăng sa-di như Sīvali, Saṅkicca, Revata, Paṇḍita...

tắm khăn ẩm lau sạch thân thể cho người bệnh. Sai người giặt y ngoại phơi khô, lấy y ngoại đắp rồi giặt sạch y nội... Do bệnh quá trầm trọng nên sau đó vị tỳ-khuru kia qua đời. Nhưng mà trước khi còn hơi thở, đức Phật quán căn cơ, thuyết một thời pháp, vị ấy đắc quả A-la-hán và Niết-bàn ngay tại chỗ. Kể xong chuyện ấy, khi đi, tôn giả để lại năm vị tỳ-khuru trẻ ở lại, nhiệt tình chăm sóc cho người bệnh. Còn chuyện cơm nước, thuốc men, mật, đường, sữa... trưởng giả Cấp Cô Độc vẫn thường cho người cung cấp rất chu đáo. Còn việc quét dọn bệnh xá, nấu nước sôi giặt y áo, chăn màn, đồ ống bó cùng nhiều việc linh tinh khác ở đây, thường thì chúng sa-di đảm nhiệm, thưa tôn giả!

- Ò, hay lắm! Ta rất cảm động. Ta xin cảm ơn tất cả các con!

- Dạ... nhưng...

- Con cứ nói!

- Thưa! Vẫn có tình trạng một số tỳ-khuru khai dối bệnh để được dùng vật thực đặc biệt; họ còn thu giấu đường, sữa, mật ong, tích trữ thuốc! Thật là phức tạp...

- Ò, chuyện muôn đời mà!

- Noi tăng xá - Rāhula kể tiếp - Nơi chỗ chư tăng ở và đi thì thật là lộn xộn. Biết bao cái sờ sờ trước mắt như giường hư, gối bẩn, mùng mền rách và dơ. Chúng con ba bốn người làm không xuể. Tôn giả Mahā Kassapa đi ngang qua, thấy thương tình nên cắt đặt thêm cho bốn vị tỳ-khuru trẻ đến phụ giúp.

- Ò, tốt quá!

Sa-di Saṅkicca tiếp lời:

- Còn đại giảng đường mênh mông thì công việc cũng mênh mông. Ngay chỗ thuyết pháp của đức Tôn Sư bao giờ cũng có cả rừng hoa tươi, hoa héo lẫn lộn nhau, lại có một số hoa đã mủn ra. Nơi chỗ bệ đặt chiên đàn và hương liệu, lúc nào cũng vấy bẩn tàn tro, cái cháy, cái cháy dở rơi rớt xung quanh. Hàng ngàn tấm ngò, hàng trăm tấm lót đủ loại, đủ cỡ bừa bộn, lĩnh kính tấp một đồng chỗ này, tấp một đồng chỗ kia, xâm chiếm cả

các hành lang. Ngay việc sắp xếp, quét dọn vào mỗi buổi sớm, mười người lo cũng không xuể. Tội nghiệp cho tôn giả Ānanda, vừa ở xa mới về, lại phải đầu tắt mặt tối ở đây cùng với bảy tám đệ tử của ngài. Cách đây mấy hôm, chúng con có thêm mười sa-di tình nguyện đến phụ giúp công việc hằng ngày tại đại giảng đường để đỡ dần công việc cho tôn giả được nghỉ ngơi chút ít.

- Ô, tốt quá, rất tốt!

- Ngoài hương phòng của đức Tôn Sư, ngoài một số thị giả thường xuyên thay đổi nhau, chúng con bao giờ cũng có sẵn một hoặc hai sa-di lanh lẹ, ý tứ quét dọn cho sạch sẽ cỏ rác, đường kinh hành lan đến khoảng vườn xung quanh...

- Đúng thế!

- Nơi phòng tắm công cộng, nhà tiêu công cộng, phòng giữ lửa... bao giờ mỗi nơi cũng túc trực sẵn hai sa-di.

- Chu đáo lắm!

- Nơi phòng tiếp tân cũng rất bề bộn công việc - Sa-di Sīvali trình bày - Cứ phái đoàn này đi thì phái đoàn khác đến. Mấy hôm kia, tôn giả Ānanda thường trực cho một số tỳ-khưu mặt mày sáng sủa, ăn nói văn vẻ, khiêm cung, lịch thiệp để tiếp khách. Dầu là vua chúa, các quan đại thần, tướng quân, đại triệu phú, tiểu triệu phú, giáo chủ các tôn giáo, du sĩ, đạo sĩ hành cước... bất cứ ai muốn diện kiến đức Thế Tôn đều không thể tùy tiện, phải ngồi đợi ở đây trước đã. Tại đây, sa-di chúng con luôn túc trực bốn vị để làm vệ sinh, dẫn khách hoặc chờ được sai vật...

- Đúng vậy rồi!

- Còn nữa, nơi chỗ ngoài và trong khuôn viên đại tịnh xá, bao giờ cũng lảng vảng mấy trăm kẻ tàn thực, họ làm vấy bẩn, dơ ւế đủ mọi thứ. Trước đây, có một số tỳ-khưu trẻ tình nguyện chăm sóc ở đây nhưng rồi họ lần lượt bỏ đi hết vì không chịu nổi tâm địa hạ liệt của chúng. Bọn tàn thực ấy đi lung tung, nói năng lung tung, xả rác lung tung, khạc nhổ, phóng ւế lung tung,

chửi bậy và đánh nhau cũng lung tung; ăn uống thì giành giật, cấu xé nhau. Thật không ai chịu nổi. Bây giờ thì chúng đệ tử đã quy định cho họ một nơi, có giới hạn. Khi nào vật thực thừa do sự cúng dường dư dả của thí chủ, vật thực dùng không hết của chư tăng thì vị nào cũng mang đến san sẻ cho họ...

Tôn giả Sāriputta chột nhứ mày:

- Trưởng giả Cấp Cô Độc đã mấy lần quy tập họ về trại tế bần rồi mà?

Sadi Rāhula đáp:

- Thưa, họ không chịu ở đó, cứ trốn ra ngoài, trốn ra ngoài tự do hơn.

- Thật đáng xót thương!

Sa-di Paṇḍita tiếp lời:

- Thưa, xót thương thì cũng đáng xót thương, nhưng rõ ràng tâm sao thì cảnh vậy. Địa ngục và ngạ quỷ có sẵn trong tâm họ, cả a-tu-la nữa, nên chúng đi đâu thì mang theo cảnh giới ấy. Ăn no rồi sinh chứng trộm cắp, mắng chửi, gấu ó, đánh đập nhau. Chúng kéo ra bờ sông, bìa rừng để đú đỗng, rừng mỡ, cười cợt, khóc lóc, nhảy nhót... luôn luôn than khổ, luôn luôn than đói... Rõ là chúng không bao giờ biết đủ và không bao giờ có một khoảnh khắc yên lặng!

- Chúng mà sống đời biết đủ, biết dừng và có được một khoảnh khắc yên lặng thì thế gian này làm gì có bốn con đường khổ hã con!

- Thưa vâng! Thật phải kham nhẫn, chịu thương chịu khó, mở rộng tâm lòng từ may ra mới tiếp xúc, thương yêu và thông cảm với họ được. Ai đời, cho họ y phục, vật thực, thuốc men mà họ vẫn cứ chửi mắng tỳ-khuru, nói xấu tỳ-khuru, ganh ghét, đố kỵ tỳ-khuru... đôi khi rất lỗ mãng, rất cộc cằn, rất tục tĩu là khác nữa!

Tôn giả Sāriputta tán thán:

- Phải vậy! Biết được vậy là quý lắm! Là tốt lắm! Ta rất cảm ơn các con! Ta rất cảm ơn các con!

Rồi ngài đưa đôi mắt nhìn khắp hội chúng sa-di, có cả một số vị tỳ-khưu trẻ, cất giọng ôn nhu:

- Các con đã có công đức rất lớn và cả cái tâm cũng rất lớn nữa, ta thành thật khen ngợi các con! Đây là sự tu tập trong công việc. Có tu tập trong công việc thì những đức tính tốt như những mầm cây ở trong tâm chúng sẽ được phát triển. Nếu ai cũng đến và đi thông dong, tự tại cả, chỉ lo an lạc cho cá nhân mình thì ai là kẻ lo cho mình về trú xứ, phòng ốc, giường gối, chỗ ăn, chỗ ở, nơi nghe pháp, nhà tắm, nhà vệ sinh? Một lần nữa, ta cảm ơn các con lắm lắm vậy!

Thời gian ở đây, trưởng lão ni Yasodharā thỉnh thoảng từ ni viện sang Kỳ Viên đánh lễ đức Phật, đồng thời thăm viếng sa-di Rāhula. Ngược lại, lúc rảnh, Rāhula cũng qua ni viện thăm mẹ. Có lần, sang ni viện thì thấy bà đang đau do chứng bệnh đầy hơi, chú hỏi:

- Trước đây, khi bị bệnh như vậy thì mẹ dùng thứ thuốc gì để chữa trị?

Bà đáp:

- Nay con! Với bệnh này, khi ở hoàng cung, mẹ dùng nước trái xoài pha với mật đường, uống vào là khỏi hẳn.

- Vậy con sẽ tìm thứ thuốc ấy cho mẹ.

Về Kỳ Viên, Rāhula không tìm cha mình là đức Thế Tôn, không tìm chú mình là đức Ānanda, đức Nanda, giáo thọ sư của mình là tôn giả Moggallāna... mà chỉ đến tìm tôn giả Sāriputta với sắc mặt rầu rĩ...

Tôn giả quan tâm hỏi:

- Con có gì phiền muộn phải không, Rāhula?

- Thừa phải! Rāhula gật đầu - Mẹ con, trưởng lão ni Yasodharā đang bị chứng bệnh đầy hơi, nếu có nước trái xoài pha mật đường thì sẽ chữa khỏi...

Tôn giả an ủi:

- Con đừng buồn phiền nữa. Để thầy đích thân tìm thứ nước ấy giúp con. Cứ đợi ở đây, trong giây lát thôi.

Nói xong, tôn giả đắp y mang bát, vận thần thông lực vào cung điện đức vua Pāsenadi, nước Kosala.

Không biết là do cảm ứng hoặc là do sự vận hành của nhân quả, duyên báo gì đó, mà đức vua đã tự thân gọt vỏ xoài, cắt thành từng miếng, rắc mật đường lên rồi bỏ vào máy ép nước, đem dâng vào bát cho tôn giả. Nhận bát nước xoài, tôn giả nói vài câu kệ phúc chúc, rồi ngay tức khắc, mất tích ở hoàng cung, trở lại Kỳ Viên.

Đức vua tự hỏi: *“Vì sao trưởng lão không dùng nước giải khát ấy ngay tại đây? Hẳn là có vị phạm hạnh nào đang cần món này như vị thuốc?”*

Cho người theo dõi, đức vua biết là nước xoài ấy mang về cho Rāhula rồi Rāhula đem dâng cho mẹ để chữa trị chứng bệnh đầy hơi. Xúc động, đức vua nghĩ: *“Nếu đức Thế Tôn ở tại gia, chắc hẳn ngài là một vị vua anh minh, bà Yasodharā là một vị quốc mẫu, còn Rāhula là một vị thái tử là ngọc cành vàng. Tất cả gia đình họ hiện đang ở đây, trong quốc độ của ta. Thật đáng hổ thẹn, và quả thật không xứng đáng khi ta là một vị vua Kosala đại cường lại chẳng quan tâm đến họ, giúp đỡ họ trong những việc xem ra rất nhỏ con như thế này. Từ rày ta phải hằng thường xuyên thăm viếng họ, xem thử họ có nhu cầu cần yếu nào không! Đây là việc phải làm!”* Khởi từ ý nghĩ này, về sau, đức vua hộ độ rất chu đáo bà con quyến thuộc của đức Phật, cả tăng ni nữa; và ông cũng thường xuyên cho người dâng nước xoài tẩm mật đường cho trưởng lão ni Yasodharā⁽¹⁾.

Sau mùa an cư năm nọ, như những đám mây trời, đức Phật và đại chúng rời Kỳ Viên tịnh xá, lại ra đi, lại lên đường, xuôi nam. Tôn giả Sāriputta, bao giờ cũng vậy, là kẻ đi sau cùng để tìm cách giúp đỡ các vị sư già yếu hoặc ai đó thỉnh linh ốm bệnh. Tôn giả quả như là một người mẹ hiền với đàn con đại

⁽¹⁾ Đoạn này dựa theo “Đức Phật và 45 năm...” tập 6, tr. 371, NXB Tôn Giáo - của tỳ-khưu Chánh Minh

cần được chăm sóc. Sẽ có khá nhiều vị sư, vì lý do nào đó rơi rớt lại dọc đường nên ngài thường cùng các vị tỳ-khưu trẻ trung, các vị sa-di biết việc, tháo vát sẽ căng đống tất cả các trường hợp bất ngờ phát sanh.

Bởi vậy, có một lần, sau nhiều ngày trên đường, lúc ấy đã khá khuya mới đến được công viên Badarikārāma, tôn giả cùng hội chúng đi sau của ngài, trong đó có Rāhula, Sīvali, Saṅkicca... không tìm ra nơi nào để qua đêm. Cốc liêu đặc biệt riêng thường dành cho tôn giả đã bị người khác chiếm chỗ. Đi quanh một vòng, không còn một hành lang, một gốc cây, một lùm cây nào là còn khoảng trống. Thế rồi, tôn giả phải ra ngoài trời, cột một tấm y tạm che sương, trải tọa cụ lên đất rồi ngồi kiết già suốt đêm.

Các vị sa-di theo thói quen, ghé vào các liêu thất, ngủ dưới sàn nhà của bất cứ vị tỳ-khưu nào, nhưng đều bị đuổi ra ngoài. Không ai giải thích lý do. Riêng có một vị tỳ-khưu già, thấy Rāhula, con trai của đức Phật cùng chịu chung cảnh ngộ nên đã cặn kẽ trình bày nguyên do, nói rằng:

- Nay Rāhula quý mến! Trước đây sa-di ngủ chung với tỳ-khưu thì được, nhưng hôm đó, tại điện Aggālava, thành phố Ālavī, đức Phật đã chế định điều luật: Tỳ-khưu không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới. Có lẽ Rāhula chưa nghe biết đó thôi.

- Thừa vâng!

- Chỉ mới mấy tháng trước, tại Ālavī, nhiều tỳ-khưu-ni và nhiều nữ cận sự thường đến tịnh xá để nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, buổi giảng pháp thường tổ chức vào ban ngày. Sau một thời gian, những thời pháp lại chuyển sang ban đêm chỉ để dành cho tỳ-khưu và cận sự nam. Sau thời pháp, chư vị trưởng lão thì có cốc liêu nên họ rút về phòng, còn chư tỳ-khưu trẻ và cận sự nam thì nằm ngủ chung chạ tại giảng đường. Khi họ ngủ, những hình ảnh thiếu mỹ cảm hiện ra. Có vị tỳ-khưu nằm ngáy khò khò vang dội. Có vị tỳ-khưu nằm há hốc như miệng cá uơn,

nước dãi chảy tràn ra. Có vị tỳ-khưu nghiêng răng như cóc nghiêng. Có vị nằm gác chân ngang dọc, ngược xuôi lên vị khác, y áo lổ lỗ, hở hang cả hạ thể trông rất khó coi. Trong hội chúng ấy có một thánh nam cư sĩ, chứng kiến hình ảnh không đẹp mắt ấy, sợ một số cư sĩ sẽ mất đức tin với chúng tỳ-khưu, nên sáng hôm sau, thưa bạch mọi điều tai nghe mắt thấy lên đức Thế Tôn. Vậy là buổi giảng pháp hôm sau, đức Phật chế định học giới ấy.

Nghe rõ nhân và quả, sa-di Rāhula tri ân vị tỳ-khưu già rồi lặng lẽ đi tìm kiếm chỗ nghỉ cho mình. Qua sân, ra vườn, Rāhula đứng lặng một hồi chiêm ngưỡng hình ảnh đẹp đẽ, vô ngại của thầy mình - tôn giả Sāriputta - rồi bước vào bên sau. Đến hương phòng của đức Phật, thấy bên cạnh có phòng vệ sinh, còn chập chờn ánh đèn dầu lạc và tỏa ra mùi hương⁽¹⁾, Rāhula khẽ hé cửa bước vào, và chú có cảm giác ở đây như là cung điện của phạm thiên!

Sáng ngày, đức Phật đứng trước phòng vệ sinh và đảnh hăng⁽²⁾ bên trong vắng lại tiếng đảnh hăng đáp lời. Đức Phật hỏi:

- Ai đấy?

- Đệ tử Rāhula đây!

Cửa mở, Rāhula thu xếp lại y bát trên nền đất rồi đánh lễ đức Phật.

- Sao con lại nằm ở chỗ bất tịnh này?

Rāhula kể lại mọi sự. Chú cũng không quên kể lại trường hợp tôn giả Sāriputta cũng không có chỗ nghỉ, phải qua đêm trên nền đất lạnh ngoài vườn.

⁽¹⁾ Bất cứ đại tịnh xá nào cũng có thiết kế hương phòng, nhà vệ sinh riêng cho đức Phật (các công trình này thường thiết kế rất khéo léo, tế nhị, mỹ cảm; luôn có đèn, có hoa, có hương thơm phảng phất - không do thí chủ tạo thì cũng do chư thiên làm). Đôi nơi có thêm liêu thất của hai vị đại đệ tử nữa.

⁽²⁾ Thói quen lịch sự của ngài, dù có người hay không có người ngài cũng lên tiếng đảnh hăng như vậy.

Xúc động chánh pháp, đức Phật suy nghĩ: “*Quả thật, ta có chế định điều đó tại Ālavī nhưng chỉ là với nam cư sĩ, và ta cũng chưa cho tuyên bố rộng rãi lý do là vì khắp nơi cốc liêu còn chật chội. Mà cho dù với sa-di chẳng nữa thì cũng chỉ là chế định mà thôi. Gọi là chế định thì bao giờ cũng tùy lúc, tùy khi, tùy trường hợp phát sanh! Cái kiểu mà chúng áp dụng cứng nhắc như vậy là giết chết sinh mạng học giới (chưa thành luật) của Như Lai, luôn cần phải uyển chuyển và thích nghi theo từng hoàn cảnh. Chuyện ấy đã tệ mà chuyện với Sāriputta còn tệ hơn! Chúng còn coi thường luôn bậc thầy của họ, dám ngang nhiên chiếm luôn tịnh thất riêng của Sāriputta thì còn chi tôn ti hạ hạ, tôn kính, kính trọng các bậc trưởng thượng?*”

Thế rồi, đức Phật cứ để cho không khí sinh hoạt diễn ra bình thường như không có chuyện gì xảy ra, chỉ bảo thị giả Upavāna và các vị trưởng lão thông báo toàn thể chư tăng ni trong thị trấn Bādarika tụ họp đông đủ tại tịnh xá để nghe ngài thuyết giảng.

Vào buổi chiều, khi hội chúng đã tụ tập đầy đủ, tràn ra cả khu vườn, mở đầu cuộc giáo giới, đức Phật hỏi:

- Này Sāriputta! Đêm hôm qua, Rāhula, đệ tử của ông, ngủ nghỉ ở đâu?

- Thưa, đệ tử không rõ, vì lúc đến đây đã khá khuya!

- Nó ngủ nghỉ trong nhà vệ sinh đấy!

Cả hội trường như thảng thốt, bàng hoàng.

Đức Phật yên lặng một lát, đưa đôi mắt nghiêm khắc lướt quanh một vòng rồi chậm rãi nói:

- Sāriputta không biết, đúng vậy! Vì chính ông ta, một người lớn tuổi, một vị thượng thủ, một bậc thầy của giáo hội cũng phải ngồi suốt đêm ngoài sương lạnh! Lý do là tịnh thất của ông ta đã bị tỳ-khưu khác chiếm mất chỗ! Thế đấy! Chẳng lẽ nào giáo pháp của Như Lai, cái giáo hội độc thân này lại tệ hại, tệ mạt như thế? Tệ hại, tệ mạt vì trẻ thì bị vứt bỏ chẳng ai ngó ngang đến, mà tuổi lớn, hạ hạ cao, bậc trưởng thượng lại

không được cung kính và tôn trọng hay sao!?

Lời khiển trách của đức Phật làm cho cả hội trường như bị hóa đá.

Đức Phật bắt đầu xuống giọng:

- Với Rāhula mà chư tỳ-khuru còn đành đoạn quay lưng, vất bỏ như thế thì nói chi đến tình tương thân, tương ái, tương nhượng? Rồi còn rất nhiều những sa-di mới học tu khác nữa, không biết số phận còn tồi tệ đến dường nào? Rồi sau này, biết được chuyện này, có cha có mẹ nào mà còn dám cho con em họ vào học tu trong giáo pháp không có một chút quan hoài, thiếu thốn tình người như thế?

Chuyện tại Ālavī, bây giờ Như Lai chế định lại cho rõ ràng, kéo nhiều vị hiểu lầm, như sau: Tỳ-khuru không được ngủ chung phòng với nam cư sĩ, riêng sa-di, nơi nào thiếu phòng ốc, liêu xá thì cho ngủ chung được ba đêm, quá ba đêm thì phạm tội pācittiya (ba-dật-đề). Khi phạm tội này thì phải thú nhận và sám hối trước tăng. Tỳ-khuru-ni cũng tương tự vậy. Và các vị trưởng lão phải công bố điều này một cách rộng rãi và đều khắp trong các hội chúng tu học.

Sau khi chế định lại điều học, vì các vị tỳ-khuru chỉ thêm một chữ “*chưa thọ giới*” và “*chưa thọ đại giới*” mà sinh ra có sự, đức Phật lại quay sang kể chuyện xưa để giáo giới chuyện xảy ra với tôn giả Sāriputta.

“Này hội chúng! Thuở xưa, rất là lâu xưa, trong khu rừng già nọ có một con voi, một con lừa và một con chim đa đa chung sống, làm bạn với nhau rất là thuận hòa và êm ấm. Chúng thường vui chơi với nhau, nô giỡn với nhau, tụ họp, chuyện vãn với nhau dưới tàn đại cổ thụ cành lá sum suê đã hàng ngàn năm tuổi.

Hôm nọ, voi chợt nói:

- Này các bạn! Chúng ta sống với nhau dường như đã quá lâu, không ai còn nhớ thời gian, và cũng không ai biết là ai sinh trước, ai sinh sau, ai lớn, ai nhỏ! Kỳ không? Phàm lớn là anh

mà nhỏ là em! Ít ra, chúng ta phải làm thế nào để biết rõ ai lớn ai nhỏ để xưng hô cho phải lễ chứ? Nhỏ thì phải biết vâng lời, tôn kính, tôn trọng lớn; lớn thì phải biết nhường nhịn, chớ che, đùm bọc nhỏ! Các bạn nghĩ có đúng thế không?

Chim đa đa gật đầu, nhưng lừ thì chột cười:

- Trên nguyên tắc thì đồng ý! Nhưng bạn voi ơi! Chữ gọi là nhỏ và lớn của bạn đưa ra có vấn đề đấy! Nói rõ là nó có vẻ ồm ồm, lấp lửng, không rõ nghĩa! Tại sao ư? Bạn to con, lớn xác, chẳng lẽ bạn làm anh ư? Vậy phải xác định rõ, lớn ở đây là lớn về tuổi tác, chứ không phải là to con, lớn xác, đồng ý thế không?

Voi vỗ chân đồm độp:

- Bạn đã bóp méo vấn đề. Câu tôi nói là thời gian sinh trước, sinh sau mà!

- Vậy thì được!

Chim đa đa nói xong, bèn quay sang hỏi tuổi tác của ông voi.

Voi bần thần ngẫm ngợi một lúc, rồi chột đưa mắt ngược nhìn cây đại cổ thụ cao gấp cả hàng chục lần nó, đáp rằng:

- Tôi không biết là tôi sinh ra từ lúc nào, ở đâu, nhưng còn nhớ rất rõ, khi tôi lớn lên, cái vòi của tôi có thể sờ cái đọt cây này một cách dễ dàng!

Lừa cười, bày cả hàm răng trắng hếu:

- Vậy là bạn còn nhỏ tuổi. Thuở lớn lên, tôi cao ngang bằng cây đại thụ này và tôi ăn những đọt lá của nó dễ như chơi, không cần phải nhón chân, độn móng!

Nghe voi và lừa kể, chim đa đa chột hót lên một tràng không giống ai, kèm thêm giọng cười hinh hít, chin chít rất khó nghe.

Cả hai bèn hỏi chim:

- Bạn làm cái quái gì vậy?

- Tôi cười! Chim đáp - tôi vui quá nên tôi cười kiểu chim đa đa như vậy đó! Các bạn hiểu tại sao không? Tôi không còn nhớ thời gian hay tuổi tác, nhưng tôi biết rõ như thế này. Thuở ấy, khi qua chơi trên Himalaya, tôi ăn được một chùm trái ngon ngọt như mật ong, khi bay ngang đây, tôi ỉa xuống một bãi

phân. Rồi từ trong đó, một cái hạt nứt ra, mọc lên thành cây đại cổ thụ bây giờ!

Voi vốn đôn hậu, thật thà, xác nhận:

- Hóa ra tôi to con lớn xác mà lại là sinh sau đẻ muộn. Vậy so tuổi tác với các bạn, tôi nhận mình là em út đó nghe! Bạn lừa là anh thứ của tôi, còn chú đa đa bé tí xíu kia lại là anh cả, anh trưởng. Vậy từ rày về sau, chúng ta cứ theo thứ tự tuổi tác để xưng hô cho phải lễ”.

Đức Phật cất giọng kết luận như tiếng chuông ngân tỉnh thức:

- Voi, lừa, đa đa là giống súc sanh, noãn sanh thể mà chúng còn biết phân biệt tuổi tác lớn nhỏ, biết tôn ti trật tự, biết cách xưng hô để tôn kính kẻ lớn tuổi hơn mình. Còn trong giáo hội này, chuyện gì đã xảy ra?

Như Lai thường coi Sāriputta như ngang hàng với Như Lai, là bậc trưởng thượng, thượng tôn tăng đoàn. Là vị đệ nhất đại đệ tử, là thượng thủ của giáo hội, thế mà các ông tỳ-khưu trẻ lại không biết tôn kính Sāriputta, con trai trưởng của Như Lai!

Này đại chúng tăng ni! Sāriputta niên cao, lạp⁽¹⁾ lớn, hằng quan tâm đến đại chúng, đến sự phát triển của giáo hội, đến sự hoằng dương giáo pháp nên ít có cơ hội nghĩ đến bản thân mình, nếu không muốn nói là ông ta đã dứt bỏ cái bản ngã, ít ăn, ít ngủ, chỉ sống cho mọi người, lo cho mọi người. Thế mà ở đây đã có một số vị không thấy, không biết cái ân đức ấy của Sāriputta. Từ tu viện này sang tu viện khác, từ vườn rừng này sang vườn rừng khác, ở đâu cũng có tấm lòng và bàn tay chăm sóc, vun quén của Sāriputta! Từ việc nhỏ đến việc lớn, từ trong ra ngoài, việc gì ông ta cũng chu tất, toàn mãn không chê vào đâu được. Sāriputta lo cho người bệnh, người già yếu, hướng

⁽¹⁾ *Lạp là nói tắt của hạ lạp, tàu lấy ý từ chữ vassa (hạ), an cư mùa mưa. Sở dĩ tàu dùng chữ lạp (tháng chạp) là nhằm nói đến hết năm. Vị tỳ-khưu thường tính tuổi đạo bằng bao nhiêu mùa an cư (vassa), một hạ được coi như là một năm tuổi đạo.*

dẫn giáo pháp không mệt mỏi; không bỏ quên cả một sa-di nhỏ tuổi, quan tâm đến cả từng bữa ăn, một cái chăn đắp, một cái mũt nhọt chưa lành của ai đó. Thế gian này không có một ông Sāriputta thứ hai với những phẩm chất tuyệt hảo như thế, muôn triệu năm mới có một người. May ra chỉ có thêm Moggallāna là tương tự. Thế mà, đêm qua, Sāriputta của chúng ta không có được một chỗ nghỉ, dầu là một mái che nhỏ, dầu là một góc hành lang! Tịnh thất đặc biệt dành riêng cho ông ấy đã bị mấy ông tỳ-khuru trẻ nào đó chiếm chỗ. Thế là với một lá y tạm che sương, Sāriputta qua đêm giữa vườn lạnh!

Đại chúng nghĩ thế nào về điều tệ hại ấy? Các vị sống trong giáo pháp phát triển đời sống tinh thần bậc cao mà tại sao lại còn thua con voi, con lừa, con đa đa trong câu chuyện kể trên?

Đức Phật im lặng. Giảng đường yên lặng. Cả con muỗi bay cũng nghe được âm thanh. Có một số các vị tỳ-khuru xấu hổ cúi gằm mặt xuống. Có một số vị thì học được bài học nghìn vàng.

Đến ngang đây thì tôn giả Sāriputta đầu từ bên ngoài bước vào, đánh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Sự giáo giới của đức Thế Tôn quả thật là lợi lạc cho đại chúng, là hữu ích cho kỷ cương, phép tắc của giáo hội. Đã làm cho trang nghiêm giáo hội. Nhưng ở đây chỉ có một số tỳ-khuru còn nhỏ tuổi, trẻ người, non dạ chưa được thuần thục trong giáo pháp mà thôi. Sau khi đức Thế Tôn đã giảng thời pháp này rồi thì có lẽ không còn ai dám đề mình phải thua con voi, con lừa, con chim đa đa kia nữa. Riêng đệ tử, một đêm ngoài trời thì cũng chưa đến nỗi nào. Tôn giả Mahā Kassapa, đệ tử của tôn giả và hằng trăm vị tỳ-khuru sống đời đầu-đa khổ hạnh, họ luôn ngủ nghỉ dưới những chỗ không có mái che mà tinh thần vẫn khang kiện, sức khỏe vẫn tốt.

Đệ tử xin thay mặt số chư sư đại đệ tử, sám hối dưới chân đức Thế Tôn, vì một phần lỗi cũng do đệ tử, do Moggallāna hoặc chư trưởng lão khác chưa dạy dỗ họ đến nơi đến chốn!

Đức Phật im lặng thọ nhận cái lạy và lời sám hối ấy xong, ngài nói:

- Chư vị thấy chưa? Lỗi của mấy ông tỳ-khuru ngu si mà Sāriputta phải sám hối đấy!

Rồi ngài nhìn tôn giả với tia mắt vô cùng thương yêu và trân trọng, nói rằng:

- Thôi, ông hãy đứng dậy đi! Như Lai sẽ xá tội cho tất cả!

Sau đó, đức Phật dạy:

- Từ rày về sau, tất cả sa-di đều phải xem tỳ-khuru là thầy, là cha của mình. Tỳ-khuru cách nhau ba hạ lạp cũng phải được quy định bởi sự tôn kính như thế. Riêng các vị đại trưởng lão, tăng chúng phải xem gần như ngang hàng với Sāriputta, Moggallāna, Mahā Kassapa... Và nếu như ngang hàng với các vị ấy cũng có nghĩa là ngang hàng với Như Lai. Tất cả mọi trú xứ, chỗ ngủ nghỉ, trong nhà ăn, tại nhà hội, giảng đường, trên đường đi đều phải theo tôn ti hạ lạp. Như Lai không muốn có trường hợp xảy ra như hôm qua nữa. Sāriputta đã sám hối cho các ông, vậy nếu không khôn ngoan hơn, lừa dối ngục sẽ thiêu cháy các ông rất nhiều đời kiếp đấy, chẳng ai có thể cứu nổi đâu nếu mình không biết tự cứu!

Rồi công viên Badarikārāma, hướng về Kosambī, đức Phật nghe chư tăng nhóm này nhóm kia cứ nhắc lại những đức tính tốt của sa-di Rāhula, nhất là tám gương học tập của chú; lúc ngồi nghỉ dưới rừng cây, ngài nói:

- Nay chư tỳ-khuru! Cái tánh của con người, của chúng sanh thường do thói quen được huân tập của nhiều đời kiếp, rất nhiều đời kiếp. Ví dụ những tánh xấu như: Tánh tham ăn, tánh trộm vật, tánh ưa chém giết, tánh tham tài, tánh tham sắc, tánh ưa được nổi tiếng, tánh ngu si, tánh làm biếng, tánh ưa gây gỗ, tánh ưa tranh cãi, tánh hay giành giật, tánh hay gian lận, tánh thích ngồi mát ăn bát vàng, tánh hay nói xấu người, tánh ngồi lê đôi mách, tánh ưa thù ghét, tánh thích chàm chọc, tánh hung dữ, tánh nhiều ganh ghét, đố kỵ, tánh sợ đỡ, nịnh hót, tánh ham

ngủ... Và những tánh tốt như: Tánh ăn uống chừng mực, tánh không lấy cấp của người, tánh ngại chém giết, đao trượng, tánh biết đủ, tánh ngại nữ sắc, tánh không ham danh, không hiểu lợi, tánh khôn ngoan, thông minh, tánh siêng năng, tháo vát, tánh cần kiệm, biết lo xa, tánh rộng rãi, thương người, hay bố thí, thích giúp đỡ, san sẻ cho người khác, tánh thật thà, tánh khiêm tốn, biết nhường nhịn, tánh không ăn vật, tánh im lặng, ít nói, tánh chỉ nói cái tốt của người, không nói xấu người, tánh ưa ẩn dật, không thích khoe khoang giữa đám đông, tánh hiền lành, tánh cương trực, tánh đôn hậu, tánh hy sinh, tánh dễ dạy, tánh tinh cần, tánh ham học, tánh ham hiểu biết...

Những cái tánh ấy, tốt và xấu, nó đã ăn sâu ngấm kỹ trong dòng tâm, dòng nghiệp của chúng sanh; nhất là những tánh xấu thì trong một đời, hai đời, ba đời... đôi khi không thay đổi được, không chuyển hóa được. Còn nếu là tánh tốt thì mãi được tăng trưởng thêm, phát triển thêm cũng là lẽ thường.

Như trường hợp của Rāhula, ham học và ham hiểu biết không phải chỉ mới có bây giờ, trong kiếp hiện tại này, mà đã từ rất lâu xưa, trong quá khứ, Rāhula cũng đã từng ham học hỏi, ham hiểu biết như vậy...

Khi chư tỳ-khưu muốn nghe chuyện quá khứ, nhân và quả của cái tánh “*ham học hỏi, ham hiểu biết*” kia, đức Phật đã kể lại như sau:

“Thuở xa xưa ấy, có một con nai chúa, thống lĩnh và chăm sóc một đàn nai lớn mấy trăm con, vây quanh một khu rừng và một bình nguyên lớn rộng.

Nai chúa có một bà chị là một con nai cái, rất tin tưởng trí tài và sự khôn ngoan của em mình; nên sau khi sinh được một chú nai tơ, nai mẹ dẫn con đến nai chúa, nói rằng:

- Nay em! Em hãy chịu khó dạy cho cháu về trí tài và sự khôn ngoan của loài nai! Nếu nó học được chỉ một phần mười sáu ở nơi em thôi thì nó sẽ đầy đủ bản lãnh đi đây, đi đó, tự bảo vệ được mình khỏi những tên thợ săn gian manh, quỷ quyệt!

- Được rồi! Chị hãy về đi và yên tâm đi, em sẽ lo cho cháu học hành một cách chu đáo.

Thế rồi, từng buổi chiều, từng buổi chiều, đúng thời, đúng khắc như vậy, ra tại bãi cỏ như vậy, nai chúa dạy bảo ra sao được nai tơ tuân thủ một cách nghiêm túc, không bao giờ tỏ ra lơ là, chảnh mắng giờ giấc cũng như sự học hành.

Bài học đầu tiên: Cháu hãy nằm một bên hông, không vùng vẫy, chân duỗi ra một cách tự nhiên... giả vờ như chết rồi, dẫu xung quanh xảy ra chuyện gì cũng không được mở mắt, không được thay đổi oai nghi!

Nai tơ tuân lời làm theo. Bài học đạt điểm xuất sắc, vì nai chúa đã tìm cách cho một số nai khác khua động âm ỉ ở xung quanh, nhưng nai tơ vẫn nằm yên lặng, không mở mắt, không có một dấu hiệu của sự sống.

Bài học thứ hai: Lấy móng chân cào đất ngay tại chỗ rồi tìm cách hất những bụi cỏ rơi vãi lung tung, làm sao trông giống như sự tuyệt vọng, sự vùng vẫy đuối sức trước khi chết!

Bài học này cũng đạt điểm tốt nhưng chưa xuất sắc do một vài đám cỏ cào xới trông không được tự nhiên, nai chúa phải chỉnh lại một đôi chỗ.

Bài học thứ ba: Tập đại tiện, tiểu tiện...

Nai tơ ngạc nhiên:

- Làm sao khi không lại có thể đi đại tiện, tiểu tiện được, thưa chủ?

- Không biết! Phải tập! Tập sao mà khi cần thì phải đại tiện tiểu tiện được mới hay!

Thế là suốt một tuần lễ, nai tơ mới học được bài học khó khăn này.

Bài học thứ tư: Tập nín thở càng lâu càng tốt, nhưng phải biết giữ hơi bên trong, làm sao cho bụng trương phình lên.

Bài học này cũng khó nên ba hôm sau, nai tơ mới làm được.

Bài học thứ năm: Tập thở chỉ một lỗ mũi phải, rất nhẹ, sau đó tập thở với chỉ một lỗ mũi trái, rất nhẹ; trợn mắt và le lưỡi,

sau đó làm sao căng toàn thân cứng đờ ra như một xác chết.

Bài học này rất khó nhưng sau một tuần lễ, nai tơ thực tập được.

Thế rồi, hôm bế mạc lớp học, nai chúa còn ân cần dạy bảo thêm:

- Đừng đi đến những nơi có loài người, có vườn tược, ruộng đồng của loài người vì đây không phải là nơi an toàn cho loài nai. Nên tránh xa chỗ loài người thường hay lui tới; luôn cẩn thận quan sát trước mặt, bên phải, bên trái; để ý cái gì có móc, có vòng, những thanh tre, thanh gỗ có vẻ bất thường, thiếu tự nhiên vì đây có thể là bẫy sập của thợ săn. Nhưng nếu lỡ bị sập bẫy, phải bình tĩnh, đừng có sợ hãi, rồi thực tập những bài học giả chết như đã học, tên thợ săn ngu ngốc tưởng là nai chết thật rồi, cởi dây trói hoặc tháo vòng sắt ra, thế là con phóng vọt đi, thoát nạn.

Nai tơ rất chịu khó nghe lời rồi thực tập tới lui rất chăm chỉ, rất thuần thực.

Hôm kia, nai tơ vô ý bị bẫy sập, nó thảng thốt kêu lên, đàn nai bỏ chạy về báo lại cho mẹ nó. Bà mẹ đến nai chúa và hỏi:

- Không biết cháu nó đã học được sự khôn ngoan của loài nai thông thạo chưa?

Nai chúa nói:

- Chị yên trí. Em dạy một, nó học được hai. Sẽ không có diêm dữ đâu. Chị cứ đợi và mỉm cười, chưa tới trưa mai, cháu sẽ trở về ngay thôi!

Rồi nai chúa đọc lên một bài kệ:

“- Nai duỗi chân, tập nằm

Biết cào đất tám móng

Biết vẩy cỏ lên mình

Biết đại tiện, tiểu tiện

Sinh hôi và dơ dáy

Lỗ mũi trái thở nhẹ

Lỗ mũi phải thở nhẹ

*Vời thân thể cứng đơ
Trợn mắt và le lưỡi
Kiến ruồi đến bu quanh
Đúng xác chết thật rồi
Vậy là nai thoát nạn!”*

Và đúng như nai chúa nói. Khi bị sập bẫy, nai áp dụng thực tập những điều đã học. Sáng hôm sau, tên thợ săn đi đến thấy một xác chết hôi hám, bụng phình trương, cứng đờ, kiến ruồi bu quanh, mấy con quạ lượn lơ kêu quang quác; ông lấy tay vỗ bụng nó, nói rằng: ‘Mới dính bẫy đó mà sao mày lại sinh thối rồi? Vậy thì tao sẽ nướng thịt ngay tại đây rồi mang về nhà!’ Người thợ săn mở dây, gỡ kẹp cho nai. Xong, ông bắt đầu đi kiếm cây khô, cành khô để chuẩn bị nướng nai. Trong lúc đó thì nai tơ trỗi dậy, đứng vững vàng bốn chân, vươn cổ rồi như một đám mây vàng bị gió lớn thổi tan, nó phóng rất nhanh, qua rừng, về với bầy đàn, thoát nạn!”

Kể chuyện xong, đức Phật nói:

- Nai chúa chính là Như Lai đây, và nai tơ chính là Rāhula bây giờ. Thuở xưa nó cũng ham học lắm, ham học đã trở thành cái tánh tốt của nó. Vậy chư tỳ-khuru hãy cố gắng huân tập những tánh tốt, nếu chưa đạt đạo quả thì cũng tích lũy được rất nhiều lợi lạc an vui trong các cõi trời và người.

Năm ấy là sau mùa an cư thứ mười một của đức Phật, thấy thời tiết đang còn mát mẻ mà công việc tăng ni hai viện đã có chư vị trưởng lão chăm sóc vững vàng nên ngài lại ôm bát lên đường. Ngài cũng khuyên các bậc thánh vô lậu có thắng trí nên phân bố đi các nơi, nhất là những tu viện lớn tại Kosambī, Vesālī, Rājagaha...

Thế rồi, đức Phật đã cùng một nhóm hội chúng chừng năm trăm vị, trong đó có Ānanda, Nanda, Rāhula cùng thị giả Nāgita chậm rãi rời Sāvattthi. Dịp này, đức Phật cố ý chăm sóc, giáo giới thêm cho tỳ-khuru Nanda và sa-di Rāhula.

Trên đường, đức Phật quan sát tỳ-khuru Nanda thấy ông

hoàng này đã toát ra sự trang nghiêm, lặng lẽ và tự chủ trong những oai nghi, trong khi đi trì bình khát thực, khi dưới cội cây hoặc khi ngủ nghỉ; chúng tôi đã an trú được trong hiện tại nên gặp khi phải thời, ngài nói:

- An trú trong hiện tại thì được rồi! Nhưng hiện tại ấy là cái gì vậy, này Nanda?

- Là trong từng hơi thở, bạch đức Thế Tôn!

- Trong từng hơi thở thì được rồi! Nhưng chỉ thuần là hơi thở mà thôi sao?

Thấy tỳ-khuru Nanda có vẻ suy nghĩ, đức Phật biết là cần phải giải thích rõ hơn nên ngài nói tiếp:

- Hãy tư tác điều này như là kim chỉ nam của định và tuệ, này Nanda! Nếu thuần là hơi thở thì có khuynh hướng lắng dứt, tịnh chỉ. Nếu vừa hơi thở vừa mắt thấy sắc, vừa tai nghe âm thanh... thì có khuynh hướng quán chiếu, minh sát, này Nanda!

- Tâu vâng! Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử cũng biết vậy nhưng mà chưa minh giải rõ ràng được! Ví như không chỉ mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh... mà còn cả những cảm thọ, những tưởng tri, những tâm hành và những nhận thức nữa.

- Đúng vậy! Nhưng mà rồi, sau đó, ra sao nữa, này Nanda?

- Thừa! Bao giờ biết rõ, thấy rõ được thực tánh, như tánh, không tánh của tất cả chúng, tất cả pháp.

- Đúng vậy! Thật là chính xác! Nhưng thực tánh, như tánh, không tánh ấy là cái gì vậy, này Nanda?

- Là bản chất như thực vô thường, bản chất như thực dukkha, bản chất như thực vô ngã của tất cả pháp, bạch đức Tôn Sư!

- Ô! Ông đã lập ngôn rất đúng. Tuy nhiên, cái lập ngôn rất đúng ấy chỉ mới là cái vỏ cây, cái da cây chứ chưa phải là cái tinh lõi. Hãy rời bóng mới thấy hình. Hãy lìa ngón tay mới thấy mặt trăng, này Nanda!

Tỳ-khuru Nanda rung động cả châu thân.

Sau đó mấy hôm, đức Phật thấy tỳ-khuru Nanda miên mật công phu hành trì, ngồi thiền suốt đêm, kinh hành suốt đêm với

khuôn mặt tỏa sáng lạc hỷ. Đức Phật biết rõ ông ta đã đi thêm được một bước nữa trên lộ trình thánh quả.

Sa-di Rāhula đã mười sáu tuổi rồi, đã tỏ ra sự chín chắn, chững chạc hiếm có. Suốt chín năm qua, đức Phật chỉ chính thức giáo giới mấy lần, nhưng ngài biết rõ là hai vị đại đệ tử Sāriputta và Mahā Moggallāna đã thay phiên nhau chăm sóc chú sa-di này rất chu đáo. Hôm dừng chân tại đại viên Nigrodhārāma tại Kapilavatthu, thấy Rāhula cứ chăm chú nhìn ngài mãi, đức Phật hỏi:

- Gì vậy, Rāhula?

- Đệ tử sợ nhớ tới lời đức Thế Tôn khiển trách mấy năm về trước.

- Ô! Có phải là “sắc” không? Đức Phật mỉm cười, nói tiếp

- Cái “sắc” của Như Lai không còn như thuở trước nữa có phải thế không? Năm nay Như Lai đã bốn mươi sáu tuổi rồi!

Sa-di Rāhula mỉm cười, tự tin:

- Không! Cái “sắc” của đức Thế Tôn còn đẹp hơn cả lúc xưa nữa. Cái độ tuổi này của đức Thế Tôn, dường như cái gì cũng đang toàn mãn! Tuy nhiên, trong tâm tư đệ tử hiện giờ không đơn giản nghĩ về sắc ấy, nó là cả một trời liên tưởng khá lộn xộn! Là vậy mà không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật cảm giác rất thú vị, vì qua đôi mắt, cách nói, ý tưởng, chúng tỏ Rāhula đã trưởng thành thật rồi! Trưởng thành về mọi phương diện nên ngài lựa tìm một bóng cây rồi ngồi xuống.

Và rồi sa-di Rāhula đã đến quỳ gần một bên, cất giọng chiêm đàm:

- Năm ấy, sau khi tôn giả Sāriputta đi cùng với đức Thế Tôn từ xứ Kuru về, tôn giả đã nhiệt tình suốt ba buổi giảng về pháp quán niệm hơi thở cho đại chúng tăng ni rất kỹ càng. Đệ tử có thính pháp, có nghe và cũng đã thực hành không dám xao lãng. Nhưng mấy hôm sau, đi khát thực sau lưng đức Thế Tôn, đệ tử chiêm ngưỡng Thế Tôn rồi ý nghĩ sau đây phát sanh:

“Cha ta, đức Thế Tôn, có mỹ tướng cao sang, có phong độ oai nghiêm đáng quý trọng xiết bao! Coi kìa! Dáng dấp của ngài như thốt tượng chúa uy nghi, đỉnh đạc. Cha ta, đức Thế Tôn, từ thân mặt trời xuất sanh, dòng dõi sư tử, quý tộc, vương giả đã phui chân cung vàng điện ngọc mà ra đi! Ôi! Cha ta, đức Thế Tôn, có dung sắc mỹ diệu, đẹp đẽ, thế gian này không ai sánh được!” Nghĩ thế xong, nhìn ngắm lại mình, đệ tử chợt khởi sanh tự tôn, tự mãn, hãnh diện vô cùng: “Ta cũng đẹp đẽ, cũng quý tướng, cũng cao sang như đức Thế Tôn vậy”. Như đọc được tư tưởng của đệ tử, đức Thế Tôn đã la rầy như sau: “Hãy chiêm nghiệm và quán sát ‘sắc’ ấy, này Rāhula! Không những ‘sắc’ của Như Lai mà tất cả sắc, sắc trong, sắc ngoài, sắc thô, sắc tế, sắc gần, sắc xa, sắc hiện tại, sắc quá khứ, sắc vị lai; tất cả chúng đều bị định luật vô thường, biến đổi, lui tàn, chúng không vĩnh viễn yên trụ như vậy đâu, dù một chớp mắt, một sát-na!”

Thấy Rāhula yên lặng. Đức Phật hỏi tiếp:

- Thế khi Như Lai dạy bảo như vậy xong, chuyện gì xảy ra?

- Thưa! Đệ tử rất lúng túng. Tâm trạng của đệ tử lúc ấy rất phức tạp. Vừa hồ thẹn vừa phân vân. Hồ thẹn vì tư tưởng thâm kín đã bị đức Thế Tôn bắt gặp tại trận. Phân vân là vì đệ tử đang “quán niệm hơi thở” mà đức Thế Tôn thì lại dạy “minh quán sắc”. Tuy nhiên, đệ tử nghĩ: “Ai có thể, hôm nay, được đức Đạo Sư trực tiếp chỉ dạy lại có thể nghĩ đến chuyện ăn, chuyện uống, chuyện khát thực trì bình để lo cho cái thân một cách phàm tục như thế?” Thế rồi, đệ tử tự động rút về Jetavana, lựa tìm một cội cây, ngồi kiết già và yên lặng quán minh sát xem thử “cái sắc” ấy nó ra sao! Được một lúc thì tôn giả Sāriputta đi qua, ngài dừng lại, nhìn ngắm đệ tử rồi nói: “Giỏi lắm, này Rāhula! Pháp quán niệm hơi thở có thể lắng dứt tất cả tham lao xao, phiền não; nó còn đem đến hiện tại lạc trú rất dễ dàng! Hãy cố gắng đi nhé! Ta sẽ đi trì bình, rồi con cũng sẽ có một phần, một bát!” Nghe vậy, đệ tử không dám nói gì nhưng trong lòng, vốn đã phân vân, lại thêm một tầng phân vân nữa!

- Ủ! Hãy kể tiếp, Như Lai đang nghe đây!

- Cuối cùng, đệ tử cảm giác quán niệm hơi thở thích hợp hơn, dễ an trú hơn, dễ đi sâu hơn nên mấy năm nay đệ tử thường tới lui các định, có hỷ trú, có lạc trú. Còn quán sắc quá phức tạp, đệ tử chỉ thấy được sắc thô, không thấy được sắc tế nên mình sát ít tiền bộ, bạch đức Tôn Sư!

- Rồi sau đó, ra sao nữa, này Rāhula?

- Chư tôn túc trưởng lão, vị nào cũng bận rộn bởi hằng trăm học chúng, hằng ngàn học chúng cả tăng ni và hai hàng cận sự nên đệ tử không dám hỏi ai. Cứ thâm lặng tu tập, lắng nghe, học hỏi. Đệ tử cũng phải để mất khá nhiều thì giờ cho những việc nhằng nhít, lật vật, loanh quanh...

- Không nhằng nhít, không lật vật, không loanh quanh đâu! Đức Phật mỉm cười - Việc quét tước dọn dẹp đại giảng đường, sân vườn, liêu thất, lối đi; sắp đặt vật dụng các phòng ốc, bệnh xá, phòng tiêu, phòng tắm, những lu nước, chỗ thức ăn tàn thực cho kẻ đói nghèo... đều là những công việc nặng nề đấy! Tuy nhiên, nhờ lao tác, nhờ công việc tay chân ấy mà trầm tĩnh, điềm đạm, nhẫn nại, vị tha, tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả... cũng từ đấy mà vững vàng, thêm sức mạnh, có phải như vậy không Rāhula?

- Thừa vâng! Đúng là vậy! Nhưng tu viện nhờ có sẵn cả hằng trăm vị tỷ-khưu trẻ cùng chúng sa-di nữa, bạch đức Thế Tôn!

- Ủ, Như Lai biết, và nhiều vị trưởng lão cũng hằng khen ngợi những người siêng năng chấp tác công việc phục vụ. Vậy khi làm việc thì nên niệm hơi thở hay nên quán sắc, này Rāhula!

- Tôn giả Sāriputta dạy là không cần niệm, không cần quán cái gì cả, việc nào làm ra việc nấy, phải biết chú tâm, phải biết quan sát từng lúc, từng khi, kể cả từng máy động duyên khởi rất nhỏ nhiệm, vị tể!

- Ô, hay lắm! Chính xác là vậy! Không cần niệm, quán gì cả. Cái xẻng là đề mục, cái chổi là đề mục, hốt rác là đề mục, cánh tay đưa ra là đề mục, cái chân bước đi là đề mục, gánh

nước là đề mục, bữa cử là đề mục... có phải vậy không, Rāhula?

- Đúng là tôn giả Sāriputta đã dạy như vậy, cụ thể là như vậy để giáo giới cả hàng trăm ông sư không chịu nhích cái tay, nhích cái chân, lúc nào cũng viện cớ tôi ngồi thiền, tôi bận ngồi thiền...

Tôn giả Ānanda, Nanda ngồi bên, đồng cất tiếng cười xòa. Đức Phật cũng mỉm cười nhưng ngài còn ân cần hỏi tiếp:

- Vậy thì cái “*sắc*” từ đầu câu chuyện này là thế nào, hỡi Rāhula?

- Sau đoạn đối thoại giữa đức Thế Tôn và tôn giả Nanda nói về hơi thở định, nói về hơi thở tuệ rồi sang chỗ... không những sắc mà những cảm thọ, những tưởng tri, những tâm hành, những thức tri cũng phải cần minh sát như thực tướng, đệ tử sức nhớ lại chuyện xưa, nhìn lại “*sắc*” của đức Thế Tôn, đệ tử muốn phát biểu một câu nhưng còn sợ sợ, còn ngại ngại...

Tôn giả Ānanda khuyến khích:

- Cứ nói đi, Rāhula! Cứ như thực tri mà nói!

- Đúng như thế đó! Tương tự như thế đó! Chính đệ tử muốn nói là sắc của đức Thế Tôn năm ba lăm, ba sáu tuổi là như thực tướng thì sắc của đức Thế Tôn bốn sáu, bốn bảy tuổi cũng như thực tướng. Và sau này, thân thể đức Thế Tôn có già lão, thì sắc ấy, sắc già lão ấy cũng phải được nhìn ngắm như thực tướng.

Vì chưa phải là những bậc lậu tận nên lời phát biểu này của Rāhula làm cho cả Ānanda, Nanda đều im lặng, không dám nhận xét.

Đức Phật gạt đầu:

- Rāhula nói đúng đấy! Mọi sắc, mọi thọ, mọi tưởng, mọi hành, mọi thức... nếu được nhìn ngắm như thực khi chúng *đang-là-duyên-khởi*, khi chúng *đang-là-vận-hành*, khi chúng *đang-là-tương-duyên*, khi chúng *đang-là-tương-quan*, khi chúng *đang-là-tương-hệ* thì chúng đều là như thực tướng, như thực tánh hết. Pháp bất tử là ở đấy mà vô sanh, Niết-bàn cũng ở đấy! Cứ hãy như vậy mà y chỉ, thọ trì!

Lời giáo giới tối hậu này không dễ gì các vị đang có mặt “*như thực liễu tri*” được!

Thời gian trôi qua...

Hôm nọ, tại tịnh xá Kỳ Viên vào mùa an cư thứ mười bốn, tôn giả Sāriputta đến gặp đức Phật, trình bày là sa-di Rāhula nếu tính từ trong bụng mẹ thì năm nay đã hai mươi tuổi rồi.

- Vậy ông thấy trình độ tâm của Rāhula đã thật sự vững chãi chưa?

- Giới hạnh rất tốt, lại khiêm cung và lễ độ nữa, bạch đức Tôn Sư.

- Thế trình độ trí đã sẵn sàng để tiếp nhận những pháp cao hơn không?

- Cũng đã rất sẵn sàng, bạch đức Tôn Sư.

- Vậy thì ông hãy làm những gì mà ông thấy là hợp thời và đúng lúc.

Thế rồi, sau đó, tôn giả Sāriputta làm thầy tế độ (upajjhāya), tôn giả Mahā-Moggallāna làm thầy đọc tuyên ngôn (ācariya) cùng một số vị trưởng lão cho sa-di Rāhula thọ đại giới, dẫn đến đánh lễ đức Phật rồi ngồi một nơi phải lễ.

- Đây là tân tỳ-khưu Rāhula - Tôn giả Sāriputta nói - bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật nhìn ngắm tăng tướng, phẩm mạo sáng đẹp, uy nghi của Rāhula, ngài hỏi:

- Máy ngày hôm nay, tại giảng đường chùa Kỳ Viên, nhị vị đại đệ tử đã thay nhau thuyết những bài pháp về “*Mười loại cỏ*”, về “*Mười một pháp của người chăn bò khéo giỏi*” và “*Khúc gỗ trôi sông*”, con có chăm chú lắng nghe và có khéo tư duy về những ngữ nghĩa, ẩn dụ trong mấy thời pháp ấy không, Rāhula?

- Đệ tử nắm bắt khá tốt, bạch đức Thế Tôn.

- Thế con tâm đắc nhất trong ba thời pháp ấy là gì? Cái cô đọng, cái tinh túy, cái còn lại trong con là cái gì, nói thử xem nào, Rāhula?

- Đệ tử tâm đắc nhất câu nói đồng mãnh, đầy tự tin của chú chăn bò Nanda là: *“Con sẽ không bị tấp vào bờ này, sẽ không bị tấp vào bờ kia, sẽ không bị chìm giữa dòng, sẽ không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, sẽ không bị người đời nhặt lấy, sẽ không bị phi nhân nhặt lấy, sẽ không bị lọt vào vùng nước xoáy, sẽ không bị mục nát bên trong”* bạch đức Thế Tôn!

- Và khúc gỗ ấy, chắc chắn sẽ thuận dòng trôi về biển lớn chứ, Rāhula?

- Chắc chắn như vậy, bạch đức Thế Tôn.

- Vậy thì con có thể giải thích toàn bộ một cách ngắn gọn được không, này Rāhula?

Rồi sau khi tân tỳ-khưu Rāhula tóm tắt rất rõ ràng, mạch lạc bài kinh được hỏi, đức Phật gật đầu:

- Tốt, được rồi! Vậy thì ngày mai, con hãy cùng đi trì bình khất thực với Như Lai.

Cuối nửa canh ba hôm sau, đức Thế Tôn khởi lên tư niệm: *“Tâm và trí của Rāhula đã thuần thực, đã sẵn sàng, vậy ta hãy trao cho nó cái gia tài mà thuở xưa nó đã xin ở nơi ta!”*

Và rồi, sau khi đức Phật và vị tân tỳ-khưu thông dong đi trì bình vừa đủ dùng, ngài dẫn Rāhula đi thẳng vào rừng Andhavana.

Trong lúc đó, chư thiên tại tịnh xá Kỳ Viên và khắp vùng, xôn xao bàn tán: *“Hôm nay, tại khu rừng Andhavana, đức Chánh Đẳng Giác sẽ trao cho con trai của mình kho tàng vô giá. Hãy cùng nhau đến nghe xem để cùng hoan hỷ và cùng lợi lạc”*.

Tại một cội cây mát mẽ, sau khi độ thực, uống nước, rửa tay xong, đức Phật chợt hỏi Rāhula:

- Sáu căn dính mắc là tấp vào bờ này, sáu trần dính mắc là tấp vào bờ kia; hôm qua con đã tóm tắt như vậy là tạm đủ. Tuy nhiên, có thể tóm tắt gọn hơn thế nữa, được không, Rāhula?

- Có thể được, bạch đức Thế Tôn!

- Thế nào?

- Sáu giác quan mắt tai mũi lưỡi thân và ý, sáu đối tượng của sáu giác quan ấy là hình sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm

và pháp (ngũ trần tồn đọng trong tâm); theo đó, chúng sẽ phát sanh sáu cái biết là thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ chạm và ý thức; vậy là chúng luôn luôn duyên sanh, luôn luôn thay đổi, rỗng không, không có tự tính, không có cái gì ở đó là tôi, là của tôi cả, bạch đức Thế Tôn!

- Ủ, đúng vậy! Đức Phật gật đầu - tức là mười tám giới căn trần thức ấy luôn luôn vô thường, vô ngã có phải con muốn nói như vậy không?

- Vâng, bạch đức Thế Tôn!

- Một hạt cát cũng vô thường, vô ngã, một cọng cỏ cũng vô thường vô ngã, một hạt sương cũng vô thường vô ngã. Cho chí mặt trời, mặt trăng, biển cả, núi Tu Di cũng vô thường, vô ngã. Vậy vô thường, vô ngã ấy là định luật tự nhiên của trời đất! Nếu nó mà không vô thường, không vô ngã thì thiên hà vạn tượng không tồn tại, này Rāhula! Con có thấy như thế không?

- Đệ tử có thấy, nhưng vô thường, vô ngã của ngoại giới, của vạn hữu như đức Thế Tôn vừa nói, chúng không đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não (*dukkha*), bạch đức Tôn Sư!

- Thế vô thường, vô ngã nào mới đưa đến toàn bộ dukkha ấy, này Rāhula?

- Chính chấp thủ mắt tai mũi lưỡi thân ý ấy là ta (*ngã*) và của ta (*ngã sở*); chính chấp thủ sắc thanh hương vị xúc ấy là ta và của ta; chính chấp thủ cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái sờ, cái suy nghĩ ấy là ta và của ta mới đưa đến các trạng thái tâm lý, đổi thay liên tục các trạng thái tâm lý, kết dệt nên một cái ngã không thực có: Là tôi thích, tôi không thích, tôi thương, tôi yêu, tôi buồn, tôi oán, tôi giận, tôi nóng nảy, tôi khoái, tôi đam mê, tôi chán chường mới chính thực sự là dukkha, là núi lớn dukkha, là biển cả dukkha trên trần gian này, bạch đức Thế Tôn!

- Đúng vậy! Hãy tóm tắt điều con vừa nói thử nào, Rāhula?

- Là thân thể, là các cảm thọ, là những tưởng tri, là các trạng thái tâm lý, kể cả tâm ý thức; cái ngũ uẩn ấy là vô thường, vô ngã, là không phải ta, không phải của ta! Ai thấy rõ như vậy,

minh tri như vậy, liễu tri như vậy, thấy như thực thấy như vậy thì kẻ ấy thoát ly tất cả dukkha, bạch đức Thế Tôn!

- Có thể nói cách khác không, này Rāhula?

- Có thể được! Ai chấp thường, chấp ngã là bị dukkha chi phối; ai thấy rõ vô thường, vô ngã thì có trong tay chìa khóa mở được cánh cửa giải thoát, Niết-bàn, bạch đức Thế Tôn!

Thấy Rāhula nắm chắc giáo pháp, biết rõ, thấy rõ giáo pháp một cách quán triệt, thông tuệ. Nó đã đi từ da, qua thịt, đến xương, gập tủy rồi - nên đức Phật thử đặt một câu khó:

- Vậy thì ý niệm cuối cùng mà con vừa diễn đạt, cái chìa khóa mở cửa Niết-bàn ấy, nó nằm ở đâu, này Rāhula?

- Nói là chìa khóa cho có hình tượng, chứ thật ra không có chìa khóa ấy. Nó chính là *“lưỡi kiếm của tuệ hành xả”*, nó chặt đứt luôn ý niệm giải thoát cuối cùng, vì nó không phải là ta, không phải là của ta, chẳng phải tự ngã của ta, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật biết rõ đóa hoa giác ngộ trong lòng của Rāhula, trải qua thời gian, nắng mưa sẽ sắp sửa mãn khai nên ngài tiếp thêm một chút duyên, một tia nắng ấm của giáo pháp nữa:

“- Do biết vậy, thấy vậy nên các vị đa văn thánh đệ tử của Như Lai đã yếm ly tất cả, xả ly tất cả, không còn chấp thủ, dính mắc bên trong, không còn chấp thủ dính mắc bên ngoài. Nhờ xả ly, nhờ ly tham, vị ấy là tất cả mọi nội ngoại triền, hữu kiết sử nên được giải thoát. Khi giải thoát vị ấy biết mình đã giải thoát: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, mọi việc cần làm đã làm xong, không còn trở lui các trạng thái tâm trầm luân, hệ lụy, hệ phược đời này nữa.

Này Rāhula! Đây là gia tài trân bảo mà Như Lai không chỉ trao cho con, mà còn trao cho tất cả những ai cần cầu tu tập trên cuộc đời này, là rốt ráo phạm hạnh, là viên mãn sang bờ kia vậy!”

Đức Thế Tôn kết luận tối hậu như thế, tân tỳ-khưu Rāhula, ngay sát-na ấy, giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

Quả vị A-la-hán tối thượng tôn đã đến với con trai đức Phật⁽¹⁾. Toàn bích và viên dung.

Và đối với hàng ngàn chư thiên hôm ấy, có nhiều vị được sáng mắt, có nhiều vị pháp lạc phát sanh, có nhiều vị khởi lên pháp nhãn ly trần, vô cầu để bước vào dòng thánh, thọ hưởng an vui nhiều đời, không còn rớt xuống những cảnh giới đau khổ nữa.

Sau khi thọ tỳ-khuru và đắc quả A-la-hán, Rāhula có tháp tùng tôn giả Devadatta, trưởng lão ni Gotamī và mẹ là Yasodharā về thăm ông ngoại là đức vua Suppabuddha tại Devadaha, nước Koliya. Mặc dầu biết ông ngoại phi báng đức Phật, ngại đường đức Phật là tội báo rất nặng nhưng không ai có thể ngăn cản, khuyên lơn được. Cái quả đất rút địa ngục của đức vua Suppabuddha đã thấy rõ nhưng ai cũng đành bó tay.

Đức Phật nấn ná ở Kapilavatthu do có nhiều duyên sự phải giải quyết, nên hết mùa xuân mới cùng đại chúng trở về Kỳ Viên trong tiết trời đã bắt đầu nắng nóng. Tránh con đường xa lộ thương mại, đức Phật và đại chúng đi theo những lối mòn trong các thôn làng, các sườn đồi và sơn lộ có nhiều cây xanh bóng mát.

Trên lộ trình này, đức Phật và đại chúng có nhiều chỗ phải dừng chân để nghỉ ngơi hoặc tá túc qua đêm. Và vào những lúc như vậy, thỉnh thoảng đức Phật cảm hứng thốt lên một vài câu nói nào đó nhưng không giải thích làm cho đại chúng rất thú vị, mà đồng thời cũng phải mệt mề đăm chiêu suy nghĩ.

Ví như có lần, đức Phật nói:

- Chà! “*Nhờ vô thường*” nên lá vàng lá lại xanh; “*nhờ vô thường*” nên hoa tàn rồi hoa lại nở. “*Nhờ vô thường*” nên hết tiết đông lạnh giá lại sang tiết xuân ấm áp, dễ chịu...

Đức Phật bỏ lửng câu nói rồi bước đi.

Chư tỳ-khuru phàm tăng ở phía sau không ngót bàn tán với nhau:

⁽¹⁾ Kinh Cūḷa-Rāhulovāda.

- Này, sao trước đây, đức Đạo Sư và chư vị trưởng lão thuyết giảng: Vô thường là khổ?

- Ai mà biết!

- Cái định luật nó vậy!

- Thì... thì lá vàng, lá xanh nó đâu có tri giác mà than khổ?!

Rồi họ lại tranh luận với nhau nhưng mà không đi đến đâu cả.

Lần khác, đức Phật lại nói trống không:

- Chà! Cái dòng suối này “*chẳng có tác ý, chẳng có tư tác*” gì mà nó chảy róc rách, róc rách nghe rất vui tai; nó lại còn biết lách bên này, len bên kia qua mấy kẽ đá, qua mấy mô đất... dường như có “*thức tánh*” đấy nhỉ?

Khi đức Phật đi xa rồi, một số vị tỳ-khưu còn ngồi lại bên suối, suy ngẫm câu nói vừa rồi của đức Phật. Chịu. Họ không giải thích được.

Hôm nọ, dừng chân nơi một khu rừng im mát, thiên hô vượn hát là chim, là tiếng chim... như là một khúc hòa tấu du dương tuyệt vời của bà mẹ thiên nhiên...

Đức Phật lắng nghe một hồi rồi nói:

- Chà! Con chim này “*tư tác*” hót kiểu này, con chim kia “*tư tác*” hót kiểu kia. Trăm ngàn cách. Trăm ngàn loại. Nhưng không biết chúng có tranh âm, tranh giọng với nhau chẳng? Tự nhiên như thế chẳng? Hòa hợp như thế chẳng?

Thường thì sau câu nói của đức Phật, các bậc thánh lậu tận mỉm cười còn chư phàm tăng thì nhăn mày. Có một số vị vây quanh tôn giả Moggallāna hoặc Ānanda để mong nghe vài lời kiến giải thông tuệ; nhưng các ngài thường nói:

- Chỉ có đức Đạo Sư mới biết rõ lúc nào là đúng thời, đúng duyên nhất để lý giải những điều ấy.

Một số vị lại đến vây quanh tỳ-khưu Rāhula, vì họ “*nghe nói*” con trai của đức Phật đã thành tựu cứu cánh phạm hạnh để mong một sự chỉ giáo.

Tôn giả Moggallāna hướng tâm một lát là đã biết sự thật: “*Tỳ-khưu Rāhula ‘thọ hành’ đã sắp mãn, đức Phật cốt ý bộ*

hành về Kỳ Viên để Rāhula nhập diệt trước sự chứng kiến của đại chúng tăng ni cùng hai hàng cư sĩ áo trắng! Những câu nói cảm hứng của đức Phật, nhất là câu đầu tiên, chỉ có bậc thánh lậu tận mới giải thích được. Trong số chư vị phạm tăng ở đây có người khởi nghi tâm là Rāhula chưa đắc quả A-la-hán. Và đây là dịp đức Đạo Sư muốn tuyên dương trí tuệ như thực, vô lậu của Rāhula để phá nghi cho chư vị phạm tăng kia”.

Khi thấy rõ, biết rõ sự thực như vậy nên tôn giả Moggallāna nói với Rāhula:

- Hãy trả lời cho họ nghe đi, Rāhula! Chính đức Tôn Sư muốn để dành vinh hạnh ấy cho ông đấy!

Được sự chuẩn nhận, chấp thuận của vị thầy A-xà-lê khả kính của mình, tỳ-khưu Rāhula mới dám trả lời. Và đoạn đối thoại giữa họ như sau.

Tỳ-khưu Rāhula nói:

- Về câu nói cảm hứng thứ nhất của đức Đạo Sư về lá xanh, lá vàng, hoa tàn, hoa nở... là ngài muốn nói đến cái lý vô thường tự nhiên của trời đất. Nhờ có lý vô thường tự nhiên ấy mà vũ trụ này có thành, có trụ, có hoại, có không; và nhờ có hoại, có không nên mới có thành có trụ! Vậy, nếu không có định luật vô thường tự nhiên này thì một hạt bụi cũng không có mặt, cũng không được thiết lập; và ngọn Sineru hùng vĩ kia cũng không cơ sở để tồn tại! Cho nên, sự vô thường ấy, sự chuyển đổi, thay đổi, dịch hóa ấy nó làm nên vạn hữu, tạo tác nên vạn hữu, chứ không đưa đến dukkha (khổ)⁽¹⁾, thừa chư tôn giả!

⁽¹⁾ Ở đây cần ghi chú thêm một lượt nữa. Dukkha thường được dịch là khổ, thường không nói hết nội dung ngữ nghĩa của nó. Có thể tóm tắt trong ba nghĩa chính: Một, tám thân vật lý thường bị đau nhức, bệnh tật, già lão, tử vong... nên gọi là dukkha. Hai, sự biến đổi, thay đổi của các trạng thái tâm lý như buồn vui, thương ghét, nóng giận, khô lạc...chỉ phối chúng ta nên đưa đến dukkha. Ba, sự bất toại nguyện, bất như ý, rỗng không, bất toàn của thế gian pháp nên gọi là dukkha.

- Thế sao đức Thế Tôn giảng về tam pháp ấn vô thường, vô ngã, dukkha (khổ) là định luật của tất cả pháp?

- Đúng vậy! Nhưng chư tôn giả phải để ý là có hai cái saṅkhāra, hai cái “hành” hai cái “hữu vi”, hai cái tạo tác khác nhau. Cái saṅkhāra, cái “hành” cái “hữu vi”, cái tạo tác của thiên nhiên trời đất là cái tất yếu, cái không thay đổi được; nhờ nó mới có thể gian, thế giới, tinh hà, nhật nguyệt, núi sông, vạn hữu! Cái vô thường, vô ngã ấy không đưa đến dukkha (khổ) thừa chư tôn giả! Chính cái lăng xăng tạo tác, cái saṅkhāra, cái hành, cái hữu vi của tâm niệm, của các trạng thái tâm lý, cụ thể là của thương ghét, buồn vui, tham muốn, giận dữ, đố kỵ, tị hiềm... hằng chục cái thay đổi, chuyển dịch vô thường ở trong tâm niệm mới đưa đến dukkha này! Hãy hiện quán, hãy minh sát cái saṅkhāra, tức là của hành trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức là chư tôn giả sẽ thấy biết như thực như vậy!

Tỳ-khuru Rāhula giảng thế xong, không biết bao nhiêu là lời xuýt xoa bàn tán, khen ngợi, tán dương:

- Chà! Một vị thốt lên - thật là tuyệt vời!

- Cảm ơn “trưởng lão”!

- Thật không có gì rõ ràng như thế nữa!

- Minh nhiên! Như thị!

- Chỉ có bậc thánh lậu tận mới tường minh được như thế!

Rồi họ hỏi tiếp qua câu hỏi thứ hai:

- Thế còn cái dòng suối?

- Không tư tác, nó róc rách?

- Không tác ý nó len lỏi?

- Dường như nó có thức tánh?

Tỳ-khuru Rāhula mỉm cười:

- Xem nào, này chư tôn giả! Đất có chỗ cao, chỗ thấp; nước ở chỗ cao chảy xuống chỗ thấp là cái tự nhiên. Khi chảy xuống, tuôn xuống, do nó va đập vào đá nên có tiếng róc rách, đấy là cái tự nhiên. Cái dòng đang chảy bị một mô đất, một rễ cây, một lèn đá chặn ngang thì nó phải tìm cách len lỏi sang lỏi

khác, đó là cái tự nhiên. Chẳng có tác ý, tư tác, thức tánh gì ở đó cả. Không những là những hiện tượng ấy, mà cho chí chuyện dịch hóa mưa nắng, ngày đêm, nóng lạnh, chuyển đổi bốn mùa; rồi ảnh hưởng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú đến sông biển, ao hồ, muôn sinh, thảo mộc... đều bị chi phối bởi những định luật tự nhiên của trời đất cả thảy. Những định luật ấy không có dukkha; chỉ có định luật nhân quả nghiệp báo mới đưa đến dukkha, thừa chur tôn giả! Giáo pháp của đức Tôn Sư xây dựng, kiến lập ở chính chỗ này, ngay tại chỗ này: Thấy rõ dukkha và chấm dứt dukkha ấy!

Chư vị tỳ-khưu xung quanh có vị bần rùn, bàng hoàng; có vị bần thần suy nghĩ; có vị hỷ lạc phát sanh do thấy được giáo pháp bất tử.

- Vô cùng tri ân “*trưởng lão*”.

- Chúng tôi đã được vén mở con mắt pháp rồi đó!

Im lặng một lát, tỳ-khưu Rāhula nói tiếp:

- Còn tiếng chim các loại, các giống, thân hình, màu sắc, giọng hót khác nhau là do nghiệp khác nhau. Nếu trăm ngàn thảo mộc khác nhau từ cây, đến lá, từ hoa đến trái là do hạt giống khác nhau thì tiếng chim có sự khác nhau là do nghiệp khác nhau.

- Vậy tiếng chim có tư tác không?

- Có đấy, nhưng tư tác rất nhỏ nhiệm, đôi khi chỉ ở một vài giống chim có thức tánh cao; còn đa phần là do bản năng chi phối, và bản năng chính là quả dị thực do nghiệp tạo từ trước.

- Có loài chim cu ghét nhau tiếng gáy nên chúng thường tìm cách đấu nhau, hót tranh tiếng nhau để tranh giành lãnh thổ, làm oai cô mái!

- Có như vậy đấy!

- Không chỉ làm oai với cô mái mà còn gọi bạn, báo động nguy hiểm, báo động an toàn, báo động có thức ăn... thì sao?

- Có thể do tư tác hiện tiền mà cũng có thể do bản năng! Thật khó biết dịch xác điều ấy, khi mình không phải là chim!

Và nhất là mình không phải là đức Chánh Đẳng Giác.

Mọi người cười vui, hoan hỷ.

Có vị các cố hỏi:

- Những cái thấy biết vừa rồi của “*trưởng lão*” do đâu mà có, trong lúc trưởng lão tuổi còn thanh niên, thọ đại giới vừa được một năm?

Tỳ-khưu Rāhula mỉm cười:

- Thưa, một phần do học hỏi, một phần do chiêm nghiệm, một phần do tu tập, một phần dường như có sẵn từ quá khứ, như tự dung mà biết thế thôi!

Mọi người dường như ai cũng thỏa mãn, hoan hỷ toát ra ngoài mặt.

Tôn giả Moggallāna bước lại, tán thán:

- Đức Thế Tôn đi đã xa rồi! Nếu không ngài cũng phải khen ngợi, tán dương những kiến giải thông tuệ và uyên bác của “*giảng sư*” Rāhula!

Tỳ-khưu Rāhula cúi đầu:

- Đệ tử không dám!

Chư phàm tăng hôm ấy họ mới thật sự tâm phục, khẩu phục, kính trọng, tôn trọng Rāhula.

Đêm hôm kia, đức Phật trú chân trong một khu rừng thì đột ngột tỳ-khưu Rāhula bước vào, đánh lễ ngài rồi lặng lẽ quỳ xuống một bên.

Đức Phật ân cần hỏi:

- Có việc gì không, Rāhula?

- Chắc đức Thế Tôn biết rồi, đệ tử muốn xin phép để xả bỏ giả thân này!

Đức Phật im lặng, đưa mắt nhìn Rāhula một hồi lâu rồi nói:

- Ừ, Như Lai biết! Nhưng con nên duy trì thọ hành về đến tịnh xá Kỳ Viên hăng hay!

- Thưa vâng, đệ tử biết là phải còn trình báo với thầy của con, là tôn giả Sāriputta; ngoài ra, tôn giả Moggallāna, chư vị trưởng lão, trưởng bối như Ānanda, Nanda, trưởng lão ni

Gotamī, trưởng lão ni Yasodharā... cũng phải biết sự ra đi đột ngột của đệ tử!

- Không đột ngột đâu, Rāhula! Nhiều người biết lắm! Nhưng, những việc đáng làm trên cuộc đời này con đã làm xong rồi thì nhập diệt sớm hay muộn cũng không phải là vấn đề!

- Thừa vâng!

Về đến Kỳ Viên mấy hôm, tỳ-khưu Rāhula lần lượt đi đánh lễ tất thầy chú tôn trưởng lão, sang ni viện thăm trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā... để xin phép Nhập Diệt trước. Ai ai cũng buồn ngủi, sự buồn ngủi của những bậc thánh lậu tận thường thì phàm tăng không thể hiểu được cảm xúc ấy nó ra làm sao!

Với tôn giả Moggallāna, ngài hỏi:

- Con muốn an nghỉ ở đâu vậy, Rāhula?

- Thừa, đệ tử thích ở cung trời Ba Mươi Ba!

Tôn giả gật đầu:

- Được rồi! Ta sẽ lên nói với thiên vương Đế Thích (Sakka) để ông ta nghinh tiếp cho đàng hoàng!

Với trưởng lão ni Gotamī thì bà nói:

- Sao sớm quá vậy, Rāhula?

- Thừa, đức Thế Tôn bảo: Khi mọi bốn phận đã làm xong rồi thì sớm hay muộn gì cũng vậy!

- Ủ, thôi thì thế cũng được! Người thấy rõ lẽ tử sinh, đã ly thoát khỏi tử sinh thì trên cuộc đời này còn gì đáng phải lưu luyến, quyến niệm để phát sanh phiền não nữa!

Với trưởng lão ni Yasodharā thì bà trầm ngâm một hồi rồi mới nói:

- Từ khi ta là một cô thôn nữ mười sáu tuổi cầm tám đóa sen chia cho đạo sĩ Sumedha ba đóa, rồi sau đó cả hai người cùng kết lời nguyện sinh tử dưới chân đức Phật Dīpaṅkara, tính đến nay trải qua 24 đức Chánh Đăng Giác; hiện tại mọi ước nguyện thưở xưa giờ đã tựu thành viên mãn. Ta đã thỏa nguyện và nay con cũng đã thỏa nguyện rồi, có phải như vậy không, Rāhula?

- Thừa vâng!

- Vậy thì con cứ đi trước, ta còn một số nhân duyên với hội chúng tỳ-khuru-ni, sẽ đi sau!

Với trưởng lão Nanda thì nước chảy mây trôi, hoa nở hoa tàn thấy đều bình thường; nhưng riêng tôn giả Ānanda thì ngài xúc động, ghen ngào không nói được; hồi lâu ngài cảm thán thốt lên:

- Úi trời đất ôi! Một vị tân tỳ-khuru mà khi còn là sa-di, đã được nhiều người tôn kính gọi là “*trưởng lão*” này, tuổi đang còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh mà lại sớm ra đi như vậy sao?

- Vô thường, vô ngã đều như thực, thưa trưởng lão!

- Biết rồi mà!

Tỳ-khuru Rāhula mỉm cười:

- Nếu cảm nhận cuộc đời qua cảm xúc của con tim sẽ đưa đến phiền não. Hãy minh sát chúng bằng tuệ giác, thưa trưởng lão!

- Biết rồi mà, nói mãi!

Với tôn giả Sāriputta thì tỳ-khuru Rāhula đợi ngài bên vườn, trên lộ trình ngài đi bát về.

- Đã khá lâu thầy trò ta không gặp nhau, lúc này trông dáng dấp và thần sắc của con dường như có cái gì đó hơi mệt mỏi thì phải?

Tỳ-khuru Rāhula thưa:

- Đúng vậy! Quả đúng hiện giờ đệ tử là như vậy! Nhưng đệ tử thì chưa tìm thấy một nét nào là mệt mỏi ở nơi thầy cả.

- Thân xác này thì có mệt mỏi đấy chứ con!

Tỳ-khuru Rāhula kính cẩn thỉnh bát của tôn giả Sāriputta rồi cùng nhau bước đi.

Khi vào đến tịnh thất, Tỳ-khuru Rāhula quỳ sát đất, đánh lễ tôn giả Sāriputta ba lần rồi nói:

- Đệ tử còn trẻ, thưa thầy! Thế mà cái thân của đệ tử đã mệt mỏi, đã quá suy kiệt, tuổi thọ của đệ tử cũng đã sắp hết rồi. Xin phép thầy cho con được Nhập Diệt.

Tôn giả Sāriputta im lặng một hồi.

- Con lại muốn ra đi trước ta?

- Thưa, đệ tử tự biết sự đổi khác, biến hoại ở trong cái thân thể tứ đại này. Đệ tử đã xin phép đức Thế Tôn cùng chư tôn trưởng lão rồi.

Im lặng.

- Con muốn Nhập Diệt ở đâu?

- Thưa, vì có duyên với cõi trời nên con đã có thừa với tôn giả Moggallāna là con sẽ an nghỉ bất tử ở cõi trời Ba Mươi Ba.

Lại im lặng.

- Đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì không?

- Đức Đạo Sư nhìn đệ tử một hồi lâu rồi ngài nói: *“Hãy duy trì thọ hành về đến Kỳ Viên rồi đi đánh lễ các bậc tôn trưởng”*.

- Các vị trưởng lão ni tôn đức, con cũng chào từ giã rồi chứ?

- Thưa vâng!

- Vậy thì con cứ tùy nghi!

Tỳ-khưu Rāhula chột quỳ xuống đánh lễ ôm chân bụi của tôn giả rồi nói:

- Từ ngày bước vô giáo hội cho đến khi thấy được đạo Bất Tử và cả sau này, đệ tử có lỗi lầm nào dầu vô tình hay cố ý, xin thầy hoan hỷ xá tội lỗi ấy cho đệ tử!

- Dĩ nhiên thế rồi! Có lỗi hay không có lỗi đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì chúng đều như gió thoảng, như mây bay, con biết thế mà!

- Thưa vâng!

- Còn gì nữa không con?

- Thưa, còn một việc nữa!

- Vậy thì hãy ngồi lên đây mà nói chuyện - Tôn giả đứng lên, sửa soạn chỗ - Con hãy qua đây, bên cạnh ta đây!

Tỳ-khưu Rāhula từ chối:

- Không, đệ tử không dám ngồi! Đệ tử sẽ đọc cho thầy nghe một bài kệ thơ được cảm hứng tuôn trào sau giây phút chứng ngộ.

Tôn giả cười:

- Hay lắm! Thú vị lắm! Con hãy bắt đầu đi.

Thế rồi, tỳ-khưu Rāhula khi đứng, khi bước tới bước lui và đọc lên bài kệ thơ tâm đắc của mình cho tôn giả Sāriputta nghe.

“- Ôi! *Hồi này là vô lượng, vô biên thế giới!*

Hồi này là trời đất,

Nhật nguyệt, núi sông!

Hồi này là thiên hà

Tinh đầu mệnh mông!

Các người có nghe chăng?

Có nghe trong mây mảy vi trần?

Có nghe trong từng giọt nước sông Gaṅgā?

Thời gian và hư vô cuộn cuộn chảy!

Cái gì cũng luôn luôn trở thành

Và chẳng có gì là tồn tại!

Thế mà có một ba-la-mật hiện thân

Thế mà có một xuất thế như chân

Chỉ như là một hạt bụi

Hạt bụi bé mọn điểm phúc ấy là Rāhula

Là sợi dây ràng buộc ái hà!

Được làm con trai

Của đức Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu

Được là dòng dõi chân truyền

Của đáng Thiên Nhân Sư

Xuất thân từ huyết thống anh hùng

Của Thái Dương thân nữ

Người đã bước xuống

Từ đỉnh Himalaya tuyết phủ

Là kẻ đã chiến thắng không ngại

Đã bước qua mājā sương khói dậm dài

Chiến thắng năm loại ma vương⁽¹⁾, quỷ dữ

⁽¹⁾ Năm loại ma vương: Ngũ uẩn ma vương, pháp hành ma vương, phiền não ma vương, tử thần ma vương và chư thiên ma vương.

Đã anh dũng vùng giương đại tuệ
Chém lìa Khổ Đau và Sự Chết!
Là bậc Đại A-la-hán Vô Sanh
Và bây giờ
Ngay sát-na này
Con trai của Người cũng vậy
Cũng đã ly thoát biết bao nhiêu cám dỗ
Của tuổi thanh xuân
Vội ý chí bất khuất, kiên cường
Như chiếc chày vô đại lực kim cương
Đập tan si mê ảo vọng
Vội ý chí như nuốt sao Ngưu, sao Đẩu
Cất tiếng hống tuyên chiến với vô minh
Đi theo dấu chân Bát Tử của Người,
Của Thầy và của chư tôn trưởng lão
Rāhula cũng xứng đáng được mọi người mến yêu,
Tán dương và tôn trọng
Đáng thương thay chúng sanh
Bị bít bùng trong màng lưới của tham ái
Của si mê và khát vọng!
Như cá nằm trên thớt!
Như thỏ nằm trong rọ!
Rāhula đã quay lưng lại rồi
Không còn nghe tiếng gọi của trần gian,
Của chấp chùng căn nhà cái-ta-ngũ-uẩn!
Rāhula đã cắt đứt mọi sợi dây trói buộc
Chẳng còn cái mầm, cái chồi nào
Cho các sợi dây leo và tua uốn
Gốc rễ Tử Sanh đã được bứng tận
Bao nhiêu lửa nóng đã bị vùi tro
Giữa bầu trời muôn xuân mát mẽ
Rāhula ca lên bài ca tự do!
Là bài ca tối thượng tự do!

Sát-na là vĩnh cửu!

Chỉ một lần thiên thu dừng lại!

Chỉ một lần và không bao giờ trở lại!”

Không gian chợt yên lặng như để cho hơi thở của sự sống giác ngộ và giải thoát rì rào tuôn chảy giữa hư vô. Bài kệ thơ chứng ngộ của Rāhula vừa chấm dứt thì giọng nói của tôn giả Moggallāna từ đâu đó vọng lại:

- Hay quá! Bài kệ thơ hay quá! Bài kệ thơ này cần phải được tuyên đọc trước đông đủ học chúng để được lợi lạc lâu dài về sau.

Tôn giả Sāriputta gật đầu:

- Đúng như vậy! Bài kệ thơ này cần phải được tuyên dương rộng rãi.

Không biết từ lúc nào, chư vị tôn giả Kāḷudāyi, Nanda, Bhaddiya, Anuruddha, Bhagu, Ānanda như cùng có mặt và đồng thốt lên:

- Đúng là một kiệt tác, đúng là một tuyên ngôn bất hủ! Bài kệ thơ này rồi sẽ còn được truyền tụng nhiều ngàn năm sau đây!

Sau đó, tôn giả Moggallāna bàn với huynh đệ trưởng lão là nên bố cáo rộng rãi ngày giờ Niết-bàn của Rāhula có đức Tôn Sư chứng minh, có đầy đủ đại chúng tăng ni cùng hai hàng cư sĩ áo trắng... Bài kệ thơ này của Rāhula phải được tuyên đọc hôm ấy để cho đại chúng cảm xúc chánh pháp...

Tỳ-khuru Rāhula bản chất khiêm tốn, chỉ muốn lặng lẽ ra đi; nhưng khi đã có quyết định của chư tôn trưởng lão rồi nên ngài không dám xen lời.

Thế rồi, ngày đi, đêm nghỉ, đức Phật và đại chúng về đến chùa Kỳ Viên. Chư tăng ni khắp nơi hay tin kéo đến đánh lễ và thăm hỏi sức khỏe của ngài. Hai hàng cư sĩ, các gia chủ cũng lũ lượt đến thăm, nghe pháp từ sáng đến chiều.

Đại giảng đường tịnh xá Kỳ Viên hôm ấy trong ngoài chật cứng, ngoài đại chúng tăng ni, cư sĩ, còn có sự tham dự của hai vị đại thí chủ Cấp Cô Độc, bà Visākhā, cả phái đoàn của đức

vua Pāsenadi và hoàng hậu Mallikā nữa.

Đức Phật thuyết một bài pháp không dài lắm, nói về sự tu tập các công hạnh ba-la-mật; nó có khác nhau giữa ba loại căn cơ trí tuệ, đức tin và tinh tấn. Và cũng trong thời gian dài đằng đẳng trong vô lượng kiếp luân hồi sinh tử tu tập ba-la-mật ấy, chính ngài và tất cả đại chúng có mặt hôm nay đều có nhân, có duyên với nhau. Cho chí sự liên hệ giữa thầy trò, cha mẹ, vợ chồng, con cái... cũng nằm trong sự duyên hệ ấy.

Rồi đức Thế Tôn kết luận:

- Trong rất nhiều kiếp sống, Rāhula đã từng là con trai của Như Lai, gieo duyên với Như Lai thì nay, kiếp sống cuối cùng, trong giáo hội của Như Lai, Rāhula đã đặt được bàn chân trên mảnh đất bất tử! Ngày hôm nay, biết được thọ hành đã mãn, tỳ-khuru Rāhula, con trai của Như Lai xin an nghỉ Niết-bàn vô dư tại cung trời Đao Lợi. Trước khi ra đi, Rāhula xin phép Như Lai và các vị A-xà-lê, chư tôn trưởng lão để đọc một bài kệ thơ chứng ngộ...

Thế là tỳ-khuru Rāhula bước ra, đánh lễ đức Phật và chư tôn trưởng lão rất mực cung kính. Sau đó ngài nhìn quanh một vòng, tầm mắt hướng về đại chúng, dừng lại một khắc nơi trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā rồi cất giọng sang sảng, trầm hùng, ca lên, hát lên bài kệ thơ chứng ngộ nêu trên...

Đại giảng đường im lặng như tờ. Nhiều trái tim xúc cảm. Nhiều gương mặt hỷ, lạc, ái, mộ, thương, trọng... khác nhau.

Bài kệ thơ chấm dứt cũng trong mệnh môn yên lặng. Tỳ-khuru Rāhula quỳ xuống đánh lễ đức Phật và chư vị trưởng lão một lượt nữa, cậu nói:

- Giờ đã đến thời, đệ tử xin được Niết-bàn!

Tôn giả Sāriputta bước ra, cầm tay tỳ-khuru Rāhula đứng dậy. Khi bốn bàn tay vừa từ từ rời nhau thì Rāhula chợt biến mất, vô hình, vô ảnh... Chư vị thánh lậu tận, có thắng trí thì khuôn mặt an nhiên, trầm lặng; nhưng chư phàm tăng không có thắng trí thì bàng hoàng, ngơ ngác...

Tôn giả Moggallāna chột nói lớn:

- Một bảo tháp lộng lẫy, trang nghiêm, huy hoàng tại cung trời Ba Mươi Ba, Đế Thích thiên chủ đã chuẩn bị đâu đó cho Rāhula rồi! Rāhula đã tịch tịnh vô dư rồi!

Còn tôn giả Sāriputta thì bây giờ mới tiết lộ cho đại chúng hay rằng, trước thời điểm Nhập Diệt suốt mười hai năm trường, Rāhula luôn nằm đất, nằm cây chứ chưa bao giờ ngủ nghỉ trên giường!⁽¹⁾

Ôi! Đường như cả đất trời cũng bù ngùi vì sự ra đi của con trai đức Phật khi vừa hai mươi một xuân xanh! Lại còn “*mật hạnh*” cao thượng chẳng ai biết, ai hay! Đúng là nhân cách của bậc trưởng lão thanh tịnh vậy.

⁽¹⁾ Theo Dictionary ở trên, Q.2, tr. 739.

Bảy Năm Trong Bình Máu

(Tiểu truyện Sīvali tôn giả)

Từ già thị trấn Haliddavasana, đức Phật và đại chúng chậm rãi bộ hành về hướng Devadaha, là kinh đô của nước Koliya, là quê ngoại của ngài. Lần này, đi theo đức Phật hầu như có đủ mặt các ông hoàng, công tử cả hai quốc độ thuở trước, đây là các trưởng lão Ānanda, Kāḷudāyi, Bhaddiya, Devadatta, Kimbila, Anuruddha... cùng chàng thợ cạo Upāli mà bây giờ đã là bậc trưởng lão, tuy chưa có danh xưng gì nhưng được xem như là bậc đệ nhất về trì luật!

Bao nhiêu năm qua rồi, khuôn mặt của kinh thành cũng không thay đổi mấy. Xóm phường lao động thì vẫn bụi và rác, vẫn bò và dê bên những ngôi nhà tồi tàn nhiều năm không được tu sửa, chỉnh trang. Họ vẫn an phận thủ thường với cái nghèo của mình. Giới nô lệ thì cứ vẫn là nô lệ, bị đẩy bật ra ngoài mọi sinh hoạt công cộng. Giới lao động chân tay thì cứ vẫn đen đúa, nhem nhuốc với những công việc hạ cấp của mình. Những khu nhà của giới thương gia, quý tộc thì vẫn uy nghi, hiên hách, cứ vẫn là giàu sang và vương giả như thuở nào!

Đến Devadaha thì trời vừa tối, tôn giả Sāriputta thu xếp, phân phối đại chúng tạm thời qua đêm quanh các khu rừng để khỏi phiền đến cận sự nam nữ cũng như cư dân trong vùng.

Rạng ngày, như những cánh chim lìa rừng, đức Phật và đại chúng tách ra từng toán nhỏ đi trì bình khát thực khắp các ngã đường. Dân chúng và phổ phường có vẻ xôn xao khi hay tin giáo đoàn của đức Phật đang ở trong thành phố. Và chẳng, đây là quê hương của Devadatta và Yasodharā mà ai ai cũng nghe danh. Và ai cũng biết chuyện đức vua Suppabuddha đã thâm thù đức Phật đến tận tủy xương khi đã cướp đi con trai và con gái của ông! Tuy nhiên, mấy giáo đoàn đang hành hóa tại xứ sở này lại rất thành công. Giới quý tộc, chiến sĩ, thương gia cũng như dân chúng phát sanh tâm tín mộ dạt dào. Có nhiều cư sĩ đắc quả thánh. Rất nhiều quý tộc, thương gia đã đứng vào hàng ngũ cư sĩ cận sự hai hàng. Dầu chưa có những tông lâm lớn rộng nhưng các sinh hoạt tại những tăng xá, cốc liêu của chư tỳ-khưu đã tạo ra được cơ sở vững chắc. Gần đây, trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā đã tạo lập được ba ni viện. Một ở Koliya, một ở Kapilavatthu và một ở Savatthī dành cho tỳ-khưu-ni, nghe đâu cũng thành công.

Khi thấy bình bát đã vừa đủ dùng, đức Phật, hai vị đại đệ tử cùng Ānanda tìm đường đến ni viện để ngộ trai. Một khu vườn xanh mát với nhiều liêu cốc tranh tre thanh nhã hiện ra với nhiều chiếc bóng vàng tới lui thấp thoáng. Rất đông tỳ-khưu-ni lạ mặt ra đón tiếp tăng đoàn. Bất chợt, tỳ-khưu-ni Khemā và Dhammadinnā ra quỳ đánh lễ và họ cho biết là vừa từ Trúc Lâm sang; còn trưởng lão ni Gotamī, Yasodharā và Sundrinandā thì đang ở Savatthī.

Đức Phật an tọa trên bồ đoàn, thăm hỏi công việc hoằng hóa ở Koliya sau khi đức vua Suppabuddha qua đời. Lát sau, các vị trưởng lão Bhaddiya, Devadatta, Kimbila... dẫn chư tăng trong vùng đến đánh lễ, hầu thăm đức Phật và đại chúng. Hóa ra ở nơi này, chư tăng cũng đã kiến lập khá nhiều cơ sở, đặc biệt có một khu lâm viên khá lớn, sức chứa có thể lên đến năm, bảy trăm vị. Công trình này do họ hàng hoàng gia bên nội của Devadatta và công nương Yasodharā dâng cúng. Đây là khu

vườn rừng Kuṇḍadhāna thuộc thành phố Kuṇḍiyā, không cách kinh đô bao xa. Đức Phật bèn đi viếng thăm nơi này nơi kia, sau đó mới bộ hành đến tự viện tăng Kuṇḍadhānārāma.

Khi hai hội chúng tăng ni gặp gỡ, đang thân tình thăm hỏi nhau, thì bên ngoài cổng vườn, một chiếc xe hai ngựa dừng lại, một vị hoàng gia hấp tấp đi vào. Một vị ni cho biết đây là ông hoàng Mahāli, có vị phu nhân là công nương Suppavāsā⁽¹⁾ mang thai đã suốt bảy năm qua mà chưa sinh. Công nương Suppavāsā lại có tâm tín đạo rất lớn. Hai ông bà đã cúng dường mọi công trình tạo nhả ở ni viện.

Thật ra, không cần phải ai thưa trình, đức Phật đã biết tất cả mọi chuyện khi đến Koliya, ngài đã tính đúng giờ khắc mà công nương Suppavāsā đang chuyển dạ. Có ai biết rằng, công nương Suppavāsā suốt bảy năm qua đã mang trong lòng mình một thánh thai? Sáu năm trước, trong bụng mẹ, dẫu nằm trong một bình máu, nhưng thai nhi đã không dám động cựa, sợ mẹ đau! Đến năm thứ bảy, nhất là những ngày sau cùng, sự đau đớn khốc liệt xảy ra cho công nương Suppavāsā là chuyện tự nhiên của sinh lý cơ thể lúc sắp sinh. Đến ngày cuối cùng, thai nhi nằm chặn ngang sản môn, bị vướng những sợi dây chằng, lúc thai nhi co duỗi là lúc sản phụ đau đớn khốc liệt. Bởi do tâm lý, “*cái quái thai*” bảy năm nên sự đau đớn kia như tăng gấp bội làm cho vị công nương tưởng mình sắp chết. Sáng nay, nghe tin đức Phật và đại chúng đang trì bình khát thực trên các ngã đường Devadaha, công nương Suppavāsā mừng quá, những mong được chiêm ngưỡng đức Phật trước khi mạng chung nên đã hồi hã nói với chồng:

⁽¹⁾ Con gái của đức vua Koliya (Koliyadhītā). Có lẽ là sau khi đức vua Suppabuddha mệnh chung, không có người kế thừa nên hội đồng hoàng gia đã đề cử một vị thân vương lên làm vua, và cô Suppavāsā chính là con gái của vị tân vương? Ghi theo kiến giải trong “Đức Phật và 45 năm hoàng pháp độ sinh”, tập 5, tr. 98 của tỳ-khuru Chánh Minh, NXB Tôn Giáo.

- Chàng ơi! Hãy tức khắc đi ngay! Hãy vì thiếp và hãy vì cái quái thai trong bụng thiếp; hãy thỉnh cho kỳ được đức Phật và chư tỳ-khưu tăng ni đại chúng cho thiếp được chiêm bái và bố thí cúng dường lớn trước khi vĩnh biệt cõi đời này!

Người rành rỏi chỉ chỗ đức Phật. Tội nghiệp ông hoàng thân trẻ tuổi, thương vợ, với nước mắt, tức tót, hối hả lên đường.

Thấy dáng dấp hoàng thân Mahāli với bước đi hấp tấp, vội vã cùng với nét sầu não hiện ra nơi sắc mặt, ông chưa kịp đánh lễ, thưa thỉnh thì đức Phật đã mở lời trấn an:

- Nay Mahāli! Không sao đâu! Phu nhân sẽ an toàn và cái thai nhi kia cũng sẽ an toàn! Như Lai sẽ chú nguyện cho! Bây giờ, hoàng thân hãy yên tâm mà ra về đi, đừng lo lắng nữa, đưa trẻ sắp chào đời rồi đây!

Tin tưởng vào đức Thế Tôn, hoàng thân Mahāli thở ra một hơi dài nhẹ nhõm. Và khi ông vừa rời gót, dùng trí sinh tử, đức Phật biết rõ quả nghiệp chịu đựng đau khổ của mẹ con thai nhi đã chấm dứt nên ngài chú tâm, hướng năng lực tâm đến chỗ sản phụ, đọc lên bài kệ với ý rằng: “*Công nương Suppavāsā xư Koliya được khỏe mạnh và an lành, hạ sanh một hài nhi cũng khỏe mạnh và an lành như thế!*”. Câu phúc chúc của đấng Mười Lực vừa chấm dứt thì tại biệt phủ, công nương Suppavāsā sinh hạ một hài nhi nhẹ nhàng như nước trong bình đổ ra. Lý do là nhờ thần lực chú nguyện của đức Thế Tôn tác động vào đúng lúc ác nghiệp⁽¹⁾ đã hết hiệu lực nên gió nghiệp thay vì chướng ngại đã đẩy thai nhi ra ngoài không còn bị vướng víu gì nữa⁽²⁾.

Nhìn đứa bé khuôn mặt đẹp đẽ, hồng hào, mũm mĩm như con nhà trời, công nương mừng vui bế trẻ vào lòng với hai hàng lệ tuôn chảy. Cả nhà đổ xô lại. Ai cũng muốn nhìn tận mặt “*cái*

⁽¹⁾ Ác nghiệp của cả hai mẹ và con.

⁽²⁾ Bất khả tư nghĩ là Phật lực. Đức Phật chỉ đưa đôi mắt nhìn mà cận sự nữ Suppiya do cắt thịt đùi nấu cháo cho vị tỳ-khưu bị bệnh - mà vết thương kia được lành lặn. Đức Phật cũng chỉ đưa mắt nhìn mà tỳ-khưu-ni Subha do móc con mắt mình đưa cho tên du đãng, sau đó được hoàn nguyên.

quái thai” bảy năm trong bụng mẹ. Khi thấy trẻ rồi, và vì do phước báu của trẻ mà ai cũng nghe trong lòng thơ thới, mát mẻ, an vui một cách lạ kỳ. Do cảm giác ấy mà mọi người đồng thanh gọi là “*Sīvali, Sīvali...*” từ đó thành tên.

Hoàng thân Mahāli vừa đến cổng, chưa xuống xe đã nghe không khí vui tươi, nhộn nhịp của cả đại gia đình, ông cảm kích và càng khởi tâm tịnh tín khi biết rõ oai lực vô song của đức Giác Ngộ. Ông hoàng thấy tâm hồn lâng lâng, đi nhanh vào hậu phủ. Một bà vú bé trẻ ra cho ông xem. Ông chiêm ngưỡng con mình như chiêm ngưỡng một tác phẩm kỳ lạ của ông thợ trời. Vào phòng, đặt trẻ trong vòng tay của công nương, sung sướng và hạnh phúc quá làm cho đôi mắt ông cũng đỏ hoe!

Hoàng thân thuật lại lời đức Phật chỉ dạy. Công nương chấp hai tay lên trán, lắng thâm thốt lời tạ ân đức Phật rồi nói:

- Chàng chịu khó trở lại Kuṇḍadhānārāma một lượt nữa, thỉnh mời đức Thế Tôn và tất cả tăng ni, có đủ năm trăm vị thì càng quý, bắt đầu từ ngày mai, chúng ta sẽ đặt bát cúng dường bảy ngày, ý chàng thế nào?

- Vâng, vâng! Ông hoàng hỏi hả gặt đầu! Phải vậy! Để tri tạ ân đức Tam Bảo!

Khi ông hoàng Mahāli mở lời thỉnh cầu đức Phật cùng năm trăm tỳ-khưu tăng ni được đặt bát cúng dường tại tư gia trong vòng bảy ngày thì ngài im lặng nhận lời. Rồi đức Phật hỏi tôn giả Moggallāna:

- Có phải ngày mai, một cận sự nam của ông đã thỉnh Như Lai và đại chúng tỳ-khưu đến thọ thực tại tư gia?

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

- Vậy ông hãy nói lại với người thiện nam kia rằng, công nương Suppavāsā, con gái của đức vua Koliya mang thai đã bảy năm, bảy ngày, đã chịu sự đau khổ, thống khổ kịch liệt, nay đã được an toàn, an lạc. Vậy người thiện nam hãy mở rộng tâm lòng nhường phần cúng dường bảy ngày cho vị công nương ấy, sau đó là về phần của ông ta.

Khi tôn giả Moggallāna nói lại với người thiện nam như vậy thì ông ta không vừa lòng, lấy giáo pháp để nói rằng:

- Thưa tôn giả! Nếu ngài bảo đảm cho con ba pháp là *tài sản, thọ mạng và niềm tin* trong vòng bảy ngày ấy - thì hãy để cho công nương Suppavāsā, con gái của đức vua Koliya tổ chức cúng dường trước rồi hẵng đến phần con sau!

Tôn giả Moggallāna hướng tâm một lát rồi đáp:

- Ta chỉ bảo đảm cho ông hai pháp thôi là *tài sản và thọ mạng*. Riêng còn *niềm tin* thì ông tự giữ lấy!⁽¹⁾

Nghे câu trả lời của tôn giả, người thiện nam vô cùng hoan hỷ, quỳ xuống đánh lễ ngài rồi nói:

- Con đã khởi tâm ngã mạn khi đưa câu hỏi có vẻ thử thách. Xin tôn giả xá tội lỗi ấy cho con!

- Ủ, ta đã xá tội ấy cho ông rồi!

Thế rồi, việc đặt bát cúng dường bảy ngày tại biệt phủ đến đại chúng có đức Phật cầm đầu đã diễn ra hỷ mãn. Và trong thời gian ấy, ai ai cũng chứng kiến chuyện lạ lùng, là trẻ Sīvali lớn nhanh như thổi. Chỉ trong ngày thứ nhất, vừa qua đêm, trẻ đã đổi khác. Qua ngày thứ hai, vừa cách đêm, trẻ đã lớn bằng đứa bé hai tuổi. Và cứ thế, đến ngày thứ bảy thì trẻ đã hao hao giống đứa bé đã bảy tuổi rồi, nhưng cử chỉ, đi đứng, ăn nói thì đã tỏ ra chừng chạc hơn trẻ đồng lứa. Trẻ đã nói chuyện với cha mẹ với âm giọng khá rõ ràng, nhưng đặc biệt, trong đó lại toát ra sự hiểu biết không phải của con nít! Cậu lại còn biết xin phép cha mẹ cho được tự tay đặt bát cúng dường một vài thứ vật thực đến đức Phật và chư vị trưởng lão!

Chuyện kỳ lạ này không mấy chốc đã lan nhanh khắp cả thành phố. Không những bà con nội ngoại, thân bằng quyến thuộc tò mò tìm đến thăm viếng mà kẻ lạ, người dung ngày nào cũng đứng chật sân vườn, cổng ngõ. Trẻ Sīvali tỏ vẻ không được vui, than phiền với mẹ là thiên hạ đến đây ồn ào, huyên náo

⁽¹⁾ Cũng từ sách của tỳ-khưu Chánh Minh được nêu dẫn ở trên.

quá, chẳng yên tĩnh được chút nào! Công nương nhìn cậu quý tử, cứ tròn mắt ngạc nhiên từ chuyện này sang chuyện khác; và bà biết rõ trong tâm, con bà không phải là thường nhân!

Cũng ngày thứ bảy, sau khi nhận đầy đủ vật thực, chư ni trở về ni viện, chư tăng trở về tăng viện, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta ở lại thuyết pháp cho cả đại gia đình cùng nghe. Thế rồi, tôn giả thuyết về khổ sanh, khổ của sự tái sanh và sự khổ của vòng trầm luân sinh tử. Trẻ Sīvali lắng nghe rất chăm chú. Cậu rất thấm thía thời pháp. Cậu thấu hiểu một cách rất sâu sắc và cụ thể về sự khổ sanh vì chính cậu đã nằm trong bụng mẹ suốt bảy năm, bảy ngày! Nằm trong bụng mẹ, như nằm trong cái bọc máu, đã nhận chịu tối tăm, dơ uế mà mọi động cựa cũng phải cẩn thận vì có thể làm cho bà mẹ bị đau! Mặc dầu bà mẹ rất biết kiên cữ, nhưng tế bào thần kinh của trẻ rất nhạy. Chỉ một chút cay, chút nóng, chút mặn, chút đắng, chút chua... là cậu như bị tra tấn! Khổ nhất là khi thời tiết của trời đất thất thường chuyển đổi ở bên ngoài thì bên trong này, trẻ đau đớn cùng cực...

Thời pháp chấm dứt, trẻ Sīvali ăn mặc rất đẹp, bước ra đánh lễ tôn giả rất mực nghiêm cung và lễ độ. Tôn giả dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Mọi việc đều an lành và tốt đẹp cả chứ, này Sīvali?

- Hiện tại, trong không khí phước sự và trong thời gian nghe pháp thì đúng là vậy, thưa tôn giả!

Nghe câu trả lời của trẻ “*không đơn giản*” chút nào, tôn giả ngạc nhiên, nhăn mày hỏi tiếp:

- Con nói hiện tại? Vậy trước cái hiện tại này thì sao?

Trẻ mỉm cười mà như mỉa, rồi đáp:

- Trước cái hiện tại, nghĩa là thời gian suốt bảy năm, bảy ngày con nằm trong một cái bình máu thì an lành và tốt đẹp sao được, thưa tôn giả!

- Đúng là vậy! Tôn giả hoan hỷ nói - Vậy là cái khổ nằm trong bụng mẹ, con là người cảm nhận sâu sắc nhất!

- Không chỉ là cảm nhận⁽¹⁾. Trẻ Sīvali lắc đầu - con còn kinh sợ nữa, thưa tôn giả!

Qua vài câu đối thoại giữa tôn giả và “*hài nhi*” mới sanh có bảy ngày đã lôi cuốn sự chú tâm của mọi người. Công nương Suppavāsā hoan hỷ và hãnh diện quá, bà thốt lên:

- Coi kia! Coi kia! Con tôi mới có bảy ngày mà đã thảo luận “*về sự khổ*” với bậc Tướng quân Chánh pháp!

Biết trẻ có căn duyên sâu dày, tôn giả ướm hỏi tiếp:

- Nếu kinh hãi sự khổ thì con phải làm sao, Sīvali?

Trẻ có vẻ suy nghĩ rồi mới trả lời:

- Theo thời pháp của tôn giả, xuất gia mà thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ pháp sẽ lần lượt cắt đứt tất cả sự khổ. Vậy trước sau, con cũng xin được xuất gia thôi!

Tôn giả gật đầu:

- Ừ, thế là đúng! Nhưng bây giờ con còn bé dại quá! Hãy sống ngoan ngoãn, hiếu thảo với cha mẹ, hiếu thuận với mọi người. Khi cơ duyên chín muồi, tự đích thân ta sẽ tìm đến con đây! Nhớ lời hứa đó nhé?

- Dạ xin vâng!

Quay qua đại gia đình rồi nhìn công nương Suppavāsā, tôn giả hỏi:

- Có một trẻ như vậy, thế gian hiếm có! Đây công nương hữu phúc! Công nương có còn muốn những bé trai tương tự như vậy nữa hay không?

Rạng rỡ khuôn mặt, công nương mau mắn đáp:

- Muốn, rất muốn! Nếu có đau khổ bảy lần, được bảy bé trai như thế, đệ tử cũng muốn như thường!

⁽¹⁾ *Bồ Tát Chánh Giác, kiếp chót, biết cả ba thời: Khi vào trong bụng mẹ, đang còn trong bụng mẹ và cả ra khỏi thai bào. Chư vị Độc Giác và Đại thượng thủ Thịnh Văn như nhị vị Sāriputta và Moggallāna, trong kiếp chót thì biết hai thời: Khi còn trong bụng mẹ và khi ra khỏi thai bào. Chư vị A-la-hán được xem như đại đệ tử (có 80 vị đại đệ tử) như ngài Sīvali thì biết một thời khi đang ở trong bụng mẹ.*

Câu chuyện của trẻ Sīvali, không mấy chốc đã trở thành câu chuyện nóng sốt được bàn tán khắp mọi nơi. Không những tại các tăng, ni viện mà tại cung đình, hoàng gia, quý tộc, các đạo tràng ngoại giáo, đường phố, công viên, chợ búa... ai cũng muốn chiêm ngưỡng trẻ hoặc suy luận về căn cơ, nghiệp từ kiếp trước. Có một số vị tỳ-khưu đem chuyện kể về trẻ Sīvali ở Koliya này, và trẻ Dabba-Mallaputta vừa mới xảy ra ở khu rừng Ampiyamba gần thành Anupiya xem như đều là những việc hiếm có trên đời. Nói chung, họ cứ thắc mắc, thắc mắc mãi là cả hai mẹ con bị cái nghiệp gì kinh khiếp mà cùng chịu đau khổ chung suốt bảy năm, bảy ngày như thế?

Tôn giả Moggallāna thấy tiết lộ điều này, tức là nhân của nghiệp quá khứ, chư tăng sẽ hiểu thêm về sức mạnh của nghiệp báo, lợi ích cho việc tu tập của họ nên đã không ngần ngại kể cho đại chúng nghe rằng:

“ Trong một kiếp quá khứ, tiền thân Sīvali là một vị thái tử con vua Brahmadata, kinh thành Bārāṇasī. Thái tử tinh thông các môn học nghệ, đức độ và tài giỏi nên được vua cha chuẩn bị nhường ngôi.

Đức vua xứ Kosala sẵn binh lực hùng hậu, có dã tâm xâm lược, thấy nước lân bang trù phú, giàu có nên đã khởi một đạo quân lớn, đột ngột tấn công Bārāṇasī, giết đức vua Brahmadata, lấy hoàng hậu vua làm vợ mình. May mắn thay, lúc ấy thái tử đang ở ngoại thành, đang cùng với toán quân vệ sĩ đang đi tuần thú các nơi nên thoát khỏi đại nạn.

Thấy nước mất, nhà tan, thái tử rất căm hận nên đã tụ họp bên mình những chiến sĩ gan dạ, yêu nước rồi âm thầm đi khắp các trấn thành, thị trấn... kêu gọi đoàn kết, phát cờ khởi nghĩa vệ quốc.

Hôm kia, một đoàn đại quân đàng đàng sát khí, có thủ lĩnh là vị thái tử anh hùng, thao lược bao vây Bārāṇasī rồi bắn vào thành một trăm mũi tên viết bằng máu: “Một là giao thành, hai là giao chiến, ba là các người hãy tự sát!”

Đức vua Kosala và quân đội đang hưởng lạc thú, say men chiến thắng, nhận được tồ hậu thư, mỉm cười khinh bỉ: “Thằng trẻ ranh dám hù dọa ta sao?”, bèn cho bắt tên trả lời: “Một tuần nữa, ta sẽ chặt đầu ngươi ở dưới chân thành, cho chó ăn!” Tức giận đến máu trào, thái tử tức tốc cho tấn công, không đợi chờ nữa. Ba lần tấn công cả ba lần đều bị đẩy ra do binh lực của chúng còn rất mạnh.

Trong thành, bà hoàng hậu hay tin, nhờ cảm tử quân ban đêm vượt thành, đưa tin cho thái tử hay: “Quân đội của chúng chưa tổn hao, nhưng lương thực trong thành đã gần cạn. Vậy, không nên đánh thành mà chỉ nên bao vây, cắt đứt các ngã đường tiếp tế. Chỉ cho đến khi nào củi, nước, gạo trong thành khánh kiệt, không cần đánh mà chúng ta vẫn thắng!”

Nghe lời mẹ, thái tử cho các tướng dẫn quân bao vây, bít chặt mọi lối ra, vào; những ngõ ngách bò, dê, heo, chó gì cũng bịt kín. Thế là đến ngày thứ bảy, dân chúng trong thành do đói khát nên chết rất nhiều. Một số còn đủ sức, họ mang gươm giáo nổi loạn. Quân đội của vua Kosala cũng chết do đói khát, số còn lại thì vật vờ, yếu lả nên không còn đủ sức kháng cự. Dân chúng tràn vào vương cung, chặt đầu vua rồi tự động đem giao nộp cho thái tử. Chàng hiền ngang vào thành, lấy lại vương quốc, mẹ con trùng phùng... Mạng chung, họ đi theo nghiệp của mình”.

Kể xong chuyện quá khứ, tôn giả kết luận:

- Do nhân gieo vãi hãm thành bảy ngày làm cho rất nhiều người chết; sau khi bị trả quả khổ ở địa ngục, nghiệp còn dư sót, mẹ mang thai con bảy năm, bảy ngày chịu khổ với nhau để trả cho hết nghiệp xưa! Công nương Suppavāsā bây giờ là hoàng hậu thuở trước, thái tử Bārāṇasī vây thành chính là trẻ Sīvali vậy.

- Trời đất ơi! Một người cất tiếng than! Cái nhân bảy ngày vây hãm thành, cái quả trả dư sót lại lên đến bảy năm, bảy ngày! Xem nào! Một năm vị chi số ngày như thế, chia cho bảy

như thế, vị chi gấp năm mươi hai lần cộng thêm bảy ngày! Ôi! Kinh khiếp thay cái nghiệp báo, năm mươi ba lần hơn là cái sự khổ phải chịu!

Có tiếng cười. Rồi có người còn thắc mắc, hỏi:

- Trẻ Sīvali rất thông minh, sáng dạ; không những nắm bắt cái “*khổ sanh*” trong thời pháp, mà còn thảo luận với bậc Tướng quân Chánh pháp vài câu nghe rất có chiều sâu. Như thế, hẳn trẻ phải có căn cơ giáo pháp sâu dày nào từ quá khứ, phải thế không, thưa tôn giả?

Tôn giả gạt đầu:

- Ủ, đúng vậy! Sẽ còn có lắm điều kỳ diệu về trẻ Sīvali này. Nhưng phải đợi đến khi cậu bé xuất gia, cái căn cơ cũ ấy mới trọn vẹn mãn khai! Hãy đợi đấy mà xem!

Sự việc sau đó xảy ra đúng y như vậy. Do Sīvali cứ nằng nặc đòi xuất gia ngay nên gia đình bèn cầu khẩn tôn giả Sāriputta cho trẻ được như ý nguyện. Khi làn dao cạo tóc của tôn giả vừa đi xong một đường, cậu bé đã rắc quả Tu-đà-hoàn, đường dao thứ hai thì rắc quả Tư-đà-hàm, đường dao thứ ba thì rắc quả A-na-hàm; và sau khi cạo đầu xong thì Sīvali đã rắc quả A-la-hán cùng các thăng trí⁽¹⁾.

Ngay khi ấy, rất nhiều cận sự nam, cận sự nữ ăn mặc quý phái, xa hoa không biết từ đâu tìm đến cúng dường quá nhiều vật dụng; vị thánh tí hon bèn thừa với tôn giả Sāriputta rồi san sẻ hết cho tăng chúng. Nghe chuyện có quá nhiều cư dân xa lạ, sang trọng, không phải là người trong vùng đến cúng dường trong ngày Sīvali rắc quả - Đức Phật xác định đây là chư thiên và thọ thân hóa thân; và trẻ Sīvali còn là người “*đệ nhất về tài lộc*” trong tăng chúng, đặc biệt là về vật thực!

Vậy là nguyên nhân rắc quả dễ dàng khi còn là hài nhi và

⁽¹⁾ Có một dị bản khác. Nói rằng, hai đường dao cạo tóc là Sīvali rắc Nhị quả; rồi chiều ấy vào rừng, do suy nghiệm khổ sanh, cậu năm tướng ấy, quán vô thường, vô ngã nên rắc quả A-la-hán.

“*đệ nhất về tài lộc*”; tất cả đầy chắc hẳn đều có nhân duyên từ quá khứ. Biết sự thối mắc của đại chúng và cả nhân dân trong kinh thành, đức Phật bèn kể lại chuyện xưa, xưa cả hằng trăm kiếp quả địa cầu.

“*Vào thời đức Phật Padumuttara, tiền thân đức Sīvali là một vị vương tử trong kinh thành Hamsavatī thường hay đi nghe pháp và cúng dường từ sự cho tặng chúng. Hôm kia, thấy đức Phật tuyên dương một vị tỳ-khưu tên là Sudassana là “bậc tối thắng đệ nhất về tài lộc và vật thực” nên vương tử hoan hỷ quá. Sau khi tìm hiểu, biết đâu nhân đâu quả, vương tử phát tâm đặt bát cúng dường đến đức Phật và đại chúng suốt bảy ngày rồi phát nguyện: Do sự cúng dường thanh tịnh này, đệ tử ước nguyện đạt được ‘địa vị thù thắng về tài lộc và vật thực’ y như tôn giả Sudassana vậy!*

Đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara xòe bàn tay búp sen, phóng năm tia hào quang sáng trắng bao phủ đỉnh đầu vị vương tử rồi nói rằng: Sau trăm ngàn trái đất thành, trụ, hoại, không kể từ hiện kiếp, ước nguyện của thiện gia nam tử sẽ trở thành hiện thực vào thời đức Chánh Đẳng Giác Sākya Gotama!

Sau đó, vào thời Phật Atthadassī, tiền thân của Sīvali là đức vua Varuṇa, khi đức Phật Nhập diệt, ông thường đến cúng dường cội cây Bồ Đề rất trọng thể. Và khi ông mất, cũng nằm dưới cội Bồ Đề này⁽¹⁾.

Và kể từ đó, ông không bào giờ rơi vào cảnh giới tứ ác đạo, thường luân chuyển hưởng phước báu trời, người, và đặc biệt rất nhiều kiếp làm Chuyển luân Thánh vương.

Vào thời đức Phật Vipassī, tiền thân Sīvali là một nông dân ở ngoại thành Bandhumatī. Thuở ấy, đức Chánh Đẳng Giác cùng với đại chúng sáu mươi tám ngàn vị tỳ-khưu đang dừng chân hoằng hóa trong kinh đô Bandhumatī. Đức vua Bandhuma vốn là thân phụ của Đại Bồ Tát Vipassī thuở tại gia, nghe triều thần

⁽¹⁾ Theo Dictionary of Pāli proper names, q.2, tr. 1163.

báo tin vậy nên rất hoan hỷ. Tức tức, đức vua cho thông báo rộng rãi đến muôn dân, là hãy đến cung điện để chứng kiến đại lễ cúng dường của đức vua và hoàng gia đến đức Chánh Đăng Giác.

Đến ngày, dân chúng đủ mọi thành phần, giai cấp kéo nhau vào chật cung điện; và họ đã tận mắt chứng kiến cuộc cúng dường trọng thể khó diễn tả thành lời. Không kể những món ăn sơn hào hải vị, thượng vị cứng mềm đặt vào bát của đức Phật và đại chúng... mà còn nào là chỗ ngồi, long, hoa, hương, châu ngọc, châu vàng rửa tay, rửa chân... thật là trân quý hết chỗ nói.

Một số chư vị đại gia, doanh gia, kỳ lão, trưởng gia chủ hữu danh... bàn với nhau rằng:

- Đức vua và hoàng gia là ai kia chứ? Tất cả mọi vật dụng, sản phẩm, tiền bạc, ngọc vàng gì gì đó... là nhờ chúng ta đóng thuế mà có. Họ có được buổi cúng dường sang trọng, trọng hậu như thế là nhờ chúng ta, có phải không nào?

- Đúng vậy!

- Vậy sao chúng ta không đồng tâm, đồng lòng, chung bạc vàng, chung của cải, chung vật thực... để tổ chức một buổi cúng dường trọng thể, vĩ đại hơn đức vua và hoàng gia?

Thế là mọi người nhất trí. Tức tức, một số các vị kỳ lão đến cung thỉnh đức Phật, được ngài im lặng nhận lời, sau đó, họ vào cung mời đức vua và hoàng gia đến tại nhà hội lớn của thành phố, chứng kiến cuộc đặt bát cúng dường của nhân dân đến đức Phật và đại chúng, ngay ngày mai!

Dĩ nhiên là buổi cúng dường của nhân dân sau đó, rõ là hơn cả đức vua và hoàng gia. Đức vua tận mắt chứng kiến cuộc cúng dường vô cùng hoành tráng, nghĩ rằng, mình là đấng quân vương chí tôn, lẽ nào lại để thua thần dân của mình? Thế rồi, đức vua và hoàng gia mời dân chúng chứng kiến buổi cúng dường ngày hôm sau... Và cứ thế, hai bên thi đua nhau, và hôm sau bao giờ cũng hơn hôm trước. Đến khi đức vua cúng dường đã bảy ngày còn nhân dân thì mới sáu ngày... các vị tôn túc lại họp bàn nhau, đi đến kết luận:

- Chúng ta thấy đức vua và hoàng gia đã sức cùng, lực kiệt rồi, kho lẫm gì gì chắc cũng đã cạn ráo cả rồi, còn chúng ta thì chẳng có thâm hụt bao nhiêu đâu? Vậy lần này, chúng ta phải quyết thắng, mỗi người hãy nói rộng tay một chút nữa là đức vua và hoàng gia sẽ đầu hàng! Họ không còn theo kịp nữa đâu.

Khi cùng bắt tay khởi sự, ban tổ chức quyết định rằng:

- Quan trọng nhất là vật thực, phải có đủ mọi món trên quý trên đời. Chúng ta đừng để đức vua và hoàng gia cười khinh là còn thiếu món này, còn thiếu món nọ!

Sáng hôm ấy, sau khi kiểm soát lại lần cuối trước khi đi thừa thỉnh đức Phật và đại chúng, một vị tôn túc phát giác là còn thiếu món “sữa đông tươi và mật ong tươi!”

Người chủ nhóm trai soạn thành thật thưa rằng: Hai món ấy mấy ngày hôm nay đã bị vét sạch khắp các chợ búa, khắp các gian hàng thực phẩm rồi!

Một chủ trại bò đang cho gia nhân đẩy một chiếc xe kéo tay từ ngoài vào, nghe được câu chuyện, nói to lên rằng:

- Sữa đông tươi! Đây là cả một chiếc xe sữa đông tươi, tôi vừa cho ủ mấy ngày hôm nay đó - khi thấy thành phố đã khan hiếm!

Ban tổ chức rất vui mừng. Nhưng còn mật ong tươi?

Người trưởng nhóm trai soạn suy nghĩ một lát, rồi trích quỹ bốn ngàn đồng tiền vàng trao cho bốn người bên cạnh rồi nói:

- Mỗi người hãy chịu khó đi ngay tức khắc ra bốn cổng thành Đông, Tây, Nam, Bắc - đón lõng những người nông dân buổi sớm mang mật ong vào thành phố. Đắt bao nhiêu cũng mua! Đi ngay!

Cũng sớm hôm ấy, tiền thân Sivali là người nông dân - như đã kể ở trên - muốn vào thành phố thăm một “ông chủ”⁽¹⁾, nghĩ mình đi tay không cũng kỳ nên ghé qua khu rừng tìm được một tổ mật ong.

⁽¹⁾ Không rõ là ông chủ gì!

Tại cổng thành, người đón mua mật ong thấy tay người nông dân đang cầm một tổ mật ong, mừng quá đến gạ hỏi xin mua:

- Nay ông bạn! Hãy bán tổ mật ong ấy cho tôi!

- Không, tôi không bán. Đây là món quà tôi mang biếu tặng người.

- Tôi mua với giá cao mà! Tôi trả cho ông bạn một đồng tiền vàng⁽¹⁾ cơ đấy!

Người nông dân suy nghĩ: “Tổ mật ong này chỉ đáng giá vài xu (vài māsaka) là quá lắm. Ông này lại trả đến một đồng tiền vàng! Vậy, hoặc là ông ta điên, mất trí hoặc ông ta là kẻ lắm tiền nhiều của! Ta cứ xem sao!” Rồi trả lời:

- Một đồng vàng ư? To lắm đấy! Nhưng tôi không bán được đâu!

- Thế thì tôi trả 2 đồng vàng vậy!

Người nông dân cười thầm trong bụng, nghĩ rằng, xem thử cái trò chơi này sẽ đi đến đâu, bèn lắc đầu không bán. Thế rồi, cuộc mặc cả cứ tăng dần lên, đến con số 1000 thì người mua mật ong buồn bã nói:

- Tôi trả đến một ngàn đồng tiền vàng là con số cuối cùng, nếu ông bạn không bán thì tôi đành chịu. Đây, một ngàn đồng tiền vàng tươi roi rói, vàng choe chóa đây!

Nói xong, người mua mật ong lấy túi vải bên lưng, đổ 1000 đồng tiền vàng cho người nông dân trông thấy.

Lạ lùng làm sao, người nông dân vẫn không động tâm, thung thỉnh nói:

- Có lẽ ông là người điên hoặc là kẻ có quá nhiều kim ngân không biết đổ đâu cho hết mới đem ra vung vãi như thế. Tổ mật

⁽¹⁾ Tôi không còn nhớ là lấy tư liệu ở đâu, nói rằng, giá trị một đồng tiền vàng kahāpaṇa nuôi được 10 người trong một ngày. 1000 đồng tiền vàng kahāpaṇa mua được 100 con bò sữa. Nếu muốn tính cho rõ thêm: 01 đồng vàng kahāpaṇa ăn được 04 đồng pāda, 01 đồng pāda ăn được 05 đồng māsaka. Một người nông dân bình thường, mỗi ngày chỉ cần 02 māsaka là đủ sống.

ong này chỉ đáng giá vài xu māsaka mà ông đòi mua cả 1000 đồng tiền vàng, thử hỏi không mất trí là gì!

Đến lúc này thì người mua mật ong mới nói thật:

- Vì cái tổ mật ong kia, bây giờ đối với tôi, nó cần thiết và quan trọng quá...

Rồi người mua mật ong bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện, Kể về sự xuất hiện của đức Phật và đại chúng tỳ-khuru tại kinh thành Bandhumatī; và phước báu vô lượng cho những ai thành tâm cúng dường tứ sự cho đức Chánh Đẳng Giác và giáo hội tăng đoàn. Hiện tại, giữa đức vua, hoàng gia và nhân dân kinh thành đang nỗ lực tranh nhau sự cúng dường ấy, không ai chịu thua ai như thế nào!

Người nông dân cau mày, suy nghĩ: “Được dịp tạo phước lớn như thế này thì ta không nên bỏ qua. Nếu ta nhận 1000 đồng tiền vàng thì chỉ được hưởng giàu sang trong một kiếp sống phù du thôi. Sao ta không biết đầu tư hạnh phúc và an lạc cho nhiều đời kiếp?” Rồi ông nói:

- Vậy thì ông hãy cho tôi được hùn phước tổ mật ong này trong cuộc lễ đại thí, đại cúng dường ấy!

Được dẫn tới gặp ban tổ chức, người nông dân vẫn khư khư giữ vững quan điểm của mình, cuối cùng, họ phải đồng ý cho người nông dân hùn phước.

Sau khi đức Phật Vipassī và đại chúng tỳ-khuru thọ thực xong; tổ mật ong của người nông dân được trộn hòa với sữa đông tươi được dâng cúng như món tráng miệng... thì vừa đủ cho đức Chánh Đẳng Giác và 68 ngàn vị, không thừa, không thiếu...(1)

Vậy là do nhân phát nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara cùng sự cúng dường tổ mật ong này mà sau này, sa-di Sīvali

(1) Chú giải nói là do nhờ Phật lực nên chỉ một tổ mật ong mà chia đều khắp 68 ngàn vị. Cũng không ngoại trừ là do trời Đế Thích cảm động tâm bố thí kiên cường, bất thoái của người nông dân nên ông ta đã trở “phép mọn” chăng?

thành tựu được hạnh “*tối thắng về tài lộc và vật thực*”⁽¹⁾ trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Sau này, trong những tháng ngày vân du hành hóa, dù đi qua những xóm làng mất mùa đói kém, những ai đi khát thực chung với Sīvali đều nhận được vật thực đầy đủ. Cho chí những vùng miền không có xóm làng, cư dân thì chư thiên, thọ thần, long vương lại hiện thành thân người, và họ là thí chủ của Sīvali. Trường hợp tại “*Khu rừng xiêm gai*” cũng thế, sa-di Sīvali lại bảo họ dâng cúng đến đức Thế Tôn và tăng chúng. Suốt ba mươi do-tuần, đức Đạo Sư và đại chúng được nghỉ ngơi và thọ dụng vật thực kỳ lạ như vậy.

Cũng một lần khác, khi trưởng lão Sīvali cùng 500 vị tỳ-khuru du hành lên Himalaya thì chư thiên cũng hóa hiện thôn xóm, tự viện rồi cúng dường vật thực đầy đủ đến cho ngài và đại chúng. Cho chí khi đến vùng Gandhamādana (Hương Sơn), nơi hoang vu hẻo lánh nhất, ngài và đại chúng cũng được thiên tử Nāgadatta⁽²⁾ cúng dường cháo sữa và bơ đặc trộn bảy ngày như thế.

Hiện nay, Phật tử trong các nước Phật giáo Nam truyền, nhất là Thái Lan thường thờ tượng hoặc xá-lợi của đức Sīvali như một biểu tượng may mắn, đem đến an vui, thuận lợi và cả tài lộc cho gia chủ nữa.

⁽¹⁾ Về nguyên nhân có được quả này, tỳ-khuru Chánh Minh (sdd) có nêu thêm một dị bản. Theo đó, tiền thân Sīvali là một vị tỳ-khuru. Có lần thọ thực tại nhà một gia chủ, trên đường về tự viện, vị tỳ-khuru trông thấy con chó mẹ đói lả, có 4 con chó con đang day bú mà không có sữa. Vị ấy suy nghĩ: “Không có vật thực, chó mẹ sẽ chết và 4 con chó con sẽ chết theo”. Động lòng trắc ẩn, vị tỳ-khuru móc họng mình để cho ói ra vật thực vừa dùng để cho chó mẹ ăn. Nhờ vậy, chó mẹ phục hồi sinh lực, sau đó, có sữa cho 4 con chó con bú. Do nghiệp thiện này, sau này, đức Sīvali có được hạnh “*đệ nhất về tài lộc, vật thực*”.

⁽²⁾ Vị thiên tử này sống trên núi Kelāsapabbata - thường hộ độ cho tôn giả Koṇḍañña tại hồ Chanddanta (theo tỳ-khuru Chánh Minh trong “*Đức Phật và 45 năm...*”).

Trong Rừng Cây Xiêm Gai

(Tiểu truyện Revata tôn giả)

Thuở ấy, lúc đang còn ở Rājagaha, nghe tin thân phụ mất, đại đức Sāriputta tức tốc bộ hành về quê; ngài để năm trăm tỳ-khưu ở rải rác trong các rừng cây rồi một mình trở lại thăm nhà. Đây đó vắng tanh. Sân gạch thềm thang phủ một lớp rêu dày. Cả một cơ ngơi khang trang, vĩ đại chỉ mới mười mấy năm mà đã có vẻ điêu tàn, hoang phế. Ngài tần ngần, đứng lặng. Một chú bé chừng sáu, bảy tuổi chạy ra, tôn giả biết đây là Revata, em trai út của ngài.

- Này em! Ta là Upatissa đây!

Revata nhìn sững: *“Đây là anh trai cao cả, tôn quý của ta? Đâu đâu người ta cũng tán phục, ca tụng ông anh vĩ đại này! Ô! mà sao anh trai ta đẹp quá, uy nghiêm quá, lại dễ mến nữa!”*

Revata chạy lại. Tôn giả thân mến ôm trẻ trong vòng tay, xoa đầu, mỉm cười hỏi:

- Em nhận ra ta chứ?

- Em nhận ra anh ngay! Anh yêu quý!

- Sau này em sẽ xuất gia như ta chứ?

- Vâng, em sẽ xuất gia theo anh. Không những xuất gia theo anh mà xuất gia theo cả các anh và các chị nữa (*Hai anh trai là Cunda và Upāsena; ba chị gái là Cālā, Upacālā và Sisūpacālā*).

Tôn giả mỉm cười gật đầu:

- Ủ, Em nói đúng! Giờ thì em nghe lời anh dặn đây: Phía tây ngôi làng này có mấy chục vị tỳ-khưu đang tu hạnh đầu-đà trong một khu rừng. Khi nào em muốn xuất gia thì hãy đến đây, giới thiệu em là em trai của ta, họ sẽ vui vẻ nhận em vào giáo đoàn ngay. Em nhớ không?

- Dạ em nhớ! Em nhất định sẽ xuất gia trong khu rừng đầu-đà ấy.

Khi câu chuyện vừa dứt thì bà Sārī đã đứng bên ngưỡng cửa, tóc bà đã bắt đầu bạc, lưng còn thẳng nhưng trên tay lại cầm chiếc gậy trúc có hình đầu rắn.

- Ông về đây làm cái gì?

- Thưa mẹ!

Tôn giả cúi đầu.

Bà Sārī gắt:

- Thưa mẹ cái gì? Ai là mẹ của ông?

- Thưa mẹ! Con hay tin cha vừa mất!

Bà chống gậy, quay lưng đi:

- Mất cái gì! Ông chết nhăn răng, ông chết tức tưởi vì con cái bỏ đi theo ông Cồ Đàm hết, bỏ đi theo đám ăn xin đầu đường xó chợ hết!

Tôn giả lại cúi đầu, không dám nói một lời.

Revata nói:

- Sao mẹ lại mạt sát anh trai của con? Anh trai của con dù sao là một bậc vĩ đại, danh vọng nổi tiếng khắp toàn cõi châu Diêm-phù-đề này! Anh trai của con vì thương cha, nhớ mẹ mà về thăm! Anh trai con im lặng, vòng tay, cúi đầu như vậy, có dám nói gì đâu mà mẹ lại đối xử, ăn nói quá thậm tệ như thế?!

Tôn giả Sāriputta gắt em:

- Revata! Em không được nói với mẹ như thế!...

Tôn giả còn ở lại trong làng một ngày nữa, sau đó, ngài đi đến khu rừng đầu-đà, nơi có những tỳ-khưu đang sống hạnh tĩnh cư, cốt ý gởi gắm Revata rời từ giả.

... Bà Sārī chống gậy nhìn theo hình bóng người con trai thân yêu, mắt già hoen lệ. Cả một cơ ngơi trù phú, thanh mãn, đông vui mà bây giờ trở nên trống không, lạnh lẽo. Cả hàng trăm gia nô, kẻ hầu người hạ mà lúc nào bà cũng cảm thấy hoang vắng. Tiền rừng bạc bể, sơn hào hải vị cũng trở nên vô ích, nhạt thếch, vô vị...

Revata ra đứng bên cạnh bà, đôi mắt nó cũng nhìn ra hướng xa xăm. Động tâm, bà Sārī nghĩ: *“Hay là cái giọt máu cuối cùng này cũng không muốn nối truyền tông hệ? Nó nhìn anh trai trưởng của nó với đôi mắt đầy khâm phục và tôn kính! Nó đã cãi lại ta, bênh vực anh nó, và cảm mến cả lũ sa-môn đầu trọc nữa! Thôi phải rồi, nguy rồi! Ta phải cứu con trai út của ta ngay! Ta phải cứu cho cả dòng họ Vaṅganta! Phải cưới vợ cho nó thôi! Revata bảy tuổi, ta sẽ cưới cho nó một cô gái chừng mười bốn mười lăm tuổi; và cô gái ấy sẽ thay ta kèm kẹp nó, ngăn giữ nó, không cho nó có ý nghĩ ngông cuồng chạy theo bọn không cửa không nhà! Gia sản phải có người gìn giữ, máu huyết phải có người tương tục, truyền thống phải có người kế thừa!”*

Nghĩ là làm ngay. Ngày hôm sau, bà cho mời mấy người trưởng thượng trong quyền thuộc, trình bày lý do; sau đó, nhờ họ dò hỏi ở những gia đình cùng tập cấp và vai vế, cùng danh vọng và gia sản. Một cô gái mười bốn tuổi xinh đẹp được tìm ra. Lễ đám hỏi được tiến hành nhanh chóng. Gia đình bà Sārī giàu có nên không cần của hồi môn của cô gái.

Revata còn bé quá nên không biết gì. Đến ngày cử hành hôn lễ, cậu bé được mặc trang phục xinh đẹp, mang đồ trang sức quý giá, cùng với hàng trăm tùy tùng bước lên những cỗ xe sang trọng đi đến nhà gái. Revata được người ta cho biết là hôm nay cậu cưới vợ, và cô gái kia sẽ ăn ở với cậu trọn đời. Đến đây thì cậu đã hiểu tuy còn rất mơ hồ.

Thân bằng quyền thuộc của hai họ tề tựu đông đủ. Cờ, đèn, hoa và màu sắc rực rỡ chỗ này chỗ kia làm cậu ta chóa mắt. Đến giờ lành, giờ tốt, người ta cử hành lễ rước dâu. Cậu đứng

bên một cô gái cao hơn cậu cả một cái đầu - mặt được trùm kín bởi một chiếc khăn mỏng - không thấy mặt mũi cô gái ra sao, chỉ nghe người ta nói là đẹp lắm!

Vị trưởng lão chủ hôn, thò tay trong bát nước, rảy nước lên hai người rồi công bố phúc lành:

- Cầu cho các con trăm năm tơ hồng thắm thiết. Cầu cho các con được phúc thọ khang ninh như bà ngoại của cô dâu vậy.

Sau lời cầu chúc tốt đẹp của hai họ, Revata tự nghĩ: Bà ngoại của nàng là ai vậy? Khi được biết rằng, đây là một cụ bà sống một trăm hai mươi tuổi⁽¹⁾, răng rụng, tóc bạc, da nhăn đầy những vết đồi mồi, lưng còng như một cái kèo uốn cong giống cái giàn xay! Revata bèn thăm hỏi người hầu thân tín: *“Này, cô dâu xinh đẹp trẻ trung của tôi, khi già thì trông cũng giống như bà ngoại của nàng chăng?”* Người ta đáp: *“Đây là điều dĩ nhiên. Bệnh, già, chết là định luật cậu ạ, chẳng ai tránh thoát được đâu!”*

Khi sự thật đã được xác nhận, đã được thấy rõ, Revata kinh hãi, tự nghĩ: Đây có lẽ là sự thật mà các anh trai của ta, các chị gái của ta đã nhận thức nên họ đã từ bỏ gia đình để làm những vị nam sa-môn, nữ sa-môn. Vậy ngay bây giờ ta phải tìm cách lập kế mà trốn đi kẻo không còn kịp nữa. Ta phải xuất gia!

Thế rồi trên đường trở về cùng với cô dâu trên chiếc xe hoa sục nức mùi hương, Revata chợt la lên:

- Hãy dừng xe lại một chút. Tôi bị đau bụng!

Revata bước ra khỏi xe, tất tả đi vào một đám cây rậm rạp, một lát, cậu chậm rãi trở lại. Lần thứ hai, lần thứ ba Revata cũng viện cớ như vậy.

Lần thứ tư, khi còn cách nhà không bao xa, Revata nói một cách rất tự nhiên:

- Rõ là cái bụng nó đang hành hạ tôi. Nhà cũng sắp đến rồi, vậy quý vị cứ chậm chậm cho xe đi trước, tôi sẽ theo kịp ngay tức khắc.

⁽¹⁾ Xem Dictionary of Pāli proper names - Q2, tr. 752.

Không ai nghi ngờ gì cả, họ đánh xe đi. Revata đi vào một đám cây khuất bóng, rồi cậu co giò chạy một mạch vào hướng tây khu rừng. Trời gần tối, đói meo, mệt lả, cậu tìm ra ngôi rừng đầu-đà, nơi có ba mươi vị tỳ-khưu mà trước đây tôn giả Sāriputta đã dặn dò, gởi gắm.

Gặp họ, Revata đánh lễ:

- Thưa chư đại đức! Hãy cho con xuất gia, hãy thọ nhận con vào tăng chúng.

- Này cậu bé! Một vị trưởng lão nói - với những trang sức quý giá và với những y phục cao sang, đẹp đẽ như vậy, không biết cậu bé là con vua hay cháu chúa làm sao chúng ta dám nhận vào tăng đoàn này, nơi những sa-môn sống đời ẩn cư khổ hạnh?

Nghe nói vậy, Revata chột đưa tay ôm mặt ra vẻ buồn khổ rồi khóc than rằng: *“Ôi! Khốn khổ cái thân tôi! Tôi đang bị cướp, tôi đã bị cướp không còn gì nữa cả!”*

Chư vị trưởng lão ngạc nhiên:

- Này cậu bé! Ai cướp của cậu? Ai cướp của cậu khi trên người cậu từ y phục đến vật trang điểm như ông hoàng, bà chúa vẫn còn y nguyên?

Revata đáp:

- Không! Ý con không phải là bị cướp tư trang và y phục, những vật dụng vô tri và tầm thường ấy. Khi chư trưởng lão không cho con xuất gia, nghĩa là con đã bị cướp mất những giá trị tinh thần, bị cướp phước báu an lạc cõi người, cõi trời và cả cõi Niết-bàn!⁽¹⁾

Thấy câu trả lời có *“trọng lượng nghìn cân”*, chư vị trưởng lão bèn ôn tồn giải thích:

- Này cậu bé! Chúng tôi không phải làm khó! Vì quả thật chúng tôi không biết cậu là ai! Và quả thật, chúng tôi không dám để cho những trẻ sáu bảy tuổi xuất gia mà chưa có sự đồng thuận của gia đình - khi đức Thế Tôn đã chế định, như là một

⁽¹⁾ Lấy ý từ *Sđđ của tỳ-khưu Chánh Minh*.

điều luật không thể khinh suất mà phá lệ được!

- Thừa quý ngài, con là em trai út của Upatissa.

- Upatissa là ai?

- Bạch ngài! Upatissa là tên của anh trai con thuở còn là gia chủ. Từ khi xuất gia đến nay, anh trai con có tên là Sāriputta!

Các vị trưởng lão, đại đức, thất kinh cùng đứng dậy:

- Sao? Đúng là em trai tôn giả Sāriputta đấy chứ?

- Dạ đúng vậy! Anh trai con là Sāriputta, xuất thân trong gia đình trưởng giáo bà-la-môn, dòng họ Vaṅganta, con bà Sārī. Một ngôi làng phía đông, cách đây nửa ngày đường.

- Đúng rồi, không hoài nghi gì nữa! Này cậu bé! Trưởng lão Sāriputta đã nhân danh trưởng bối trong gia đình⁽¹⁾ có dặn bảo chúng tôi, chờ đợi cậu và làm lễ xuất gia cho cậu. Ngài là anh cả của chúng tôi, là thầy của chúng tôi, là cái mặt trời, mặt trăng mà chúng tôi hằng ngưỡng mộ!

Thế rồi, Revata được cỡi ra những y phục sang trọng và tư trang quý giá, mặc vào mảnh y của người khát sĩ, làm lễ cạo tóc và xuất gia.

Một vị tỳ-khưu trong rừng đầu-đà bộ hành về Kỳ Viên tịnh xá báo lại sự việc cho tôn giả Sāriputta nghe. Ngài muốn đi thăm em, nhưng hôm đó đức Phật nói:

- Này Sāriputta! Bây giờ là chưa phải thời! Hãy kham nhẫn một thời gian!

Trong lúc ấy, sa-di Revata tự nghĩ: Nếu ta tiếp tục trú ngụ ở đây, dầu chỉ một ngày thôi, thì trước sau gì gia đình cũng tìm thấy.

Bèn xin đề mục thiền quán từ vị trưởng lão rồi mang y và bát, Revata khởi sự một chuyến du hành rất xa, ba mươi dặm

⁽¹⁾ Phải nhân danh trưởng bối trong gia đình - vì sau khi Rāhula 7 tuổi xuất gia, do sự yêu cầu của đức vua Suddhodana, đức Phật đã chế định, từ rày về sau tuổi vị thành niên hay còn quá bé phải có được sự đồng ý của cha mẹ mới cho xuất gia.

đường, một mình vào trú trong khu rừng xiêm gai, là nơi hoang vu, căn cỗi, xa vắng xóm làng. Revata nhập hạ ở đây trong ba tháng mùa mưa, đi trì bình rất xa; và do nhờ tinh cần chỉ tịnh và quán minh mà Revata đã thành tựu được mục đích của sa-môn hạnh cùng với những thắng trí của bậc thượng nhân!

Đến lúc ấy, đức Phật mới nói với tôn giả Sāriputta:

- Bây giờ là phải thời, Như Lai sẽ cùng ông đi thăm sa-di Revata.

Đại chúng hay tin, chur phàm tăng không ngớt bàn tán, cho rằng đức Thế Tôn thiên vị vì Revata là em trai của bậc Tướng quân Chánh pháp. Họ nói:

- Chúng ta hãy xem! Một chú sa-di bảy tuổi, lại ở cách xa biết bao dặm đường, thế mà đức Thế Tôn phải đích thân đi thăm viếng, hẳn là một sự kiện hy hữu!

Biết được tâm ý của một số tỳ-khuru như vậy, nhưng đức Thế Tôn không nói gì, ngài bảo tôn giả Sāriputta tập hợp đại chúng rồi lên đường. Khi đến một ngã ba, tôn giả Mahā Moggallāna cho đại chúng dừng chân lại rồi thưa trình với đức Phật rằng:

- Có hai con đường dẫn đến khu rừng cây xiêm gai của sa-di Revata. Con đường tốt được bảo vệ, có dân cư và nhà cửa đông đúc, dài sáu mươi do-tuần. Một con đường xấu, không được ai bảo vệ, nhiều phi nhân và ác thú, hoang vắng người và nhà cửa, nhưng rất ngắn, chỉ có ba mươi do-tuần. Vậy chúng ta đi con đường nào, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật hỏi:

- Có Sīvali⁽¹⁾ đi cùng đây không, Moggallāna?

- Thưa có, có một số sa-di, trong đó có mặt sa-di Sīvali tháp tùng năm trăm tỳ-khuru.

- Vậy chúng ta đi con đường ngắn.

Đại đức Ānanda bắn khoăn:

⁽¹⁾ Như chúng ta đã biết, ngài Sīvali có phước vật thực rất lớn. Hễ chur tăng đi với ngài, dù đến nơi đói kém vẫn có đầy đủ vật thực.

- Bạch đức Thế Tôn! Con đường hoang vắng này, không xóm nhà, không người ở thì làm sao đủ vật thực cho một hội chúng đông đúc?

- Này Ānanda! Đức Phật nói - Ông đừng nên quá lo lắng như vậy, sẽ có nhân, duyên và báo nó tự động làm việc của nó mà.

Quả là con đường ngắn này thật hiểm trở, cheo leo, vất vả. Nhưng ngạc nhiên làm sao, con đường ấy hôm nay lại bằng phẳng, phong quang! Và cứ cách một do-tuần là có những căn nhà nghỉ to, rộng, thoáng mát. Nơi những căn nhà nghỉ đầu tiên, có những cư dân không biết ở đâu xuất hiện, ăn mặc sang trọng⁽¹⁾, mang những mâm vật thực sang trọng, tỏa ngát mùi hương đi tìm sa-di Sīvali và dâng cúng vật thực cho vị ấy.

Sa-di Sīvali lại bảo họ dâng cúng đến đức Thế Tôn và tăng chúng. Rồi suốt ba mươi do-tuần, đức Đạo Sư, chư vị trưởng lão và đại chúng được nghỉ ngơi trong những cốc liêu tiện nghỉ và thọ dụng vật thực kỳ lạ như vậy.

Đến khu rừng cây xiêm gai, sa-di Revata trang nghiêm, tề chỉnh ra đánh lễ đức Thế Tôn và tăng chúng. Mọi người đưa mắt nhìn quanh, chẳng còn thấy đâu là khu rừng già đầy gai góc và hoang dã nữa. Kia là hương phòng dành cho đức Đạo Sư đẹp đẽ như cung điện của cõi trời. Rải rác cả mấy khu rừng là hơn năm trăm chỗ ngụ có tháp nhọn, mỗi chỗ ở trang trọng như vậy được dành cho một vị tỳ-khưu! Ngoài ra có năm trăm con đường đi kinh hành có mái che xanh mát bởi dây leo và hoa nở; lại có cả năm trăm khu vực dành cho ban ngày và ban đêm...

Chư tăng không ngớt bàn tán, chỉ trở. Tôn giả Sāriputta ân cần nắm tay sa-di Revata:

- Đến bây giờ thì ta đã hoàn toàn mãn nguyện rồi, em có biết không, Revata?

Revata kính cẩn nắm tay anh, và biết rằng, mọi nhân, mọi duyên hôm nay mà được chín muồi đều do nhờ ân đức của

⁽¹⁾ Đây là chư thiên, thọ thân - là thí chủ hộ độ cho trưởng lão Sīvali.

người anh trai cao quý này.

Tại đây, đức Thế Tôn tán thán hạnh độc cư, thiền định, ca ngợi những nỗ lực tán tu phạm hạnh của Revata, khuyên chư tăng nên lấy đó làm gương, làm cái đích để tiến hóa.

Trước khi rời khu rừng xiêm gai, đức Thế Tôn đã xóa tan mọi nghi hoặc trong tâm của đại chúng:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Suốt ba mươi do-tuần, tất cả tiện nghi và vật thực trên đường cùng những món ăn thượng vị ở đây đều của chư thiên và thọ thần - họ là thí chủ của sa-di Sīvali. Đều là do nhờ phước báu của sa-di Sīvali cả!

Im lặng một lát, đức Thế Tôn đứng dậy, nắm tay sa-di Revata rồi nói rằng:

- Còn đây là con trai của Như Lai, con trai thù thắng của Như Lai! Các thầy biết tại sao mà Như Lai yêu mến Revata như vậy không? Nếu biết chuyện của Revata thì trong các thầy, ai cũng phải yêu mến và đều muốn đi viếng thăm Revata cả!

Này các thầy tỳ-khuru! Mặc dầu mới bảy tuổi nhưng Revata đã phải lên xe hoa với cô dâu. Thế nhưng, khi sắp về đến nhà, Revata đã tìm cách trốn đi, nhịn đói, nhịn khát vượt qua con đường dài, đến khu rừng đầu-đà với quyết chí xuất gia. Ngày hôm sau, sa-di Revata đã vội vã lên đường làm một cuộc bộ hành xa xôi hơn nữa, đến đây, với y và bát, an cư mùa mưa và khởi tâm đạt cho được quả vị A-la-hán. Thế rồi, cuối mùa mưa, sa-di Revata thành đạt được ý nguyện cùng với những thắng trí. Hương phòng của Như Lai, năm trăm chỗ ngụ có tháp nhọn, năm trăm đường đi kinh hành cùng mọi tiện nghi ăn ở khác, tất cả đều do năng lực của sa-di Revata cả! Vậy các thầy có thấy đây là sự kiện hy hữu không? Có phải do nhờ tinh cần tu tập mà có không, chẳng kể lâu năm hay ít năm, chẳng kể trẻ hay già?

Câu hỏi của đức Phật cũng chính là câu trả lời nên chư tăng đồng hoan hỷ cất tiếng “*lành thay*” thì chư thiên, thọ thần khắp núi rừng đồng loạt tán thán theo làm chấn động đến cả cõi trời.

Đức Phật lại ân cần hỏi ông thánh tí hơn:

- Này Revata! Núi rừng hoang dã này là nơi trú ngụ của thú dữ như sư tử, hổ, báo, mãng xà, rắn độc... Thế con không sợ chúng sao?

- Thừa có sợ, nhưng sợ hãi ấy không ở lâu, do đệ tử chú tâm vào đề mục tu tập.

- Vậy là có sợ! Thế tại sao con không tìm đến gần những xóm làng cư dân ở, không có thú dữ để cắt đứt luôn sự sợ hãi ấy?

- Vì đệ tử thích ở núi rừng, bạch Thế Tôn!

- Tại sao?

- Vì ở đây, sợ hãi thoáng sinh rồi thoáng diệt; thời gian còn lại cả ngày và đêm, tâm đệ tử rất lặng lẽ và rất an bình!

- Tại sao?

- Vì núi rừng không có cạnh tranh, đấu tranh, khẩu tranh. Núi rừng không có bóng dáng của ngũ dục lôi cuốn. Núi rừng luôn cô tịch, quạnh vắng nên rất thích hợp cho việc nội quán mà không bị các đối tượng nhiệt não bên ngoài chi phối, bạch Thế Tôn!

Đức Phật gật đầu, hoan hỷ nói:

Đúng vậy, này con trai!

Rồi đức Phật đọc một câu kệ ngôn :

- *Rừng sâu khả ái vô cùng*

Chỗ người phạm tục ngại ngừng bước chân

Vì không tìm kiếm dục trần

Bậc 'ly tham' sống mười phần hân hoan!⁽¹⁾

Trong thời gian nửa tháng⁽²⁾ ở đây, có nhiều vị tỳ-khưu phạm tục với những cử chỉ thô tháo, ăn nói cãi cọ ồn ào làm cho một số chư thiên, thọ thần núi rừng khó chịu. Biết vậy, đức Phật từ giã, và hôm ấy, sa-di Revata cũng được tháp tùng đại chúng trở về Kỳ Viên.

⁽¹⁾ Kinh Lời Vàng câu số 99: *Ramaṇīyāni araṇṇāni, yattha na ramatī jano, vītārāgā ramissantī, na te kāmāgavesino.*

⁽²⁾ Dictionary of Pāli proper names, tr. 753 lại nói là hai tháng.

Tuy nhiên, ở đây không bao lâu, vị sa-di này vẫn tìm cách vào ở núi rừng để theo hạnh độc cư. Khi tròn đủ tuổi, sa-di Revata được thọ đại giới. Và vào dịp thuận tiện nhất, được đức Phật tuyên dương ngài là bậc đệ nhất độc cư rừng núi, qua câu kệ ngôn:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Trong số đệ tử của Như Lai, tôi thắng ngu trong rừng là tỳ-khưu Khadiravaniya Revata!⁽¹⁾

Danh vị ấy không phải là không có nguyên nhân. Đức Phật Gotama chỉ làm cái việc là trả lại đúng danh vị mà mù xa trong tiền kiếp, ngài Revata đã quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara để phát nguyện mong thành tựu ước mơ ấy.

Thời gian sau, khi thấy đủ duyên, trưởng lão Revata về làng Nālaka mang theo ba người cháu, là con trai của ba người chị Cāla, Upacāla và Sīsupacāla - lúc ấy họ đều đắc quả A-la-hán cả - rồi cho xuất gia sa-di luôn. Trưởng lão đã chăm sóc ba cháu rất chu đáo nhất là trên phương diện tu tập.

Có lần, trưởng lão bị bệnh nặng ở trong rừng, tôn giả Sāriputta ghé thăm. Vừa thấy ông anh ở đằng xa, trưởng lão nói với ba cháu rằng:

- Hãy cố gắng niệm và tỉnh giác! Ông ‘*đại sư cậu*’ của các cháu là bậc ‘*bắt chẻ sợi tóc*’ đây! Các cháu có biết thế chẳng? Các cháu có hiểu không?

Một vị đáp:

- Là tuệ phân tích của ngài rất sắc bén, như bắt chẻ sợi tóc vậy đó!

Trưởng lão Revata gật đầu:

- Đúng! Giỏi! Nhưng còn gì nữa?

Vị khác đáp:

- Sư cậu dạy cố gắng niệm và tỉnh giác - là vì ‘*ông đại sư cậu*’ sẽ còn bắt chẻ tâm niệm của từng người nữa đó! Nếu ai lơ là, thất niệm thì coi chừng!

⁽¹⁾ *Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ ārañṇakānaṃ yadidaṃ revatokhadiravaniyo.*

- Đúng! Giỏi!

Rồi khi đến nơi, thấy thầy trò vắng lặng và an bình trong khung cảnh núi rừng tịch mịch, tôn giả Sāriputta đọc lại câu kệ của đức Phật khen ngợi hạnh sống ở rừng, tiện thể ngài đọc lên một câu kệ khác nữa:

- *Thị phùng, làng mạc, rừng sâu*

Non cao, lũng thấp hoặc đâu mặc dù

Nơi nào bậc thánh ngụ cư

Ở đấy khả ái, an như tuyết vời⁽¹⁾

Hạnh độc cư và hành viễn ly của ngài âm thầm tỏa hương thơm dịu dàng đầy đó. Hôm kia, có một cận sự nam tên là Atula dẫn một đoàn tùy tùng 500 người viếng thăm trưởng lão Revata và mong muốn được nghe pháp nhưng ngài chỉ giữ sự im lặng của bậc thánh. Tức bực, cận sự nam Atula bỏ đi, tìm gặp đức Sāriputta, kể lại chuyện bất bình của mình và lại muốn nghe pháp. Tôn giả Sāriputta lại nêu một vài điểm quan trọng trong Abhidhamma rồi cố gắng giảng giải khá lâu để hy vọng ông ta nhìn thấy được cái tâm của mình. Nhưng vô ích, Atula không hài lòng, lại dẫn đoàn tùy tùng đến viếng tôn giả Ānanda, lên giọng phê bình với ý rằng: Một vị thì im lặng, một vị thì giảng quá nhiều! Tôn giả Ānanda nghe vậy nên nói một thời pháp vừa phải, rành mạch, khúc chiết nhưng cũng bị Atula chê, bỏ đi! Cuối cùng, Atula tìm đến đức Phật tường trình lại ba cuộc hội ngộ trên, ngài bèn dạy ông ta rằng:

- Này cận sự nam Atula! Từ xưa đến nay, con người vẫn thường có thói quen hễ hợp ý mình thì khen, không hợp ý mình thì chê. Như Lai thuyết chân pháp, thật pháp cũng không tránh khỏi lời khen, tiếng chê của thế gian. Cho chí hư không, đại địa, mặt trời, mặt trăng... những chúng vô tình ấy đâu có khởi tư tác mà vẫn bị khen chê này nọ.

⁽¹⁾ Kinh Lời Vàng số 98: *Gāme vā yadi vāraññe, ninne vā yadi vā thale, yattha arahanto viharanti, tam bhūmiṃ rāmaṇeyyakam.*

Này Atula! Bậc hiền trí khi khen thì khen ngợi điều đáng khen, khi chê thì chê trách điều đáng chê trách. Như vậy, khen cũng như chân như thật mà chê cũng như chân như thật.

Rồi đức Phật kết luận bằng mấy câu kệ ngôn:

- *Nên biết, này Atula!*

Đời này cũng vậy, đời qua khác gì

Ngồi im là bị chúng nghi

Nói nhiều liền bị chúng khi lăm lòi

Nói vừa cũng bị chê cười

Nói ít vẫn bị miệng người thế gian

Cho hay, định luật bất toàn

Không đâu có kẻ được hoàn toàn khen

Hoàn toàn bị chúng chê gièm

Hoàn toàn chẳng có khen luôn, chê hoài!⁽¹⁾

Những khi có công việc tăng, trở về Kỳ Viên hay một hội chúng trú xứ nào, trưởng lão Revata cũng quen lối sống viễn ly thanh tịnh. Có một vị tỳ-khuru tên là Sammajjana (*Sammujjani*?) thấy lúc nào trưởng lão cũng tĩnh cư thì cứ nghĩ rằng trưởng lão Revata ‘*biếng nhác*’. Hôm nọ, vào một buổi chiều, tỳ-khuru Sammajjana luôn tay quét dọn nơi này nơi khác, đến gần gốc cây, thấy trưởng lão Revata đang ngồi thiền, bực mình, vị tỳ-khuru này nói to lên rằng:

- Vị trưởng lão này lười nhác quá. Dùng vật thực của tín thí xong rồi, tìm ngồi yên chỗ này, tìm ngồi yên chỗ khác, cầm chổi quét dọn cũng không chịu làm.

Trưởng lão Revata tự nghĩ: Ta nên giáo giới vị tỳ-khuru này! Rồi cất giọng:

- Này hiền giả! Hiền giả hãy đi tắm xong rồi đến đây!

⁽¹⁾ Kinh Lời Vàng số 227 - 228: *Porāṇametaṃ atula, netaṃ ajjatanāṃiva, nindanti tuṇhimāsinaṃ, nindanti bahubhāṇinaṃ, mitabhāṇimpī nindanti, n’atthi loke anindito. Na cāhu na ca bhavissati, na cetaṛahi vijjati, ekanta nindito poso, ekantaṃ vā pasamsito.*

Sau đó, trưởng lão Revata giáo giới tỳ-khuru Sammajjana như sau:

- Tôi thấy hiền giả rất siêng năng quét dọn, quét dọn buổi sáng, quét dọn buổi trưa, quét dọn buổi chiều. Như vậy là suốt ngày hiền giả lăng xăng từ đồng lá này rồi sang lăng xăng với đồng rác khác. Có bao giờ, hiền giả minh sát, nội quán, xem thử cái tâm lăng xăng của mình chạy bắt từ đối tượng này sang đối tượng khác mà không chịu ở yên? Hiền giả có thể lăng xăng suốt ngày, nhưng có thể nào hiền giả có một thời, một khắc ngồi yên chưa ? Hay chỉ được một hai hơi thở là hiền giả cảm thấy khó yên, vội nhồm dậy chạy theo quán tính công việc của mình?

Thấy tỳ-khuru Sammajjana chăm chú lắng nghe, ngài giảng giải tiếp:

- Quét dọn sạch sẽ nơi này nơi kia, nhất là xung quanh liêu thất, bảo tháp, cội bồ-đề, sân vườn là một công đức, là một việc phải làm của một thầy tỳ-khuru có ý thức trách nhiệm. Tuy nhiên, việc ấy chỉ làm lúc phải thời, tức là vào buổi sớm trước khi đi trì bình khát thực. Rồi trong khi đi trì bình thì phải bỏ chuyện quét rác sang một bên, niệm và tỉnh giác trong từng hơi thở, từng bước chân; nếu có khởi tâm thì khởi tâm từ, tâm xả. Về lại chỗ trú cư, khi độ thực phải quán tưởng vật thực nuôi mạng ấy như thế nào? Buổi chiều và cả ban đêm phải dành trọn thì giờ cho bốn phận sa-môn hạnh; nghĩa là quán xét năm nhóm tạo nên ‘*cái ta*’ này là cái gì vậy? Phải minh sát miên mật sự sanh sự diệt của chúng, phải thấy được tam pháp ấn để đi vào đạo lộ vô sanh! Ấy mới xứng đáng là bốn phận chơn chính của một thiện gia nam tử cần cầu ly thoát mọi khổ ách trên trần thế! Vậy từ rày về sau, hãy tạo lợi ích thật sự cho mình, đừng phí thì giờ siêng năng quét dọn như thế! Đừng lấy cái phụ mà làm cái chính! Đừng lấy cái siêng năng quét rác ấy mà làm mục đích!

Sau buổi giáo giới ấy của trưởng lão Revata, tỳ-khuru Sammajjana nỗ lực tu tập, không bao lâu sau, ông ta chứng đắc

A-la-hán quả. Cảm kích xiết bao, tỳ-khuru Sammajjana đến quỳ ôm chân bụi trưởng lão Revata, không nói nên lời.

Sau đó, trong tu viện, có nhiều chỗ rác ứ đọng, các vị tỳ-khuru nói với Sammajjana rằng:

- Này hiền giả! Có quá nhiều rác, nhưng tại sao mấy lúc sau này hiền giả không quét dọn siêng năng như thuở trước?

- Trước đây tôi buông lung, phóng dật, giải đãi... không ngồi yên được dù chỉ năm bảy hơi thở nên tôi phải kiếm cách lảng xãng quét dọn chớ có siêng năng gì đâu! Tôi đã tự khoác cho mình một '*bản ngã công việc*', lúc nào tôi cũng viện có công việc chớ có hay ho gì đâu!

- Bây giờ hiền giả ngồi yên được, không quét dọn nữa, có nghĩa là hiền giả không còn buông lung, phóng dật, giải đãi nữa?

Tỳ-khuru Sammajjana mỉm cười, gật đầu nhẹ:

- Đúng vậy! Cảm ơn chư tôn giả!

Thấy cách nói của tỳ-khuru Sammajjana như thâm xác nhận mình là một vị thánh, các vị tỳ-khuru kia mang việc ấy trình lên đức Phật - thì ngài nói:

- Quả vậy ! Con trai của Như Lai giờ đây không còn lảng xãng, giải đãi... nữa đâu; ông ta sống an tịnh, thọ hưởng lạc của thiên, lạc của quả vậy!

Rồi đức Phật đọc một câu kệ ngôn:

- *Trước kia phóng túng, mê mờ*

Ngày sau tỉnh niệm hướng bờ giác xa

Đưa tay vén đám mây qua

Vàng trắng lộ dạng, nguy nga hạ huyền!⁽¹⁾

Lúc tuổi đã khá cao, trưởng lão Revata gặp một chuyện chẳng may. Số là hôm ấy từ rừng xa, muốn về Kỳ Viên để đánh lễ đức Phật, khi chưa đến nơi, thấy trời tối, ngài bèn trú ngụ trong một khu rừng gần kinh thành. Đêm ấy, có một tên trộm bị

⁽¹⁾ Kinh Lời Vàng số 172: *Yo ca pubbe pamajjitvā, pacchā so nappamajjati, somam lokam pabhāseti, abbhā mutto va candimā.*

lính rượt đuổi, đến gần chỗ trú ngụ của ngài, tên trộm quăng tang vật ở đấy rồi chạy trốn. Thấy tang vật, thấy người - là một sa-môn - quân lính không dám xét hỏi, chỉ bắt ngài rồi dẫn về triều chờ lệnh đức vua.

Thấy một vị trưởng lão cốt cách trang nghiêm, phong thái uy nghi, đức vua Pāsenadi tha tội, bảo quân hầu ra hết rồi nói chuyện với ngài:

Vua chấp tay rồi nói:

- Thấy tăng tướng của trưởng lão, trẫm không dám nghĩ là trưởng lão đã lấy cắp! Chắc phải có một lý do nào khác? Trước mọi người, trẫm đã tuyên bố là trưởng lão vô tội rồi. Vậy trưởng lão hãy nói nhỏ cho trẫm nghe lý do cũng được!

Trước mỗi oan khuất này, đáng lý ra là chỉ cần nói là không, chỉ do tên trộm tâu tán bỏ lại; nhưng trưởng lão khởi tâm bi hùng, cất tiếng rống của con mãnh sư, đọc luôn liên tiếp 14 bài kệ ngôn, tạm diễn ý trọn vẹn như sau:

- Tuổi thanh xuân lìa cắt
Bỏ nhà, sống không nhà
Suốt gần cả đời qua
Chưa một lần nóng giận
Chưa một lần khởi sân
Không hề có tâm hại
Lại càng không sát hại
Làm khô chúng hữu tình
Chỉ sống với tâm từ
Với các tâm vô lượng
Thân tình với tất cả
Từ hẳn loài hữu tình
Ta thường khéo an trú
Với tâm không dao động
Ta thường hư không trú
Ta thường với phạm trú
Im lặng của bậc Thánh

Xứng đáng là đệ tử
Đức Phật Gotama
Như núi đá đứng vững
Vô minh diệt, si diệt
Ta không còn uế nhiễm
Luôn giữ sự trong sạch
Tội nhẹ như sợi tóc
Xem nặng tội nghìn cân
Tội nhẹ như mây khói
Xem nặng bằng Tu Di
Thành trì ta kiên cố
Phòng hộ cả trong ngoài
Luôn phòng hộ tự ngã
Từng sát-na, sát-na!
Sự sống, ta chẳng mê
Sự chết, ta chẳng ngại
Đợi chờ tử thần đến
Như thợ làm xong việc
Sự sống, ta chẳng thích
Sự chết, ta chẳng màng
Chờ đợi thời gian đến
Tỉnh giác, giữ chánh niệm
Lời đức Đạo Sư dạy
Giờ ta đã làm xong
Gánh nặng đã đặt xuống
Nhỏ sạch mọi sanh hữu
Bỏ nhà, sống không nhà
Và mục đích xuất gia
Giờ ta đã đạt được
Mọi kiết sử diệt tận
Nỗ lực chớ phóng dật
Là lời ta giáo giới
Ta sẽ đại viên tịch

Lìa thoát mọi sanh y!

Kệ ngôn vừa chấm dứt, trưởng lão Revata chột bay ra ngoài cung điện, ngòi treo chân kiết già giữa hư không, nhiếp tâm đè mực lửa, ngọn lửa phát ra thiêu xác thân ngài rồi tàn tro cũng như xá-lợi rải rác rơi giữa không gian...

Đức vua Pāsenadi⁽¹⁾ quỳ sụp xuống, chấp tay lạy giữa hư không, thâm sát hối mình đã nghi oan cho một bậc thánh lậu tận...

Thế là thêm một bậc thánh lậu tận, suốt thời gian còn là sa-di, từ lúc 7 tuổi đến 20 tuổi - do đức hạnh và trí tuệ nên đã được đại chúng tôn gọi là sa-di trưởng lão.

⁽¹⁾ Tôi nghi không phải là đức vua Pāsenadi, vì nếu tôn giả Revata đã già thì vua mất đã lâu rồi.

Cây Quạt Thốt Nốt

(Tiểu truyện Vô Danh tôn giả)

Có một chàng thanh niên ở Kosambī sau khi nghe pháp từ đức Đạo Sư, anh ta từ bỏ thế gian và xuất gia. Do nhờ giới hạnh tinh nghiêm nên được đồng đạo kính trọng gọi là trưởng lão Kosambīvasi Tissa.

Năm kia, trưởng lão Tissa sau khi mãn hạ, thí chủ đem đến dâng cúng y áo, mũnng mền, và linh kính rất nhiều món tứ vật dụng khác. Trưởng lão Tissa nói:

- Vậy là ta đã thọ nhận rồi, nhưng cái đồ vật dụng ấy các người mang về đi nhé!

Thí chủ thưa:

- Ngài nói vậy là ngài không có lòng từ với chúng con.

Trưởng lão Tissa đáp:

- Còn ôm cái đồ vật dụng ấy thì ta không có lòng từ với ta!

Thấy họ không hiểu, ngài nói tiếp:

- Các người thử nghĩ coi, một thầy tỳ-khuru sống ta-bà vô trú, sau mùa an cư là như con chim thênh thang giữa trời cao bề rộng. Bây giờ các người bắt vị tỳ-khuru ấy mang theo cả đồ vật dụng thế kia thì biết làm sao hử? Sao không sắm thêm cho ta một chiếc đòn gánh để ta làm gã đàn ông gánh hàng ra chợ bán để kiếm tiền mà nuôi vợ?

Thế rồi, sau đó, họ gởi đến một chú nhỏ với hảo ý là chú nhỏ kia sẽ phụ giúp công việc lật vật cho trưởng lão. Ai ngờ chú nhỏ chỉ bảy tuổi và họ còn muốn trưởng lão Tissa làm lễ xuất gia cho chú ấy vào hàng sa-di đuôi quạ nữa!

Tuy nhiên, nhìn chú nhỏ mặt mày sáng sủa, tinh anh, dễ thương trưởng lão Tissa bằng lòng, dạy cho chú quán tưởng năm thể trước ở nơi thân rồi cho tắm ước tóc và chuẩn bị cạo đầu. Khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da đầu thì chú nhỏ... bỗng trở thành tôn giả sa-di!

Chú bé bảy tuổi đắc quả A-la-hán chỉ một mình mình biết, một mình mình hay, còn trưởng lão Tissa chưa chứng cái gì cả nên mù tịt.

Trong thời gian ở tịnh xá, trưởng lão đem tâm yêu mến chú bé thật sự vì chú ngoan ngoãn, lanh lợi, chăm chuyên mọi việc trong ngoài thật chu đáo. Lại nữa, sắc mặt chú bé lúc nào cũng tươi vui, mát mẻ; ăn nói thì lễ độ, khiêm cung; ngồi nằm thì cẩn trọng, tỉnh thức, đêm cũng như ngày - thật là không chê vào đâu được!

Hôm kia, trưởng lão Tissa quyết định lên đường về Kỳ Viên tịnh xá thăm đức Đạo Sư, bèn nói với chú sa-di:

- Này con ! Đường xá xa xôi, sức vóc con thì không bao lắm, chỉ mang theo cái gì cần thiết thôi, tất cả những vật công kênh, nặng nề, hãy để lại tịnh xá cho các vị đến sau.

Chú sa-di y lời, nhưng chú cũng mang theo cái đấy quá to, rõ là như nhái tha cóc, chú còn cười:

- Nhẹ lắm, không sao đâu bạch thầy! Con chỉ mang cái gì cần thiết cho bộ hành đường xa.

Suốt dọc đường, trưởng lão Tissa rơi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Khi trưởng lão ngồi nghỉ dưới gốc cây là chú nhỏ dăng tấm nệm cỏ. Khi trưởng lão dùng chân giữa rừng là chú nhỏ dăng võng. Đêm ngủ là có đầy đủ mùng, mền, gối. Khi nóng có quạt. Mới chớm ho hen nhưc đầu là có liền thuốc...

Trưởng lão Tissa thốt lên:

- Thật tuyệt vời thay cái chú sa-di này! Cái đây của chú dường như là có thần thông í!

Chú sa-di cười cười:

- Do phước báu tu hành của thầy mà có tất cả những thứ ấy.

Họ dừng chân bên một con sông mưa lũ, xung quanh không có làng mạc, chẳng thấy một bóng người. Họ bèn tá túc tại chiếc am nhỏ bỏ hoang, trong đó có một chiếc giường nhỏ. Chú sa-di nhanh tay quét dọn và thỉnh trưởng lão vào nghỉ. Trời mưa tầm tã, chẳng có nhà nào mà khát thực, trưởng lão Tissa nghĩ rằng thế là hôm nay hai thầy trò sẽ nhịn đói. Sau khi xả thiền, xế trưa, ngạc nhiên làm sao, trưởng lão Tissa thấy chú sa-di y áo chỉnh tề, dâng cúng vật thực nóng sốt ngon lành.

Trưởng lão ngạc nhiên hỏi:

- Con làm sao có được những thứ này?

Chú sa-di cung kính đáp:

- Bạch thầy, đi đường xa, con đã đề phòng sẵn trong cái đây của con mà!

Trưởng lão Tissa hoan hỷ thọ thực, lòng thâm cảm ơn đã có được một chú sa-di chu đáo nhất châu Diêm Phù Đề.

Trời vẫn mưa và nước sông vẫn dâng cao. Họ đã ở lại đây hai đêm. Qua đêm thứ ba, chú sa-di tự nghĩ: *“Đêm nay nếu ta ngủ chung phòng thì trưởng lão sẽ phạm giới. Vậy ta đừng nên ngủ, hãy ngăn oai nghi năm!”*⁽¹⁾ Vì trưởng lão cũng biết vậy nhưng vì ngủ quên, gân sáng mới sức nhớ, sẵn cái quạt thốt nốt, trưởng lão quay cán đập nhẹ vào chỗ chú sa-di thường nằm:

- Dậy đi con, hãy ra ngoài kia cho đến khi mặt trời mọc.

Vì trời tối đen, trưởng lão Tissa không biết chú sa-di đang ngồi kiết già trọn đêm cạnh chân giường, nên khi huơ quạt ra, đầu nhọn cán quạt đâm vào mắt chú sa-di, trông mắt lò ra, máu chảy đầm dề. Dùng thiền định trấn giữ cơn đau, lấy tay bịt mắt, chú nói:

⁽¹⁾ Theo luật, sa-di ngủ chung phòng với tỳ-khuru, không được quá ba đêm.

- Bạch thầy! Con hiểu chứ, con sẽ ra ngay!

Thế mà trưởng lão Tissa chẳng hay biết gì hết, quay lưng lại, nằm ngủ cho đến sáng. Chú sa-di một tay bịt mắt, nhưng còn một tay, chú vẫn làm mọi việc, chu toàn phận sự hằng ngày...

Trưởng lão thức dậy, chú sa-di dâng nước ấm rửa mặt, sau đó dâng một món cháo nhẹ; chú dâng bằng một tay, tay kia bịt mắt, sợ trưởng lão thấy.

- Sao vậy? Trưởng lão hỏi - Sao hôm nay con lại trở chứng vậy? Ai đời dâng vật thực cho tỳ-khuru mà lại dâng bằng một tay?

Chú sa-di đáp:

- Bạch thầy, con biết chứ! Con biết cái gì đúng phép và cái gì không đúng phép, nhưng quả thật cái tay bên này của con không được rảnh rang!

Nghe nói vậy, trưởng lão mới chột để ý tay kia chú đang ôm mắt và có máu chảy giữa hai kẽ tay:

- Mắt con sao vậy? Hãy đưa ta xem?

Chú sa-di trấn an:

- Chẳng có gì quan trọng đâu, bạch thầy, một vết thương nhẹ thôi! Mong thầy an tâm và đừng chấp nhứt chuyện con dâng một tay là được!

Trưởng lão nhòm người dậy:

- Không được, yên tâm sao được khi con đã lo mọi việc cho ta, khi con là chú sa-di tốt đẹp, hiền thiện nhất trên đời này.

Nói xong, trưởng lão cầm tay xem mới thấy rõ một tròng mắt lồi ra, bèn hốt hoảng:

- Sao vậy? Chuyện gì xảy ra với con đây?

Chú sa-di thở dài:

- Chuyện này thầy không biết thì hay hơn. Nếu thầy bỏ qua được chuyện này thì tốt biết bao nhiêu.

Chú sa-di đã nói hết lòng như vậy nhưng trưởng lão Tissa vẫn không chịu bỏ qua, nên chú phải kể lại tự sự đầu đuôi...

Nghe xong, trưởng lão vô cùng xúc động, tự nghĩ: *“Ôi! Lỗi làm của ta thật trầm trọng xiết bao! Ta làm sao mà tha thứ*

cho ta được hờ trời?” Rồi trưởng lão chấp hai tay lại, với thái độ đánh lễ đầy tôn kính, ngài nằm trên đất, dưới chân vị sa-di, nói rằng:

- Hãy tha lỗi cho ta, hỡi chàng trai tôi thắng! Ta đã không biết điều này. Hãy làm nơi cho ta nương tựa, hỡi tâm hồn cao cả!

Chú sa-di cung kính nâng tay và người của vị trưởng lão, nói rằng:

- Con đã ngại thầy có hành động như thế này nên con đã không nói ra - mà khi nói ra - con chỉ mong thầy dứt bỏ mọi ngờ vực, nghi nan. Bây giờ, sự việc thế rồi, *thầy không có lỗi, thầy chẳng có gì đáng chê trách, mà con cũng vậy. Chỉ riêng vòng luân hồi, nhân quả trả vay trong các kiếp sống mới có lỗi, mới đáng chê trách mà thôi!*

Sau đó, chú sa-di tìm cách an ủi, trưởng lão cũng không bót ăn năn, hối hận. Vị trưởng lão không còn an tâm được nữa, khi cơn mưa tạnh, dòng sông đã lặng, có thuyền bè, trưởng lão lầm lũi, không nói không rằng, vác cái đẩy của chú sa-di lên đường, tìm đến Kỳ Viên tịnh xá.

Khi trưởng lão Tissa kể lại mọi chuyện với đức Đạo Sư, nói rằng vị sa-di ấy trong tâm bao giờ cũng mát mẻ, lòng vị ấy quảng đại, vượt trội, khó tìm thấy trên thế gian này.

Đức Đạo Sư xác nhận rằng:

- Con trai của Như Lai đã chấm dứt lậu hoặc nên lục căn bao giờ cũng vắng lặng, thanh bình.

Rồi đức Phật đọc một câu kệ ngôn:

- *Tâm an thì nghiệp cũng an*

Lời ăn, tiếng nói lại càng an hơn

Sống đời tri kiến chánh chơn

Thanh bình, siêu thoát sa-môn giống dòng!⁽¹⁾

Nghe xong câu kệ ngôn ấy, trưởng lão Tissa chứng thánh

⁽¹⁾ Kinh Lời Vàng số 96: *Santaṃ tassa manañ hoti, santā vācā ca kamma ca, sammadaññā vimuttassa, upasantassa tādino.*

quả A-la-hán. Và trong đại chúng hôm ấy, ai cũng tỏ vẻ kính trọng, ngưỡng mộ vị thánh sa-di có tâm hồn cao cả; đồng thời, ai cũng đọng lại trong tâm câu nói thấm thía nhất của bậc vô lậu, đáng chiêm nghiệm, đáng học hỏi:

- *Thầy chẳng có gì đáng bị chê trách mà con cũng vậy. Chỉ riêng vòng luân hồi, nhân quả trả vay mới là có lỗi, mới đáng bị chê trách!*

Ở đây, chẳng có tác giả, chẳng có thợ giả, chỉ có sự diễn tiến, vận hành của dòng nhân quả, nghiệp báo mà thôi!

Chàng Đại Bần Khổ

(Tiểu truyện Paṇḍita tôn giả)

*“Giỏi thay! Dẫn nước, đào nương!
Mũi tên khéo uốn, thành đường thẳng ngay!
Bánh xe tròn đều, tài hay!
Tự điều, tự kiểm mới tày trí nhân”⁽¹⁾*

Đây là câu kệ ngôn được đức Đạo Sư thuyết tại Kỳ Viên tịnh xá trong câu chuyện kể về một vị sa-di có tên là Paṇḍita, đắc quả thánh A-la-hán khi vừa bảy tuổi. Chuyện lạ lùng, kỳ diệu và hy hữu ấy có nhân duyên từ quá khứ...

Trong mù sương bóng khói của một tiền kiếp xa xăm, vào thời đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, chàng Paṇḍita của chúng ta là một người nông dân quá nghèo khổ. Vì quá nghèo khổ nên ai cũng gọi chàng là Mahāduggata, có nghĩa là ‘đại bần khổ’, từ đấy thành tên luôn.

Hôm nọ, trên đường du phương hoằng hóa, đức Chánh Biến Tri Kassapa cùng với đại chúng hai muôn tỷ-khuru đi vào Bārāṇasī, là kinh thành của quốc độ Kāśī phú cường và thịnh vượng.

⁽¹⁾ Kinh Lời Vàng số 80: *Udakaṃ hi nayanti nettikā, usukārā namayanti tejanam, dāruṃ namayanti tacchakā, attānaṃ damayanti paṇḍitā.*

Sự xuất hiện của giáo đoàn thanh tịnh có đức Chánh Đẳng Giác dẫn đầu là một sự kiện trọng đại, là duyên ngàn năm hy hữu nên dân chúng báo truyền qua tai nhau còn nhanh hơn gió thổi. Chẳng ai bảo ai phải làm phước như thế này hay làm phước như thế kia mà họ đã tự động, tự nguyện rủ nhau từng nhóm bốn người, tám người hay mười người - cả hàng trăm nhóm như thế - để chung lo bố thí, cúng dường tứ sự, nhất là vật thực.

Thế rồi, tại nhà hội lớn của kinh đô, sau khi thọ thực xong, đức Thiên Nhân Sư tỏ lời khen ngợi và hoan hỷ về sự đồng tâm, đồng lòng của dân chúng kinh thành đã thành tựu cuộc bố thí cúng dường vĩ đại; và thời pháp sau đó, ngài tập trung nói về quả lớn nhỏ, dị đồng, sai khác của phước. Đại lược như sau:

Mỗi người hãy lượm lặt những đóa hoa để khâu kết thành những tràng hoa. Một việc thiện nhỏ, một công đức nhỏ là một đóa hoa; mỗi ngày một ít, thời gian sau, các vị sẽ có rất nhiều việc thiện đã làm, rất nhiều công đức đã làm - sẽ kết dệt nên một tràng hoa thiện pháp vĩ đại - khả dĩ trang điểm phước báu cho các vị trong các cõi trời và người, thật là vô lượng sắc hương vậy.

Có người muốn làm một thiện sự, muốn tạo một đóa hoa phước báu nên thỉnh hai vị tỳ-khưu để đặt bát cúng dường. Một người khác, nhờ sự nhắc nhở, khuyên bảo chân tình của bạn bè nên đã đặt bát cúng dường đến ba vị tỳ-khưu. Cả hai trường hợp như thế, hai thiện sự như thế thì phước báu của ai lớn hơn, đóa hoa nào nhiều sắc hương hơn? Quý vị có biết không?

Quả của phước báu còn tùy thuộc nhiều yếu tố, nhiều điều kiện. Ví như khi cúng dường, tâm của vị ấy ra sao? Ví như vật cúng dường là chánh mạng hay không chánh mạng? Ví dụ, đối tượng thọ thí là Như Lai, chư vị thánh tăng hay là phàm tăng? Và giả thiết như cả ba điều kiện kia giống nhau - thì phước báu của người tự khởi tâm cúng dường bao giờ cũng trở quả vi diệu hơn người nhờ khuyến khích, nhờ nhắc bảo mới làm thiện sự, này chư vị!

Còn nữa! Đức Phật Kassapa giảng tiếp rộng rãi và đầy đủ hơn:

- Người suốt đời không hề làm phước, không giúp kẻ cơ hàn một manh áo, một vá cơm, không bao giờ biết cúng dường đến sa-môn, đạo sĩ dù một cây kim, sợi chỉ; nếu có thiện nhân sinh được làm người thường sống trong cảnh tăm tối, đói nghèo. Người ấy dù làm việc với bàn tay chai sạn, làm việc lam lũ thâu đêm măn ngày thì cái ăn cái mặc vẫn chật vật, túng thiếu như thường. Tại sao vậy? Tại vì họ không có phước để dành từ kiếp trước, mọi kho lẫm đều cạn kiệt, trống trơn, không có phước xung quanh giúp đỡ, không có phước để tạo duyên may mắn, không có phước để có quý nhân phò trợ, không có phước để có hoàn cảnh làm ăn thuận lợi; và vì không có phước nên những hạt mầm nào khô công gieo ươm cũng bị sâu kiến đục khoét, giả dụ cái cây có lớn lên cũng bị khô hạn, thiếu phân, thiếu nước... sẽ cằn cỗi và chết dần, chết mòn...

Đây là trường hợp thứ nhất, lý do thứ nhất mà mọi người hãy nên tích lũy phước - này đại chúng!

Tiếp đến, khi ta thấy rõ nhân quả rồi, ta biết làm phước rồi, nhưng ta chỉ làm một mình; lặng lẽ, âm thầm cúng dường vật này, vật khác đến một vị tỳ-khưu, hai vị tỳ-khưu... Có nhân tất có quả. Phước báu trời người sang cả sẽ trở sanh cho vị ấy, nhưng lại là cái quả riêng lẻ, đơn độc. Người ấy có thể ở một mình trong những toà lâu đài cao sang, lộng lẫy nhưng lại không có bà con, quyến thuộc, không có bạn bè, đồ chúng. Người ấy sẽ sống đời cô đơn, cô độc với phước báu của mình.

Đây là trường hợp thứ hai, nhân lẻ loi, cô độc thì quả sẽ lẻ loi, cô độc, chư vị hãy biết rõ như vậy!

Có người, khi thấy Như Lai và chư tăng thì tâm rất hoan hỷ; đã rất chịu khó đi từ nhà này sang nhà khác kêu gọi mọi người hùn góp tài vật, thứ nọ thứ kia để bố thí cúng dường - nhưng tự thân mình không chịu bỏ ra một xu, một cắc nào cả. Trường hợp này, có nhân thì có quả. Người ấy, do không bỏ ra một chút

tài vật nào nên kiếp sau bị đói nghèo, cơ cực. Tuy nhiên, nhờ kêu gọi nhiều người hùn phước nên vị ấy lại có nhiều bạn bè, quyến thuộc...

Đây là trường hợp thứ ba, mình thì cùng khổ, đói nghèo nhưng lại có đông đúc bạn bè, quyến thuộc.

Còn nữa, khi đã thấy rõ nhân quả trong cả ba trường hợp vừa rồi, khi làm phước cúng dường, ta rủ thêm vợ con, quyến thuộc, bạn bè cùng làm thì sau này, khi sinh vào cõi trời, cõi người nào, ngoài sự thọ hưởng sang cả, phú quý, ta cũng sẽ còn có rất đông con cháu, gia nhân, tôi tớ, bạn bè, thân bằng, quyến thuộc cùng cả một hội chúng tùy tùng, đông đảo nữa. Hãy thấy rõ như vậy để kết dệt cho mình, cùng với mọi người những tràng hoa tươi thắm sắc hương nhất, này các hàng học chúng!

Đây là trường hợp thứ tư, là có phước báu tối thượng nhất, lợi lạc nhiều nhất, này hai hàng cận sự!

Thời pháp với nhân quả quá rõ ràng làm cho ai cũng sáng mắt, sáng lòng. Người cận sự nam lớn tuổi chợt quỳ sụp xuống:

- Bạch đức Tôn Sư! Ôi! Hy hữu làm sao mà cũng tường minh xiết bao! Thời pháp vừa rồi quả thật là huyền diệu, nó làm cho chúng con thấy rõ những bóng mát để nương nhờ. Nó đầy đủ cả hai nơi, mình và người, mình cùng quyến thuộc và đồ chúng. Chúng con chọn trường hợp thứ tư mang đến phước quả thù thắng nhất. Vậy thì ngày mai, chúng con xin cung thỉnh đức Chánh Đẳng Giác cùng hai muôn tỷ-khưu đệ tử; cũng tại nhà hội lớn này để cho muôn dân kinh thành cùng chung hùn góp đặt bát cúng dường!

Đức Phật Kassapa im lặng nhận lời.

Rời giảng đường, người thiện nam lớn tuổi tức khắc đi từng nhà, từng nhà kêu gọi hùn phước. Ông đã cùng với gia nhân, với mấy chiếc xe bò kéo, chịu khó đi khắp mọi nơi thu nhận tiền bạc, dầu, mè, gạo, bơ, đường, mật, rau đậu, củ quả, đủ loại thượng vị cứng và mềm. Ông thiện nam mang niềm vui ấm áp trong lòng khi đi kêu gọi hùn phước như thế. Tín nữ này thì nói:

Cho tôi cúng dường năm vị tỳ-khuru. Thiện nam kia thì nói: Cho tôi cúng dường tám vị. Gia chủ kia thì nói: Cho tôi cúng dường mười vị. Vị phú hộ kia thì nói: Cho tôi cúng dường hai mươi vị sa-môn. Có vị danh gia vọng tộc hoặc đại phú hộ xin cúng dường hai trăm vị, năm trăm vị...

Thế là vị cận sự nam và hằng chục gia nhân đi khắp các con đường, không bỏ sót cả những con hẻm, cả những xóm nhà nghèo khổ... vì ông có tâm tốt, muốn ai ai cũng được phước báu dù nhiều hay ít. Đến tại một ngôi nhà tồi tàn, rách nát, gặp người bần khổ Mahāduggata, ông cũng kêu gọi:

- Này ông bạn! Ngay ngày mai, tại nhà hội lớn của kinh đô, tôi và tất cả mọi người cùng hùn góp tịnh tài, vật thực để đặt bát cúng dường đến đức Phật và hai muôn tỳ-khuru! Người thì xin nhận đặt bát cho năm vị, mười vị, cho chí đến năm trăm vị... Phần bạn thì thế nào, xin nhận đặt bát bao nhiêu vị tỳ-khuru để tôi ghi vào sổ?

Mahāduggata thở dài rồi nói:

- Dạ thưa ông! Nhà tôi mà ông hỏi đặt bát cúng dường bao nhiêu vị tỳ-khuru ư? Làm được chuyện phước đức ấy phải là những người giàu có, còn tôi thì sáng nay cũng không có một nhúm gạo để nấu cháo lót lòng. Tôi là kẻ “*nghèo mặt rệp*”⁽¹⁾, thưa ông. Hiện tôi làm thuê nơi này nơi nọ, bữa có bữa không, lây lất qua ngày mà thôi! Tên tôi người ta đã đặt cho là Đại Bần Khổ ông không biết sao?

Người cận sự nam nghe vậy, trong lòng thì rất ‘cám cảnh’ nhưng cũng mở lời tìm cách thuyết phục:

- Này ông bạn Bần Khổ! Trong thành này nhiều người có dinh thự, lầu ốc, nhà cửa tráng lệ, nguy nga, ăn ngon, mặc đẹp, kho lẫm châu báu, ngọc ngà, đeo giắt nhiều loại nữ trang quý

⁽¹⁾ *Quá nghèo, nghèo đến tận cùng! Có người giải thích: Con rệp thường bám vào giường chiếu, áo quần để hút máu người. Ở đây, người nghèo đến độ con rệp cũng không biết bám vào đâu, vì có máu đâu mà hút!*

giá... Sở dĩ họ được hưởng phước lộc sung mãn, dồi dào như vậy là vì kiếp trước, nhiều kiếp về trước họ gieo nhân công đức, phước thiện. Còn bạn thì sao nào? Bạn làm thuê, làm mướn cực khổ, sống đời tối tăm bần khổ như con quạ ăn bùn... vì trong quá khứ, bạn không cho ai một xu, một cái, không chịu bố thí cúng dường dù một muống cháo, một vá cơm hay là một cái khăn tay! Thế bạn có nghĩ ra cái nhân quả quá khứ và hiện tại tạo nên hoàn cảnh sống kiết xác, tối tăm, nghèo hèn của bạn đây chăng?

Mahāduggata cúi đầu đáp:

- Tôi biết, tôi biết lắm chứ, thưa ông!

- Thế tại sao bây giờ bạn không khởi tâm làm phước? Bạn còn cái lưng vạm vỡ, hai cái tay gân guốc, lực lưỡng... sao bạn không bán cái sức ấy lấy năm ba xu vàng, tùy theo khả năng mình để hùn vào phước sự hy hữu này?

Lắng nghe lời ‘*hùng biện*’ của người thiện nam, cái tâm của Mahāduggata bị kích động mạnh mẽ, ông chột gật đầu rồi cất giọng lớn:

- Được rồi! Được rồi! Tôi sẽ tìm chỗ làm thuê ngay tức khắc, dù được ít nhiều gì, tôi cũng xin ông cho tôi đặt bát cúng dường một vị tỳ-khưu!

Ông cận sự nam hoan hỷ cất tiếng “*lành thay*” rồi chào từ già, đi sang nhà khác, ông không ghi sổ, tự nghĩ: “*Thôi, một vị tỳ khưu thì ghi sổ làm gì!*”

Còn Mahāduggata đi vào bên sau nhà kể lại mọi chuyện cho vợ nghe. Người vợ không mở lời bình thường như mọi người đàn bà khác “*nhà mình quá nghèo khổ, cái miếng ăn cũng chưa có, sao ông lại nhận lời, vợ thêm cái khổ vào thân!*” mà lại nói rằng:

- Vậy là phải lắm, là tốt lắm! Kiếp trước chúng ta không chịu bố thí chút gì nên kiếp này nó khổ vậy đó. Bây giờ, ông và tôi đều chịu khó đi kiếm việc làm thuê rồi tiền công cả hai góp lại, hy vọng đủ cúng dường cho một vị tỳ-khưu.

Thế rồi, cả hai vợ chồng tìm đến gia đình của một vị đại trưởng giả nổi tiếng là có lòng trung hậu.

Nghe gia nhân báo, vị trưởng giả kêu chàng lại hỏi:

- Chú làm được công việc gì?

- Việc gì làm bằng chân tay nặng nhọc, tôi đều làm được, thưa chủ!

- Vậy thì được! Vị trưởng giả nói - ngày mai, ta có việc trọng đại là cúng dường vật thực đến ba trăm vị tỷ-khuru. Việc nấu nướng chắc phải tốn nhiều củi lửa. Chú em cố gắng bừa củi cho giỏi, được không?

- Dạ thưa được! Con rất sẵn lòng, thưa chủ!

Đại trưởng giả hài lòng, bảo người nhà mang đao, búa, cúp... nhiều loại trao cho Mahāduggata rồi chỉ vào một đồng gỗ lớn tại sân sau rồi nói:

- Chuyện mà thành thì công đức của chú rất lớn đó!

Mahāduggata thăm tri ân ông chủ nhân hậu. Bước ra đồng gỗ lớn chàng đưa mắt nhìn bao quát, ước lượng công việc rồi chàng lấy dây buộc thắt lưng lại, xắn tay áo lên rồi bắt đầu vào việc.

Mặc dầu bụng đói nhưng do Mahāduggata có niềm vui trong lòng nên chàng làm việc hết mình... khi đao, khi búa, khi cúp... phối hợp rất nhịp nhàng và thuần thục. Chỉ một canh giờ sau là một đồng củi lớn được xếp ngăn nắp, gọn gàng, ngay ngắn, đều đặn chẵn chẵn...

Vị đại trưởng giả trông thấy rất hài lòng, ngạc nhiên hỏi:

- Ta chưa thấy người làm công nào làm việc hết sức mình và có ý tứ như chú em! Lại tháo vát, siêng năng, chăm chuyên và cần mẫn hiếm có nữa! Chắc là phải có lý do gì nào đó chứ?

- Dạ thưa chủ! Quả thật là con đang rất hết sức cố gắng để kiếm một chút tiền công - vì ngày mai, con có nhận đặt bát cúng dường một vị tỷ-khuru!

Vị đại trưởng giả nghe vậy rất xúc động, phát tâm hoan hỷ, trong sạch với người làm công, tự nghĩ: “*Ôi! Quả thật đây là hạnh khó làm! Chú em này đã không than thở nào tôi khổ,*

tôi nghèo, tôi đói... mà cậu ta xuất lực có tiền để đặt bát cúng dường một vị tỳ-khưu! Trời đất thánh thần ơi! Cái tâm ấy, cái phước ấy, dù cho ta tiền rùng bạc biển, cõi con tuấn mã kiêu hùng, thuộc loại ngựa sindhu tối thượng vẫn không chạy theo kịp phước của chú em này!”

Còn bà trưởng giả thì kêu vợ của Mahāduggata vào rồi hỏi:

- Cô có thể làm việc gì?

Nàng đáp:

- Bất cứ công việc nặng nhọc nào, có việc gì thì con làm việc ấy, thưa chủ!

Nghe vậy, bà trưởng giả dẫn vào nơi trại thóc lúa, chỉ cho thấy nào cối, nào chày, nào nia, nào sàng... rồi nói:

- Ngày mai, ta cần có gạo trắng tinh tươm để nấu một món cơm sữa đặc biệt để cúng dường đến ba trăm vị tỳ-khưu! Ta cần nhiều gạo lắm đấy! Vậy cô hãy làm cho giỏi vào, ta sẽ trả tiền công xứng đáng...

Vợ của Mahāduggata nghe vậy rất hoan hỷ nên cô xăng xái bắt tay vào việc ngay. Cô làm siêng năng, liên tay. Khi giã gạo, dù mồ hôi ướt đầm chân tóc mà miệng thì không ngớt hát ca, những bài ca bình dân giản dị và vui tươi...

Bà vợ trưởng giả thấy vậy, ngạc nhiên hỏi:

- Có việc gì mà trông cô vui vẻ như thế?

- Dạ thưa, vì con sẽ được có tiền công; và ngày mai, vợ chồng chúng con sẽ được đặt bát cúng dường cho một vị tỳ-khưu!

Nghe vậy, bà chủ cũng phát tâm trong sạch như ông chủ vậy, hoan hỷ vô cùng, tự nghĩ: *“Cái đức tin và cái tâm của cô gái nghèo hèn này lớn quá! Thật là một việc khó làm!”*

Tối mịt trời, hai vợ chồng mới về nhà. Mahāduggata lấy cái dĩa ra, khoe với vợ:

- Công của tôi được bốn gáo gạo sālī thượng hạng. Và do nhờ tôi làm việc giỏi, ông chủ còn thưởng thêm bốn gáo gạo sālī nữa. Vậy là phần tôi có cả thảy tám gáo gạo sālī, thật là quá nhiều bà nó ơi!

Bà vợ cũng khoe:

- Công của tôi thì được một bát bơ lỏng, một bát sanh tô, một bát ngũ vị hương cùng với một gáo gạo sālī trắng, tinh ròng, không có tẩm. Tuy nhiên, do tôi làm việc giỏi, không thua ông đâu, nên bà trưởng giả có thưởng thêm một phần như vậy nữa.

Tối ấy, hai vợ chồng tự thưởng cho mình một bữa ăn ngon, no bụng, thoả thích đợi đến sáng ngày...

Vừa mới sớm tinh mơ, bà đã giục Mahāduggata:

- Ông hãy đi tìm lá thơm (paṇṇasūpeyya) để về nấu một món ca-ri, nghe!

Thế là Mahāduggata đi tìm lá, do vui quá nên vừa hái lá, vừa đi vừa ngheu ngao ca hát. Bên bờ sông, một ngư phủ đang quăng lưới, nghe tiếng hát vô tư của anh chàng nghèo kiệt xác Mahāduggata, ngạc nhiên kêu lại hỏi:

- Có việc chi mà chú em tung tăng vui vẻ vậy?

- Thưa, tôi vui vẻ vì hôm nay vợ chồng tôi đang sắm sanh những món ăn để đặt bát cúng dường cho một vị tỳ-khưu!

- Ô! Thật đáng ngưỡng mộ! Thế chú em đến đây làm gì?

- Tôi đi kiếm lá thơm để nấu một món ca-ri!

- Vậy đã kiếm được lá thơm chưa?

- Dạ rồi!

- Vậy thì lá thơm ấy, ca-ri ấy sẽ nấu, hầm với cái gì?

Mahāduggata ngó ra:

- À, tôi không được biết! Tôi có gạo, có bơ, có sanh tô, có ngũ vị hương mà!

Người ngư phủ cười lớn:

- Vậy thì lá thơm ấy, ngũ vị hương ấy nấu với bơ, với sanh tô sẽ sinh ra một món ca-ri hay sao?

- Tôi không biết, tôi không rành!

Người ngư phủ bèn nói:

- Lại đây! Chú em có thấy cái đồng cá nơi bãi cát kia chẳng?

- Có thấy!

- Hãy đến đây, lựa giúp cá to ra cá to, có vừa ra cá vừa, cá

nhỏ ra cá nhỏ. Cá to sẽ bán một mớ với giá một đồng vàng kahāpaṇa; cá vừa sẽ bán một mớ với nửa đồng vàng pāda; cá nhỏ sẽ bán một mớ là một xu vàng māsa. Nếu chú làm giỏi ta sẽ có cái thưởng về mà nấu với món ca-ri đặc biệt...

Tội nghiệp vợ chồng Đại Bần Khổ, vì suốt đời ăn mắm mứt giò, gạo có trấu, cháo tằm chua thì có biết gì món này, món nọ. Nên khi nghe người ngư phủ hứa giúp, chàng mau mắn làm công việc lựa cá, rất nhanh, chỉ cây hương tàn là xong.

Người ngư phủ khen ngợi:

- Nhanh nhẹn, tháo vát... chịu thương, chịu khó, vậy mà suốt đời cùng khổ cũng lạ. Chú em chắc bị “*nghiệp hành*” đây! Hy vọng ngày hôm nay đặt bát cúng dường cho một vị tỳ-khưu, cái phước sẽ sớm trở sanh cho gia đình vợ chồng chú!

- Cảm ơn ông!

- Bây giờ, nơi đám lá sau lưng chú em, ta có chôn dưới cát bốn con cá hồng lớn, sợ nó ương. Nó là của quý, là phần ăn của gia đình ta, ta tặng cho chú em đó, về mà ra tay nấu món ca-ri nghe!

- Đội ơn ông!

- Ôn với nghĩa gì! Cái tấm lòng với nhau là giúp qua giúp lại, rửa trôi!

Thế là Mahāduggata hí hửng, sung sướng mang bốn con cá hồng⁽¹⁾ về nhà...

Tất thấy mọi việc làm của gia đình Đại Bần Khổ từ hôm qua đến nay đều không thoát khỏi vòng lưới quan sát của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa. Và đức Đạo Sư còn biết rõ, tuy tâm

⁽¹⁾ Trước đây, viết về cuộc đời chư Phật, chư thánh tăng hoặc túc sanh truyện, hễ đụng đến cá, thịt, nếu tránh được thì tôi tránh; nhưng nay tôi nghĩ không cần thiết, vì tôi muốn tôn trọng nguyên bản. Nếu ai có đọc nguyên bản Pāli hoặc tiếng Anh hoặc được phiên dịch từ đây... đều đề cập đến cá, thịt rất tự nhiên, người ta không hề tránh né! (Dictionary of Pāli proper names - Q2. tr. 120 ghi là cá hồng - red fish - một số nơi khác cũng nói là cá hồng).

lớn của hai vợ chồng là vậy, sự chuẩn bị chu đáo là vậy nhưng đến giờ đặt bát, họ sẽ chẳng có phần một vị tỳ-khưu nào!

Và hôm ấy, chiếc ngai bằng vàng ròng tinh chất của trời Đế Thích cũng nóng ran như lò lửa! “Ồ, *dưới nhân gian có tên nào cả gan muốn chiếm ngai vàng của ta vậy kìa?*” Suy nghĩ như vậy xong, Đế Thích quét thiên nhãn thì hình ảnh ngôi nhà tồi tàn, rách nát cùng hai vợ chồng Đại Bần Khổ hiện ra. Đế Thích cũng biết là họ sẽ không có một vị tỳ-khưu nào; cuối cùng, cả hai người sẽ được vinh hạnh nhận cái bát của đức Chánh Đẳng Giác! “Ồ, *thật là hy hữu! Vậy ta sẽ tạo một chút công đức, giúp cho hai vợ chồng người nghèo khổ tội nghiệp này!*”

Thế là khi Mahāduggata vừa về đến nhà một lát thì có một người đàn ông lạ mặt xuất hiện trước cửa, nói to lên rằng:

- Ở đây có công việc gì cần người phụ giúp không kìa?

Mahāduggata đáp:

- Nhà này “*nghèo rớt mòng toi*”⁽¹⁾, có gì mà làm đâu, có gì mà phụ giúp đâu!

- Có đây! Tôi “*ngủi*” thì có đây! Đường như ở đây đang chuẩn bị nấu một món ăn gì đấy?

- Phải! Đúng là vậy!

-Ồ! Tôi là người rất rành ba cái chuyện nấu ăn! Lại nấu ăn ngon nữa!

- Nấu ăn ngon để cúng dường cho một vị tỳ-khưu thì nó cần thiết lắm, nhưng tôi không có tiền để trả công!

- Nếu để cúng dường thì trả công làm gì! Cứ chia phước cho tôi là được!

- Vậy thì tốt! Vợ chồng tôi sẵn sàng chia phước!

Vào bếp, Đế Thích nói với hai người:

⁽¹⁾ “*Mòng toi*” hay “*mùng toi*” là phần trên của toi đọt, thường được kết dây với lá tốt, khó mà rách. Nhưng khi nói “*rớt mòng toi*” tức là cái toi đã rách nát rồi (theo Từ điển thánh ngữ Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 1994).

- Bà ra ngoài đi, quét dọn nhà cửa. Còn ông hãy đi thỉnh ngay một vị tỳ-khưu. Tôi làm một loãng là com canh, ca-ri gì gì cũng xong ráo trọi!

Giờ khỏi cần nói cái tài biến hóa như thế nào của trời Đế Thích mà đề cập đến anh Đại Bần Khổ đi thỉnh một vị tỳ-khưu.

Người thiện nam nhận trách nhiệm trưởng ban tổ chức, với quyền sở trên tay trông coi cuộc đại thí đang phân chia từng nhóm tỳ-khưu nơi này và nơi kia thì Mahāduggata tìm đến, thưa:

- Hãy cho tôi một vị tỳ-khưu như đã hứa hôm qua, thưa ông!

Đến bây giờ người thiện nam mới sực nhớ:

- Chết rồi! Vì chỉ một vị tỳ-khưu nên tôi quên không ghi sổ mất rồi!

- Một vị cũng không có ư?

- Đã phân phối hết rồi, không còn một vị nào!

Mahāduggata như chết đuối ở trong lòng. Như có ai lấy dao nhọn khoét sâu vào tim mình. Cậu lấy hai tay ôm mặt mà khóc than, mà kẻ lẽ còn hơn cha chết, mẹ chết:

- Ông giết tôi rồi ông ơi! Sao ông lại nỡ làm hại kẻ khôn khổ này? Hai vợ chồng tôi đã nghe theo lời khuyên của ông, đã đi làm công và đã làm việc hết sức mình hầu kiếm tiền mua vật thực cúng dường một vị tỳ-khưu. Thân phận bé mọn của vợ chồng tôi như một cọng cỏ héo, chỉ cần một chút phước cúng dường như giọt sương trời cũng đủ mãn nguyện, cũng đủ tươi tỉnh lại ngay! Thế mà ông lại nhẫn tâm đốt cháy nó đi hay sao?

Nghe tiếng khóc than của người nghèo khổ, mọi người đổ xô lại. Sau khi biết chuyện, ai cũng thương tình, khuyên lơn, an ủi. Nhưng Mahāduggata nước mắt, nước mũi vẫn cứ tuôn chảy đầm dề. Phần phải, phần đúng về phía Mahāduggata và phần trái, phần lỗi về phía người thiện nam. Họ trách ông:

- Vậy là quấy lắm, quấy lắm!

- Quên một phần của người nghèo khổ, thế là không được.

Người thiện nam ân cần nắm tay Mahāduggata xin lỗi, xin phải một hồi rồi chợt sáng ý ra:

- Còn đức Chánh Đẳng Giác! Biết đâu tấm lòng của ông bạn động đến tâm bi mẫn của ngài! Hãy bạo gan đi thỉnh bát của đức Đạo Sư đi!

Nghĩ rằng có trách cứ gì ông ta thì việc cũng đã rồi nên Mahāduggata lau ráo nước mắt tìm đến chỗ trú cư của đức Phật.

Chư vị đại gia, đại thần, tiểu vương cùng hai hàng cận sự chen chúc đứng đầy cả khu vườn lớn bên ngoài hương phòng của đức Đạo Sư. Khi thấy người nghèo khổ, rách rưới đi thẳng vào bên trong, tưởng là kẻ ăn xin, họ ngăn lại:

- Chưa đến giờ *'tàn thực'* đâu, ông bạn! Bên trong đó là nơi ngự của đức Chánh Đẳng Giác!

- Tôi nghèo hèn nhưng không phải là kẻ ăn xin! Tôi đến để đánh lễ đức Đại Bi!

Rồi Mahāduggata phủ phục xuống, hướng đèn cửa hương thắt, đầu gối lộp độp xuống bậc cấp đến rướm máu, rồi nói to lên rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con có tên là Đại Bần Khổ, là kẻ nghèo đói, cơ cực, khốn khó nhất kinh thành Bārāṇasī. Xin ngài hãy là người bảo trợ cho con, tế độ cho con, cho con chút phước báu như chiếc phao đưa con ra khỏi vũng bùn tối tăm, hôi hám, hạ liệt trong thân phận một kẻ nô lệ...

Hương phòng chợt mở cửa, và đức Chánh Biến Tri như vàng nhật rạng hiện ra sáng ngời, bước xuống, ngài lấy bát của mình đặt vào tay của Mahāduggata...

Mahāduggata lặng người, chàng mừng run lên. Hai tay trịnh trọng nâng bình bát lên đầu, còn hơn bùng cả danh vị Chuyển luân Thánh vương! Những người phú quý của kinh thành vây quanh lại. Họ trở mắt nhìn nhau. Họ không tin cái chuyện xảy ra trước mắt. Trong họ, chẳng ai có được cái vinh dự ấy!

Một vị tiểu gia nói:

- Này ông bạn! Hãy trao bình bát ấy cho tôi, đổi lại, tôi sẽ biếu bạn một trăm đồng tiền vàng!

- Hai trăm đồng tiền vàng! Một vị đại gia nói - và mười con bò sữa nữa!

Rồi con số được nhận bình bát lên đến một ngàn đồng tiền vàng, nhưng Mahāduggata vẫn một mực lắc đầu, trước sau chỉ có một câu nói:

- Không đổi, không đổi gì hết! Tiền bạc, kim ngân châu báu gì tôi cũng không cần, chỉ cần được đặt vật cúng dường vào bình bát của đức Thế Tôn thôi!

Đức vua xứ Kāsī đứng yên lặng dưới gốc cây, chứng kiến sự việc từ đầu đến cuối, tự nghĩ: *“Cái kiêu này thì dù dụ dỗ cho cả gia sản lớn, tên bần khổ này cũng không chịu đổi đâu. Lại nữa, khi đức Thế Tôn đã trao bát vào tay cậu ta rồi thì uy lực của Đệ Thích, của Đại phạm thiên cũng không thể làm gì được!”* Rồi đức vua nghĩ tiếp: *“Nhưng mà vật thực của người này quả thật không xứng để dâng đến đức Đại Giác. Thôi được rồi, ta cứ chuẩn bị sẵn vật thực thượng vị, đến tận nhà người nghèo khổ này, xem bên trong cái nồi, cái chảo chôn giấu của báu gì, rồi hãy tính!”*

Thế rồi, khi đức Thế Tôn rời hương phòng, chậm rãi đi theo Mahāduggata thì đức vua cũng tháp tùng theo. Một số tiểu vương, đại thần, danh gia, đại gia chủ... cũng bị lôi cuốn đi theo. Họ muốn tận mắt chứng kiến, cái anh chàng nghèo kiết xác này sẽ cúng dường cái vật trân quý gì đến cho đức Thế Tôn?

Đến tận ngôi nhà tồi tàn, xơ xác, ai cũng chạnh lòng. Đệ Thích lúc ấy cũng đã trở phép mọn ra tay đầu đó chĩa chu về phòng ốc, bàn ghế, mọi vật thực cúng dường... Khi đức Chánh Đẳng Giác bước vào cửa thì khuôn cửa tự dung to, lớn và rộng ra. Bên trong ngôi nhà tồi tàn đã hóa thành một dinh cơ sang trọng; và chỗ ngồi của đức Bôn Sư còn cao quý hơn cả ngai vàng của vua chúa. Ai cũng nhìn sửng. Ai cũng nghĩ là do phước báu của chàng nghèo khổ!

Khi đức Chánh Đẳng Giác an tọa, vị chúa Bārāṇasī nói với Mahāduggata:

- Trẫm là đức vua Kāsī đây! Khi chư vương tử muốn trao một ngàn đồng tiền vàng mong được nhận bát cúng dường nhưng người cứ khư khư không khứng chịu! Vậy, bây giờ, trẫm tò mò muốn xem vật thực cúng dường của người là cái gì nào?

Không đợi nhắc lần thứ hai, ở chiếc bàn bên cạnh, Đế Thích trong thân phận phụ trách bếp ăn, thò tay mở nồi, mở vung ra. Khi vừa mới mở hé - thì một mùi hương lạ lùng, kỳ bí... thơm lan tỏa, thơm ngát ngào... quện khắp cả không gian, có thể bay xa cả mấy do-tuần!

Vị quốc vương thấy mùi thơm chưa hề có ở nhân gian, thấy màu sắc vật thực lấp lánh như có trộn lẫn ngàn sao... Ông đứng sững một hồi lâu rồi nói với Mahāduggata:

- Trẫm đã làm to! Trẫm đã có tâm khinh lờn, coi thường vật thực cúng dường của người. Trẫm nghĩ rằng, khi xem thấy vật thực không ra gì của người thì trẫm sẽ thỉnh đức Tôn Sư về triều để cúng dường những món ăn thượng vị xứng đáng hơn. Ai ngờ, vật thực cúng dường của người thì trẫm cũng chưa hề thấy, chưa hề nghe, chưa hề được biết qua! Nếu so sánh thượng vị của cung đình với thực phẩm hôm nay của người thì giống như cám heo so với bữa ăn của nhà giàu!

Nói xong, đức vua lạy chào đức Thế Tôn rồi quay gót, từ giả.

Từ đầu chí cuối đức Thế Tôn không nói gì. Và khi độ thực xong, ngài đọc vài câu kệ phúc chúc rồi đứng lên, rời bảo tọa. Đế Thích ra hiệu cho Mahāduggata rửa bát rồi ôm bát theo sau.

Khi Mahāduggata tiễn đưa đức Phật xong, về nhà thì thấy bà vợ đứng ngoài cửa, ông hỏi:

- Có chuyện chi mà ra đứng ở đây?

- Ôi! Cái ngôi nhà tồi tàn của chúng ta bây giờ chật đầy cả châu báu, không có một chỗ để đặt cái chân nữa!

Mahāduggata thấy sự việc lạ lùng, chấp tay vái lia lịa mà không biết lạy ai. Đế Thích, lúc ấy, hóa thân trở lại hình tướng cao sang của đấng thiên vương chủ, sáng ngời giữa hư không, nói vọng xuống:

- Cái gã đầu bếp chính là ta, chính là Đế Thích thiên chủ đây! Ngọc vàng châu báu ấy là quả mọn, ta biếu tặng cho hai người đó, nhớ sống cho tốt đẹp, cho xứng đáng là một người lành tốt, có đức tin với Ba Ngôi Báu! Ta đi đây...

Rồi Đế Thích mất bóng giữa không gian...

Chuyện còn kể rằng, Mahāduggata sau đó vào trình với đức vua, và xin đức vua cho những chiếc xe bò kéo, chở kim ngân châu báu ấy vào triều. Chàng mong đức vua sử dụng châu báu ấy để ích quốc lợi dân. Đức vua phong cho Mahāduggata chức đại trưởng giả, và biến chỗ đất nghèo khổ kia thành một tòa lâu đài cho gia đình vị tân đại trưởng giả ở. Khi thợ đào móng, phát giác rất nhiều ché vàng bạc chôn cất bên dưới, đức vua bảo đây là do nhờ phần phước của Mahāduggata, đừng dâng triều đình nữa, cất lấy mà dùng, nhà vua sẽ cho người bảo vệ.

Từ đây, hai vợ chồng sống đời phú quý không ai bằng, luôn lấy thiện sự làm niềm vui, hầu như suốt đời hộ độ chư tăng, giúp đỡ người nghèo khó mà kho lẫm, vàng bạc cũng không hết. Mãn tuổi thọ, Mahāduggata sanh về nhân cảnh, hưởng lộc trời trải qua thời gian cả hai vị Phật. Đến thời hiện tại, mệnh chung từ thiên giới, tái sanh vào thai bào của một vị tiểu thư con nhà trưởng giả, cư ngụ ở Sāvatti, là một gia tộc hiền thiện, có đức tin với Tam Bảo, là một thí chủ, đệ tử của tôn giả Sāriputta.

Có một điều lạ lùng là khi cái thai đã lớn, bà mẹ sanh chứng thèm muốn, ao ước được cúng dường, có thực phẩm là cơm sữa và “*cá hồng*”⁽¹⁾ ngon lành, sốt bát cho năm trăm vị tỳ-khưu có tôn giả Sāriputta cầm đầu. Và thêm điều khác thường nữa, bà cũng mơ thích được đắp y vàng, ngồi cuối cùng sau hàng tỳ-khưu, được dùng những vật thực dư thừa của tăng chúng sốt cho! Các ước nguyện ấy, nàng khẩn thiết thưa trình với cha mẹ và cả gia đình cùng hoan hỷ cho nàng được thỏa nguyện.

⁽¹⁾ Do “4 con cá hồng” trong tiền kiếp xa xăm cúng dường cho đức Chánh Đẳng Giác Kassapa - như đã dẫn ở trên.

Có một hiện tượng diệu kỳ nữa mà không ai hiểu lý do, là từ khi đứa trẻ mới ở trong bào thai thì mọi người trong đại gia đình, dòng họ, hễ có ai đốt nát, ngu khờ đều trở nên thông minh, sáng láng; còn kẻ điếc câm thì nói được và nghe được - nên khi sinh ra đời, trẻ được đặt tên là Paṇḍita, có nghĩa là thông trí, trí hiền hay thông tuệ.

Mùa an cư vừa rồi, đứa trẻ đã được bảy tuổi, khi năm trăm vị tỳ-khuru và tôn giả Sāriputta được mời thỉnh đến nhà đặt bát, đứa trẻ cứ khăng khăng xin cha mẹ đi xuất gia theo gót chân của tôn giả.

Bà mẹ tự nghĩ: *“Ta nhất định không phá hoại căn lành của con trai ta”*, bèn tán thán: *“Tốt lắm con à! Cả gia đình ai cũng hoan hỷ về điều đó”*.

Biết đây là nhân duyên nhiệm màu, tôn giả cho xuất gia sa-di, lấy tên Paṇḍita làm thành pháp danh!

Tại Kỳ Viên tịnh xá, sau khi gia đình hoan hỷ làm phước bảy ngày, đến ngày thứ tám, sa-di Paṇḍita muốn theo thầy ôm bát vào thành phố để khát thực. Thấy dáng dấp lóng cồng, vụng về, cách mang y bát còn xộc xệch chưa được tề chỉnh, trang nghiêm, tôn giả Sāriputta kêu lại, ân cần nói:

- Này con! Khoan đi đã! Con cần phải học hỏi, tập sự về cách đi, đứng, nằm, ngồi; cách mang y bát đi khát thực... Sáng nay, con hãy ở lại tịnh xá với ta làm một số công việc, sau đó ta sẽ chỉ dạy cho con trước khi vào thành phố.

Như thường lệ mỗi buổi sáng, tôn giả Sāriputta có phụ tá là Rāhula, Saṅkicca, Sīvali... cùng một số sa-di khác, hôm nay có thêm Paṇḍita, cùng nhau đi quét rác trong khuôn viên tịnh xá; dọn những cầu tiêu, hầm xí; châm nước đầy vào những lu nước uống; sắp xếp lại những giường ghế ở những nhà ngang, nhà khách; thu lượm những vật dụng đây đó quăng liệng bừa bãi; dập tắt những đồng than đang còn âm ỉ khói...

Quan sát đó đây, sa-di Paṇḍita thưa bạch:

- Có một số các vị sao lại để vật dụng lung tung, bừa bãi, lộn xộn vậy hở thầy?

- Hãy từ bi, thương xót đến họ, này con! Khi “*cái tâm*” của một chúng sanh chưa được thu xếp, không biết dọn dẹp, chưa được chăm sóc một cách chu đáo - nó cũng như vậy đó con!

Sa-di Paṇḍita chột quỳ xuống bên chân tôn giả:

- Con đã hiểu điều này. Do vậy con sẽ biết cách thu xếp, điều chỉnh y bát, cách đi, cách đứng của con.

Thế là đã khá trưa, hai thầy trò mới dời chân khỏi Kỳ Viên tịnh xá.

Lần đầu tiên được đi theo thầy khát thực, lòng Paṇḍita rộn ràng sung sướng. Biết tâm của chú sa-di này muốn học hỏi nhiều điều, tôn giả gợi ý:

- Này con! Một kẻ vô văn phạm phu khi không học hỏi giáo pháp thì đối với nó cái gì cũng phi pháp. Còn một người ham hiểu biết, có tâm cầu học... thì đi, đứng, nằm, ngồi đều là giáo pháp; cái gì mắt thấy, tai nghe, trí suy nghĩ thấy đều liên hệ đến giáo pháp!

- Thừa vâng!

Đi ngang ven lộ thấy một cái mương dẫn nước, Paṇḍita tự nghĩ: “*Cái gì mắt thấy... đều liên hệ đến giáo pháp*”. Bèn hỏi:

- Bạch thầy! Cái mương dẫn nước kia có lợi ích gì?

- Nước dâng tràn, lũ lụt có thể làm hại mùa màng, nhưng khi đã có con mương dẫn nó, điều chỉnh nó thì nó lại trở nên lợi ích cho ruộng vườn.

- Nước có hiểu biết gì không?

- Nó vô tri vô giác chớ có hiểu biết gì đâu!

- Vậy thì người ta có thể dẫn một vật vô tri vô giác đem đến lợi ích cho con người sao thầy?

- Đúng thế! Nếu biết làm những con mương cho khéo, người ta có thể dẫn nước đi đâu tùy ý, tùy nghi mà sử dụng.

Paṇḍita tự nghĩ: “*Thật là kỳ diệu! Một vật vô tri vô giác mà con người có thể hướng dẫn được nó, sử dụng nó như ý muốn.*”

Vậy tại sao ta lại không thể hướng dẫn, nhiếp phục tâm ý mình đi theo con đường đến quả vị A-la-hán?”

Đến một quãng đường nữa, thấy những người thợ đang hơ tên trên lửa, neho mắt ngắm để uốn tên cho thẳng; Paṇḍita hỏi:

- Bạch thầy, họ đang làm gì vậy?
- Họ đang ngắm để uốn những cây tên trên lửa cho thật thẳng.
- Mũi tên kia có lý trí chăng?
- Nó cũng là vật vô tình, vô giác, vô tri!

Paṇḍita lại nghĩ: *“Thật là kỳ diệu! Vật vô tri kia mà người ta còn biết cách uốn nắn cho thẳng. Còn ta, ta cũng có chút ít hiểu biết, sao không biết uốn nắn tâm ý mình cho ngay thẳng, chính trực?”*

Sau đó hai thầy trò gặp một người thợ mộc đang đẽo bánh xe.

- Họ làm gì vậy hử thầy?
- Thợ mộc đẽo bánh xe.
- Gỗ không có chút hiểu biết nào chứ?
- Cũng như tên, như nước vậy! Gỗ vô tri mà người ta vẫn đẽo ra được bánh xe hữu dụng.

Paṇḍita tự nghĩ: *“Thật là kỳ diệu! Gỗ vô tri cũng đẽo thành bánh xe hữu dụng cho con người. Vậy sao ta không tự đẽo, gọt những cái xấu xa, tà vạy cho tâm ta được hữu dụng như cái bánh xe kia?”*

Nghĩ đến đây, tự dung Paṇḍita nói với tôn giả Sāriputta:

- Bạch thầy! Con không đi bát nữa!
- Sao vậy?
- Con muốn trở về!

Biết được tâm ý của đệ tử mình nên tôn giả nói:

- Ừ, cũng được! Phải làm sao khá hơn những vật vô tri, vô giác như đường mương, như mũi tên, như bánh xe đó!
- Nhất định thế rồi, bạch thầy!

Nói xong, Paṇḍita chào lạy tôn giả xong, quay lưng bước đi, còn quay lại dặn dò:

- Thầy phải đi hai bát vì một bát sẽ để dành cho con! Khi đem

vật thực về, xin thầy nhớ cho, là hôm nay con chỉ thích cơm, sữa và “món cá hồng” mà thôi đó! Món khác con không ăn đâu!

- Ở đâu ta có thể kiếm được cơm, sữa và cá hồng cho con?

- Nếu thầy không thể kiếm được do phước báu của thầy thì thầy có thể kiếm được do phước báu của con.

Tôn giả mỉm cười, trao chìa khóa phòng rồi khẽ xoa đầu Paṇḍita, bảo:

- Hãy đi vào trong phòng của ta mà hành thiền, không được ngồi ở ngoài các khe suối, nơi các cội cây đâu nhé!

Sa-di Paṇḍita vâng lời, rào nhanh về liêu thất, đóng phòng lại, chú bắt đầu thiền quán, cương quyết phải đạt cho kỳ được quả vị A-la-hán trong ngày hôm nay.

Tại cung trời Đao Lợi, Đế Thích thiên chủ tự nhiên cảm thấy ngại vàng rung động và nóng rực, ngài đoán chắc rằng ở dưới trần gian có tâm ý hướng thượng của ai đó cực kỳ uy mãnh, làm cho phước đức thiên cung chao đảo. Khi dùng thiên nhãn xem, Đế Thích biết rõ nguyện lực của chú sa-di nhỏ tuổi. Để trợ giúp cho thánh hạnh của chú mau thành tựu, Đế Thích bảo Thân Mặt Trời đi chậm lại; lệnh cho Tứ Thiên Vương tức khắc xuống trần đứng canh gác bốn góc ở tịnh xá Kỳ Viên; và phải đuổi muông thú, chim chóc đi nơi khác đừng gây một tiếng động nhỏ. Do vậy, buổi sáng hôm ấy tịnh xá Kỳ Viên yên tĩnh một cách lạ thường...

Tâm của sa-di Paṇḍita nhờ chuyên nhất, nhờ an tịnh gia trì, mới thời gian chưa đến buổi trưa, chú lần lượt chứng Nhập Lưu, Nhị Quả, Tam Quả...

Trong khi ấy, tôn giả Sāriputta đi vào thành phố, vì thấy đã quá trưa, bèn ghé lại một thí chủ thân tín đã từ lâu chưa đến khát thực. Lạ lùng làm sao, khi họ mang ra dâng cúng thì đầy cả một bát cơm, sữa và cá hồng! Tôn giả muốn để dành cho chú sa-di, hợp với sở thích của chú; nhưng gia chủ cứ khẩn khoản mong ngài độ thực cho hết và sẽ có một bát thứ hai vật thực cũng y như thế.

Khi dùng xong, tôn giả nghĩ: *“Buổi sáng này, chú sa-di đã làm việc nhiều, chắc giờ đã đói bụng rồi!”*

Bèn đứng dậy, nói lời chúc phúc với gia đình rồi ôm bát vật thực trở về.

Bạch Đạo Sư, khi ấy ở tại hương phòng, nghe trong không gian có điều khác lạ; hướng tâm đến, ngài thấy Đức Thích như ông thần đứng canh cửa, Tứ Đại Thiên Vương như bốn ông tướng đứng gác bốn phương; và trong phòng của Sāriputta, sa-di Paṇḍita đã đặt tam quả, và hiện đang cương quyết đặt quả A-la-hán. Rồi đức Thế Tôn hướng tâm đến Sāriputta, biết ông thầy này quan tâm thương mến đệ tử, đang trên đường trở về, ôm bát vật thực theo sở thích của đệ tử mà không để ý trời đã quá ngọ.

Đức Phật nghĩ: *“Vì không hướng tâm đến, nên Sāriputta không biết học trò của mình sắp đặt quả A-la-hán. Nếu vì Sāriputta không biết, trong lúc này mà về gõ cửa thì sẽ trở ngại tiến trình đạo quả của chú sa-di. Vậy ta hãy đón đường Sāriputta ngay từ ngoài xa, hỏi vài câu về Abhidhamma”.*

Tôn giả Sāriputta đang trên ngã rẽ về liêu thất thì gặp đức Thế Tôn, ngài liền dừng lại đánh lễ.

Đức Đạo Sư hỏi:

- Ông mang cái gì về đây?

Tôn giả tự nghĩ: *“Đức Thế Tôn biết ta mang vật thực trong bát, nhưng lại hỏi mang cái gì - vậy thì câu hỏi này không phải là thường ngữ mà liên hệ pháp ngữ”.*

Bèn đáp:

- Bạch đức Thế Tôn, *“Sức nóng”*.

- *“Sức nóng”* sinh cái gì?

- Bạch đức Thế Tôn! *“Sức nóng”* sinh *“Sắc”*.

- *“Sắc”* sinh cái gì?

- Bạch đức Thế Tôn! *“Sắc”* lại duyên *“Xúc”*.

- *“Xúc”* sinh cái gì?

- Bạch đức Thế Tôn! “*Xúc*” sinh “*Thọ*”⁽¹⁾.

Ngang đây, biết là Paṇḍita đã đắc quả A-la-hán, Đức Phật liền bảo:

- Này Sāriputta! Vậy thì ông hãy mang “*Sức nóng*” ấy vào cho chú sa-di của ông!

Tôn giả vâng lời, đi vào và gõ cửa. Sa-di Paṇḍita bước ra, đôi mắt như tỏa hào quang, trân trọng đỡ lấy bát vật thực trên tay tôn giả rồi để qua một bên. Chú lấy chiếc quạt thốt nốt, quỳ xuống và quạt mát cho ngài.

Đức Sāriputta nói:

- Hãy ăn đi con! Đúng là một bát cơm, sữa và cá hồng mà con hằng ưa thích đấy!

Paṇḍita hỏi:

- Bạch thầy, còn thầy thì sao?

- Ta đã dùng xong rồi.

Sa-di Paṇḍita sửa lại y áo cho ngay ngắn, ngồi xuống quán tưởng năm điều rồi thọ thực.

Thấy chú cẩn trọng nhai nuốt một cách biết mình, chẳng tỏ vẻ gì là say đắm món ăn yêu thích; tôn giả hướng tâm đến, biết quả vị tối cao mà học trò mình đã đạt, ngài âu yếm nói:

- Giỏi lắm! Con quả thật xứng đáng là một thiện gia nam tử ở trên đời!

Sa-di Paṇḍita nhìn thầy, đôi mắt tỏa sáng, biểu hiện sự tri ân cao cả.

Khi đã ăn xong, rửa bát, dọn dẹp, cất đặt đầu đó xong xuôi, Paṇḍita đưa mắt nhìn ra bên ngoài, chú thật ngạc nhiên là trời đã quá ngọ từ lâu.

Hôm ấy, mọi người trong tịnh xá Kỳ Viên ai cũng cảm thấy

⁽¹⁾ Giải thích đoạn trên: Vật thực ăn vào sẽ tạo ra năng lượng (*sức nóng*). Có năng lượng thì thân thể sẽ no, khỏe (*sinh sắc*). Sắc duyên xúc sẽ tạo ra các “*cảm thọ*” (ăn vào sẽ chống được sự khổ do đói, và người ta sẽ cảm thấy khoan khoái..).

lạ lùng. Ai có thiên nhãn lúc ấy sẽ thấy giữa hư không, Tứ thiên vương rời bốn hướng canh gác, muôn chim trở về Kỳ Viên ca hát ríu rít, líu lo, Đế Thích thiên chủ rời vị trí canh cửa, hóa vàng ánh sáng bay lên cõi trời Đao Lợi.

Cả tịnh xá, mọi người huyền não hỏi han nhau:

- Hôm nay sao lạ vậy? Buổi sáng thì dài cả ngày còn buổi chiều thì trôi qua trong chớp mắt? Chú sa-di Paṇḍita sao chỉ thích xoi món ăn cơm sữa và cá hồng? Rồi bậc Tướng quân Chánh pháp - thầy của chú - sao lại mang về đúng là một bát cơm sữa và cá hồng? Mà sao khi chú ấy đang dùng trưa thì đúng Ngọ? Dùng xong thì trời đã qua Ngọ từ lâu? Thiệt là kỳ quái!

Tuy nhiên, sau khi câu chuyện quá khứ của sa-di Paṇḍita từ thời đức Chánh Đẳng Giác xa xưa được người này kể cho người kia nghe thì mọi thắc mắc mới chấm dứt. Ngay bát cơm sữa và cá hồng mọi người cũng đã hiểu là do nhân duyên quá khứ.

Nghĩ là phải thời để giáo giới vài điều đến chư tỳ-khưu và chư sa-di, tôn giả Sāriputta nói tiếp rằng:

- Nay chư vị! Nhân quả nghiệp báo xưa nay là vậy. Ngay một thói quen nhỏ nhặt, một sở thích riêng tư hiện tại nơi chư vị cũng không phải là điều ngẫu nhiên hoặc nhất thời mà có! Nó tồn tại, tương duyên, liên tục từ kiếp này sang kiếp khác; nó len sâu, ẩn kín trong dòng nghiệp, tưởng như vô hình nhưng nó tích cực tác động thân hành, khẩu hành, ý hành một cách rất vi tế và rất cụ thể. Như sở thích, như mơ ước một món ăn, như được toại nguyện do cúng dường một món ăn - qua hằng trăm ngàn năm sau mà dường như vẫn còn nguyên vẹn sở thích, mơ ước ấy, đeo níu ấy! Ngoài ra, một chút gieo duyên với Phật đạo, với chư Chánh Đẳng Giác, bao giờ cũng là cơ may ngàn đời hy hữu: Trước sau gì cũng nếm được đạo quả Vô sanh bất diệt!

Tăng chúng tán thán:

- Quả thật là hy hữu! Quả thật là kỳ diệu!

Thấy mọi người còn một vài thắc mắc về những hiện tượng xảy ra trong ngày, tôn giả Sāriputta bèn kể cho họ nghe. Vì phước

báu của chú sa-di Paṇḍita đã khiến cho thí chủ cúng dường món ăn hợp sở thích. Vì quyết tâm chứng đạo quả cao nhất trong ngày của sa-di Paṇḍita mà Đế Thích phải nóng nực, phải hiện xuống trần để giúp đỡ. Rồi Đức Phật cũng phải đích thân rời hương phòng đến trợ giúp cho sa-di Paṇḍita ra sao, tôn giả Sāriputta nhất nhất thuật lại.

Một số tỳ-khưu và sa-di còn phàm sau câu chuyện và sau lời giáo giới ấy, họ thấy biết như sau: *“A! Thân này được tập khởi như vậy, bởi thói quen, kinh nghiệm, tâm niệm như vậy mà tạo nên những cá tính riêng, mẫu người riêng biệt như vậy. Những giới cấm của đức Đạo Sư là nhằm ngăn chặn những vọng động không kiểm soát được do chúng từ trong vô thức âm nín trào ra. Nhân như vậy thì đưa đến quả như vậy. Thấy rõ vọng động, làm yên lắng những vọng động, sau đó chiếu soi thân tâm, thấy rõ cái thực vô thường, cái thực vô ngã... thì giải thoát, an vui tối thượng chắc chắn sẽ đến như vậy...”*

Nhờ tư duy đúng, họ không còn hoài nghi về con đường và cứu cánh. Một vài vị chứng quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, rất đông vị khác chứng quả Thất Lai!

Lại thêm một trưởng lão sa-di đáng kính nữa.

Phước Như Cây Lành, Trái Ngọt

(Tiểu truyện Tissa tôn giả)

Ấn Độ cổ xưa có bốn giai cấp, đó là bà-la-môn, sát-đế-ly, vệ-xá, thủ-đà-la; và theo truyền thống tín ngưỡng Vệ-đà thì giai cấp bà-la-môn là con sanh từ miệng đấng Phạm thiên nên họ ăn trên ngai trước, đứng đầu trong bốn giai cấp, lãnh đạo tinh thần xã hội và nhận lãnh độc quyền liên hệ với thần linh. Nhưng đến thế kỷ thứ VI trước TL, thời các vị đại vương nước Kosala, các vị đại vương nước Māgadha thiết lập nền móng vững chắc thì giá trị truyền thống trên đã bị đảo hoán, giai cấp sát-đế-ly lên nắm quyền thống lãnh thì tập cấp bà-la-môn tụt xuống hàng thứ hai và dần dần bị lép vế. Đến khi đức Phật Gotama và giáo hội tăng đoàn thanh tịnh và thánh hạnh của ngài xuất hiện thì đạo sĩ bà-la-môn bắt đầu bị lu mờ. Còn nữa, với giáo pháp duyên sinh vô ngã tính, đức Phật đã điểm tử huyệt Đại Ngã siêu linh và Phạm Thế tối cao, bậc cha sinh muôn loài của tôn giáo này. Rồi những tuyên ngôn tự do và tự trị như “*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*”, “*Ta là thượng đế của ta, chỉ có ta mới tự sáng hóa đời mình*”, hoặc “*Tự mình thấp đước lên mà đi, tự mình là hòn đảo của chính mình*” thì kinh điển Vệ-đà, chỗ nương tựa “*cao vời, tối thượng tôn*” của tập cấp này bị lung lay đến tận nền móng. Từ đây, các tu sĩ bà-la-môn không

còn chiếm địa vị độc tôn, và xã hội không còn dành cho họ quá nhiều ưu đãi về danh vọng và lợi dưỡng nữa. Dĩ nhiên, vẫn còn rất đông bà-la-môn lão thành, uy tín được xã hội cung kính, trọng vọng; nhưng cũng có khá nhiều bà-la-môn thiếu cơm, thiếu áo, lao động chân tay vất vả, thậm chí có bà-la-môn phải đi ta bà xin ăn đây đó.

Thân sinh của tôn giả Sāriputta là bậc trưởng giáo bà-la-môn uy tín, có địa vị trong xã hội, ông có một người bạn thân, là bà-la-môn Mahāsena, chuyên việc tế lễ, phúng tụng để sinh sống. Trước đây thì Mahāsena dư dả vật chất, nhưng từ khi tập cấp bà-la-môn sa sút thì ông cũng rơi vào hoàn cảnh bữa đói, bữa no. Ông là một người lương thiện, tuy rất nghèo khổ, túng bấn nhưng chưa hề có tâm tà vạy, bất chánh. Chỉ có điều, là đức tin vào vị Phạm Thế tối cao, cha sinh muôn loài ở nơi ông không gì lay chuyển nổi. Tuy nhiên, thời gian sau, theo dõi và quan sát đời sống thánh hạnh và gương mẫu của tôn giả Sāriputta - con trai của bạn ông - thì cái nhìn của ông đã bắt đầu đổi khác. Rồi từ từ, dần dần, sau khi tìm hiểu một số giáo pháp của đức Phật thì đức tin - tưởng là bất động, trước đây của ông bị lung lay, chao đảo. Từ đó, ông Mahāsena vô cùng cảm mến hình bóng tam y nhất bát của giáo đoàn tỳ-khuru tăng; và trong tận cùng tâm khảm, ông cũng ao ước được sống đời xuất gia phạm hạnh như vậy.

Sau khi giác ngộ, trên con đường độ sinh, tôn giả Sāriputta đã mở cánh cửa Niết-bàn hoặc cánh cửa nhân thiên cho rất nhiều người, trời, trong đó có một số bà con quyến thuộc. Hôm kia, sau bảy ngày xuất định diệt thọ, tưởng, đưa thần nhãn quan sát thế gian thì ông bà-la-môn Mahāsena, bạn của bậc thân sinh lọt vào mắt lưới của ngài; lại còn biết rõ hơn, tâm ông ta đã chuyển đổi, có thể dẫn dắt vào chánh đạo được. Thế rồi, đáp y, mang bát, tôn giả hướng đến xóm nhà xơ xác, tòi tàn như những ổ chuột phía ngoại thành Vương Xá. Thấy tôn giả đến từ xa, bà-la-môn Mahāsena, tự nghĩ: “*Con trai của bạn ta, bây giờ đã là*

bậc Tướng quân Chánh pháp vang danh khắp thiên hạ, đang muốn đến gia đình ta để khát thực đây! Ôi! Quả thật là xấu hổ khi ta không có bất cứ một vật thực gì đáng giá, xứng đáng cả!” Nghĩ thế xong, ông lén ra ngõ sau, trốn mất. Lần thứ hai, tôn giả Sāriputta kiên nhẫn đến nữa, ông ta cũng trốn đi như vậy.

Hôm kia nhờ một đám phúng tụng, lễ vật có được là một bát cháo đầy ngon thơm và một mảnh vải quý; không dám ăn, không dám mặc, người bà-la-môn tội nghiệp này mong ngóng bước chân khát thực của con trai bạn mình. Không phụ lòng trân quý ấy, hướng tâm là biết, tôn giả đắp y, mang bát đến ngay. Người bà-la-môn đã đợi sẵn, sốt cháo vào bát của ngài. Được một nửa số cháo, tôn giả đưa tay ngăn lại:

- Được rồi, đủ rồi, thí chủ! Đã nhịn đói suốt mấy ngày rồi, cả ngày hôm nay thí chủ cũng nhịn ăn nữa sao?

- Chẳng sao cả, thưa ngài sa-môn! Nhịn ăn một tuần đói với ông già hèn mọn này là chuyện bình thường. Được đề bát một cách trọn vẹn cho người mà tôi yêu kính là việc quan trọng cần làm trên đời này. Tôi chọn cái lợi to lớn hơn vậy.

Sau khi nhận đầy bát, muốn để người bà-la-môn hoan hỷ, tôn giả Sāriputta ngồi xuống và độ thực ngay tại chỗ. Ngài dùng xong, người bà-la-môn dâng cúng luôn tấm vải quý, mặc dù ông ta đang mặc áo rách.

Tôn giả Sāriputta tự nghĩ: *“Bạn của cha ta, người bà-la-môn hiền thiện này đã cúng dường với tâm lớn rộng, cao sáng thật hiếm có trong đời. Cúng dường hết bát cháo ngon, không để dành phần lại, dù mình đang đói! Cúng dường xấp vải đẹp, trân quý dù mình đang mặc áo rách! Ôi! Cái quả phước hy hữu này, cây lành thì sinh trái ngọt! Trong nay mai quả sẽ trở một cách trọn vẹn, kỳ diệu, thù thắng, thế gian khó suy, khó lường được!”*

Chợt tôn giả nhắm mắt, định thần hướng tâm một lúc, biết chuyện gì sẽ xảy ra nên ngài hỏi:

- Thí chủ có ước nguyện gì?

- Xin cho tôi được xuất gia trong giáo pháp chơn chánh của đức Thế Tôn!

- Vậy thí chủ đã có đức tin Tam Bảo chưa?

- Có rồi, thưa ngài sa-môn! Gần cuối đời tôi mới thấy rõ tập cấp bà-la-môn chỉ là bọn buôn thần, bán thánh... Và tôi cũng chỉ là kẻ đi cúng lễ để kiếm cái ăn, cái mặc một cách tầm thường, hạ liệt thôi!

Tôn giả đưa đôi mắt dịu dàng, ân cần hỏi tiếp:

- Thí chủ còn muốn nói gì nữa đó chứ?

- Thưa vâng! Đôi mắt lão bà-la-môn già chột sáng rực, cất giọng đầy tự tin - Số mệnh của mình, định mệnh của mình là do mình quyết định qua đời sống thân khẩu ý, tạo nghiệp đen hay tạo nghiệp trắng chứ không có một vị Phạm Thế tối cao nào tham dự vào đây cả!

- Lành thay! Đây là chánh kiến, này thí chủ!

Lão bà-la-môn khẽ cúi đầu:

- Cảm ơn ngài sa-môn!

- Ngoài ước nguyện muốn xuất gia, thí chủ còn mong cầu điều gì nữa chăng?

- Thưa có! Sau khi được xuất gia rồi thì y áo, vật thực tôi hằng có đủ, ngoài ra tứ sự sẽ được dư dật để san sẻ cho bạn đồng tu!

- Tất cả mọi sở cầu ấy, thí chủ sẽ được toại nguyện - Dừng lại một lát, ngài nói tiếp - Nhưng mà phải là kiếp sống kế tới đây, này thí chủ!

- Cảm ơn ngài sa-môn!

Tôn giả Sāriputta từ già, bước đi, hài lòng, tự nghĩ: “*Thế là ta đã đặt bạn của cha ta vào còn đường chân chính rồi; từ đó, ông ta sẽ tự đi đúng hướng đến bến bờ an vui chắc thật thôi!*” Còn ông bà-la-môn Mahāsena, từ đó, có cảm giác thanh thản, mãn nguyện. Tâm ông lúc nào cũng như có mây lành, nắng ấm. Đôi khi lại như mặt hồ xanh trong chỉ có sóng gợn lăn tăn, lấp lánh trắng sao. Đôi khi lại như dòng suối yên chuyển, nhẹ

nhàng, uốn lượn qua triền đồi thoải thoải xanh tươi cỏ hoa... Khoảnh khắc lâm chung, hình ảnh buổi cúng đường hôm ấy hiện ra trong tâm thức ông, dòng javana rung động mấy sát-na, cận tử nghiệp nắm bắt tướng thiện cảnh, rồi như có một lực đẩy tự nhiên, đưa thức tái sanh của ông từ thành Vương Xá vào thai bào một thiếu phụ xinh đẹp, trong một gia đình hào phú ở Xá Vệ... tức khắc ngay lúc ấy, không trước, không sau.

Từ khi còn trong thai bào, do nghiệp tái tạo được kết dệt bởi sắc thanh trong, vi tế... kéo theo tâm, thời tiết, vật thực⁽¹⁾ duyên sinh, tạo một sức mạnh tác động nên thân tâm người mẹ bị chi phối, ảnh hưởng theo...

Và chuyện thú vị sau đây xảy ra.

Xế trưa hôm ấy, tại Kỳ Viên tịnh xá, chư tăng bàn tán không ngớt về một thiếu phụ xinh đẹp với mái tóc dài mịn màng đen mượt, không phải là tỳ-khưu-ni mà lại tự động đắp y vàng chói, sang quý, mang cái bát bằng vàng ròng, vàng sáng, đến ngồi giữa vườn cây, chỗ chư tăng thọ trì đầu-đà thường độ thực.

Nghe chuyện lạ, tôn giả Sāriputta bước ra.

Vừa thấy tướng hảo sáng rõ quang minh và thần sắc uy nghiêm, thanh tịnh của tôn giả, thiếu phụ lễ độ cất tiếng:

- Bẩm, bạch! Có phải ngài là đệ nhất Đại Đệ Tử của đức Thế Tôn?

- Phải! Vậy còn nàng là ai? Tại sao lại mặc y, mang bát quý đẹp và sang trọng như thế? Và tại sao lại đến ngồi tại chỗ chư tăng thường độ thực như vậy?

Thiếu phụ xinh đẹp thành kính đánh lễ tôn giả rồi nói:

- Con không hiểu sao, bạch ngài! Từ khi con có thai đứa bé ở trong bụng, con chỉ thích ăn những gì tinh khiết, sạch sẽ; tâm hồn con rất trong sáng, chỉ thích hưởng đến cái gì thanh lương,

⁽¹⁾ Có bốn yếu tố nuôi lớn thai bào, ấy là nghiệp, tâm, thời tiết (nóng, lạnh trong bụng mẹ) và vật thực (người mẹ dùng).

cao đẹp. Và hiện giờ con có hai sở thích và một nguyện vọng, thừa tôn giả.

- Nàng cứ nói, ta nghe đây!

- Thừa tôn giả quý kính! Thứ nhất là con thích mặc y, mang bát; nhưng y phải là vải quý, vàng chói, mịn mượt, sang trọng; bát phải là bát đẹp, trân quý, chất lượng phải là vàng ròng không pha lẫn tạp kim...

Tôn giả mỉm cười, dịu dàng nói:

- Ủ, điều ấy thì ta thấy rõ rồi! Vậy còn sở thích thứ hai?

- Vâng! Con thích chư tăng sau khi độ thực xong, vị nào còn thừa cháo xin hoan hỷ rót vào trong cái bát xinh đẹp của con đây. Con thật rất sung sướng và thỏa thích được ăn bát cháo thừa ấy của chư tăng!

Nghe chuyện kỳ lạ hy hữu, tôn giả Sāriputta hướng tâm một lát, ngài đã biết rõ nhân quả nên nói:

- Việc ấy dễ dàng thôi, chư tăng sẽ rất hoan hỷ làm cho nàng được hài lòng! Vậy còn “*một thỉnh nguyện*”, nó là gì?

- Ngay ngày mai, con muốn cung thỉnh năm trăm thầy tỳ-khưu, đệ tử của tôn giả cùng với tôn giả là vị cầm đầu đến nhà của con, để con được cúng dường cơm, cháo thập cẩm cùng với sữa, mật ong... nữa!

Người thiếu phụ ấy không những một lần thích ăn cháo thừa của chư tăng mà đã nhiều lần như thế. Không phải chỉ một lần nàng cung thỉnh tôn giả Sāriputta cùng năm trăm tỳ-khưu đệ tử của ngài về nhà để đặt cơm, cháo, sữa, mật ong... mà đã nhiều lần như thế. Đến ngày mãn nhụy khai hoa, buổi lễ đặt bát cúng dường tại tư gia lại càng đặc biệt trân trọng. Đứa bé khaú khỉnh, xinh như con trời được tắm bằng nước thơm, mặc y phục bằng lụa thơm, đặt trên một cái giường vương giả lộng lẫy, được phủ bằng một tấm mền gấm nhẹ như bông trĩ giá cả trăm ngàn đồng tiền vàng.

Họ bỗng trẻ ra mất tôn giả. Đứa bé ngược mắt lên nhìn tôn giả, mỉm cười hân hoan và nghĩ thầm trong tâm: “*Đây là vị*

thầy cao quý của ta, cũng nhờ cúng dường thầy ta mà ta được quả phước vì điều hôm nay. Bây giờ ta lại muốn cúng dường thầy ta cái gì đó nữa”.

Tôn giả đặt bàn tay lên đầu đứa bé đọc một bài kệ chúc phúc ngắn rồi cầu nguyện cho đứa bé sau này trở về nương tựa nơi Ba Ngôi Báu. Khi tôn giả đang đọc kinh, đứa bé quần tay trong chiếc mền gấm và làm cho chiếc mền gấm rơi xuống đất, phủ lên chân của tôn giả.

Người mẹ dường như tâm ý linh thông với con hay bị tâm của con chi phối nên bạch với tôn giả:

- Xin ngài hoan hỷ thọ nhận chiếc mền gấm mà con của con đã có cố ý cúng dường.

Tôn giả Sāriputta đã hiểu mọi sự nhưng ngài chỉ im lặng. Thiếu phụ xinh đẹp, mẹ của đứa bé lại thưa tiếp:

- Bạch tôn giả! Xin ngài đặt tên cho trẻ.

- Sẽ đặt tên như thế nào nhi? Việc này ta chưa từng làm qua!

Thiếu phụ lại nói:

- Bạch tôn giả! Con muốn ngài trao cho nó cái tên thuở ngài mới sinh ra.

- Ô! Vậy à? Ta tên là Upatissa!

Người thiếu phụ hoan hỷ:

- Lành thay! Xin ngài hãy cắt một nửa tên ngài để ban cho tên con trai của con cũng được!

- Là Tissa?

- Thế tên con của con là Tissa! Vậy con của con mai sau sẽ nối gót ngài, học được chút ít gì từ trí tuệ của ngài là quý báu, hạnh phúc lắm rồi.

Thế là sau đó, không những lễ đặt tên mà còn lễ xâu lỗ tai, lễ nhận tắm vải thánh, lễ tắm rửa cạo đầu, thiếu phụ và con trai đều cung thỉnh đặt bát cúng dường đến tôn giả Sāriputta và năm trăm tỷ-khuru đệ tử của ngài.

Nắng sớm và mây chiều trôi lướt phù du qua năm tháng của đời người. Thời gian và bốn mùa nhẹ nhàng đi qua cửa sổ ngôi

nhà hạnh phúc. Ở đây lúc nào cũng mát mẻ an lành. Ở đây lúc nào cũng vui rộn tiếng cười đùa. Năng lực tâm và nghiệp tốt lành, cao sáng của trẻ đã lây lan ảnh hưởng lên người, cảnh và cả nếp sinh hoạt của gia đình này. Bọn trẻ con bà con quyến thuộc và cả trẻ con trong xóm phường cũng tự động tìm đến vui chơi, ngày nào cũng như lễ hội bướm hoa thơ trẻ...

Và vừa đúng bảy tuổi, bé Tissa nói với thiếu phụ:

- Thưa mẹ! Con muốn xuất gia sống đời sa-môn dưới chân trưởng lão của con!

Nhìn đôi mắt tròn xoe đen láy và sáng rực của trẻ, thiếu phụ biết có một sức lửa bên trong, một hấp lực không cưỡng được, bà gật đầu lia lịa:

- Tốt lắm! Tốt lắm con ạ! Mẹ rất hoan hỷ về điều đó.

Rồi người mẹ thỉnh tôn giả Sāriputta đến, dâng cúng vật thực và trình bày ý nguyện của con. Buổi chiều, cả hai mẹ con đến Kỳ Viên tịnh xá quỳ xuống bên chân trưởng lão.

Tôn giả khởi tâm từ, nhẹ đưa tay vuốt mái đầu xanh non tơ của Tissa, dịu dàng nói:

- Con này, đời sống xuất gia rất kham khổ, rất khó khăn, con có biết vậy không?

- Dạ con biết!

- Người xuất gia khi muốn ẩm thì phải chấp nhận cái lạnh, khi muốn mát phải chấp nhận cái nóng! Con có chịu đựng được điều đó không?

Trẻ gật đầu rất cương quyết:

- Con chịu đựng được!

- Một sa-môn thường phải sống đời không nhà không cửa, đầu không có nón che, chân không có dép đỡ, nằm không có giường êm; lại còn phải ôm bát đi xin ăn giữa nắng mưa, sương gió, ngõ hẻm, hang cùng; người ta cho gì ăn nấy, chẳng dễ dàng lựa chọn cho mình miếng ngon ngọt, béo bùi đâu. Ăn thiếu, ăn đói là chuyện bình thường. Nằm cây, nằm đất cũng là chuyện bình thường. Vậy con có kham nhẫn được đời sống ấy không?

- Bạch tôn giả của con! Con sẽ kham nhẫn được hết. Con sẽ thực hành bất kỳ những gì mà ngài chỉ dạy.

- Tốt lắm!

Thế rồi tôn giả tự tay cạo đầu cho trẻ, dạy phép quán tưởng năm chi tiết trong ba mươi hai thể trước tức là tóc, lông, móng, răng, da...; cho thọ trì mười giới, tập sự làm sa-di, có y, có bát đàng hoàng, trông đẹp đẽ và uy nghiêm, nửa giống như một vị “*tiểu Phật*”, nửa giống như một “*tiểu tiên đồng*”.

Để tôn vinh cho việc xuất gia của con, cha mẹ Tissa cúng dường cháo thập cẩm ngon bổ cho chư tăng ở tịnh xá Kỳ Viên có đức Phật dẫn đầu, suốt cả bảy ngày. Ngày thứ tám, sa-di Tissa ôm bát đi cuối cùng đoàn tỳ-khuru do tôn giả Sāriputta dẫn đầu vào thành Xá Vệ để khát thực.

Dân chúng ở Xá Vệ mấy ngày nay đã nghe chuyện chú bé bảy tuổi xuất gia. Cả hàng chục, hàng trăm gia đình thân quyến, bạn bè của cha mẹ Tissa hân hoan chuẩn bị vật thực để bát cúng dường cho chú sa-di tí hon.

Khi đoàn sa-môn đi qua, người ta cung kính cúng dường vật thực đầy đủ; đến chú sa-di cuối cùng, đẹp đẽ và dễ thương như một thiên thần, thiên hạ đổ xô lại, vây quanh. Không những chỉ để đầy một bát mà họ còn sấm sấn bát mới, có cả lưới bát, để bát và chứa vật thực đầy ở bên trong đúng năm trăm bát như thế, cùng với năm trăm bộ y để cúng dường cho sa-di Tissa .

Đoàn tỳ-khuru đã đi về hết⁽¹⁾ mà sa-di Tissa còn loay hoay không biết làm sao với lĩnh kinh cả núi vật thực cúng dường ấy.

Một cụ già bên đường, tóc râu bạc trắng, mỉm cười nói:

- Chú sa-di hãy về đi kéo thầy chờ và chư tăng mong. Lát nữa thôi, vật thực và y áo này sẽ được đưa đến Kỳ Viên tịnh xá với năm chiếc xe và mười con bò kéo!

Hôm sau, những người chưa được cúng dường trong thành

⁽¹⁾ Không phải là trẻ bị bỏ lại - mà do tôn giả Sāriputta biết là phước của trẻ sẽ giải quyết giúp.

phổ, họ tự động thuê bò kéo đến chùa, cúng dường thêm cho sa-di Tissa năm trăm bát thực phẩm và năm trăm bộ y nữa.

Sa-di Tissa vòng tay thưa bạch với tôn giả Sāriputta:

- Y và bát hôm qua và hôm nay con đã cúng dường tất cả cho một ngàn vị đại đức rồi. Con làm như vậy có đúng chăng?

- Tốt lắm con ạ! Tâm nguyện xưa của con ra sao thì quả hôm nay là vậy.

Sáng sớm hôm kia trời trở lạnh, sa-di Tissa theo gương thầy, dậy thật sớm đi một vòng quanh tịnh xá để quét rác và thu dọn chỗ này chỗ kia cho gọn gàng, sạch sẽ. Chú thấy chư tăng lớn tuổi đang ngồi tùm năm tùm ba hơi lưng, hơi tay bên những đồng lửa, sa-di Tissa dừng chân hỏi:

- Bạch chư đại đức! Trời chưa lạnh lắm, mà tại sao quý ngài lại phải hơi lửa như vậy?

- Chúng tôi già rồi, chú bé sa-môn! Tuổi già thì xương cốt rã rời, khí huyết khô cạn thường không chịu được cái lạnh, chú bé ạ!

- Bạch chư đại đức! Đêm xuống thì trời sẽ lạnh hơn. Vậy khi ngủ nghỉ, chư đại đức nhớ đắp mền ấm cho dày để ngăn lạnh.

- Ô! Một vị sư già bật cười - Chú sa-di có nhiều phước báu nên có mền ấm còn chúng tôi thiếu phước, đào đâu ra tấm chăn dày đây?

- Vậy thì ngày mai, thưa chư đại đức! Vị nào cần mền đắp thì đi với con vào thành Xá Vệ.

Thế là ngày hôm sau, sa-di Tissa đi quyên được cả một ngàn cái chăn ấm để dâng cho một ngàn vị tỳ-khưu. Chuyện kể rằng hễ ai gặp mặt được Upatissa là phát tâm hoan hỷ, thích làm phước. Cho chí một thương gia nọ, nghe người ta đồn đãi, bèn dấu mấy cái mền quý đi, nhưng khi Tissa đến, ông ta lại hoan hỷ biếu tặng tất cả.

Mấy ngày hôm sau, những cậu bé bạn cũ rủ nhau đến thăm sa-di Tissa, rồi những ngày sau nữa, chú phải bận rộn tiếp đón bạn bè nên không có thì giờ để tham thiền. Thế là sa-di Tissa

mạnh bạo đi xin đức Phật đề mục thiền rồi xin phép thầy mình, rút vào rừng sâu tu tập. Tôn giả Sāriputta quán căn cơ, biết ông sa-di này tự ý đến Phật xin đề mục thiền là duyên pháp vận hành đúng nên ngài không rầy la, lại còn ân cần khuyến khích, nhắc nhở với tâm từ ái nữa.

Một ngày, hai ngày... mười ngày... làm lui bộ hành, đói thì khát thực xin ăn, khát thì uống nước khe, nước suối; đêm nằm ngủ cội cây, nghĩa địa, miếu hoang; sa-di Tissa tìm được một ngôi làng ven chân núi với cảm giác yên bình nên chú chọn nơi đây làm chỗ ẩn tu. Dân làng này vừa thấy ông sa-môn nho nhỏ, sắc tướng sang quý lạ thường, liền khởi một hảo cảm đặc biệt, yêu mến chú vô cùng. Khi biết là chú sa-môn muốn tìm nơi trú cư để tu tập, tức khắc, họ làm ngay cho chú một thất tranh xinh xắn ở trong một góc rừng mà chú ưa thích, với đầy đủ tiện nghi trong ngoài, vượt quá cả nhu cầu nhả đạm. Rồi vật thực hằng ngày họ cũng chăm lo đầy đủ, không thiếu thứ chi. Nhưng chú bé sa-di chưa biết pháp gì mà nói, khi nhận vật thực, bất cứ ai, ngày này qua tháng nọ chỉ có một câu duy nhất: *“Mong cho thí chủ được an vui, hạnh phúc; mong cho thí chủ thoát khỏi mọi phiền não, đau khổ”*.

Chỉ ở rừng hai tháng, với quyết tâm tu tập thiền quán, Tissa đã đắc quả A-la-hán. Hướng tâm đến, tôn giả Sāriputta biết chuyện hy hữu ấy bèn vào đánh lễ đức Phật xin được đi thăm sa-di Tissa. Đức Thế Tôn chuẩn lời, tôn giả Sāriputta lại qua rủ thêm tôn giả Mahā Moggallāna. Rồi chốc sau lại có thêm các vị trưởng lão tôn túc như ngài Mahā Kassapa, ngài Anuruddha, ngài Upāli, ngài Punṇa cùng những vị khác nữa đều muốn đi thăm chú bé sa-di. Chư vị trưởng lão này lại còn dẫn thêm đệ tử tùy tùng, người thì với năm trăm đệ tử tỳ-khưu, người thì với ba trăm đệ tử tỳ-khưu nên tổng số người đi thăm sa-di Tissa lên đến mấy ngàn vị.

Hôm kia, dân chúng trong làng chợt thấy cả một đoàn thánh chúng trưởng lão và cả mấy ngàn vị tỳ-khưu vàng rực cả góc

trời đến quần tụ nơi xa xôi hẻo lánh này, họ vô cùng ngạc nhiên, ngỡ ngàng! Sau đó, vừa vui mừng, vừa sợ hãi xen lẫn, họ tiếp đón nồng nhiệt, quỳ lạy bên chân chư vị trưởng lão. Khi dân làng tự động tụ hội rất đông, người trưởng làng quỳ lạy xin được nghe một thời pháp. Tôn giả Sāriputta mỉm cười nói:

- Ta cùng với phái đoàn tăng chúng hôm nay đến đây không phải để thuyết pháp, mục đích là thăm viếng ông sa-di Tissa!

Nghe nói vậy họ càng ngạc nhiên hơn nữa: *“Chú bé tí hon mà chúng ta hộ độ bấy lâu nay quan trọng như vậy hay sao?”*

Được tin, Tissa từ rừng đi xuống làng, đánh lễ thầy là ngài Sāriputta rồi sau đó làm bổn phận của một đệ tử đối với các bậc trưởng thượng đầy uy đức của mình.

Chỗ nghỉ ngơi đã được dân cư lo chu đáo. Đèn đuốc đây đó cũng đã được đốt lên. Mấy khi mà được dịp hy hữu như thế này, dân chúng tha thiết thỉnh cầu một lượt nữa, xin được nghe pháp.

Tôn giả Sāriputta nhìn quanh một vòng rồi nói:

- Vậy thì hãy thông báo cho mọi người gần xa đến nghe.

Khi đâu đó đã được chuẩn bị sẵn sàng, dân chúng tụ hội đông không có chỗ chen chân, tôn giả nói với Tissa:

- Này con! Các thí chủ của con ở trong ngôi làng này họ muốn nghe pháp, vậy con hãy thuyết cho họ nghe đi!

Dân làng đồng thanh thưa:

- Thưa tôn giả! Vị đại đức của chúng con không biết gì ráo! Vị đại đức của chúng con ngày này qua tháng nọ chỉ thuộc lòng một câu duy nhất, cứ đọc mãi, đọc hoài như thần chú: *“Mong cho thí chủ được an vui, hạnh phúc; mong cho thí chủ thoát khỏi mọi phiền não, đau khổ”*. Vậy xin tôn giả đề cử cho một vị cao tăng trưởng lão!

Tôn giả mỉm cười, quay sang hỏi Tissa:

- Này Tissa! Cầu mong cho thí chủ được an vui, hạnh phúc, nhưng làm sao để được an vui, hạnh phúc? Cầu mong cho thí chủ thoát khỏi phiền não, đau khổ thì phương cách để giải thoát

khỏi phiền não, đau khổ ấy ra làm sao? Con hãy giải thích rộng hai câu ấy là thành một đề tài thuyết pháp trọn hảo!

Tissa chăm chú lắng nghe, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Thừa vâng, con sẽ làm như vậy.

Thế rồi Tissa thăng tòa, giảng như nước chảy mây trôi về khổ đế, về nguyên nhân khổ, về Niết Bàn và về con đường bát chánh đưa đến nơi giải thoát... Rồi Tissa kết luận:

- Thừa chư đạo hữu! Chúng sanh bị những khổ ách nên lê tấm thân trôi dạt giữa biển đời sanh tử, vậy muốn thoát khỏi mọi khổ ách phải biết tu theo Tứ Diệu Đế. Và khi đắc quả vị A-la-hán là chúng ta sẽ được an vui và hạnh phúc chân thực!

Tôn giả Sāriputta tán thán:

- Lành thay, này sa-di! Con đã khéo giảng, khéo thuyết về Con Đường Diệt Khổ vậy!

Nghe xong thời pháp, dân chúng thấy đều ngạc nhiên. Một nhóm thì hân hoan vui mừng vì lâu nay đã được cúng dường cho một bậc trí tuệ. Riêng có một nhóm thì khởi tâm bất bình: *“Hóa ra lâu nay vị đại đức này khinh thường chúng ta. Vị đại đức đã biết rành rẽ về giáo pháp mà lại giả bộ ngây ngô, miêng câm như hến, chẳng thêm dạy bảo cho chúng ta một lời, một chữ”*.

Tại Kỳ Viên tịnh xá, vào sáng sớm, đức Thế Tôn biết rõ chuyện ấy, sợ rằng nhóm người bất bình với vị thánh A-la-hán sẽ đắc tội, nên ngài đáp y, mang bát, với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, ngài đã có mặt tức khắc tại ngôi làng với hào quang chói rạng.

- Đức Chánh Đăng Giác đã đến!

Từ đầu làng đến cuối làng mọi người hớn hờ, xôn xao, vui mừng. Thật là một sự kiện trọng đại. Có bao giờ mà một bậc Chánh Đăng Giác, lại luôn cả mấy mươi vị Đại Trưởng Lão đồng xuất hiện để đi thăm một sa-di nhỏ bé như thế này? Dân chúng bừng bừng hoan hỷ tổ chức buổi lễ đặt bát cúng dường thịnh soạn đến đức Phật và tăng chúng.

Sau khi độ thực xong, đức Thế Tôn nói với dân làng:

- Đây hai hàng cận sự nam nữ! Thật là hạnh phúc thay cho các vị là nhờ vị sa-di này mà các vị được diễm phúc trông thấy Như Lai, trông thấy hai vị đại đệ tử, trông thấy Mahā Kassapa cùng mấy mươi vị Đại Trưởng Lão. Quả thật, chỉ vì một sa-di bé nhỏ này mà hôm nay Như Lai đến đây, các vị nên hiểu như vậy để lợi ích lâu dài cho mình về sau.

Khi biết rằng nội tâm của những người bất bình đã trở nên yên lặng, họ đã biết tầm quan trọng của vị đại đức tí hon, đức Phật quay qua Tissa:

- Đây “*con trai*”! Hãy dẫn Như Lai đi thăm một vòng quanh trú xứ này!

Nghe đức Thế Tôn gọi sa-di Tissa là “*con trai*”, hàm chỉ vị ấy đã đắc quả A-la-hán, một vị tỳ-khưu còn phàm, chột thốt to lên rằng:

- Từ rày, chúng ta phải gọi chú sa-di miệng còn hôi sữa kia là trưởng lão kia đây!

Vị khác trừng mắt:

- Đây, nói “*miệng còn hôi sữa*” là phạm thượng đấy!

- Vâng! Vâng! Tôi đã lỡ mồm, lỡ miệng!

- Gọi là trưởng lão, không thì gọi là tôn giả, nghe rõ không?

- Thừa vâng!

Để kết luận tiểu truyện cổ sử kinh điển này, ta hãy nghe thêm câu kệ ngôn⁽¹⁾ để tự soi gương hằng ngày cho chính mình:

“*Phải đâu ‘trưởng lão’ sa-môn!*

Phải đâu đầu bạc, thượng tôn tăng đoàn!?

Tuổi cao, trí kém, ngu, tham!

‘Sư già rồng tuếch’ xứng mang danh này!’”

⁽¹⁾ Kinh Lời Vàng câu số 260: *Na tena thero hoti, yen’assa palitaṃ siro, paripakko vayo tassa, moghajjñño ti vuccati.*

Nhất Chỉ Quang Tướng Thần Thông⁽¹⁾
(Tiểu truyện Dabba Mallaputta tôn giả)

Rời Vesāli, đức Phật và đại chúng ghé thăm Videha, Moriya sau đó qua Malla. Đâu đâu cũng được chư tăng và hai hàng cận sự nam nữ tiếp đón, cúng dường. Đức Phật chỉ định các vị thượng thủ A-la-hán thay nhau thuyết pháp. Mọi sinh hoạt tu tập, chùa viện, liêu xá ở những xứ sở này đang từng bước đi vào ổn định.

Hôm ấy, do tiết trời nắng nóng, đức Phật và đại chúng dừng chân tại khu rừng Ampiyamba, gần thành Anupiya trước khi lên đường đến Koliya thì có một cậu bé trai tìm đến. Nó cứ đưa đôi mắt trong sáng, ngây thơ nhìn đức Phật rồi luẩn quẩn loay quanh bên các vị trưởng lão chứ không chịu rời đi. Nhìn khuôn mặt sáng sủa, thuần hậu của cậu bé, tôn giả Sāriputta đưa mắt thiện cảm, ân cần hỏi chuyện. Biết cậu bé có thiện cảm đặc biệt khi nhìn tướng hảo của đức Phật, phát tâm trong sạch muốn xuất gia, tôn giả Sāriputta bảo là phải xin phép gia đình đã.

Cậu bé hớn hờ vụt chạy đi, lát sau, dẫn một bà già đến trông còn quắc thước với sắc phục, dáng dấp có vẻ dòng dõi quý phái

⁽¹⁾ *Nhất chỉ thần thông - là mượn chữ của Toại Khanh (Sư Giác Nguyên), từ một bài viết nào đó có đăng trong trang Web. Luy Lâu.*

rồi rành rồi giới thiệu:

- Đây là bà ngoại cháu, bà ngoại cháu rất vui mừng khi thấy cháu được đi theo quý ngài.

Bà già sụp lạy đức Phật và chư vị trưởng lão rồi với nước mắt nước mũi kể lại rằng:

- Tôi quá quý ngài ơi! Nó là dòng dõi hoàng tộc xứ Malla đây. Khi còn trong thai bào, thì mẹ nó, tức là con gái cung của già đây bị chết vì bạo bệnh. Khi đem hỏa thiêu, do sức nóng của lửa làm cho cái bụng người chết nứt ra làm hai. Không biết căn do kỳ lạ nào mà cái bọc thai lại vọt ra, rơi vào một bụi cây, nằm vắt vẻo giữa mấy cành cây, trông an toàn như một phép lạ. Nên được đặt tên là Dabba. Thấy cháu lại tưởng đến con gái, già xin bên nội cho già được nuôi dưỡng. Bây giờ nó đây, ngoan ngoãn và dễ dạy, thông minh và hiếu thuận. Không có điều gì đáng chê ở nơi tính hạnh của nó cả. Ai cũng thương. Bây giờ nó cứ nằng nặc được xuất gia đi theo quý ngài, già mừng như được chết đi mà sống lại. Thế gian này trăm ngàn sự khổ, ai đi tu được như quý ngài, già cũng mừng...

Bà lão sụt sùi lau nước mắt. Tôn giả đưa tay chỉ đức Phật:

- Đây là đức Thế Tôn! Cậu bé sẽ được nương tựa trong hào quang của đức Tôn Sư vô thượng...

Bà già lại sụp lạy. Lại nói huyền thuyên:

- Già nghe rồi, già biết rồi. Ai không nghe câu chuyện một vị thái tử cao sang kinh thành Kapilavatthu bỏ vương vị, vợ đẹp con xinh để đi xuất gia tầm đạo thì kẻ đó không có tai. Ai không biết vị ấy sáu năm nằm gai nếm mật, khổ hạnh vô thượng, sau đó tìm tới cội bồ-đề, chỉ tịnh và quán minh mới đắc quả Chánh Đẳng Giác thì kẻ ấy không có óc! Hãy cho cháu được xuất gia ngay bây giờ đi, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Cái hạt giống quý đây, này Sāriputta! Ông hãy đích thân làm lễ xuất gia sa-di cho Dabba Mallaputta!

Không biết duyên lành thế nào mà trong hội chúng lại có vị

có thừa y bát. Thế là cậu bé được làm lễ xuất gia.

Tôn giả Sāriputta đích thân dẫn Dabba ra bờ suối để cạo tóc. Do túc duyên ba-la-mật sẵn có, khi đường dao cạo thứ nhất vừa lướt qua làn da đầu, Dabba chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi đường dao cạo thứ hai vừa kéo theo một chùm tóc, Dabba đắc quả Tư-đà-hàm. Thế rồi, đường dao thứ ba, Dabba đắc quả A-na-hàm. Đường dao thứ tư vừa xong thì Dabba thành tựu rốt ráo cứu cánh sa-môn hạnh, đắc quả A-la-hán luôn cả các thắng minh.

Khi tôn giả dẫn Dabba đến trình diện đức Phật, ngài nói:

- Này, Sāriputta! Chú bé này đã là “*con trai*” của Như Lai, vậy ông hãy cho thọ luôn cụ túc giới! Đây là trường hợp đặc biệt trong giáo hội của Như Lai.

Nghe đức Phật tuyên bố như vậy, các vị có Tam minh chỉ mỉm cười nhưng một số phàm tăng thì bàn tán xôn xao:

- Kỳ diệu làm sao, chú bé qua bốn đường dao đã đắc quả A-la-hán rồi?

- Đức Tôn Sư vừa gọi là “*Con trai*” đó!

- Bấy tuổi lại được thọ đại giới sao?

Sau khi Dabba Mallaputta trở thành tỳ-khưu trẻ nhất của giáo hội, nhìn tăng tướng đẹp đẽ như một ngoạn đồng cõi trời, ai cũng trầm trồ, tấm tắc nhìn ngắm. Bà ngoại của cậu cũng thảng thốt nhìn sững.

Đức Phật chợt nói:

- Này Moggallāna! Ông hãy kể chuyện nhân duyên quá khứ của Dabba Mallaputta cho cả hội chúng được nghe để họ khỏi thắc mắc và hoài nghi.

Rồi lớp mù sương quá khứ, sau đó đã được vị Đệ nhất thắng trí vén mở, như sau:

- Vào thời đức Thế Tôn Padumuttara, Dabba sinh ra trong một gia đình trưởng giả hữu danh tại kinh đô Hamsavatī. Ông thường đến chùa để nghe pháp. Hôm đó, đức Phật tán thán, khen ngợi một vị tỳ-khưu đã quán xuyên, giới giang về việc sắp đặt chỗ ăn ở cho mấy chục ngàn vị tỳ khưu mà đâu đó đều đang

hoàng, tươm tất. Đức Phật đã phong tặng phương danh vị tỳ-khuru ấy là “*Đệ nhất về hạnh tri xứ*”!

Dabba nghe vậy, thỏa thích, hoan hỷ quá, ông nỗ lực cúng dường lớn, làm các công đức phục vụ Tam Bảo không mệt mỏi rồi quỳ xin đức Phật Padumuttara chứng minh cho ông, trong một kiếp vị lai nào đó, được xuất gia với một vị Phật và sẽ thành tựu sở nguyện công hạnh giống như vị tỳ-khuru “*Đệ nhất về tri xứ*” kia. Đức Phật thọ ký cho ông.

Sau nhiều trăm ngàn năm được luân chuyển thọ hưởng phước báu trời và người, đến thời đức Thế Tôn Kassapa, ông được xuất gia và tu tập cùng với sáu vị tỳ-khuru bạn hữu ở trong một hang núi. Khi đức Phật nhập diệt rồi mà cả bảy vị đều chưa chứng được gì cả. Và tình trạng sinh hoạt và tu tập của giáo đoàn cũng không còn nền nếp, nghiêm túc như xưa. Hôm kia, họ họp bàn, thảo luận:

- Đã có triệu chứng giáo pháp suy đồi, chúng ta phải làm sao? Sống chung với những tỳ-khuru thiếu niệm và thiếu tinh cần, chúng ta sẽ thối thất mất.

- Khi một vị Phật ra đi, một lúc nào đó, trên cõi châu Diêm-phù-đề này sẽ có dấu hiệu phong thịnh, hỏa thịnh, thủy thịnh hay địa thịnh sẽ tạo nên những biến cố bất toàn cho chúng ta.

Sau khi đi đến nhất trí, họ làm một cái thang cao, cùng leo lên một ngọn núi đá có vách dựng đứng rồi phát đại nguyện rằng:

- Nếu chưa chứng quả, chúng tôi không rời đỉnh núi này, thà thịt nát xương tan, thà tử thần cướp đi mạng sống! Đây là lời hứa thiêng liêng!

Rồi họ xô ngã cái thang.

Thế rồi, chỉ mới ngày thứ năm, một vị tỳ-khuru đã làm xong phận sự của mình, tức là đắc quả A-la-hán cùng các thắng trí. Lặng lẽ, vị ấy ôm bát sang Bắc Cu-lu-châu khát thực, trở về nói với các bạn rằng:

- Hãy thọ dụng vật thực, các bạn! Việc lớn tôi đã làm xong rồi, bây giờ, việc đi khát thực hằng ngày hãy để dành cho tôi.

Tuy nhiên, cả sáu vị thà nhịn đói chứ không chịu thọ dụng. Họ nói:

- Khi xô cái thang xuống, chúng ta không hề nói rằng: “*Là vị nào đắc tam minh trước, vị ấy phải có bốn phận đi khát thực để hộ độ cho những vị còn lại chưa đắc!*” Vì chưa giao ước như thế nên chúng tôi không dám dùng, thà chết cũng không thể dùng được!

Một vị nói:

- Rất cảm ơn lòng tốt của ngài! Tuy nhiên, ngài đắc tam minh là do duyên phước ba-la-mật đầy đủ. Còn chúng tôi, nếu căn duyên còn thiếu thì thà chịu đau khổ do đói, khát cũng rèn luyện thêm được ý chí, nghị lực và tinh cần cho mình, cũng là cách bỏ tức ba-la-mật vậy.

Thấy không khuyên can được ý chí bất thối của họ, vị A-la-hán đành nói lời phúc chúc rồi quăng bát ra giữa hư không, du hành sang phương khác.

Đến ngày thứ bảy, một vị nữa đắc quả A-na-hàm; nhưng do đói và khát, chấm dứt thọ hành, vị ấy trú thánh định rồi hóa sanh vào cõi Ngũ tịnh cư thiên, Niết-bàn luôn ở đây, không trở lại nhân gian nữa. Năm vị còn lại, không đắc được gì cả, lần lượt ra đi do đói và khát. Nhưng nhờ tâm tinh cần bất thối chuyển ấy, cả năm vị đều được hưởng phước báu luân phiên cõi người và trời. Đến thời đức Phật Sākya của chúng ta, cả năm vị đều được thác sanh ở châu Diêm-phù-đề, nơi này và nơi khác, như sau: Một vị sanh vào hoàng tộc, kinh thành Takkaṣilā, quốc độ Gandhāra có tên là Pukkusāti. Một vị sanh vào thai bào nữ du sĩ xứ Majjhantikā có tên là Sabhiya. Một vị sanh vào gia tộc của vị trưởng giả xứ Bāhiya có tên là Bāhiya. Một vị sanh vào thai bào của vị tỳ-khưu-ni có tên là Kumārakassapa. Còn Dabba tái sanh trong dòng hoàng tộc tại thành Anupiya xứ Malla! Thế là cả năm vị tỳ-khưu thuở xưa tu hành tinh cần quá mức cho đến chết, sẽ cùng lần lượt kẻ trước người sau tạo ngộ trong giáo pháp đức Tôn Sư của chúng ta!

Chuyện kể xong, đại chúng thở phào. Hóa ra cậu bé này có căn cơ sâu dày đến vậy. Nếu cơ duyên tròn đủ, cậu ta đã đắc quả A-la-hán với thời gian cách đây cả một vị Phật, chứ đâu phải tầm thường!

Tỳ-khưu Dabba Mallaputta bây giờ đã lấy lại tư cách, tác phong, sự chững chạc, đỉnh đặc của một trưởng lão thánh tăng, quán nhân duyên sau trước, rồi quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Hãy cho đệ tử về Trúc Lâm tịnh xá để tập sự công việc đúng như lời nguyện thọ trước khi quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara!

Đức Phật mỉm cười:

- Ủ, đúng vậy, con trai!

Bà ngoại của Dabba đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Chưa thôi, đức Phật còn bảo:

- Con trai hãy quăng bát qua hư không rồi vận thần thông lực trở về Jetavana trình diện các vị trưởng lão ở đấy, rồi xin được làm phận sự của mình cho xứng đáng với danh xưng của vị tỳ-khưu “*Ưu thắng về tri xứ*”!

Tỳ-khưu Dabba Mallaputta vâng mệnh, đánh lễ đức Phật và chư tăng rất từ tốn và chậm rãi, xong, như cánh chim ung vàng bay qua hư không, chỉ mấy sát-na sau là mất dạng. Đại chúng hoan hỷ, tán thán không hết lời.

Bà ngoại của chú bé thấy mình như đang sống trong truyện cổ tích. Vui mừng quá, tâm tịnh tín phát khởi, bà xin quy y, bắt đầu làm một cận sự nữ thuần thành trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Đã bốn năm trôi qua, bây giờ đại đức Dabba Mallaputta đã mười một tuổi. Theo với thời gian, đại đức càng ngày càng chín chắn, thuần thực trong tứ oai nghi, trong thái độ khu xử cũng như trong công việc hằng ngày. Được chư vị trưởng lão giao cho hai nhiệm vụ quan trọng, khó khăn đúng với sở nguyện: Một là chăm sóc, thu xếp, lên lịch trình đặt bát hằng ngày, tại tịnh xá hay tại tư gia thỉnh mời; bảo quản, coi sóc các kho lẫm

gồm ngũ cốc, vải vóc, dầu đèn, hương liệu... người ta cúng dường đến tăng. Hai là phân phối chỗ ngủ nghỉ cho chư khách tăng với đầy đủ những nhu dụng cần yếu; như vậy cũng có nghĩa là những vật dụng như mùng, mền, chiếu, gối, khăn tắm, giẻ chùi chân, nước rửa, nước uống, nước tắm, các công trình như nhà vệ sinh, phòng tắm nước nóng, củi lửa... cũng phải đề tâm quán xuyên. Quả là cả hằng đồng núi công việc, phi bậc thánh không thể làm được. Tuy nhiên, nhân nào duyên nấy, bên cạnh đại đức Dabba Mallaputta có cả hằng trăm vị sa-di phụ việc. Trong số sa-di này có mặt khiêm tốn một số bậc thánh từ sơ quả đến tam quả và ngay tứ quả cũng có vài ba vị. Chính nhờ năng lực tâm linh của một số ít bậc thánh này, như sức của những con ngựa thuần chủng, nó kéo phăng phăng cỗ xe mà trong đó, sức ì, sức trì níu của những tâm sở biếng nhác, giải đãi, hôn trầm, mệt mỏi, đã dưới... của chúng phàm phu lúc nào cũng đông hơn, đã bị vô hiệu hóa. Còn nữa, chư khách tăng đến và đi tại Trúc Lâm, ba phần tư đều là những người còn quá nhiều phàm tính, tục tính. Cũng không sao, đây là sự tồn tại tương quan tất yếu; và cũng là cơ hội tốt cho chư vị học hỏi và tu tập thêm tâm nhãn, tâm từ, tâm xả...

Mấy năm nay, đại đức Dabba Mallaputta nổi danh như một ngôi sao sáng do ngài và hội chúng đã chu toàn mọi bổn phận, mọi trách nhiệm không chệ vào đâu được. Còn nữa, do biết vị đại đức trẻ này có thắng trí bất khả tư nghì nên chư khách tăng thường hay làm khó ngài để thử tài của ngài.

Thường thì sự thu xếp chỗ ngủ nghỉ của ngài rất nền nếp, chu đáo, có óc khoa học. Do nhờ thắng trí nên khi một nhóm tỷ-khuru đến, biết họ chuyên trì kinh, đại đức thu xếp cho họ ở cùng chung sālā với nhau. Các nhóm chung về luật, các nhóm chuyên về Abhidhamma, các nhóm chuyện thảo luận giáo pháp, các nhóm chuyên thiền định cũng tương tự vậy. Ai cũng hài lòng. Vì như vậy là không ai quấy rầy ai. Riêng có những nhóm tỷ-khuru thích nói chuyện thể tục, sinh hoạt tay chân, ăn nói còn

thiếu kiểm soát, thiếu sự thu thúc cũng được đại đức thu xếp cho họ ở chung nhau với nụ cười bậc thánh trong tâm của ngài: *“Ồ! Các vị này chắc cũng sẽ được vừa ý vì những sở thích ưa cười nói ồn ào, huyền ảo của họ”*.

Đây là ban ngày, còn ban đêm khi có khách tăng đến, đại đức Dabba nhanh chóng nhập đề mục ánh sáng, xuống cận hành, dùng thần thông thấp ánh sáng nơi ngón tay trở của mình để dẫn mọi người đến trú xứ như đã chỉ định. Đến nơi, chỗ ngủ nghỉ lúc nào cũng ngăn nắp, sạch sẽ với đầy đủ giường, nệm, gối, gậy chống, nước rửa, nước uống và cả chỗ tiêu, chỗ tiểu. Chính vì lý do này mà khách tăng truyền miệng với nhau nên ngày càng có nhiều nhóm ở xa tìm đến. Rất nhiều khi, Trúc Lâm không còn đủ chỗ, họ lại yêu cầu được thu xếp chỗ ở bên ngoài, ngày càng xa hơn để làm khó, thử tài bậc thánh trẻ tuổi.

- Nay đại đức quý mến ơi! Hãy cho chúng tôi chỗ trú ngụ bên ngoài cũng được.

- Vậy chư vị thích ở chỗ nào? Thích chỗ nào tôi sẽ phân bố chỗ ấy.

Có vị muốn thử tài, làm khó chơi:

- Thưa, ví dụ như tôi muốn ở đỉnh núi Gijjhakūṭa có được hay không?

Đại đức mỉm cười:

- Được, không sao! Chư vị hãy bước theo tôi.

Thế rồi, với ngón tay trở được thấp sáng, đưa lên cao, soi tỏ con đường, đại đức dẫn khách tăng rẽ đêm tối bước đi. Lạ lùng làm sao, chỉ chừng vài chục hơi thở họ đã đến đỉnh Linh Thứu với những hang, những động, những chỗ ngủ nghỉ sạch sẽ, tinh tươm trên những giường gỗ, giường tre, giường đá đủ kiểu, đủ loại.

Một đôn mười, mười đôn trăm. Thế rồi, từng đêm, từng đêm, khách tăng xin trú ngụ tại Hang Núi Kẻ Cướp, sườn núi Isigili, sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇa (Thất Diệp), tại rừng Sīta, động Sappasonḍika, hẻm núi Gomāṭa, hẻm núi Kapota, vườn xoài Jīvaka, vườn nai Maddakucchi... Nhóm nào muốn ở

đâu thì đại đức đáp ứng cho họ chỗ ấy trăm lần như một đều chu đáo, thích nghi.

Như vậy, chư vị trưởng lão cũng như chư khách tăng gần xa đều tán thán ca ngợi cái ngón “*nhất chỉ quang tướng thần thông*” của đại đức Dabba Mallaputta.

Tôn giả Mahā Kassapa mỉm cười, tự nhủ:

- Dùng thần thông để sắp xếp trú xứ cho tăng chúng trong những đêm trời tối tăm hay mưa gió như thế ấy, chắc đức Tôn Sư cũng không rầy la đâu!

Vấn đề ngủ nghỉ tại Trúc Lâm đang yên ổn như vậy thì một hôm, nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā⁽¹⁾ lặn lội từ phương xa tìm đến. Họ là những người sơ tu, và nói là đệ tử của tôn giả Sāriputta nhưng ai cũng ngờ ngợ và khó chịu khi nhìn thấy cách mặc y, mang bát, đi đứng nói năng của họ còn quá nhiều tục tính.

Chỗ ở tại đại tịnh xá này, tuy là hàng ngàn liêu thất nhưng bao giờ cũng không thừa chỗ. Những nơi thơm mát, chu đáo, yên tĩnh nhất thường để dành cho chư vị trưởng lão tôn túc. Những nơi tương đối đàng hoàng, tiện nghi thì để dành cho những vị thâm niên cao hạ. Chỗ khác thì để dành cho những nhóm học chúng kinh, luật, Abhidhamma, thiền định... Chỗ khác nữa là chư khách tăng tôn túc vắng lai. Chỗ còn lại là chư tăng tỳ-khuru hoặc sa-di nội trú để chăm lo mọi Phật sự, tăng sự trong ngoài. Bởi vậy, khi hai nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā xin chỗ ở, đại đức Dabba Mallaputta và chúng của ngài chỉ có khả năng thu xếp chỗ ở tạm thời thôi. Thế là họ la ó, làm ầm ĩ và huyên não lên. Dù giải thích thế nào họ cũng đòi chỗ tốt, chỗ tiện nghi hơn.

⁽¹⁾ Thường hay được gọi chung là nhóm lục sư. Họ là hai nhóm tỳ-khuru Paṇḍuka và Lohitaka ở Jetavana, hai nhóm tỳ-khuru Assaji và Punabbasuka ở Kīṭāgiri, còn ở Veḷuvana là nhóm của hai vị này (Mettiya và Bhummajakā). Đây là nhóm mà trong kinh, luật thường gọi là nhóm lục sư hay quấy phá, thường bị hành xử, sau đó mới chế định học giới. Họ không phải là nhóm “lục sư ngoại đạo” như nhiều nơi đã ghi nhầm lẫn.

Thế là chư vị trưởng lão phải xuất hiện để răn đe, nghiêm khắc giáo giới họ mới chịu yên. Đại đức Dabba cũng không chấp trước gì, im lặng cho người quét tước, dọn dẹp, cho sắp đặt thêm những vật dụng thiếu thốn, đáp ứng một số tiện nghi cho họ. Yên ổn được mấy hôm thì phát sanh vấn đề khác cần phải chấn chỉnh.

Các vị sa-di đến trình với đại đức là: Họ thường hay ở mình trần đi đây đi đó. Họ làm nước lai láng trong phòng tắm. Họ đi vệ sinh tiêu, tiểu không dội nước cho sạch. Họ quăng y bản bừa bãi trong phòng tắm hơi. Họ kỳ cọ lưng nhau rồi đùa bỡn, cười cợt thô tục. Có đôi vị vẽ hình lên thân thể. Chỗ ngủ của họ, gối kê, tấm đắp được rắc đầy dầu thơm. Họ ngủ chung giường, chung chiếu, chung tấm đắp, hai ba người một chỗ. Họ ăn chung với nhau một bát, uống chung nhau một cốc...

Thế rồi, chư vị trưởng lão như Assaji, Vappa, Nadīkassapa, Gayākassapa, Kāḷudāyī... đã phải họp chúng, đưa ra những điều học trước đây đã từng chế định tại Kosambī để khiển trách, la rầy họ, sau đó đưa ra những hình phạt tương thích.

Vấn đề phức tạp thứ hai là thọ thực. Thường thì nhiều gia chủ trong kinh thành Rājagaha thỉnh chư tăng đặt bát cúng dường tại tư gia. Ngoại trừ những lần cúng dường lớn thì năm trăm vị, một trăm vị còn bình thường thì năm vị, mười vị, hai mươi vị, cũng có đôi nơi chỉ thỉnh hai hoặc bốn vị. Có những thí chủ lại đích thân thỉnh những vị trưởng lão mà họ kính trọng, ngưỡng mộ. Sự sắp xếp, phân bố trì bình mỗi ngày theo yêu cầu của thí chủ cũng là bổn phận của đại đức Dabba Mallaputta. Vị nào không có trong danh sách này thì phải đi khát thực tùy ý trong kinh thành hoặc vùng phụ cận. Tại nhà ăn, chư vị trưởng lão làm nơi nương tựa cho chúng hoặc chư đại đức, tỳ-khưu sống nhiều năm phụ trách những lớp giảng huấn thường được đại đức Dabba cho sa-di dâng thêm bơ, sữa hoặc dầu ăn thơm ngon cho quý ngài.

Nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā cảm thấy tủi thân.

Họ đợi hoài cũng không có ai mời thỉnh tại tư gia. Họ đợi hoài cũng thấy chưa đến phiên mình. Khi đi trì bình khát thực trở về nhà ăn thì chẳng thấy ai dâng cho mình những thức ăn ngon như chư vị trưởng lão, như chư đại đức sống lâu năm ở đây. Bực dọc, tức tối, họ đến gặp đại đức Dabba Mallaputta để chất vấn:

- Tại sao, thức ăn của chúng tôi không có gì cả, lúc nào cũng tầm thường, thô tháo, không có phẩm chất còn những vị khác thì thượng vị này, trân vị kia?

- Cũng đúng thôi, này các vị! Đại đức ôn tồn đáp, nhưng âm giọng rắn rỏi, nghiêm túc - Vì đây là những bậc tôn túc, thâm niên, cao hạ thì phải được kính trọng để dâng đến quý ngài những vật thực tương thích. Chư vị chỉ là những kẻ sơ tu thôi, hãy thấy rõ sự thực như vậy! Chư vị chưa có công đức gì, chưa có phước báu gì, giới đức, định đức, tuệ đức ra sao mà đòi ngồi ngang hàng với chư vị trưởng lão hay sao?

Trong bụng họ giận căm gan, nhưng biết điều ấy đúng với sự thực, lát sau họ chất vấn tiếp:

- Cũng được đi! Nhưng việc đặt bát cúng dường tại rất nhiều tư gia, sao đợi chờ hoài cũng không đến phiên chúng tôi?

- Hãy chịu khó! Hãy kham nhẫn! Sẽ có lúc đến phiên các vị thôi!

Hôm kia, có một gia chủ đi đến thưa với đại đức Dabba Mallaputta là họ xin được thỉnh thường xuyên bốn vị đặt bát tại tư gia. Suốt sáu hôm như vậy, đại đức tuần tự sắp xếp mỗi ngày bốn vị, bốn vị một cách đều đặn. Ngày nào cũng vậy, những ai thọ bát trở về cũng tán thán ca ngợi là gia chủ kia, cả vợ, cả con, cả gia nhân ai cũng lịch thiệp, lễ độ, hoan hỷ; còn vật thực như cơm canh... loại cứng loại mềm đều ngon lành, tuyệt hảo.

Cuối ngày thứ sáu, gia chủ tìm đến Trúc Lâm, được đại đức Dabba Mallaputta đón tiếp nơi phải lẽ, khen ngợi sự trân trọng cúng dường, nói thêm một thời pháp thuận thứ để khích lệ, tạo niềm tin thêm cho gia chủ. Trước khi ra về, với tâm hân hoan, vị gia chủ hỏi:

- Ngày mai là bữa cuối cùng, không biết đại đức sắp xếp cho những ai đến thọ bát tại tư gia?

- Thưa! Ngày mai đến phiên các vị sư thuộc nhóm Mettiya và Bhummajakā.

Ra về, tâm vị gia chủ không được vui, tự nghĩ thầm: “*Sáu ngày vừa rồi ta có nhiều phước báu vì được dâng cúng đến những vị tỳ-khuru đang hoằng, có giới hạnh. Tại sao ngày mai, ta có cái duyên xấu gì xen vào mà mấy ông sư tội tệ ấy lại đến phiên thọ bát tại nhà ta?*”

Bực bội âm ỉ trong lòng, vị gia chủ về nhà, dặn dò những người tớ gái:

- Ngày mai, ta đi vắng! Các người hãy sắp xếp chỗ ngồi thọ bát cho các ông sư ngay tại trong nhà kho. Và vật thực cúng dường, nên nhớ là chẳng cần thượng vị, thượng trân gì cả, cơm tấm siu ôi và nước cháo chua gì đó cũng được!

Nghe đến phiên mình sẽ được “*ăn ngon*” vào ngày mai, nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā mừng vui không ngủ được. Sáng ngày, khi họ mặc y mang bát đến nhà gia chủ, họ được mời ngồi trong nhà kho. Và khi họ tưởng thọ nhận được thượng vị loại cúng, loại mềm thì họ được gia nhân sót đầy bát cơm hẩm và canh siu.

Mất mặt, bẽ bàng, tức giận, trên đường trở về, họ bàn bạc với nhau rằng: “*Chúng ta đã bị ông Dabba chơi khăm, chơi xỏ rồi! Không thể thì cũng bị hấn ta tìm cách ly gián với gia chủ mới xảy ra có sự bị hạ nhục đáng hận như hôm nay!*”

Mới về ngang cổng Kỳ Viên, họ đã thất thểu, rót y, rót bát rồi ngồi ủ rũ, im lặng, vai co rút lại, ôm gối nhìn xuống đất, trầm ngâm, xấu hổ...

Lúc ấy, tỳ-khuru-ni Mettiyā, vốn là người quen thân với bọn chúng, đi qua, thấy vậy, chào hỏi có vẻ ân cần, quan tâm, nhưng cả ba lần vẫn không nghe ừ, nghe hử.

- Hãy giúp chúng tôi! Một người trong nhóm nói - Nghe đức Thế Tôn vừa về sáng nay. Vậy ni cô hãy vào trình bạch với

ngài là chúng tôi đã bị đại đức Dabba Mallaputta bức hiếp tôi tệ, đã thông đồng với thí chủ để chơi khăm, chơi xỏ đến cạn tàu ráo máng. Ôi! Nhục ôi là nhục!

Rồi họ kể lại chuyện cho tỳ-khuru-ni Mettiyā nghe, cô ta cũng nổi sùng lên:

- Vậy là không được! Vậy là quá đáng, quá đáng... nhưng rồi cô chột e ngại, nhưng mà biết nói sao cho hay, tố cáo sao cho có ấn tượng?

Bọn chúng lại tham mưu cho tỳ-khuru-ni cách nói, và nói sao cho văn hoa bóng bẩy. Vị ni này không có giới hạnh, lại ngu si, tự dung lại quàng việc vào mình, đã vào đánh lễ đức Phật rồi thừa như sau:

- Bạch đức Thế Tôn! *“Nơi nào đúng pháp và luật thì nơi ấy không có sợ hãi, tai họa và sầu khổ! Nơi nào không đúng pháp và luật thì nơi ấy có sợ sợ hãi, tai họa và sầu khổ. Chính đại đức Dabba Mallaputta đã hành xử không đúng pháp và luật, đã lăng mạ, ô nhục đệ tử. Tưởng là gió lặng nhưng mà bão đã nổi lên rồi, và lửa cũng đã bùng cháy lên rồi”* xin đức Tôn Sư minh xét!

Đức Phật lắng nghe trong im lặng rồi bước vào hương phòng, để lại câu nói, dặn bảo các vị trưởng lão đang có mặt:

- Hãy dựa theo pháp và luật để hành xử việc ấy. *“Con trai”* của Như Lai như thế nào thì các ông đều đã biết rõ.

Chư vị trưởng lão khi nghe vị ni vô duyên, vô cớ cáo bậy, họ biết là ai xúi bẩy ở đằng sau rồi. Nhưng để cho sự việc được sáng tỏ, đại đức Dabba Mallaputta được gọi lên để đối chứng.

- Này Dabba! Tôn giả Mahā Kassapa nói - ông đã bị vị ni này tố cáo là hành xử cái gì đó không đúng pháp và luật, đã lăng mạ, ô nhục cô ta! Vậy thì sự thực như thế nào hãy trình cho chư trưởng lão biết!

- Đệ tử không biết vị tỳ-khuru-ni này! Đại đức Dabba đáp - Đây là lần đầu tiên đệ tử thấy mặt cô ta. Quả thật, đệ tử không rõ sự lăng mạ, ô nhục ấy từ đâu nảy sanh!

Tôn giả Mahā Kassapa vừa quay sang nhìn tỳ-khuru-ni Mettiyā để xem phản ứng, thái độ ra sao thì thấy sắc mặt cô ta đã xanh mét, hơi thở dồn dập có vẻ bồn chồn, rối loạn... Thấy vậy, tôn giả Upāli nghiêm khắc nói:

- Tổ cáo gian dối, bôi nhọ tư cách, phẩm hạnh của một vị tỳ-khuru, nhất là một bậc thánh lậu tận, cô ni người có biết là tội nặng lắm không?

Nhìn dáng dấp, sắc diện oai nghiêm của chư tôn túc trưởng lão, tỳ-khuru-ni Mettiyā sợ hãi quá, đành phải thú tội, thú nhận, là do nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā xúi giục, cô vì ngu si, đại đột, nhẹ dạ nên lỡ phạm lỗi lầm.

Thế rồi, bọn chúng được chư trưởng lão gọi lên. Chúng đã không tỏ ra thành tâm cải hối lại còn có vẻ căm hận tỳ-khuru-ni Mettiyā dám tố cáo mình!

Sau đó, nội vụ được sáng tỏ, bởi chúng có phẩm hạnh lời thề, ăn nói, đi đứng, y bát thiếu tăng tướng, thiếu tư cách nên cư sĩ cận sự nào có trí, chỉ cần liếc nhìn qua là họ biết ngay. Vì ông cư sĩ này ghét bọn chúng nên “*chơi khăm*” như vừa kể. Lỗi không phải do đại đức Dabba Mallaputta. Thế là nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā bị phạt nhốt ở trong phòng, bị phạt làm vệ sinh nhà xí, vệ sinh nương cống, lao tác bữa củi, gánh nước... Tỳ-khuru-ni được răn đe nghiêm khắc rồi gởi trả về ni viện để chư trưởng lão ni tùy nghi xử phạt.

Chuyện chưa thôi. Thế mà bọn chúng vẫn tánh nào tậ nấy. Hôm kia, chúng đi bát, thấy một con dê đực đang giao phối với một con dê cái trên sườn núi. Chúng tự đùa bỡn, gọi tên con dê đực là tỳ-khuru Dabba Mallaputta, con dê cái là tỳ-khuru-ni Mettiyā. Về tu viện chúng kể oang oang chuyện ấy cho nhiều người nghe rồi kết luận:

- Không phải nghe bằng lỗ tai mà chúng tôi thấy tận mắt: Con dê đực Dabba Mallaputta làm tình với con dê cái Mettiyā!

Đức Phật đã phải gọi chư vị trưởng lão đến:

- Các ông phải họp đại chúng, dựa theo “*Bảy điều hòa giải*

các cuộc tố cáo, tranh tụng” được đúc kết tại Kỳ Viên để hành xử vụ việc. Ông Ānanda còn thuộc lòng đấy, hãy tuyên đọc lại. Ông Upālī cũng phải ghi nhớ cho chính xác. Rồi sau đó, các vị đưa ra những học giới chế định về các tội trạng này, cùng các tội tương tự, cũng đã phải lúc, phải thời cho học chúng tăng ni các nơi noi theo.

Vậy là tội cáo gian lần thứ hai này, nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā bị trách phạt nặng nề hơn, là bị nhốt kín trong phòng, không cho ai giao tiếp (*như bị tù*); thức ăn, vật uống có chúng sa-di mang đến, đều chỉ là vật thực để tồn tại, chẳng có ngon bổ gì.

Hơn hai mươi ngày sau, “*ra khỏi tù*”, các vị trưởng lão tổ chức một cuộc lễ, có hai vị luật sư tụng tuyên ngôn để bọn chúng có cơ hội thấy rõ tội rồi sám hối trước tăng, sám hối trước đại đức Dabba Mallaputta.

Tướng là yên, ai ngờ chúng còn quậy phá nữa. Lần này, chúng đến nhà một gia chủ giàu có, tên là Vaḍḍha, gốc dòng dõi Licchavī nên được gọi là Vaḍḍha Licchavī, ông ta thường hộ độ chư tăng Trúc Lâm. Chúng dùng lời xảo trá, ton hót, dựng đứng chuyện này, chuyện kia hầu lung lạc, thuyết phục vị cư sĩ có máu mặt này đứng về một phe của mình. Chúng kể là thường bị đại đức Dabba hạ nhục, phỉ báng, bức hiếp họ đủ điều nên chuyện ẩm thực, chỗ ngủ nghỉ chẳng khác gì chuồng gia súc. Dabba còn có giới hạnh, đạo đức lỗi thời nhưng do nhờ hấn ta biết cung phụng, hầu hạ chư vị trưởng lão nên luôn được họ bảo vệ, không những không trách phạt mà còn khen ngợi nữa.

Gia chủ Vaḍḍha Licchavī tâm tánh nông nổi, hời hợt, lại cả tin nên đã bất bình, giận dữ tìm đến Veluvana, chỉ tay vào mặt đại đức Dabba mà mắng nhiếc đủ điều, tố cáo ngài không có đạo đức, không có giới hạnh, thường hay ton hót, nịnh bợ các vị trưởng lão. Ông ta còn trách chư vị trưởng lão bịt mắt làm ngơ mặc dầu “*dông bão đã nổi lên ở đây rồi!*”

Không ai hiểu chuyện gì cả! Đại đức Dabba cũng thəm lặng lắng nghe lời vu khống, phỉ báng ấy, và tự tâm ngài biết rõ, đây chính là dư nghiệp từ quá khứ còn sót lại. Phải kham nhẫn, phải an trú tâm từ, tâm xả. Còn chư vị trưởng lão lại trình việc ấy lên đức Thế Tôn, và ai cũng xác nhận sự thật bằng mắt thấy, tai nghe là đại đức Dabba trong trắng như vỏ ốc, ngài vô tội!

Tôn giả Ānada thì vô cùng bất bình:

- Không đâu, vô duyên, vô có mà đại đức “*nhất chỉ thần thông vi diệu*” của chúng ta đã bị ông cư sĩ kia chỉ trích, nhiếc mắng quá đáng...

Đức Phật mỉm cười, nói rằng:

- Không phải vô duyên vô có đâu! Hoặc vô duyên vô có chỉ là một phát ngôn bình thường! Ai trong chư vị biết rằng, vào thời đức Phật Vipassī, tiền thân Dabba là một cư sĩ trưởng giả, đã nhiếc mắng một bậc thánh lậu tận. Còn một nghiệp xấu tệ khác nữa, là trong buổi cúng dường lớn có đầy đủ đức Chánh Đẳng Giác Vipassī và chư tăng, đích thân vị trưởng giả lại rút tên, loại bỏ vị thánh Thanh Văn kia ra khỏi danh sách cúng dường! Duyên là vậy, có là như vậy đó. Nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā bây giờ chúng xảo trá hơn, giấu mặt bên sau để ông cư sĩ kia chịu trận. Chư vị trưởng lão hãy nêu sự việc, tội danh ra trước hội đồng để xử phạt chúng một lượt nữa; nếu cứ mãi cứng đầu cứng cổ, không chịu thay tâm đổi tánh thì ra điều luật chế định trục xuất khỏi tăng đoàn, không châm chước được nữa.

Chiều hôm sau, thì giờ rảnh rồi, nhân chuyện người gia chủ nhiếc mắng tỳ-khưu Dabba Mallaputta, đức Phật giảng nói rộng rãi hơn về những nội dung tương tự cho đại chúng nghe.

Đức Phật nói:

- Giáo pháp chư Chánh Đẳng Giác nào trong quá khứ cũng có phát sanh những trường hợp, do ai đó trong hai hàng cận sự nam nữ còn nhiều bụi rác trong mắt mà xâm phạm họa hại đến tăng chúng, nên các ngài có chế định những hình thức xử phạt

tương thích để đối trị. Có tám trường hợp cả thầy, chư tăng sẽ tụng tuyên ngôn, với ý nghĩa rằng, từ rày về sau không còn nhận sự cúng dường của vị gia chủ ấy, thí chủ ấy nữa, cụ thể là khi thí chủ ấy, gia chủ ấy ra đặt bát, chư tăng im lặng không nói gì, chỉ “*úp bát*” lại, không thọ nhận rồi bước sang nhà khác. Hình thức “*úp bát*” đối với gia chủ là hình phạt nặng nhất dành cho cận sự nam nữ khi họ xúc phạm, xâm hại đến chư tăng một cách quá đáng.

Thứ nhất, vị cư sĩ nào, do ghét một vị sư nào, đây là trường hợp một vị tỳ-khưu có giới hạnh - đã cố gắng, nỗ lực tìm mọi cách, mọi phương tiện để cho vị tỳ-khưu kia không có thức ăn, vật uống, thuốc men, nhu dụng hằng ngày.

Thứ hai, tương tự như trên, nhưng ở đây là tìm cách ngăn chặn, nói xấu, nói khéo thế nào đó để cho vị tỳ-khưu chân chính mất những lợi ích, lợi lạc về tu tập, về giáo pháp, về đời sống vật chất cũng như tinh thần.

Thứ ba, là cố gắng, nỗ lực, tìm cách này hay cách khác để cho vị tỳ-khưu chân chính không có trú xứ, không có nơi ngụ cư hay không có cả chỗ ngủ nghỉ.

Thứ tư là nhiếc mắng, nhục mạ hoặc tìm cách, cố gắng, nỗ lực nói xấu vị tỳ-khưu để hạ thấp tư cách, phẩm giá vị tỳ-khưu ấy.

Thứ năm là cố tìm cách nói ly gián hầu chia rẽ vị tỳ-khưu này với vị tỳ-khưu khác.

Cuối cùng, thứ sáu, bảy, tám là vị cư sĩ nào đó đã dùng lời nói, hành động để phỉ báng, nhục mạ đức Phật, đức Pháp, đức Tăng.

Trong cả tám trường hợp ấy, do tăng biết rõ nên đã triệu tập một hội đồng, công bố sự thật, tụng tuyên ngôn trước đại chúng thì toàn thể chư tăng sẽ “*úp bát*” để trừng phạt gia chủ ấy.

Sau khi đức Phật thuyết giảng xong, chư vị trưởng lão biết mình phải làm gì. Đây cũng là một trường hợp điển hình nên xử lý để làm gương.

Trường hợp gia chủ Vaddha Licchavī nhiếc mắng, phỉ báng,

bồi nhộ tư cách, phẩm hạnh của đại đức Dabba Mallaputtaputta rơi vào trường hợp thứ tư nên chư vị trưởng lão cho họp hội đồng, tụng tuyên ngôn, bố cáo rộng rãi là từ rày về sau, chư tăng chùa Trúc Lâm sẽ “*úp bát*” đối với gia chủ Vaḍḍha Licchavī.

Sáng sớm hôm sau, tôn giả Ānanda nhận nhiệm vụ thông báo cho gia chủ, nên ngài đã y bát chỉnh tề, đến tư gia nói rõ sự thật mà tăng đã hành xử theo pháp và luật cho cư sĩ Vaḍḍha Licchavī hay. Rồi giải thích thêm rằng: Chư tăng tuyển bố hình thức “*úp bát*” đối với hai hàng cận sự nam nữ được xem như hình phạt mà quý ngài không muốn nói ra, là từ rày về sau, gia chủ không còn được thọ hưởng hạnh phúc cúng dường đến chư tăng Trúc Lâm nữa.

Khi tôn giả Ānanda vừa rời chân đi khỏi cửa, cư sĩ Vaḍḍha Licchavī khi chợt hiểu rõ ý nghĩa của hai từ “*úp bát*” thì choáng váng mặt mày, ngất xỉu rồi ngã xuống ngay tại chỗ.

Sau đó, bạn bè thân hữu, bà con ruột thịt đã tìm cách phân ưu, khuyên giải rằng:

- Than van, rên rỉ gì cái gì nữa? Hãy tỉnh táo mà suy nghĩ đến cái điều gì nghiêm trọng hơn. Chư tăng ai cũng “*úp bát*” cái ngôi nhà này thì thần phước đức, thần hoan hỷ họ cũng bỏ mà đi luôn đó! Bây giờ, hãy tắm ướt cả đầu tóc, cả khăn áo, cùng vợ cùng con cùng gia quyến đến bên chân đức Thế Tôn, quỳ phục mà sám hối! Hãy thành thật nhận lỗi lầm vì ngu, vì dại, vì si mê và vì cả tin đã nghe lời xúi giục của mấy ông sư tội tệ kia mà sinh ra có sự. Đức Thế Tôn và chư vị trưởng lão bao giờ cũng với cái tâm rộng lớn như hư không, như biển cả sẽ tha thứ cho ông ngay!

Gia chủ Vaḍḍha Licchavī nghe được lời khuyên chơn chánh, đúng đắn ấy nên đã nhất nhất làm đúng như vậy. Đức Thế Tôn hoan hỷ xá tội, nói một vài pháp thoại, nhắc nhở người gia chủ từ rày về sau, đừng nên tin một cái gì, một điều gì mà mình chưa như thực thấy, chưa như thực nghe.

Cuối cùng, đức Phật dạy chư vị trưởng lão, họp hội chúng, tụng tuyên ngôn “*mở bát*” đối với gia chủ Vaddha Licchavī khi ông ta đã thành tâm sám hối, cải hối rồi.

Sau vụ việc này, tu viện Veluvana mới lấy lại môi trường sinh hoạt yên lặng và ổn định.

Bây giờ nói chuyện ở Kỳ Viên. Có một thời, vì muốn giáo giới chư tỳ-khuru tăng ở Kỳ Viên, trong kinh thành cũng như ở phương xa về nên đức Phật ít khi cất bước vân du. Và đây cũng là dịp cho hoàng hậu Mālīka tìm đến cúng dường, nghe pháp. Cũng trong dịp này, chị của đức vua Pāsenadi là lệnh bà Sumanā xin xuất gia tỳ-khuru-ni nên vị thế của giáo hội càng nổi bật! Các gia chủ, danh gia, triệu phú và nhất là trưởng giả Cấp Cô Độc càng không bỏ lỡ cơ hội hộ độ đức Phật và tăng chúng. Do vậy, không những tăng chúng có đời sống tứ sự đầy đủ mà các kho lẫm ở chùa Kỳ Viên cũng không còn có đủ sức chứa nữa. Trưởng giả Cấp Cô Độc phải gấp rút cho xây dựng thêm nhiều phòng ốc cùng nhiều kho lẫm để chứa ngũ cốc, dầu đèn, hương liệu cùng các loại thực phẩm, hiện vật linh tinh khác.

Hôm kia, tôn giả Sāriputta đến hầu đức Phật và thưa là ngũ cốc quá nhiều, nhất là gạo không biết sẽ xử lý, phân phối ra sao. Đức Phật dạy:

- Hãy bố thí cho các trại chăn bần.
- Thưa, cũng không hết!
- Hãy bố thí cho các nhóm tàn tật.
- Thưa, ít hôm sau các kho lẫm lại đầy!
- Vậy thì phải tìm cách sử dụng chúng vì đây là tâm cúng dường trong sạch của chư thí chủ. Các vị sa-di, những giới tử, những người giúp việc sẽ lo phần việc nấu cơm rồi dâng cho chư trưởng lão, chư vị tỳ-khuru trong trường hợp không đi khát thực được.

- Việc phân phối gạo chỉ xảy ra một thời gian ngắn tại Trúc Lâm mấy năm về trước, bạch đức Tôn Sư! Sau đó, chư tăng trở lại đời sống chỉ dùng vật thực trong bát mà thôi!

- Đúng vậy! Nhưng mà hãy tùy duyên, tùy nghi, không thể để cho gạo cúng dường của hai hàng cư sĩ trở thành mỗi một, hư mục được! Không những chỉ là chuyện xử lý gạo mà pháp và luật của Như Lai, sau này cũng phải được quyền biến, linh động như vậy! Hãy thông báo chuyện này với đại chúng tăng ni, nơi nào có sự phát sanh tương tự, này Sāriputta!

Lời giáo huấn của đức Phật sau đó được ban ra. Chư vị trưởng lão tôn túc lại họp bàn, biết tìm ai là người phân phối gạo? Đây là trọng trách, là nhiệm vụ khó khăn chứ không đơn giản chút nào!

Tôn giả Moggallāna chợt giới thiệu một người mà ai cũng phải thừa nhận là tuyệt vời nhất: Đây là vị thánh tăng Dabba Mallaputta! Tỳ-khưu Dabba đến hạ này đã mười bảy tuổi, mười hạ rồi, là người duy nhất và đầu tiên trong giáo hội vừa tu sa-di, sau đó lại được thọ đại giới khi bảy tuổi, lúc vừa đắc quả A-la-hán. Suốt mấy năm qua, tại chùa Trúc Lâm, ngài nổi tiếng đảm đang, phân minh trong việc chăm sóc, thu xếp lịch trình đặt bát hằng ngày; bảo quản, coi sóc các kho lẫm ngũ cốc, vải vóc, dầu đèn, hương liệu ở Trúc Lâm tịnh xá. Vị thánh tăng này còn nổi tiếng khắp nơi về cái ngón tay: “*Nhất chỉ quang tướng thần thông*” để dẫn lối, chỉ đường đến chỗ ngụ cư cho chư thánh, phạm tăng trong những đêm tối trời!

Thế rồi, từ Trúc Lâm tịnh xá, ngài Dabba Mallaputta phải sang Kỳ Viên nhận nhiệm vụ mới. Và từ đó, vị thánh tăng trẻ tuổi này cầm cán cân phân phối thực phẩm rất phân minh và chu đáo. Với số hạ lạp như vậy thì được gạo hoặc thực phẩm tương đương. Và thường thường số gạo xấu, phẩm chất thô là phần cho các vị còn trẻ hoặc sơ tu. Đây là thứ tự hình thức, là lễ giới cần thiết trong giáo pháp của đức Tôn Sư.

Hôm kia, tỳ-khưu Udāyi mặc dầu hạ lạp khá cao nhưng nhận được gạo xấu liền làm rộn lên trong phòng phát thê. Người ta biết vị đó còn nhiều phàm phu tính nên ai nấy đều giữ im lặng.

Vị thánh tăng trẻ tuổi Dabba Mallaputta im lặng như cái mõ bể. Ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa, tỳ-khuru Udāyi vẫn nhận được gạo xấu, vì thật ra gạo tốt không còn bao nhiêu, phải để dành cho các vị trưởng lão niên cao, lập lớn. Tỳ-khuru Udāyi mặc dầu biết vậy, vẫn nói nặng lời với ngài Dabba Mallaputta, chỉ trích và phỉ báng vị ấy. Ngài Dabba Mallaputta chỉ lo tròn bổn phận mình, không hề cãi lại. Nhưng có một số tỳ-khuru sơ tu, tập khí còn nhiều, nội tâm chưa ổn định, tham sân và uế trước chưa lắng dịu cũng nhân cơ hội ấy mà la ó lên, làm cho căn phòng phát thê ồn ào như vỡ chợ.

- Ngài Dabba không công bằng, nghỉ việc đi!

- Đề nghị ngài Udāyi làm thay!

Giáo hội đức Tôn Sư là tập thể dân chủ; lại biết phân công các vai trò quản lý hay các chức vụ điều hành sinh hoạt, nên cũng dễ hiểu thôi, sự đề nghị tỳ-khuru Udāyi thay thế chức vụ ấy được ngài vui lòng nhường lại ngay!

Cuộc phát gạo đã xong, thánh tăng Dabba Malla mang thê đến, trao vào tay tỳ-khuru Udāyi:

- Nếu hiền giả mong muốn gánh vác trách nhiệm này, tôi có một vài lời khuyên. Hiền giả phải biết tôn kính bậc nên tôn kính. Hiền giả phải biết vị nào nhiều công đức và vị nào ít công đức. Đây là việc làm không thể chiếu lệ, đại khái mà cần sự sáng suốt, định tĩnh và nghiêm túc. Nó cần sự tinh tấn, cần mẫn, chăm chuyên và chịu khó. Không thể cầu thả, làm biếng, thiếu trí và vô trách nhiệm được đâu. Hiền giả Udāyi thân mến! Hiền giả phải biết như vậy.

Udāyi bực mình hét toáng lên:

- Sao tôn giả lại lăm điều như vậy? Tôn giả có phải là Đạo Sư của tôi đâu. Tôi biết việc mình phải làm, đâu cần phải quá nhiều lời nặng óc, nặng tai của tôn giả!

Biết cái cứng đầu và ngu si của vị ấy, thánh tăng Dabba Mallaputta bỏ đi với ý nghĩ: *“Hy vọng ông ta học được bài học và giác ngộ được điều gì đó trong khi làm công việc này! Chắc*

chấn đức Đạo Sư biết rõ là đến lúc nào đúng thời để thuyết giáo đến ông ta”

Thế rồi đến phiên tỳ-khuru Udāyi phát thẻ phân phối gạo. Ông ta không cần biết đến số hạ lạp và tuổi tác của một ai, không cần biết vị nào nhiều công đức, vị nào ít công đức. Ông ta ghi những cái dấu trên sàn hoặc trên tường để chỉ rõ hàng này bao nhiêu người, hàng kia bao nhiêu người. Và ông ta y cứ vào đấy, y cứ vào những cái dấu của mình mà phân phối gạo.

Đến ngày sau, dĩ nhiên là thường có một số tỳ-khuru ra đi và có một số tỳ-khuru khác mới đến. Do vậy số người nhận gạo thường thường phải thay đổi luôn, cả số thẻ và hàng. Tỳ-khuru Udāyi lại không để ý đến điều đó, cứ theo cái dấu của mình mà phát. Bởi thế, có người không nhận được gạo, và gạo tốt không vào được tay các vị trưởng lão. Người ta phản ánh với Udāyi điều đó. Tỳ-khuru Udāyi nói:

- Sao các tôn giả không tự động đứng theo những cái dấu của tôi? Tại sao tôi lại phải tin lời các tôn giả? Tôi tin vào cái dấu của tôi hơn.

Thế rồi Udāyi gạt phăng chư vị ra một bên bằng cánh tay lực lưỡng thô bạo của mình.

Có vị tỳ-khuru có ý thức, nắm tay Udāyi lại, rồi kéo qua một bên:

- Này bạn, liệu hồn đấy! Có rất nhiều vị trưởng lão không có phần, và các ngài đã không nói gì, lặng lẽ ra đi như chiếc bóng.

Udāyi sùng sộ nói:

- Tôi không cần biết là ai. Tôi đã có những cái dấu của tôi!

- Bạn vừa nói gì? Một giọng quát lớn - Bạn xúc phạm đến chúng tôi thì được. Nhưng bạn lại dám đụng đến các bậc trưởng lão đáng kính trong giáo hội này? Tôi với cái nắm tay, cái mũi của bạn sẽ như trái cà chua đỏ, và cái miệng của bạn sẽ méo qua một bên như trái xoài dập!

Tỳ-khuru to lớn kia nói xong liền bước lại. Các vị khác can ra. Òn ào, huyên náo thế là xảy ra trong phòng phát thẻ.

Bậc Đạo Sư lúc ấy đang đi kinh hành, quay lại hỏi thị giả:

- Như một cái chợ đang họp trong phòng phát thể. Chuyện gì vậy?

Một lát sau, tỳ-khưu thị giả trình bày tự sự lại với đức Phật.

Bậc Đạo Sư yên lặng, mỉm cười không nói gì. Buổi chiều, trong giờ giảng pháp, đức Phật lấy đó làm đề tài, nói rằng:

- Nay chư tỳ-khưu! Hãy lấy đó để làm gương, lấy đó để làm bài học, lấy đó làm điều để giác ngộ. Có một người chỉ giết một sinh mạng mà phải lấy năm trăm mạng liên tiếp để trả quả. Có những chúng sanh bị những tật, những nghiệp, những kiết sử dầu lớn, dầu nhỏ mà trải qua vô lượng kiếp chúng vẫn không làm cho nó nguội tắt đi, tốt đẹp hơn, thanh lương hơn! Nó chỉ nguội lạnh đi, tốt đẹp hơn, thanh lương hơn khi chúng thấy rõ, giác ngộ được bài học ấy. Còn nếu không thì cứ mãi mãi, liên tục bị trả quả; mãi mãi liên tục bị khổ đau và phiền não.

Như kẻ Udāyi ngu si rỗng không kia! Nó làm mất phần gạo của các vị trưởng lão, làm cho số đông tỳ-khưu bị thiệt thòi. Không phải chỉ ngày nay mới thế thôi đâu, mà một kiếp lâu xa kia, nó cũng làm cho nhiều người khác bị thiệt thòi như thế rồi. Từ đây biết bao nhiêu là quả đau khổ mà nó phải gánh chịu. Tuy nhiên, nó vẫn không giác ngộ được bài học. Sau đó, đức Phật kể vài mẩu chuyện quá khứ của Udāyi như “*đánh giá một đấu gạo có giá trị bằng kinh đô Bārāṇasī và cả ngoại ô cộng lại*”. Rồi chuyện “*con rắn trông giống cái cán cày, cho chỉ con voi, cây mía, sữa đông cũng giống cái cán cày cả!*”⁽¹⁾ Cái tâm làm hại người khác, và cái ngu nhiều đời ấy sẽ còn tiếp diễn nếu không giác ngộ được bài học.

Sau câu chuyện của Udāyi, chư tăng thỉnh cầu đại đức Dabba Mallaputta trở lại đảm trách công việc, và ngài cũng hoan hỷ, xem như không có gì xảy ra.

⁽¹⁾ Xem “*Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt*”, q.4, có những chương này - sách cùng tác giả.

Như vậy, cuộc đời của vị thánh này là một cuộc đời chăm lo hết lòng cho tăng chúng, không nghe ở đâu nói về hành trạng khác. Cũng không nghe đâu nói đến tuổi trung niên và già lão!

Quả thật trưởng lão sa-di Dabba Mallaputta là một tấm gương vằng vặc về hạnh phục vụ không mệt mỏi vậy.

Ngọn Đèn Trong Chiếc Ghế

(Tiểu truyện Saṅkicca tôn giả)

Thọ sanh trong một gia đình bà-la-môn danh gia ở Xá Vệ (Sāvatthi), tuy nhiên, khi đến gần ngày sinh thì bà mẹ bị một cơn bạo bệnh, chết một cách đột ngột. Theo tập tục, họ hỏa táng thi hài trên một giàn thiêu ở nghĩa địa⁽¹⁾. Khi tất cả đã cháy hết, thấy phần bụng còn nguyên, người ta lấy chĩa nhọn đâm thủng hai ba chỗ vào mảng thịt quanh bụng cho nước chảy ra, cào than đỏ phủ lên xác rồi bỏ về. Vô tình họ đâu biết rằng cái chĩa nhọn kia đã đâm trúng đuôi mắt của thai nhi đang nằm trong đó.

Ngày hôm sau, ra chỗ thiêu xác, mọi người ngạc nhiên xiết bao khi thấy tất cả đều bị cháy trụi, nhưng trên đồng than hồng còn âm ỉ khói, một hài nhi bé nhỏ an tịnh như một pho tượng vàng ngồi trên đài sen⁽²⁾. Sau một hồi ngơ ngác lẫn kinh sợ, họ bế trẻ về nhà, cho vờ các trưởng lão bà-la-môn uyên thâm tướng pháp và điềm triệu đến tham vấn. Các vị này đều tiên tri rằng:

⁽¹⁾ Giàn thiêu (funeral pyre) xem *Dictionary of Pāli proper names*, q2, trang 975.

⁽²⁾ *Kiếp cuối cùng của một vị A-la-hán, dù bị tai nạn gì, hoàn cảnh kinh sợ như thế nào cũng không thể chết được. Kinh bảo là như ngọn đèn nằm trong chiếc ghế.*

“- Nếu đứa bé này sống đời của một gia chủ thì phước báu của nó sẽ đem lại lợi ích áo cơm cho gia đình, quyến thuộc trong bảy đời. Nếu xuất gia làm sa-môn thì nó sẽ đắc quả thánh và có một nhóm đồ chúng năm trăm người”.

Vì đuôi mắt của trẻ bị vết xước bởi cây chĩa nên gia đình đặt tên cho đứa trẻ là Saṅkicca⁽¹⁾!

Đến bảy tuổi, đích thân trẻ xin xuất gia, cả gia đình đều hoan hỷ: “*Vậy thì chúng ta hãy đặt đứa bé này dưới chân vị trưởng lão cao quý và xin cho nó làm sa-môn*”.

Hôm kia, gia đình bà-la-môn danh giá nọ thỉnh tôn giả Sāriputta đến, sau khi dâng cúng vật thực, họ nói lên ý nguyện, ngài bèn hoan hỷ nhận lời. Dẫn về tịnh xá, sau khi dạy trẻ quán tưởng năm thể trược tóc, lông, móng, răng, da... tôn giả tự tay tắm ướt tóc và chuẩn bị cạo đầu. Khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da đầu là Saṅkicca đắc quả A-la-hán⁽²⁾ và đắc luôn các thắng trí của bậc thượng nhân!

Thế rồi, sa-di Saṅkicca âm thầm sống ở Kỳ Viên tịnh xá, được tôn giả Sāriputta hướng dẫn, chăm sóc từ việc học pháp và luật, oai nghi, giới hạnh, trì bình khát thực cũng như những công việc phải làm trong sinh hoạt thường nhật. Thấy người học trò nhỏ cái gì cũng chu đáo, cái gì cũng mau thông, mau hiểu, sáng ý, sáng lòng, cái gì cũng không cần ai sai bảo, nhắc nhở... Nó tựa như chiếc thuyền nhẹ sau khi trôi chảy vào dòng là nó cứ lướt đi, lướt đi mãi, không cần một động lực, một tác lực gì từ bên ngoài. Điều đặc biệt nữa là Saṅkicca chăm chuyên nghe pháp từ chư đại trưởng lão, từ đức Phật rồi tự suy, tự gẫm một mình. Khi gặp điều gì khúc mắc hoặc những thuật ngữ Abhidham khó nuốt, Saṅkicca lại được tôn giả Sāriputta tận tình giải thích, chỉ bày thêm; và ngài rất hài lòng vị thánh sa-di này.

⁽¹⁾ *Ṣaṅkumā chinnakkhikoṭṭāya* = *Saṅkicco*: Có vết thương ở chuôi mắt (Xem Dictionary of Pāli proper names, q2, tr. 975.).

⁽²⁾ *He won arahantship in the Tonsure-hall - xem, cùng trang, từ điển trên.*

Thời gian sau, có một duyên sự liên quan đến Saṅkicca, và do nhờ vị sa-di này mà năm trăm tên cướp hồi đầu hướng thiện, bỏ đao, ôm bát, trở thành năm trăm sa-di! Nhờ công đức và khả năng giáo hóa kỳ diệu ấy làm cho ngài nổi danh khắp nơi, từ đó, chư phàm tăng ai ai cũng quý trọng, tôn gọi ngài là trưởng lão.

Và câu chuyện như sau.

Trước đây khá lâu có ba mươi người đều cùng là bạn hữu ở Xá Vệ đồng xuất gia tỳ-khuru; tuy nhiên, suốt bốn năm mà họ không thành tựu được gì. Hôm kia, họ đến xin đề mục thiền quán từ đức Thế Tôn rồi muốn đến một vùng biên địa để công phu hành trì may ra có hiệu quả hơn.

Đức Phật quán căn cơ sao đó, nói rằng:

- Trước khi đi, hãy đến từ giả Sāriputta; và ông ta nói như thế nào thì hãy làm như vậy.

Vâng lời, ba mươi vị tỳ-khuru đến đánh lễ tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một nơi phải lẽ.

Tôn giả hỏi:

- Chư hiền đến ta có việc gì?

- Chúng tôi không biết! Chúng tôi muốn đến một vùng biên địa để tu tập, đức Thế Tôn bảo là hãy chào tôn giả trước khi đi!

Ngạc nhiên, tôn giả Sāriputta hướng tâm, biết rõ chuyện gì xảy ra đối với ba mươi vị tỳ-khuru này, nên mỉm cười nói:

- À! Vậy thì chư hiền đã có một thị giả nào để phục vụ chuyện này chuyện kia ở bên mình chưa?

- Thưa, chưa có!

- Vậy thì chư hiền nên mang theo sa-di này làm thị giả.

Nói xong, tôn giả gọi sa-di Saṅkicca vào. Cả ba mươi vị tỳ-khuru thấy một chú nhỏ bảy tuổi, chuôi mắt có sẹo, hình dáng thanh mảnh liền từ chối khéo:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi vào rừng tu tập chứ không phải là vương tôn, công tử gì mà lại dám có người hầu kẻ hạ! Lại nữa, chú nhỏ này lại làm vương bận, ràng buộc, bắt chúng tôi phải mất thì giờ dạy dỗ, chăm sóc...

Tôn giả mỉm cười:

- Phải nói ngược lại thế mới đúng! Chính chư hiền sẽ làm vương bạn, ràng buộc sa-di này, và làm cho sa-di này phải mất thì giờ chăm sóc, quan tâm đến các vị! Đức Đạo Sư đã biết rõ như thế nên ngài mới bảo chư hiền đến từ giả ta trước khi đi. Và đức Thế Tôn cũng biết là ta sẽ gọi sa-di này theo để y giúp đỡ cho chư hiền khi có chuyện bất trắc gì đó xảy ra...

Khi biết đây là “*lệnh ngầm*” của đức Phật, ba mươi vị tỳ-khuru tuy vài người còn hoài nghi nhưng không ai dám nói gì nữa.

Họ lên đường. Thế là phải vượt qua trên mười mấy dặm đường mới đến được miền tây bắc biên địa, nơi có những cánh rừng nguyên sinh cây cao bóng cả. Trên đường đi, họ mới thấy rõ ràng, lời của tôn giả Sāriputta là đúng: Sa-di Saṅkicca chẳng làm phiền họ một chút nào, chẳng làm điều gì để trở thành gánh nặng cho họ! Chú còn giúp việc này, việc kia như nấu nước nóng, quét dọn lá rác... trên mỗi chỗ dừng chân; dọn dẹp sạch sẽ những gì còn vương vãi lại mỗi khi lên đường vào sáng hôm sau... Họ còn phát giác thêm rằng, chú ngủ nghỉ rất ít, lúc nào dường như cũng tỉnh thức và hành thiền lại rất sâu!

Đến một làng sơn cước có những ngôi nhà yên bình ven chân núi, họ dừng chân. Thôn dân ở đây khi thấy một đoàn sa-môn, họ rất hoan hỷ. Vị thôn trưởng nói:

- Quý ngài muốn đi đến đâu?

Vị tỳ-khuru trưởng đoàn đáp:

- Chúng tôi muốn tìm chỗ trú cư thuận lợi để tu tập!

- Vậy thì quý ngài cứ ở đây! Chúng tôi sẵn lòng phát dọn lùm bụi, cỏ rác, làm cốc liêu, nhà hội, nhà vệ sinh, đường kinh hành, thay nhau hộ độ cúng dường vật thực. Và quý ngài thực hành pháp nào thì dạy bảo cho chúng tôi tu tập theo.

- Lành thay! Vậy thì chư đạo hữu cứ làm những gì thấy là phải thời!

Khi các công trình trú cư tạm thời đã làm xong. Tại nhà hội, vị tỳ-khuru trưởng căn dặn mọi người:

- Thời gian vừa qua, đi trì bình khát thực trong ngôi làng này và các ngôi làng kế cận, quả thật là chúng ta không khó khăn về vật thực. Vậy thì chỉ còn sự nhiệt tâm, cố gắng hành trì công phu chỉ tịnh, quán minh của mỗi mỗi chúng ta thôi. Hãy cùng phát nguyện với nhau rằng, hai người không đi chung một lối, không ở chung một nơi; ai nấy đều phải ở riêng, tại cốc liêu hay tại cội cây, hốc đá nào đó. Mỗi buổi sáng, lúc mặt trời lên, tất cả đều gặp nhau tại ngôi nhà hội này để đi trì bình khát thực. Sẽ có một tỳ-khưu biết việc, phân chia từng nhóm đi theo nhiều ngã đường, nhiều xóm nhà để khỏi trùng nhau. Và tùy nghi mỗi người sẽ độ thực ở đâu đó nhưng sau Ngọ sẽ về đây!

Ngoài ra, hội chúng còn đặt ra ba quy ước:

- Cứ mỗi nửa tuần trăng, độ thực nơi ngôi nhà hội một lần, sau đó làm lễ sám hối, thảo luận giáo pháp!

- Khi có việc cấp bách, ví dụ có người bị bệnh nặng, bị lửa cháy, bị thú dữ... Ai phát hiện trước thì đánh ba hồi keng (gaṇḍīka)⁽¹⁾ để mọi người cùng tụ tập lại tại nhà hội.

- Ai muốn đi đâu, ra khỏi trú cư có việc gì, phải báo, phải xin phép với vị tỳ-khưu trưởng hoặc phó của hội chúng!

Ai nấy đồng hoan hỷ chấp thuận.

Sa-di Saṅkicca ngồi một chỗ khiêm tốn ở phía sau, tự nghĩ thầm: *“Vậy là tốt! Nhưng các ngài còn quên nêu rõ nguyên tắc sống lục hòa. Các ngài còn quên chuyện quét dọn căn nhà hội, nhà vệ sinh, đổ đầy các lu nước tắm, nước rửa, nước uống, tắm chùi chân và giẻ lau chân! Mà thôi, việc này ta sẽ âm thầm làm cũng được!”*

Thế rồi, thời gian trôi qua, hội chúng tỳ-khưu sống đời phạm hạnh rất thanh bình, yên ổn, một vài vị đã có thiên chứng hoặc pháp lạc.

Thuở ấy có một người nghèo khổ, tuổi già, sức yếu, đang sống nương tựa người con gái lớn, không may nơi này xảy ra

⁽¹⁾ *Thật ra, đây là một khúc cây có khoét lỗ để đánh thay chuông, keng, mõ...*

nạn đói, ông đành tay nải lên đường tìm cách nhờ vả người con gái thứ hai. Trên đường đi, lúc qua ngôi làng có hội chúng tỳ-khuru, ông thấy nơi này có vẻ sung túc, ấm no - ông dừng chân nghỉ, bụng đói cồn cào!

Lúc ấy, một nhóm tỳ-khuru khát thực trở về, qua con suối mát ngọt, họ đặt y và bát trên bãi cỏ rồi xuống suối tắm thỏa thích, sau đó mới lên một lùm cây mát mẻ dùng gạo.

Ông lão lân la tìm đến, nhìn các vị tỳ-khuru, không nói không rằng. Vị tỳ-khuru trưởng nhóm hỏi:

- Ông đang đi đâu đó? Chẳng hay có việc gì không?

Ông lão tình thật kể lại hoàn cảnh của mình. Vị tỳ-khuru cảm cảnh thương hại:

- Có vẻ như ông đang cần cái ăn. Vậy hãy qua bờ cây kia, lật một nắm lá to đem đến đây. Mỗi vị tỳ-khuru sẽ sót một ít vật thực cho ông đỡ đói lòng.

Khi ăn một bụng no xong, ông lão chấp tay xá các ngài rồi hỏi:

- Chắc hẳn hôm nay có ai đặc biệt thỉnh mời các ngài tại một tư gia giàu có?

- Không phải đâu! Vị tỳ-khuru đáp - Đây chỉ là vật thực bình thường hằng ngày mà những thôn dân ngôi làng này đặt bát cúng dường cho chúng tôi đây!

Ông lão tự nghĩ: *“Trời đất! Ta đã làm lụng vất vả từ sáng tới tối, từ năm này sang năm nọ mà chưa bao giờ có được một bữa ăn như bữa ăn ‘bình thường’ này! Thôi, đi đâu nữa! Hãy xin ở lại đây, hầu hạ các ngài để thừa hưởng tàn thực cũng tốt đẹp, sung sướng nhất đời rồi!”*

Sau khi cung tay lễ phép trình bày ước muốn của mình, chư vị tỳ-khuru đồng ý. Thế rồi, từ đó, sa-di Saṅkicca có được một người đỡ đần công việc, mà bấy lâu, với sức vóc bảy tuổi thì xem ra khá nặng nhọc!

Được vài tháng, lại nhớ con gái, không dám xin phép ai, ông lão lén trốn đi. Trên đường, qua một góc núi, ông lạc vào

một khu rừng. Bất hạnh cho ông là nơi này có một bọn cướp dữ gồm năm trăm tên, đang xây dựng một sào huyệt lớn. Thực hiện xong công trình, viên thủ lãnh khấn nguyện giữa khu rừng thiêng: *“Trong vòng bảy ngày, chúng tôi sẽ bắt giết người đầu tiên bước vào khu rừng này, chặt đầu, lấy máu, lấy thịt thiết lễ thỉnh soạn để cúng chư thần, chư thiên... Những mong thần rừng, thần cây, thần đất, thần núi... hộ trì và che chở cho chúng tôi!”*

Sáu ngày trôi qua, đúng ngày thứ bảy, ông lão đi vào khu rừng nên lọt vào tầm ngắm của bọn cướp. Ông lão bị bắt, đem về sào huyệt rồi bị trói gô nơi gốc cây. Bọn cướp đi vào đi ra, lăm lè không nói một lời. Chúng soạn một cái chảo lớn, vác những lu nước, mang đến một bó củi lớn, lấy ra con dao to và một tấm thớt dày...

Ông lão ngây thơ hỏi:

- Thưa chủ! Lão không thấy một con heo, một con nai hay một con thú rừng to lớn nào - nhưng mà ở đây như đang chuẩn bị một cuộc giết thịt?

- Phải! Một tên cướp cất giọng ồm ồm - Lão chính là con thú ấy! Đầu và máu của lão sẽ làm cỗ để tế thần! Còn thịt, tim gan, xương tủy của lão sẽ ninh hầm với bắp đậu làm món ăn tạm thời qua bữa, lót dạ đỡ đói lòng mấy trăm cái bao tử rỗng!

Ông lão kinh hãi quá, tái xanh mặt, tìm kế thoát chết. Một hồi, do muốn bảo vệ tính mạng của mình, chẳng kể ân nghĩa gì, lão ta bèn trở tài miệng lưỡi:

- Thưa chủ! Lão sinh ra trong giống dòng chiên-đà-la hạ liệt, lại sống đời của kiếp ngựa trâu hoặc như kiếp con quạ ăn bùn, tháng năm vất vả ăn xin tàn thực (vighāsāda) nơi này, nơi khác nên toàn thể thân xác lão đây đều là vật dơ thói, ô uế, bất tịnh cả; nếu đem cúng tế thần linh, các ngài sẽ chê bần, không thọ dụng đâu. Hiện có ba mươi vị tỳ-khưu đang tu tập bên khu rừng kế cạnh, họ đều xuất thân bà-la-môn, sát-đế-ly hoặc giống dòng sa-môn Thích tử cao sang. Chính họ, chính con người của

họ mới tinh sạch từ tinh thần cho đến thân xác. Những mâm cỗ béo bở, ngon lành ấy chắc hẳn sẽ hợp khẩu vị thần linh, các ngài sẽ hoan hỷ lắm đó!

Viên thủ lãnh suy nghĩ: *“Ồ, phải rồi! Lão già chó chệch này nói cũng có lý lắm chớ! Ta mãn thịt cái tên nô lệ này mà làm gì! Phải mãn thịt sa-môn, bà-la-môn, sát-đế-ly mới xứng đáng cho cuộc đại tế này!”*

Y quát mở trời rồi bắt lão già dẫn đường. Cả bọn rần rần kéo nhau đi. Đến nơi, thấy đầu đó lạng ngắt như tờ, viên thủ lãnh quát:

- Lão dám dối ta à? Người đâu sao không thấy?

Lão già từng sống ở đây nên biết quy ước, nói rõ lý do cho tên thủ lãnh nghe, sau đó đến căn nhà hội đánh ba hồi keng. Nghe tiếng keng phi thời, chư vị tỳ-khưu ba mươi vị, sa-di Saṅkicca khắp các cốc liêu, hốc núi lần lượt tề tựu đủ mặt.

Thấy bọn cướp đứng đầy tràn cả khu rừng, vị tỳ-khưu trưởng lão không hề sợ hãi, cất tiếng hỏi lớn:

- Ai là người đánh keng, có việc gì không?

- Chính ta đây!

Viên thủ lãnh nói xong, khua đại đao lên như hăm dọa rồi tiếp:

- Việc nhỏ thôi! Ta chỉ cần một người trong chư vị để thế mạng cho lão già hôi thối, bất tịnh này!

- Để làm gì? Vị tỳ-khưu bình tĩnh hỏi.

- Để cắt đầu, lấy máu làm cuộc đại tế thần linh đó mà!

Liếc quanh một vòng, thấy sắc mặt tên cướp nào cũng như hổ, như beo, biết đây là sự thật - vị tỳ-khưu trưởng quay lại nói với chư huynh đệ:

- Thừa chư hiền! Phạm có chuyện gì khởi sanh lên trong một hội chúng thì người anh cả phải nhận lãnh trách nhiệm. Vậy, hôm nay tôi tình nguyện hy sinh cái xác thân giả tạm bất tịnh này để cho mọi người khỏi bị tổn hại, được an lành mà tu tập sa-môn hạnh.

Nói xong, vị đại đức ấy bước tới đưa hai tay cho viên thủ lãnh trối, nhưng có một vị tỳ-khưu lớn tuổi ngăn lại:

- Khoan đã! Người hy sinh ấy phải chính là đệ, không phải là huynh! Thông thường, việc gì của bậc huynh trưởng thì người em kế phải ra tay gánh vác. Huynh trưởng còn cần phải sống, phải ở lại để hướng dẫn, dắt dìu mọi người tu tập. Không có huynh thì biết ai chăm lo được việc đó?

Rồi người thứ ba, người thứ tư, lần lượt ba mươi vị tỳ-khưu ai cũng nguyện hy sinh hết và ai nói cũng có lý cả. Viên thủ lãnh ngạc nhiên nhìn người này, người kia, nghe hết từ đầu đến cuối; và chính y cũng hoang mang, thấy lạ lùng cho cái giống người gì mà ai cũng đều tình nguyện chết? Sao kỳ quái vậy ha? Nghĩ thế chứ trong thâm tâm, cả năm trăm tên cướp đều rất cảm phục những ông sa-môn dám chết này!

Cuối cùng, sa-di Saṅkicca xin được nói:

- Chính con! Chính con mới là người xứng đáng đi thế mạng chứ không phải ba mươi thầy tỳ-khưu!

Tỳ-khưu trưởng lão cao giọng:

- Không được! Ai chứ người thì tuyệt đối không được! Người là đệ tử của bậc Tướng quân Chánh pháp! Nếu việc này xảy ra, tôn giả chỉ cần cất tiếng hỏi: “*Sa-di Saṅkicca của ta đâu rồi!*” Thì chúng ta biết ăn nói làm sao, biết trả lời làm sao, hử?

Vị thánh sa-di nghĩ là hợp thời, hợp lúc, bây giờ mới tiết lộ:

- Xin quý ngài an tâm! Do tuệ thắng trí, đức Thế Tôn mới bảo quý ngài đến chào thầy của con. Cũng do nhờ tuệ thắng trí, thầy của con mới gọi con đi theo làm thị giả cho quý ngài! Sự mạng của con chính là việc này, là giải trừ mọi khó khăn, tai nạn xảy ra! Bây giờ, tai nạn ấy đã đến. Xin quý ngài hãy an tâm, chuyên cần tu sa-môn pháp cho đến lúc thành tựu. Mây mù, tăm tối thế nào rồi cũng sẽ qua đi! Bão dông hung dữ thế nào cũng sẽ có lúc dừng lặng!

Nói thế xong, sa-di Saṅkicca quỳ năm vóc sát đất, đánh lễ hội chúng, nói rằng:

- Trong thời gian qua, nếu con có vô ý phạm những lỗi lầm nào, xin quý ngài từ bi tha thứ cho con.

Ba mươi vị tỳ-khưu cảm động quá không nói nên lời, vị nào khóe mắt cũng hoen đỏ. Ai cũng suy gẫm chuyện đức Phật bảo qua chào bậc Tướng quân Chánh pháp, rồi bậc Tướng quân Chánh pháp bảo mang vị sa-di này theo. Tất cả đó đều là sự thấy biết vi diệu, sâu mầu mà óc phàm phu chúng ta không suy lường được. Vị tỳ-khưu trưởng lão biết là có một nhân duyên gì đó mà ông chưa hiểu thấu - nên trấn tĩnh nói khi Saṅkicca sắp bị dẫn đi:

- Xin chư vị hảo hán đừng làm cho trẻ quá kinh sợ!

Chứng kiến từ đầu đến cuối việc các ông sa-môn không sợ chết, nghe rõ ràng những lời nói ‘*khó hiểu*’ của chú bé con, bây giờ lại nghe câu nói lễ độ, ôn tồn của vị tỳ-khưu già, viên thủ lãnh quát bảo đồng bọn:

- Không được trối! Để cho chú nhỏ tự đi. Theo cái kiểu ăn nói của hần, hần sẽ không thềm trốn đâu!

Về đến sào huyệt, khi thấy mọi chuẩn bị đâu đó đã xong, viên thủ lãnh bảo thuộc hạ trối hai tay và thân con mồi cho thật chặt trước khi hạ thủ; nhưng sa-di Saṅkicca cất giọng nói bình thản, trầm tĩnh:

- Không cần thiết phải trối đâu! Vị tiểu thánh nói to rồi mỉm cười -Tôi không sợ hãi đâu. Sợ hãi không thể có trong tâm của những sa-môn Thích tử! Tôi sẽ ngồi an nhiên như thế này cho chư vị chém đầu! Tôi quyết không nhúc nhích!

Nói thế xong, sa-di Saṅkicca chỉ cần điều hòa một vài hơi thở là đi vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền rồi tức khắc trú sâu vào miền kiên cố bất động tâm.

Thấy sự bình tĩnh lạ lùng của chú nhỏ, cả bọn cướp cảm giác sợ hãi, và chính viên thủ lãnh cũng thấy ớn ớn trong lòng. Tuy nhiên, khi thấy con mồi đã dễ dàng hy sinh, một tên cướp quen công việc đồ tể, khua đại đao chém vào cần cổ Saṅkicca thì chợt nghe một tiếng “*coong*”, thanh đao bị bật ngược trở lại.

Ngạc nhiên, y quan sát lại thanh đao thấy không sút mẻ gì, tới nhìn xem lại cái cán cổ chỉ thấy một vết đỏ nhẹ. Tên cướp nghĩ, có lẽ mình hơi nhẹ tay, nên lần sau, hấn tập trung tất cả sức mạnh, chém xiên chênh chếch! Lần này, một tiếng “*coong*” vang lớn hơn, thanh đao dội ngược mạnh hơn, hai cánh tay của y bủn rủn, tê buốt... Sợ hãi, liếc nhìn thanh đao thì hấn thấy nó cong vòng như lưỡi liềm!

Viên thủ lãnh thấy lạ, chưa tin chuyện xảy ra, lại nghĩ có thể kia là thanh đao “*tôi*”! Y bèn rút “*bảo đao*” của mình, bước lại, dùng tất cả sức bình sinh, chém mạnh. Sự việc như cũ lại tái diễn, nhưng thanh bảo đao của y không phải là cong vòng mà còn lắc cắc gãy vụn ra từng khúc, chỉ còn cái cán đao! Nhưng có điều đáng sợ hơn nữa mà chỉ có mình y biết, là toàn thân y đau buốt như có cả hằng trăm hằng ngàn mũi giáo đâm cứa vào da thịt, xương tủy, thọc sâu vào lục phủ ngũ tạng...

Nghĩ chắc là thần linh đã hiện thân nơi đứa trẻ, viên thủ lãnh quỳ mọp, nằm dài xuống đất, quần quai, run rẩy, đau đớn, vái lạy như tể sao:

- Xin ngài tha thứ cho tôi! Xin ngài tha cho cái mạng sống tép riu của tôi! Xin ngài đừng trừng phạt nữa, tôi không chịu nổi nữa đâu!

Chợt, sa-di Saṅkicca mở mắt ra, mỉm cười nói:

- Ủ, ta đã tha thứ cho ông rồi đó!

Viên thủ lãnh lồm cồm ngồi dậy. Lạ lùng thay! Con đau kinh hoàng đã chấm dứt. Ông ta ngồi lặng như thế rất lâu. Cả năm trăm tên cướp cũng đứng im sững như trời trồng khi chứng kiến được hiện tượng “*thần linh nổi giận!*” như vừa rồi.

Sau đó là đoạn đối thoại:

- Ngài có phải là thần linh không?

- Không, không phải! Ta không phải là thần linh. Nhưng mà chư vị hãy biết rằng, những chư thiên, sơn thần, thọ thần, thổ thần... cũng chỉ như là đệ tử của ta thôi, và hiện họ đang châu hầu xung quanh ta đó!

Viên thủ lĩnh hốt hải nhìn quanh, tái mặt.

- Vậy ngài là ai?

- Ô! Ta chỉ là một sa-di, là một sa-môn nhỏ nhút trong giáo hội của đức đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác Sākya Gotama mà thôi!

- Vậy còn oai lực kinh khiếp như vừa rồi, ở đâu có?

- Oai lực ấy là bình thường thôi, ông bạn già! Ta còn những oai lực lớn lao hơn thế nữa, như độn thổ, đi giữa hư không, đưa tay sờ mặt trời mặt trăng, có thần nhãn nhìn xuyên qua nhiều thế giới, một thân hóa ra nhiều thân, có thể thấy biết các kiếp sống quá khứ, vị lai... Nhưng đây chỉ là trò chơi không đáng kể, này ông bạn già!

- Vậy thì cái gì mới đáng kể?

- Đáng kể là ta đã chấm dứt tất cả mọi khổ đau trên đời này! Đáng kể là ta không còn sợ hãi bất cứ một thế lực nào trên thế gian này, như thế lực của thần chết, như thế lực của ma vương, như thế lực của chư thiên, phạm thiên...! Vậy thì thử hỏi, làm sao mà ta lại sợ năm trăm tên cướp vô dụng cùng với mấy trăm thanh đao sét rì, cong queo, vỡ vụn của các ông?

Ngẫm ngợi chút nữa, viên thủ lĩnh thở một hơi dài như lấy lại tinh thần rồi hỏi:

- Sẽ không còn bất cứ một khổ đau nào, một nỗi sợ hãi nào nữa hay sao?

- Đúng vậy, nếu biết tu hành đàng hoàng, nghiêm túc thì ai cũng có thể thành tựu được như vậy cả!

- Tôi, một gã đồ tể máu lạnh, một tên giết người tàn bạo, một kẻ trộm cướp vô lương tâm, tội ác chất chồng như núi mà cũng tu được như ngài hay sao?

- Được chứ! Bằng cách cải tà quy chánh, quăng đao giết người, ôm bát đi xin ăn, sống theo pháp và luật của giáo hội đức Tôn Sư!

- Có đói không?

- Cũng có thể bị thiếu thốn chút ít về vật thực, y áo, chỗ ngủ

nghỉ, thuốc men do phước nghiệp của từng người - nhưng điều đó không ảnh hưởng gì đến đời sống nhẹ nhàng, thanh thoát như những cánh chim trời vô ưu, vô lự...

- Không ảnh hưởng gì hết sao?

- Phải! Khi tâm trí của những sa-môn đã được huấn luyện thuần thục thì lúc nào họ cũng tự tại và an vui!

Nghĩ ngợi một hồi nữa, y chợt quay lại đồng bọn:

- Các bạn nghĩ sao?

- Vậy chủ tướng nghĩ như thế nào?

- Ta chọn ôm bát đi xin ăn! Ta chọn đời sống như cánh chim trời tự do!

- Chủ tướng đã làm vậy thì bọn đàn em cũng đều như thế! Chúng ta sẽ là một bầy chim trời tự do.

Viên thủ lãnh chợt quỳ xuống:

- Ngài cho tôi xuất gia. Ngài là thầy của tôi!

Hàng trăm thanh kiếm, thanh đao chợt rơi loảng xoảng giữa trời chiều rồi cả rừng tiếng nói cất lên:

- Chúng tôi cũng nguyện xuất gia. Ngài là thầy của tất cả chúng tôi!

Sau đó, không rõ việc cạo bỏ tóc râu, chuân bị y bát như thế nào mà năm trăm tên cướp đều được sa-di Saṅkicca⁽¹⁾ cho xuất gia sa-di rồi dẫn về ra mắt hội chúng tỷ-khuru ba mươi vị ở ngôi rừng cũ.

Lặng nhìn sa-di Saṅkicca và năm trăm tên cướp trong hình tướng sa-môn trang nghiêm, yên tĩnh đứng đầy đặc bên sau, xa tít tận bìa rừng, vị tỷ-khuru trưởng lão cùng huynh đệ há hốc mồm, không biết chuyện gì đã xảy ra.

Sa-di Saṅkicca đánh lễ quý ngài rồi giới thiệu:

- Họ thay tướng, đổi tâm do nhờ uy đức của Tam Bảo⁽²⁾ đã

⁽¹⁾ Trường hợp sa-di bảy tuổi làm thầy thế độ như thế này có lẽ là sự kiện đầu tiên trong giáo hội của đức Phật.

⁽²⁾ Không bảo là do mình mà nhờ uy lực của Tam Bảo - đây là cách nói

cảm hóa họ. Con sẽ dẫn năm trăm vị tân sa-di này về Kỳ Viên tịnh xá, trình sự việc lên bậc Tướng quân Chánh pháp, đồng thời để đức Thế Tôn tùy nghi giáo giới họ.

Khi biết chính vị sa-di này đã thần kỳ cảm hóa được năm trăm tên cướp hung dữ trở thành sa-môn, hội chúng tỳ-khưu rất cảm phục. Vị tỳ-khưu trưởng lão thốt lên:

- Ngài đúng là bậc đại thiện trí thức! Đúng là bậc đại thiện trí thức! Huynh đệ chúng tôi vô cùng cung kính và ngưỡng mộ!

Do tấm gương sáng rỡ trước mắt như thế, ba mươi vị tỳ-khưu tại khu rừng đã hết sức tinh tấn hành trì sa-môn hạnh, sa-môn pháp; nên chỉ thời gian ngắn sau, họ đều chứng đắc thánh đạo quả A-la-hán.

Về Kỳ Viên, sa-di Saṅkicca được tôn giả Sāriputta dịu dàng mỉm cười ca ngợi:

- Con đã làm được một việc khó làm! Lành thay!

Còn đức Phật thì sau khi hỏi han, khen ngợi; ngài giáo giới năm trăm tân sa-di một bài pháp rồi tóm tắt bằng một câu kệ ngôn:

“- *Trăm năm sống có ích gì,
Buông lung, phóng dật, ác tri, ác tà;
Một ngày trong cõi người ta,
Giới định, thiên tuệ thiệt là tốt hơn!*”⁽¹⁾

Nghe xong kệ ngôn trên, năm trăm sa-di đều đắc quả A-la-

khiêm tốn tự nhiên của bậc thánh lậu tận.

⁽¹⁾ Dịch ý từ Pháp cú câu 110: “*Yo ca vassasatam jīve. Dussīlo asamāhito. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo. Sīlavantassa jhāyino’ti*”. Xem thêm: Các câu Pháp cú số 111, 112, 113, 114, 115 đều có nội dung tương tự: *Trăm năm sống có ích gì. Giải đãi, biếng nhác, li bì xác thân! Khởi tâm nỗ lực, tinh cần. Một ngày như vậy bội phần tốt hơn (112). Trăm năm sống có ích gì. Pháp đi, pháp đến vô tri chẳng tường. Một ngày quả thật khó lường. Thấy pháp sanh diệt, vô thường ra sao (113). Trăm năm sống có ích gì. Chẳng thật bất tử, vô vi pháp hành. Một ngày quả thật trọn lành. Sống đời chứng ngộ vô sanh Niết-bàn! (114-115).* Trích Kinh Lời Vàng, NXB Phương Đông, năm 2008 - cùng một tác giả.

hán. Sau này, khi vị thánh sa-di Saṅkicca đủ tuổi thọ đại giới, thì cũng chính trưởng lão cũng làm thầy cho năm trăm sa-di đệ tử thọ giới tỳ-khuru luôn, và họ trở thành hội chúng của ngài.

Có lần, trưởng lão Saṅkicca cùng chư đệ tử đến Bārāṇasī, ngụ tại Isipatanārāma thì rất đông cư dân thành phố đến nghe pháp và cúng dường vật thực. Đặc biệt, trong đó có con trai trưởng của một gia tộc bà-la-môn không tin Tam Bảo, nhưng được một người bạn thân, là một cận sự nam dẫn đến Isipatanārāma thính pháp để gieo duyên. Và quả thật, sau thời pháp của trưởng lão Saṅkicca tâm trí của người con trai trưởng đã được chuyển hóa.

Người cận sự nam nói:

- Ai ai cũng cúng dường cái này cái nọ đến chư vị tỳ-khuru, còn bạn thì sao nào?

Người con trai trưởng nói thật:

- Gia đình tôi có thông lệ là không cúng dường đến những sa-môn Thích tử! Tôi biết làm sao bây giờ?

- Ví dụ như tôi thiếu đói, bạn cũng không cho tôi sao?

- Với bạn thì khác, tôi rất sẵn lòng!

- Vậy thì tại sao bạn không cúng dường cho một vị tỳ-khuru mà nghĩ rằng, bạn đang giúp đỡ tôi vậy? Thắng hoặc, bạn làm việc ấy là thay mặt cho tôi ?

- Vậy thì tôi làm được!

Thế là ngày hôm sau, người con trai trưởng mang vật thực đến chùa, đặt bát cúng dường cho một vị tỳ-khuru!

Gia đình bà-la-môn ấy có hai trai và một gái. Khi người anh trai thường đến nghe trưởng lão Saṅkicca thuyết pháp, tò mò, hai em cũng đi theo. Và thời gian sau, cả ba có đức tin với thiện pháp nên họ thường đặt bát cúng dường đến chư tỳ-khuru.

Bên họ ngoại của ba anh chị em này có một thanh niên được nghe pháp thoại của trưởng lão Saṅkicca, hoan hỷ quá, cậu xin xuất gia và được thọ giới sa-di. Trước đó, cậu có hứa hôn với cô gái (ba anh chị em) trong gia đình bà-la-môn tà kiến kia, nhưng do đã xuất gia nên việc thành hôn bị hủy bỏ. Tuy nhiên,

gia đình vị sa-di cứ tìm cách thuyết phục mãi, lại nữa, do tâm tín đạo đang còn yếu ớt, và cô gái kia quá đẹp nên đã lay động trái tim chàng.

Hôm nọ, vị sa di đến gặp thầy là trưởng lão Saṅkicca xin được trả y bát hoàn tục.

Hưởng tâm một lát, biết rõ những việc tương lai xảy ra như thế nào nên trưởng lão Saṅkicca nói:

- Ta cũng thuận làm lễ cho ông xả giới, nhưng ông cảm phiền đợi một tháng nữa nhé!

- Dạ tâu vâng!

Đúng tháng sau, vị sa-di trẻ tìm đến như lời hẹn nhưng trưởng lão tìm cách khất dần, thêm nửa tháng nữa, rồi thêm bảy ngày nữa... Và trong bảy ngày sau cùng này, một cơn bão lớn thổi qua kinh thành Bārāṇasī, đánh sập căn nhà của người bà-la-môn tà kiến, làm thiệt mạng tất cả mọi người trong gia đình - trong đó có ba anh chị em vừa có đức tin Tam Bảo.

Dùng thiên nhãn thông, sinh tử thông quan sát, trưởng lão Saṅkicca thấy cả ba anh chị em do có đức tin, biết làm phước cúng dường chư tỳ-khưu nên được hóa sanh làm Dạ Xoa địa cư thiên - còn gọi là địa tiên (bhumma deva). Người con trưởng hóa sanh trên lưng voi trời, người em kế hóa sanh trên cỗ xe ngựa trời còn cô con gái (có hứa hôn với chàng trai xuất gia sa-di) thì hóa sanh trong chiếc kiệu vàng. Cả ba hưởng phước báu an vui của những bậc địa tiên.

Còn cha mẹ của họ, mệnh chung, hóa sanh làm ngựa quý. Họ cầm trên tay chiếc búa, đánh vào nhau, nổi lên những vết phồng, vết phồng vỡ ra tuôn chảy máu mủ màu vàng rất hôi hám. Tuy nhiên, cả hai vẫn không buông tha nhau, cứ búa vào nhau mãi, vừa búa chúng vừa dùng những tiếng lời thô tục để mắng chửi lẫn nhau...

Dĩ nhiên, vị sa-di trẻ chưa rõ biết điều ấy. Đúng ngày cuối cùng đến xin xả giới hoàn tục thì trưởng lão Saṅkicca bảo vị sa-di đi đến một địa điểm - ngài chỉ - rồi trở về trước khi trời tối.

Vâng lời, và khi đến nơi chỉ định - trưởng lão Saṅkicca sử dụng thần thông lực giúp cho vị sa-di thấy ba Dạ Xoa thiên phục sức cao sang, lấp lánh châu báu, tháp tùng chư vị Dạ Xoa đại uy lực, đang trên đường đi dự đại hội Dạ Xoa tại một đỉnh núi thiêng tại Himalaya. Và theo sau họ là hai ngạ quỷ với hình dong xấu xí kinh khiếp, mỗi người mỗi cái búa không ngớt đánh nhau, chửi rủa lẫn nhau... như thế nào.

Cũng nhờ thần lực của trưởng lão Saṅkicca, vị sa-di biết rõ ba vị Dạ Xoa thiên cao sang chính là ba anh chị em có đức tin Tam Bảo, biết bố thí cúng dường cho chư tỷ-khưu, trong đó có cô gái mà chàng muốn hoàn tục để làm lễ thành hôn. Và hai con ngạ quỷ bị nghiệp hành chính là cha mẹ của họ, do tà kiến nên hóa sanh vào cảnh giới thống khổ. Ôi ! Một bên thì huy hoàng, xán lạn, một bên thì tối tăm, khổ não - hai cảnh giới cách biệt một trời, một vực.

Khi vị sa-di trở lại, trưởng lão Saṅkicca nói:

- Thôi, bây giờ là đúng thời để ta làm lễ xả giới cho con!

Vị sa-di phủ phục xuống:

- Không! Vạ lần không! Thiện ác, nghiệp đen, nghiệp trắng gì, đệ tử đã thấy rõ cả rồi, thấy bằng con mắt và bằng cả cái tâm, cái trí của mình nữa! Cho đệ tử phát nguyện, là chiếc y này sẽ là cái áo giáp, là vật bất ly thân để cho đệ tử chống đỡ những ma lực, ma chướng của thế giới ngũ dục bên ngoài...

Trưởng lão Saṅkicca trong lòng mỉm cười nhưng lại hỏi:

- Có chắc không đó?

- Dạ thưa, chắc như đinh đóng cột!

-Ồ, vậy thì tốt, rất tốt!

Quả thật như lời nguyện, vị sa-di, sau đó, nhận đề mục thiền quán từ trưởng lão, nỗ lực pháp hành, chẳng bao lâu ông đắc quả A-la-hán. Sau khi làm xong những việc phải làm trên cuộc đời, nghĩa là đã buông bỏ mọi gánh nặng trên vai xuống, vị thánh sa-di này khởi tâm thương xót hai ngạ quỷ, suýt nữa là trở thành cha mẹ vợ - nên siêng năng đi bát, đi hai bát, đi ba bát,

cúng đường đến chư vị tỳ-khưu rồi hồi hướng phước lành ấy đến cho hai ngạ quỷ. Do tâm của bậc thánh, và cũng do phước thanh tịnh nâng đỡ, hai ngạ quỷ thoát khỏi cảnh giới đau khổ.

Trưởng lão Saṅkicca rất thiện xảo trong việc giáo huấn môn đệ, trí tuệ của ngài giống như con trâu sắt, sẵn sàng húc đổ những chướng ngại để mở rộng con đường đến chân trời giải thoát cho chư đệ tử. Chuyện vị sa-di ở trên là một ví dụ.

Người xưa nói ‘Con ông không giống lông thì cũng giống cánh’ nên đệ tử của ngài, dù mới là sa-di nhưng cũng có những hành trạng khác người.

Trưởng lão Saṅkicca có một người cháu còn nhỏ tuổi tên là Atimuttaka cũng được ngài tế độ cho xuất gia sa-di, thường được ngài hướng dẫn tu tập rất chu đáo. Đến năm mười chín tuổi, Atimuttaka đã đắc quả A-la-hán⁽¹⁾. Không biết quán nhân duyên thế nào mà trước khi cho thọ đại giới, ngài bảo vị sa-di là nên về thăm gia đình đã.

Trên đường về nhà, Atimuttaka phải đi qua một bìa rừng, tại đây chàng bị một bọn cướp bắt trói, muốn lấy đầu và máu của ông để cúng tế thần linh. Atimuttaka không sợ hãi, sắc mặt không hề thay đổi, thuyết pháp cho bọn cướp nghe. Chẳng biết vị sa-di thuyết pháp hay ho đến độ nào mà bọn cướp không nổi xuống tay, phải thả chàng đi. Nhưng sau khi cởi trói, bọn cướp nói:

- Nhưng ông phải hứa là đừng nói cho ai hay biết là chúng tôi đang núp trốn trong khu rừng này!

- Tại sao? Atimuttaka cất tiếng hỏi.

Chúng đáp:

- Nếu nói ra, mọi người sợ hãi, không ai dám đến khu rừng này thì chúng tôi sẽ đói! Nói cho người khác biết là gián tiếp cướp nổi gạo của chúng tôi đó!

⁽¹⁾ Theo sơ giải Trưởng lão Tăng kệ - nói là trước khi bị bọn cướp bắt, ông đã đắc quả A-la-hán.

- Vậy thì xin vâng! Tôi sẽ không nói!

- Hãy hứa đi!

- Không cần phải hứa! Vì giữ chữ tín cũng xem như là giới luật của sa-môn mà!

Sau đó, Atimuttaka về thăm nhà, ở lại năm ba hôm, chàng nói với cha mẹ về việc thọ đại giới sắp tới. Cha mẹ rất hoan hỷ, nên ngày đi, họ tiễn Atimuttaka một đoạn đường. Đến chỗ bìa rừng, cha mẹ Atimuttaka bị bọn cướp bắt trói, lấy hết tất cả hành lý mang theo.

Cha mẹ đưa mắt nghi ngờ, nhìn Atimuttaka rồi hỏi:

- Trên đường về nhà, ngang đây, con biết trong rừng này có bọn cướp chứ?

- Dạ biết!

- Ông biết mà lại không thông báo? Vậy hóa ra, ông đã thông đồng với bọn cướp để cho chúng bắt cha, bắt mẹ, lấy hết hành lý rồi trói gô như con heo chuẩn bị chọc tiết như thế này hay sao?

Atimuttaka chưa kịp trả lời thì tên thủ lĩnh đã hỏi:

- Hóa ra hai người này là cha mẹ ông sao?

- Vâng!

- Chỉ vì giữ chữ tín mà ông không hề nói cho cha mẹ biết hay sao?

- Vâng!

- Vậy ông không sợ chúng tôi giết cha mẹ ông để cúng thần linh hay sao?

- Không sợ! Tôi biết tâm các ông không đến nỗi ác độc, không đến nỗi không còn nhân tính, bằng chứng là các ông không nỡ ra tay giết tôi mà!

Tên thủ lĩnh lắng nghe, và biết rõ vị sa-di nói trúng tim đen của ông, vì thường thường, ông không nỡ giết ai! Tất cả chỉ do si mê, không hiểu biết nên tin tưởng bậy bạ vào các đấng thần linh, và cũng vì đói quá nên kiếm miếng ăn thôi.

Biết rõ tâm lý của bọn cướp nên Atimuttaka thuyết một thời

pháp, nói về việc quy đầu hướng thiện, nói về việc nuôi mạng chân chánh ở trên đời, nói về việc sống trên đời thì không ai không có lỗi lầm, nhưng quan trọng là phải biết buông đao đúng lúc, đừng đợi đến lúc nghiệp ác quá trầm trọng thì đức Chánh Đẳng Giác cũng không thể cứu độ được. Vậy là vì nghe lọt tai, bọn cướp đều quăng đao, xin xuất gia. Và ngay tại chỗ, vị sa-di này, cho bọn cướp xuất gia sa-di rồi dẫn về trình diện trưởng lão Saṅkicca.

Sau khi khen ngợi ông sa-di đã thiện xảo giáo hóa bọn cướp, trưởng lão Saṅkicca bảo Atimuttaka dẫn đồ chúng của mình về Kỳ Viên tịnh xá trình diện đức Đạo Sư để nghe lời giáo huấn. Chuyện còn kể tiếp rằng, các vị tân sa-di này, sau thời pháp của đức Phật, họ đều đắc quả A-la-hán.

Trưởng lão Saṅkicca lúc về già rồi Niết-bàn lúc nào, ở đâu, không tìm thấy tư liệu. Ngài quả là một bậc trưởng lão khi còn là vị sa-di bảy tuổi vậy.

Những Hạt Đậu Ván

(Tiểu truyện Sopāka tôn giả)⁽¹⁾

Cổ sử truyện tiếp theo, nói về một vị sa-di khác, sống trong một địa từ nhỏ, đó là Sopāka. Người ta bảo rằng do duyên lành gặp được đức Phật Gotama nên đắc thánh quả dù chỉ mới bảy tuổi. Nhưng đâu chỉ có thế, cậu bé đã gieo những hạt giống bồ-đề từ rất nhiều vị Phật quá khứ rồi.

Một thuở xa xưa kia, vào thời giáo pháp của đức Thế Tôn Kakusandha, có một cậu thanh niên (tiền thân Sopāka) sống trong một gia đình bần hàn, cơ cực; phải làm lụng vất vả, lao tâm khổ tứ mới kiếm được tấm áo vá và bữa cơm với gạo có trấu, có vỏ, không đủ no lòng. Hôm kia, người thanh niên nghèo hèn chợt nhìn thấy đức Thế Tôn Kakusandha đang trì bình khát thực trên đường làng với dáng vẻ trang nghiêm, từ hoà khiến cho chàng khởi tâm tịnh tín và một niềm hỷ lạc đâu đó dâng tràn lên. Chàng muốn cúng dường một cái gì! Loay hoay tìm kiếm trong bao, trong bị, lôi ra được một chùm lá chuối, trong đó là bữa ăn trưa khiêm tốn của mình gồm các loại củ, loại đậu đã được hấp luộc lẫn lộn với những hạt cơm rời. Chàng cẩn thận lấy que tre lựa ra những hạt đậu ván dày, to, ước chừng nửa nắm, gói lại

⁽¹⁾ *Truyện dựa theo Dictionary of Pāli proper names, Q.2, tr. 1302.*

rồi thành kính đặt vào bát của đức Thế Tôn với niềm hoan hỷ vô biên. Đức Phật Kakusandha quán tâm địa tốt lành của chàng trai nên nghiêng bát thọ nhận với nụ cười hoa sen rồi nói vài câu chúc tụng phúc lành! Hôm ấy, chàng cảm nghe mình vui sướng cả ngày! Sau đó, do làm việc cần mẫn, cật lực, lại do duyên may gặp được chủ tốt, chàng dành dụm được một nắm bạc vụn. Khi thấy bạc đã kha khá, đã nặng nặng, chàng mua sắm vật thực, nấu nướng, chuẩn bị ba khẩu phần với những món ăn được xem là thượng phẩm thời bấy giờ. Với tất cả tấm lòng, trưa hôm ấy, chàng thanh niên đã đặt bát cúng dường những món ăn thượng vị ấy đến ba vị tỳ-khưu ở tịnh xá của đức Thế Tôn Kakusandha, với ý nghĩ là cúng dường lên đức Phật và tăng chúng (Saṅgha).

Do phước báu hy hữu ấy, mạng chung, chàng thanh niên hóa sanh thiên giới, thọ hưởng sung mãn năm món thiên lạc - rồi sau đó luân lưu khắp các cõi trời và người. Có một kiếp trong cõi người nữa, chàng thanh niên này đã cúng dường một món cơm trộn sữa quý báu, thơm ngon đến một vị Phật Độc Giác.

Đến kiếp cuối cùng, hiện tại này, trong thời giáo pháp của đức Thế Tôn chúng ta, chàng sanh vào bào thai của một người đàn bà nghèo khổ trong thành Sāvatti. Dù đã cưu mang tròn mười tháng nhưng người mẹ không sanh được; đau đớn, vật vã thái quá, như không còn chịu nổi, bà ngất lịm rồi bất tỉnh, mê man! Thời gian trôi qua, ngày rồi đêm; và vì không nghe thấy dấu hiệu động tịnh gì của sự sống, tưởng bà đã chết nên gia đình, họ hàng khiêng cái thầy bát động ra mộ địa, đặt lên giàn tre, châm lửa hỏa táng! Bấy giờ, có một vị trời có thiên nhãn, có oai lực, thấy rõ chuyện ấy nên làm cho mưa gió nổi lên để dập tắt ngọn lửa và khiến cho bà con thân quyến phải giải tán ra về. Do thần lực của chư thiên bảo trì nên thai bào nứt vỡ, hiện ra một hài nhi đỏ hồng. Và vì là kiếp chót nên “*áo sanh*” ấy không thể chết trước khi thành tựu quả vị A-la-hán. Riêng người mẹ thì đã mệnh chung.

Vị chư thiên bé đũa bé đem đặt trong nhà, trên giường của người giữ mộ địa một cách kín đáo và an toàn. Sớm ngày, thấy một đũa bé đẹp đẽ, bụ bẫm, trắng trẻo dễ thương được bọc trong tấm lụa đỏ, bên cạnh đũa con trai Suppīya của mình - người giữ mộ địa ngạc nhiên, vui mừng, nghĩ là của trời cho nên vô cùng thương chiều, cưng quý. Vì xem như được sinh ra ở nghĩa địa nên cậu bé được đặt tên là Sopāka.

Thế là bảy năm trôi qua, cậu bé Sopāka lớn lên giữa mộ địa cùng với Suppīya, như là anh em ruột, như là đôi bạn thân, cùng chơi, cùng đùa với nhau.

Lệ thường, vào cuối canh ba, đức Thế Tôn quét thangka quan sát thế gian, xem chúng sanh nào có duyên lành giác ngộ. Cậu bé Sopāka dung nhan sáng rỡ, vừa vắn lợt vào vòng lưới, ngài mỉm cười, tự nhủ: *“Chà! Một chú nhỏ bảy tuổi lại tròn đủ công hạnh ba-la-mật nữa!”* Thế rồi, trên bước chân trì bình khát thực hôm ấy, đức Đạo Sư lần lần đi đến mộ địa. Do tích trữ nhiều thiện duyên trong quá khứ nên khi Sopāka trông thấy đức Thế Tôn, cậu bé khởi tâm hoan hỷ, rất tự nhiên, cậu quỳ xuống đánh lễ ngài rồi khếp nép đứng qua một bên. Đức Đạo Sư ngồi nhẹ xuống cho ngang tầm với đũa trẻ rồi dịu dàng hỏi:

- Con từ đâu đến, Sopāka?
- Con không biết, thưa ngài sa-môn! Nhưng con biết là con đã từ một nơi nào đó mà sanh đến đây?
- Tại sao con biết như thế?
- Thưa, như trong một vũng tối, sáng dần ra, con chợt thấy có ai đó, có hình bóng, có hình dáng mơ hồ nào đó rất quen thuộc, quen thuộc như ngài sa-môn đang ngồi trước mặt con đây!
- Hình bóng ấy, con có cảm giác như thế nào hở con?
- Gần gũi lắm! Thân thiết lắm! Ấm cúng lắm! Trông như ngài sa-môn vậy đó!
- Con thích hình bóng ấy lắm à?
- Vâng! Con thích lắm! Con thích giống như ngài sa-môn vậy đó.

- Ủ! Cái đó gọi là sống đời xuất gia! Con muốn xuất gia lắm à?

- Vâng! Con muốn lắm! Con thích lắm!

- Con còn bé quá! Phải được cha mẹ cho phép!

Chợt bên sau có tiếng nói vọng lại:

- Tôi chấp thuận, bạch đức Thế Tôn! Tôi thuộc giống dòng thấp hèn, hạ liệt! Mong đức Thế Tôn từ bi ra tay tế độ, cứu vớt nó ra khỏi cái đồng bùn dòng dõi thấp kém ngàn đời này! Nó tâm trong, trí sáng, căn cơ mẫn tuệ có thể học được ít nhiều giáo pháp diệt khổ từ đức Thế Tôn và giáo hội!

- Ông có nghe pháp?!

- Thưa! Vâng! Chỉ một lần nhưng cứ vang vang trong tâm trí tôi mãi. Mong đức Thế Tôn cứu độ nó!

Đức Phật im lặng chấp thuận rồi ngài đưa tay sờ lên đầu Sopāka như là làm lễ xuống tóc.

Kinh điển nói rằng, xuất gia xong, học đề mục tâm từ nơi đức Thế Tôn, sa-di Sopāka tinh cần tu tập, không bao lâu đắc thiền chứng; lấy tâm định làm nền tảng, cậu bé phát triển quán sát thân tâm, danh sắc rồi thấu rõ cứu cánh rốt ráo sa-môn hạnh.

Sau khi chứng quả A-la-hán, một dịp nọ, khi trình bày phương pháp tiến tu đề mục tâm từ, sa-di Sopāka thường đọc lên bài kệ sau đây:

*“- Như mẹ hiền, con một
Hàng che chở, bao dung
Hãy khởi tâm vô lượng
Thương yêu thấy sinh linh!”⁽¹⁾*

Cuộc đời của vị thánh sa-di bảy tuổi này, sau đó, hành trạng của ngài ra sao, không tìm ra tư liệu.

⁽¹⁾ *Karaṇīyā mettā sutta* (đoạn 7): “*Mātā yathā niyaṃ puttam. Āyusā eka-puttam’anurakkhe. Evam’pi sabba bhūtesu. Mānasam bhāvaye aparimānaṃ*”

Bữa Cơm Ngàn Vàng
(Tiểu truyện Sukha tôn giả)

Vào thời quá khứ có một chàng công tử, tên là Gandha, con trai của một vị đại triệu phú. Khi cha mất, đức vua gọi đến nói những lời an ủi rồi cho chàng kế vị chức đại thủ khổ⁽¹⁾ kinh thành Bārāṇasī.

Lớn lên trong nhung lụa, ư gì có nấy, muốn gì sắm nấy nên chàng trai không biết gì về tài sản, tiền bạc; càng không biết gì về đời sống của muôn dân lao động nghèo khổ luôn luôn chạy vạy, lo toan, tối lửa tắt đèn về chuyện cơm áo, gạo tiền.

Sống trong một cơ ngơi nhà cửa lầu ngang dãy dọc, hàng trăm gia nô, người hầu lui tới rộn ràng; cả một bộ máy vận hành xuôi thuận, nhịp nhàng từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong; Gandha đi đâu cũng được mọi người nể vì, kính trọng, trong nhà thì ai cũng cung kính, chào thưa; chàng biết mình giàu, giàu nhất nước nhưng không rõ là giàu đến cỡ nào?

⁽¹⁾ Gọi là đại thủ khổ nhưng không phải trông coi kho bạc của nhà nước. Đây chỉ là gia sản triệu phú của gia đình, dòng họ - thường được xem là giàu nhất nước. Họ thường đem lại lợi ích kinh tế cho quốc gia nên đức vua thường tôn trọng họ.

Hôm kia, Gandha cho gọi viên quản gia đến, ra giọng chủ nhân ông:

- Mở cửa kho cho ta kiểm tra!

- Vâng! Thưa chủ!

Họ xuống một tầng lầu, hai tầng lầu, xuống sâu một tầng hầm, hai tầng hầm, cánh cửa sắt với những ổ khóa lạ lùng được mở ra. Gandha bước vào. Và chàng không còn tin vào đôi mắt của mình nữa. Chúng có rất nhiều phòng bằng sắt, bằng đồng; mỗi loại kim ngân châu báu gì đó được cất giữ vào những phòng khác nhau, chứa đựng trong những thùng, những hộp được thiết kế mỹ thuật công phu, tinh xảo. Nhưng đây là cái vỏ. Mở thử bên trong. Chàng chóa mắt vì kim cương, hổ phách, xa cừ, mã não, ngọc đỏ, ngọc hồng, ngọc xanh, ngọc tím... Còn vàng thì từng khối, từng khối tùy theo thể tích mà điêu khắc tượng thần, tượng sư tử, nai, rồng và vô vàn là khí dụng thờ tự...

Nhiều quá, chàng không muốn kiểm kê nữa. Viên quản gia đưa tay chỉ để cho chàng biết, chỗ này là gia sản để lại của nhiều đời, chỗ nọ là từ ông cố, chỗ kia là từ ông nội, và chỗ này là phát sanh từ đời này, tức là tài sản kiếm được do tài năng thương mại, lợi tức ruộng vườn của cha chàng để lại.

Gandha hỏi thử người quản gia trung tín:

- Ví dụ, hai trăm người trong đại gia đình nhà ta, nếu tiêu dùng rộng rãi trong một ngày thì hết bao nhiêu đồng tiền vàng (kahāpaṇa)?

- Chưa tới trăm đồng!

- Vậy chừng ấy người, nếu không làm mà chỉ ăn tiêu thì bao giờ mới hết cái kho châu báu này?

- Khó tính toán quá, thưa chủ! Nhưng có lẽ cả vài chục đời cũng không hết!

- Khiếp!

Im lặng một lát, chàng hỏi:

- Ta có hai thắc mắc. Thứ nhất, sao tiên tổ của ta, vất vả làm ăn mà lại không tiêu xài? Thứ hai, khi chết, sao họ không mang

đi mà để đây nhiều lắm thế?

Viên quản gia đáp:

- Vị nào ăn tiêu cũng tiện tặn mới giàu có như thế được, thừa chủ! Còn khi chết rồi, thì ra đi với hai bàn tay trắng, làm sao mà mang theo cái gì được!

- Không mang theo bất cứ cái gì cả hay sao?

- À, vâng! Nhưng mà, thừa có! Nghe người xưa nói là có mang theo cái nghiệp thiện hoặc ác mà mình đã tạo tác ở trong đời!

- Cái gì là tạo tác?

- Nghe nói là ý nghĩ, lời nói và việc làm trong đời sống thường nhật của mình; nó có xấu ác, sai quấy hay lành tốt, đúng đắn.

- Hay lắm! Ta hiểu rồi! Nghĩa là mình chẳng giết ai, trộm cắp của ai hay làm những việc xấu xa mà xã hội và con người chê trách, khinh bỉ?

- Đúng vậy! Chủ tiếp thu rất tốt!

Đêm ấy, chàng trai trẻ Gandha thở dài rồi trần trọc không ngủ được. Ôi! Chết là hết, chẳng mang theo được cái gì hết thì đồng tài sản ấy để lại cho ai? Hay ta cứ tiêu xài cho sướng cái thân, cho oai cái danh giá, lỡ chết bất thành linh cũng uổng phí đi. Làm vậy ta có xấu ác với ai đâu!

Vậy là sáng ngày, chàng kêu viên quản gia và hai mươi người nam nữ hầu cận thân tín, phán rằng:

- Bắt đầu từ hôm nay, các người phụ trách trưởng nhóm từ nội thất, nội viên, kế toán, sổ sách chi tiêu, kho, bếp, sân vườn, ruộng rẫy... đều được tăng lương thêm năm mươi đồng tiền vàng một tháng; tất cả nô lệ làm ruộng, làm đồng, chăn nuôi, làm vườn, nô bộc, thị tỳ thì được tăng ba mươi đồng. Riêng ông quản gia thì được tăng một trăm đồng tiền vàng...

Mọi người sung sướng đồng cất tiếng “Xin cảm ơn chủ, xin cảm ơn chủ!”

Chàng mỉm cười, hỏi người quản gia:

- Thế là ta đã làm được một việc tốt phải không?

- Thưa, rất tốt ạ! Mọi người ghi ân tấm lòng của ông chủ. Cái quốc độ này chưa có ai trả lương cho nô lệ cao đến như vậy.

- Ông còn phải để ý chăm lo nơi ăn chốn ở, vật dụng, thuốc men cho họ nữa đấy. Ta muốn mọi người trong đại gia đình ta không ai phải đói, phải rét và sống quá thiếu thốn, cơ cực. Tốn kém bao nhiêu bảo kế toán và thủ quỹ chi cho, nghe rõ không?

- Vâng, thưa chủ!

Gandha mỉm cười rồi nói tiếp:

- Còn ta là chủ, nên ta sẽ tiêu xài bằng trăm, bằng ngàn lần các người. Và hãy nghe cho kỹ đây mà đốc thúc công việc.

Thứ nhất, chi phí cho ta hai triệu đồng tiền vàng để xây một ngôi nhà tuyệt đẹp, tuyệt hoành tráng bằng pha lê giữa ngôi vườn, cạnh con đường lớn vào kinh thành. Nhà có hai phòng, phòng tắm và phòng ăn.

Thứ hai, một triệu đồng tiền vàng để làm một mái diềm công phu phía trên cùng tiện nghi vật dụng trong phòng ăn.

Thứ ba, một trăm ngàn đồng tiền vàng làm bốn cửa sổ tinh vi, lộng lẫy nằm ở bốn hướng.

Thứ tư, một trăm ngàn đồng tiền vàng để làm các hệ thống nước nóng, lạnh, phun mưa, phun sương cùng những bình hương.

Thứ năm, mười ngàn đồng tiền vàng để làm cho ta một chiếc ghế với vật liệu bằng gỗ chiên đàn, thuê thợ kim hoàn đính thêm các loại châu báu, để cho ta ngồi nghỉ sau khi tắm xong!

Thứ sáu, mười ngàn đồng tiền vàng để làm chén bát đĩa đựng thức ăn; đặc biệt là cái bát ăn phải bằng vàng và khảm trân châu.

Thứ bảy, mười ngàn đồng tiền vàng để sắm sập, bàn, mâm, đĩa lót, khăn trải, khăn ăn, là những vật dụng cao sang, quý phái nhất.

Gandha ngưng nói. Mọi người trở mắt, căng tai. Xung quanh yên lặng như tờ. Chàng nói tiếp:

- Chưa đâu! Ta còn tiêu xài hơn thế nữa. Trưởng bếp nghe đây. Mỗi ngày ta sẽ ăn ba bữa. Hãy mua tất cả những gì cực

quý trên đời này. Buổi sáng, mâm ăn của ta phải trị giá một ngàn đồng vàng, trưa một ngàn đồng vàng và tối một ngàn đồng vàng. Nếu ăn không hết, gia nhân cứ chia nhau.

Có tiếng xì xào nhỏ nhỏ. Chàng nói tiếp:

- Chưa đâu! Riêng ngày trăng tròn, mâm cơm của ta phải có trị giá mười ngàn đồng tiền vàng. Dĩ nhiên là ta sẽ dùng không hết, phần còn lại sẽ là của các người.

Thấy chàng im lặng, viên quản gia nói:

- Còn gì nữa không, thưa chủ?

- Còn, còn chút xíu. Đúng ngày trăng tròn ấy, bỏ ra mười ngàn để trang hoàng khắp các con đường phố, thuê chừng mười người vừa đánh trống vừa loa truyền khắp các nơi: “Nghe đây! Nghe đây! Mọi người hãy đi xem bữa ăn ngàn vàng của ông đại thủ khố Gandha! Nghe đây! Nghe đây!”

Đúng ngày, dân chúng tụ tập đến, mang cả ghế, giường, chõng hoặc ngồi hoặc nằm vây quanh ngôi nhà pha lê. Và Gandha đã lần lượt sử dụng hết mọi thứ còn sang hơn cả vua chúa để mọi người nhìn ngắm cho thỏa thích: Tắm trong bồn với mười sáu bình nước hoa, mở chiếc cửa sổ lộng lẫy rồi ngồi trên chiếc ghế gỗ trầm hương khảm châu báu. Bên phòng kia, những người hầu xiêm áo như tiên nữ dọn thức ăn trên sập (hay bàn?) với mâm, đĩa đều bằng vàng, bằng bạc có trải tấm thảm dệt kim tuyến. Đặc biệt có chiếc bát đựng cơm một ngàn đồng tiền vàng.

Khi chàng triệu phú vừa bước qua phòng ăn thì một đoàn mỹ nữ dập dờn như một đàn bướm trăm màu đồng xuất hiện, biểu diễn những tiết mục ca vũ để phục vụ cảm hứng cho bữa ăn thêm ngon miệng...

Hôm ấy, một anh nhà quê gánh củi lên bán ở thành phố, vì trời tối nên đến ở lại một ngôi nhà quen. Chiều ấy, chủ nhà đi xem bữa ăn ngàn vàng của người đại thủ khố nên rủ chàng cùng đi.

Đến căn nhà pha lê trông như cảnh trời, cả hai chen lẫn vào gần cửa sổ để nhìn ngắm bên trong. Ôi! Trên đời này mà có nơi

tắm, nơi ăn sang trọng như thế ư? Ôi! Nghe nói đời sống vua chúa cao sang nhưng có lẽ cũng chỉ đến mức như thế này là tốt cùng! Chợt, mùi hương của những món thức ăn trong phòng tỏa ra bên ngoài, át tắt cả những mùi nước hoa. Anh chàng nhà quê không còn thấy toán vũ nữ ca nhi, không còn thấy căn phòng pha-lê cùng các đĩa châu báu cực quý; sự thèm ăn cuốn hút lấy làm cho chàng chảy nước miếng. Không biết hổ thẹn là gì, chàng nhà quê cố van vãn bạn mình:

- Hãy xin giúp cho tôi ăn một miếng, một miếng thôi, tôi thèm quá!

Hai lần, ba lần năn nỉ, người bạn không đành lòng, cất giọng lớn đến tai chàng đại thủ khổ:

- Này ông triệu phú! Ông bạn của tôi đây nghe mùi thơm thức ăn, chịu không nổi. Hãy cho anh ta ăn một miếng, một chút xíu thôi!

Hai lần, ba lần, đại thủ khổ đành phải trả lời:

- Bát cơm ngàn vàng thì mỗi miếng là một trăm đồng vàng, hai miếng là hai trăm đồng vàng... Nếu ai cũng muốn ăn cả thì ta làm sao chia sớt cho đủ?

Anh bạn bèn năn nỉ giùm:

- Ông chủ! Người nhà quê này thèm muốn quá rồi, nếu không được ăn, hẳn sẽ chết! Xin ông hãy cứu sống một mạng người!

- Không được! Không được là không được!

- Hẳn sẽ chết thật đấy!

Nghe vậy, chàng triệu phú ngẫm nghĩ một chút, tìm ra một kế thú vị rồi cất tiếng nói:

- Thôi được rồi! Như thế này này! Hôm nay ta đã ăn xong, phần dư, phần thừa thì cũng đã có người tàn thực! Nếu chàng nhà quê kia muốn có bữa ăn ngàn vàng thì hãy làm công cho ta ba năm thật chăm chỉ, thật tháo vát. Ta sẽ trả công như sau: Ăn sáng ngàn đồng vàng, ăn trưa ngàn đồng vàng, ăn tối, ngàn đồng vàng! Tắm và ăn đều ở trong căn nhà pha lê này. Và ngày ấy, người nhà quê sẽ là ông chủ ở đây với hai trăm người hầu

hạ phục dịch, chỉ ngoại trừ một người, đây là bà vợ yêu kiều diễm lệ của ta, nàng Cintāmaṇī! Các người nghe rõ không?

- Nghe rõ!

Thế rồi, anh chàng nhà quê, chỉ vì một bữa ăn ngon mà phải thức khuya dậy sớm, làm tất cả mọi công việc nặng nhọc trong ngoài do viên quản lý giao một cách chu đáo, không chê vào đâu được. Dân trong thành phố nghe người ta kể tràn tai về việc làm lạ lùng của chàng nhà quê. Họ tò mò có, lạ lùng có, ngạc nhiên có mà xót thương cũng có! Họ chế nhạo đặt tên chàng là Bhattabhatika, có nghĩa là Người-tìm-kiếm-bữa-com!

Mãn hạn, viên quản gia đến báo cho ông chủ biết, không quên khen ngợi anh chàng nhà quê đã làm việc hết mình. Đến phiên Gandha thực hiện lời hứa, sắp xếp cho chàng nhà quê làm ông chủ xài sang một ngày.

Mọi việc đâu đó đã xong. Vị triệu phú cho trang hoàng thành phố, thuê toán người đánh trống đi khắp thành thông báo với loa truyền rằng: *“Nghe đây! Nghe đây! Hãy đến căn nhà pha lê mà xem anh chàng nhà quê Bhattabhatika ăn bữa ăn ngàn vàng, là tiền công sau ba năm làm nô lệ cho ông chủ đại thủ khó! Nghe đây! Nghe đây!”*

Vào sáng sớm, anh chàng nhà quê đóng bộ vào người tất cả phục trang trong ngoài y như ông chủ. Rồi tắm trong bồn với mười sáu bình nước hoa, mở chiếc cửa sổ lộng lẫy, ngồi trên ghế gỗ trầm hương khảm châu báu. Bên phòng kia, những người hầu xiêm áo như tiên nữ dọn thức ăn trên bàn với mâm, đĩa đều bằng vàng, bằng bạc, có trải tấm thảm dệt kim tuyến. Đặc biệt có chiếc bát đựng com một ngàn đồng tiền vàng...

Lúc bảy giờ, trên núi Gandhamādana ở Himalaya, có một vị Độc Giác Phật sau bảy ngày, xuất định, tung võng lưới rà soát khắp thế gian xem ai có căn cơ, có duyên lành. Bữa ăn sau ba năm cần khổ của chàng nhà quê lọt vào nhãn thông của ngài.. Phật Độc Giác mỉm cười tự nhủ: *“Hy hữu! Thật là hy hữu! Mà duyên lành sau này của chàng ta còn hy hữu hơn thế nữa!”*

Vậy nên, khi anh chàng nhà quê Bhattabhattika rửa tay chuẩn bị ăn bữa ăn ngân vàng thì đức Phật Độc Giác đắp y, ôm bát, từ đầu giữa hư không, hiện giữa hư không, đứng bên ngoài cánh cửa căn nhà pha lê, như ở ngay trước mặt chàng vậy.

Bhattabhattika mọc óc, rùng mình! Một nhận thức sáng sủa đầu từ vùng tăm tối của vô thức hiện ra giúp chàng có được tri kiến như sau: *“Bởi trăm ngàn kiếp sống bồn xển, keo kiệt, rít róng, luôn luôn ích kỷ, chưa cho ai một xu, một cắc, chưa mở rộng tấm lòng đến người nghèo khổ; luôn luôn vị ngã, luôn luôn bận tiện, tham lam, tích góp của cải, tài sản không từ nan các thủ đoạn lọc lừa, mưu thâm kế hiểm cũng vì lợi ích ngũ dục cho cái bản ngã ti tiểu, hèn mọn nên ta đã rơi vào các cảnh giới đọa đầy đau khổ. Nay dù được làm người nhưng ta phải chịu quả báo cơ cực đói nghèo! Nếu hôm nay, ta nhịn được bữa ăn ngân vàng, khởi quyết tâm bố thí, cúng dường để gieo chút duyên lành đến vị đạo sĩ thanh tịnh kia thì ta có thể nương tựa phước báu ấy trong các kiếp sống về sau!”*

Nghĩ thế xong, do năng lực của tư duy chọn chánh, mọi tham muốn *“thèm ăn”* biến mất, chàng thanh niên đứng bật dậy, ôm bát cơm vàng lẫn cả thức ăn bước đến, nghiêng mình cung kính trút vào bát của vị đại ả sĩ. Được một nửa, đức Phật Độc Giác đưa tay che bát lại:

- Thôi! Vừa rồi con! Đủ rồi con! Hãy dành phần để ăn một chút sau ba năm làm công lao nhọc!

- Thừa, không! Không cần thiết nữa, bạch ngài! Chàng nói - Mọi thèm ăn, mọi tham muốn ăn bây giờ đã chấm dứt! Xin ngài cho con trọn vẹn sự cúng dường này, với ba nghiệp thanh tịnh để cho con nương tựa lâu dài về sau! Và nương tựa vào oai lực, vào cái mà ngài đã đắc, đã chứng nữa!

- Nay Bhattabhattika! Rồi con sẽ thành tựu được như nguyện!

Thọ nhận xong, như để hồi hướng công đức, như để cho sự hoan hỷ của chàng thanh niên được viên mãn, như để cho tất cả mọi người trong kinh thành thấy rõ công năng vô lượng của quả

bồ thí, cúng dường, đức Phật Độc Giác bèn hiện thân thông bát khả tư nghị, một dải lụa tợ như ngọc xanh vắt ngang giữa nền trời, theo với chiếc bóng của ngài, bay về núi Gandhamādana ở Himalaya. Tại đây, đức Phật Độc Giác sốt vật thực cho năm trăm vị Độc Giác khác rồi các ngài cùng ngồi xuống độ thực. Sự kiện xảy ra ấy, mọi người trong kinh thành ai cũng thấy rõ mồn một trong tầm mắt.

Chứng kiến rõ ràng cảnh tượng ấy, Bhattabhattika tràn ngập hỷ lạc! Một niềm khinh an dịu nhẹ, len thấm rồi ngấm tràn trong huyết quản, rung động toàn thể châu thân! Lần đầu tiên, lần thứ nhất trong đời, chàng mới biết, mới cảm nhận thấm thía, sâu đậm thế nào là hạnh phúc!

Đại thủ khổ Gandha nghe tin, cũng thấy rõ cảnh tượng ấy, cũng rung động cả toàn thân, cũng bồi hồi, bồi hồi, cũng cảm nhận được một niềm tin từ đâu đó trong việc làm lạ lùng của người nhà quê! Chàng tự nghĩ: *“Ôi! Việc làm ấy thật là khó khăn! Chỉ một phần ngàn, phần vạn như thế ta cũng không làm được! Như một kẻ làm nông, ba năm thức khuya dậy sớm, một nắng hai sương chăm lo đồng áng, kết quả lao nhọc ấy, y có phần thưởng là một kho thóc. Kho thóc ấy chỉ nấu được một bát cơm thiên vị, thiên hương! Thế nhưng, hắn đã không ném, không ăn, hắn đã dâng cúng hết. Rồi cái bát công đức kia bay về núi Himalaya, được chia đều phần ăn cho năm trăm bậc đại ẩn sĩ! Thật là vĩ đại! Thật là anh dũng! Còn ta là gì? Còn ta là ai? Ta đã chơi ngông để thỏa mãn cá tính, hưởng thụ từng trăm ngàn đồng tiền vàng mà không đổ một giọt mồ hôi, không lấm một tí bụi bùn của ruộng đồng gian khổ! Ta cũng chưa cho ai một muống com, một vá cháo? Chàng nhà quê mình trần thân trụ không có gì mà dám tặng cả kho lúa sau ba năm quần quật như nô lệ? Cái tâm ấy thì ta thua, một triệu phần như thế ta cũng không có! Thật là đáng hổ thẹn!”*

Nghĩ thế xong, đại thủ khổ Gandha mời chàng nhà quê đến, cung kính trao một ngàn đồng tiền vàng rồi nói rằng:

- Một chút xíu thôi! Hãy chia cho ta một “*hạt bụi*” công đức mà người đã làm!

- Vâng, thưa chủ! Tôi sung sướng mà chia cho chủ! Không những là hạt bụi mà cả ngọn núi Himalaya tôi cũng vui lòng chia hết!

Nghe nói vậy, đại thủ khổ Gandha hỷ lạc dâng đầy khắp cả người, y chợt nói:

- Vậy thì tôi cũng xin được chia phần thêm. Cái gia tài này sẽ chia làm hai, tôi một nửa, bạn một nửa; chúng ta sẽ kết nghĩa anh em sống với nhau cho đến bạc đầu.

Nghe chuyện, đức vua xứ Bārāṇasī cũng lao xao, nôn nả muốn xem thử mặt mũi của chàng nhà quê ra sao nên triệu Bhattabhatika vào châu.

Thấy thanh niên Bhattabhatika phục sức cũng như sắc diện đều đẹp đẽ, quý phái, cao sang, rõ là một công tử đại phú gia nên đức vua hoan hỷ nói:

- Ta cũng xin đóng góp, tặng người mười ngàn đồng tiền vàng; hãy chia cho ta “*một hạt bụi phước*” nhé?

- Tâu đại vương! Có phước bao nhiêu, như núi, như biển, hạ thần cũng chia cho đại vương hết.

- Tốt! Tốt! Đức vua cười ha hả! Vậy thì ta cũng phong chức đại thủ khổ cho người được hưởng vinh hoa phú quý, danh dự cao sang cho đến trọn đời!

Thế đó, phước báu trở sanh từ bát cơm vàng của anh chàng nhà quê dâng cúng cho vị ẩn sĩ Phật Độc Giác; mà là dâng cúng hết cái gì quý nhất, không chừa lại, quả là chia hoài, ăn hoài cũng không hết, lại được phước báu kia trở quả nhãn tiền nữa⁽¹⁾. Không chỉ có thế, sau khi mạng chung, đại thủ khổ Gandha, anh

⁽¹⁾ *Phước báu nhãn tiền phải hội đủ 4 điều kiện: 1- Đối tượng xứng đáng cúng dường, là bậc Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, Thanh Văn Giác. 2- Vật bố thí chánh mạng, lại còn cúng dường hết không chừa lại. 3- Tư tác thanh tịnh và hoan hỷ cả ba thời (trước khi, trong khi, sau khi). 4- Ăn đức cao thượng - xuất diệt, thọ, tưởng định 7 ngày.*

chàng chơi nông kia không biết lưu lạc về đâu, nhưng chàng nhà quê Bhattabhatika của chúng ta được hóa sanh các cõi trời hưởng phước báu thiên lạc suốt thời gian giữa hai đức Chánh Đẳng Giác; thời Phật hiện tại, tái sanh vào nhà một thí chủ danh gia vọng tộc sang giàu của trưởng lão Sāriputta ở kinh thành Sāvattthi, nước Kosala.

Khi mang thai bào, do dư phước từ quá khứ, người mẹ được chăm sóc vô cùng chu đáo và kỹ lưỡng; đồng thời bà còn khởi lên một ước muốn lạ đời là chỉ muốn độ thực trong cái bát vàng cực quý mà thôi.

Đến ngày mãn nguyệt khai hoa, gia đình thỉnh mời tôn giả Sāriputta và chư tỳ-khưu đến tư gia để họ đặt bát cúng dường. Đứa bé mặt mũi sáng sủa, khẩu khinh được tắm bằng “*những vòi nước thơm*”, mặc y phục quý phái, đặt trên một “*cái giường khảm châu báu lộng lẫy trị giá trăm ngàn đồng tiền vàng*”. Và vì trong nhà không có ai đau ốm từ khi hài nhi còn trong bụng mẹ nên nàng yêu cầu tôn giả Sāriputta đặt tên là Sukha-kumāra, tức đứa trẻ an lạc, hạnh phúc.

Lên bảy tuổi cậu bé muốn xuất gia theo chân của tôn giả Sāriputta. Do phước báu xui khiến nên người mẹ dễ dàng bằng lòng. Bà thưa chuyện ấy với tôn giả và sau đó mặc y phục đẹp để cho trẻ rồi dẫn đến tịnh xá Kỳ Viên giao phó cho trưởng lão.

Nhìn đứa trẻ mặt mũi đẹp đẽ, cao sáng, tôn giả dịu dàng cất tiếng trao đổi một vài câu hỏi, biết được căn cơ sâu dày của trẻ từ quá khứ nên cho xuất gia, là sa-di Sukha vậy.

Chuyện của sa-di Sukha, sau này được ghi chép lại, không biết tại sao lại tương tự chuyện sa-di Paṇḍita - là trong ngày thứ tám sau khi xuất gia, được đi trì bình với tôn giả Sāriputta. Do học được “*cái gương dẫn nước, người thợ uốn tên, người thợ mộc dẻo bánh xe*”; nên sau đó, Sukha-kumāra không đi bát nữa, trở về liêu cốc tích cực thiền quán. Vị sa-di kỳ lạ này cũng được thiên chủ Đế Thích, Tứ Đại thiên vương và cả đức Thế Tôn tạo duyên giúp đỡ nên chú cũng đắc rốt ráo cứu cánh sa-môn hạnh

ngay trong ngày hôm đó.

Và vị thánh sa-di này là tấm gương sáng cho những người biết tự điều chỉnh, tự kiểm thúc thân tâm, tinh cần thiền quán cho đến lúc uống được giọt nước tận đầu nguồn thánh hạnh, đúng như câu kệ ngôn:

“- Giới thay! Dẫn nước đào nương!

Mũi tên khéo uốn thành đường thẳng ngay!

Bánh xe tròn đẽo, tài hay!

Tự điều, tự kiểm mới tày trí nhân!”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Soạn giả dịch từ câu Pháp cú 80 và 145: “*Udakaṃ hi nayanti nettikā - usakārā namayanti tejanaṃ. Dāruṃ namayanti tacchakā - attānaṃ damayanti paṇḍitā!*”

Căn Nhà Năm Lỗ Hồng

(Truyện bốn vị thánh sa-di bị bỏ đói)

Hôm kia, trong và ngoài Kỳ Viên tịnh xá, lan cả trong thành phố, mọi người bàn tán xôn xao về chuyện bốn vị sa-di được thí chủ giàu sang thỉnh về nhà đặt bát nhưng lại bị bỏ đói, sau đó bốn vị này thi triển oai lực thần thông làm cho ai ai cũng đều khiếp hãi.

Chuyện xảy ra như sau.

Có vợ chồng gia đình bà-la-môn giàu sang, sau khi nghe pháp từ đức Đạo Sư, hiểu công đức của sự bố thí, nhất là gieo hạt giống phước báu trên những đám ruộng tốt. Theo như sự hiểu biết của hai người, đám ruộng tốt nhất ấy nhất định là đức Phật rồi. Thử nữa phải là hai vị đại đệ tử. Tiếp theo, chắc chắn là các vị đại trưởng lão đạo cao đức trọng. Do hiểu vậy nên bà bảo ông đi thỉnh đức Phật, nhưng ngài bảo là đã có người mời thỉnh trước rồi. Ông bèn thỉnh hai vị đại đệ tử, hai ngài cho biết là cũng đã hứa trước với người khác. Cuối cùng, ông đến gặp vị trưởng lão phụ trách điều hành, phân phối công việc của tăng để xin thỉnh bốn vị trưởng lão đặt bát cúng dường tại tư gia. Có lẽ do thấy biết tâm ý của vợ chồng người bà-la-môn này, vì muốn dạy cho họ một bài học nên ngài mỉm cười thâm lặng rồi đáp:

- Thôi được rồi! Tôi sẽ đề cử đến tư gia bốn vị trưởng lão thanh tịnh!

Đúng ngày, ngài trưởng lão sắp xếp cho bốn vị sa-di bảy tuổi: Đó là Revata, Saṅkicca, Paṇḍita, Sopāka họ đều là thánh tăng, đều là những bậc “*trưởng lão*” đến nhà của thí chủ vợ chồng bà-la-môn nọ.

Nữ gia chủ bà-la-môn đã suốt đêm chăm lo vật thực thượng vị để mong đặt bát cúng dường đến những bậc “*trưởng lão đạo cao đức trọng*”, nhưng sớm ngày, đến tư gia là bốn “*chú nhóc, con nít*” nên họ vô cùng buồn phiền, sầu khổ. Từ buồn phiền, sầu khổ họ đâm ra tức giận, tỏ ra khinh miệt bốn vị sa-di.

Nữ gia chủ lấy một tấm thảm cũ, trải xuống một góc nền nhà rồi nói:

- Mời các vị hãy ngồi tại chỗ này!

Rồi lui nhà sau, bà bảo ông:

- Hãy đi gấp đến Kỳ Viên, thỉnh ngay cho tôi bốn vị trưởng lão kìa!

- Hôm qua tôi cũng nói vậy mà! Ông đáp.

- Vậy là chúng ta bị “*chơi xỏ*” rồi! Mấy đứa con nít “*hi mũi chưa sạch*” này, thì phước báu ở đâu sanh ra kia chứ?

- Vậy ông hãy đi lại lần nữa xem? Bà ngẫm nghĩ rồi tiếp - Nếu không có thì đến ngay nơi đền thờ thần Shīva, ở đấy thường có mấy vị trưởng lão tư tế, thỉnh họ cũng được.

Ông bà-la-môn gia chủ chịu khó đến Kỳ Viên nhưng đức Phật và tăng chúng đã đi trì bình hoặc đến các tư gia từ sáng sớm, trong chùa chỉ còn lại một số sư chăm lo tạp dịch, vệ sinh, bị bệnh hay già yếu mà thôi.

Tại tư gia, bốn vị sa-di thấy trời đã trưa mà trong nhà không chịu đặt bát, họ vừa khát nước vừa còn cào cái bụng. Tuy nhiên, vì là bậc thánh, họ an nhiên, im lặng như không có gì xảy ra.

Sa-di Sopāka hỏi nhỏ chư huynh đệ:

- Chắc ai cũng đói bụng cả nhỉ?

Sa-di Paṇḍita mỉm cười:

- Vâng! Nhưng mà nhần, xả một chút thôi mà!

Sa-di Saṅkicca nói:

- Cái kiêu căng, ngã mạn của vợ chồng bà-la-môn này sẽ được chuyển hóa. Coi chừng thiên chủ Đế Thích sẽ nóng ruột mà ra tay đó!

Sa-di Revata gật đầu:

- Đúng vậy! Ông bắt đầu làm bổn phận của mình rồi!

Trong lúc bốn vị sa-di tự tại, thần nhiên chờ đợi nhưng ngại vàng của thiên chủ Đế Thích lại nóng rực lên - đúng như Saṅkicca và Revata nói. Thiên chủ dùng thiên nhãn quan sát thế gian thì biết chuyện xảy ra tại gia đình vợ chồng người bà-la-môn. Thiên chủ cau mày: Quả thật là ngốc nghếch! Bốn vị “*trưởng lão đạo cao đức trọng*” như vậy lại để cho người ta nhin đói, trong lúc đó lại đi mời thỉnh mấy ông lão coi đèn, bonton sĩ thừa hưởng tài vật tàn dư! Phải cho hai vợ chồng ngu si này một bài học mới được! Ta sẽ làm cho chói rạng uy đức của những bậc thánh tí hơn!

Nghĩ thế xong, thiên chủ tức khắc có mặt tại ngôi đèn tế, biến thành một lão bà-la-môn quắc thước, ngồi trên một bảo tọa sang trọng tại chính điện.

Khi người đàn ông gia chủ đến đây thấy vóc dáng, tướng mạo của “*trưởng lão bà-la-môn*” mừng quá nên thỉnh về tư gia thọ thực cho có phước. “*Lão*” này đến nhà, thấy bốn vị sa-di liền nằm dài xuống đất, đánh lễ rất mực cung kính.

Thấy vậy, nữ gia chủ đay nghiến chồng:

- Khổ thật! Ông lại thỉnh về đây một ông già điên! Ai đòi ông ta lại nằm bẹp trên đất đánh lễ bốn đứa con nít chỉ đáng tuổi con cháu mình? Tâm thần rồi! Thần kinh rồi ông ơi! Hãy tản xuất tức khắc ông lão kia ra khỏi nhà ngay cho tôi nhờ!

Tuân lời “*nữ chủ*”, người đàn ông kéo lão điên khùng ra khỏi cửa, khi quay vào thì thấy ông ta vẫn quỳ lạy ngay chỗ cũ. Bà lại hét lên. Ông lại hồng hộc kéo đi! Cả ba lần đều không ăn thua!

Bà hét lên:

- Gặp yêu tinh rồi ông ơi!

Ông cũng xanh mặt:

- Đúng là tà ma, quỷ mị rồi bà mày ơi!

Nói thế xong, cả hai kinh hoàng bỏ chạy.

Lúc ấy, thiên chủ Đế Thích mới hiện ngay thân tướng trang nghiêm, cao sang, rạng rỡ dung sắc, chói ngời thiên bào, mũ miện bảy báu ngồi giữa hư không, nói vang vang rằng:

- Ta là thiên chủ Đế Thích đây! Hãy bình tĩnh!

Ngước nhìn lên, cả hai vô cùng sợ hãi.

Đế Thích nói tiếp:

- Bốn vị sa-di mà quý vị đang bỏ đói trong nhà, chính là bốn vị thánh tăng A-la-hán mà chư thiên, loài người đều phải cung kính, tán dương và trân trọng. Dầu ta là vị thiên chủ tối cao, với oai lực tối thắng khắp bốn châu thiên hạ; nhưng đối với quý ngài, ta chỉ là hạt bụi bám dính nơi gót chân của các bậc lậu tận này mà thôi! Khá thương cho các người, bốn vị thánh đến nhà là ân đức vô lượng, là phước điền tối thượng lại không cúng dường, lại ngu ngốc đến nơi cái đền tể kia để thỉnh mời cái bọn tu sĩ tàn thực, ăn hại!

Thấy tận mắt oai lực của Đế Thích rồi, vợ chồng gia chủ không dám không tin, lấy vật thực đặt bát cho bốn vị sa-di. Đế Thích cũng hiện lại thân tướng con người bình thường, phụ một tay, cung kính sót bát, lui tới phục dịch, hầu hạ.

Chuyện xảy ra trước mặt, bốn vị sa-di vẫn điềm nhiên không nói, không rằng.

Thọ dụng xong, uống nước, rửa răng xong, bốn vị tâm ý tương thông, muốn làm cho gia chủ hoan hỷ, cũng để chứng thực phần nào cho lời nói của Đế Thích, cả bốn vị đồng trở oai lực, quăng bát xuyên qua bốn hướng vách tường rồi bay đi mất. Đế Thích cũng khoái trò chơi đó nên ông cũng trở nóc nhà, bay vút lên tận thiên giới.

Vợ chồng gia chủ tận mắt chứng kiến phép lạ của bốn vị sa-

di và trời Đế Thích, sung sướng quá, há hốc miệng không ngậm lại được, phì lạc bốc lên rần rần làm cho họ cảm giác một niềm hạnh phúc cực kỳ!

Ngôi nhà của gia chủ hiện ra năm lỗ trông hoác, mọi người nghe chuyện tới tận nơi để xem, họ gọi là Pañcachiddageha⁽¹⁾. Nghe rằng, lâu sau, vợ chồng gia chủ bỏ tiền ra xây dựng một căn nhà khác để ở, còn ngôi nhà 5 lỗ hồng kia là một kỷ niệm phước báu, họ giữ lại để làm kỷ niệm. Sau này, mỗi lần ngắm nhìn 5 lỗ hồng thì họ phát sanh niềm hoan hỷ; và quả thật là hy hữu, phước báu một lần đó như đi theo suốt cuộc đời của họ vậy.

Trở về lại Kỳ Viên, chuyện trở thần thông ấy, bốn vị sa-di giấu kín mít. Chỉ có đức Phật biết, nhị vị đại đệ tử biết, các vị thánh lậu tận có thắng trí biết. Nhưng rồi, chuyện năm lỗ hồng lại tràn vào chùa Kỳ Viên nên chư phàm tăng lại không ngớt luận bàn. Nhiều vị tò mò tìm gặp, hỏi rằng, bị bỏ đói như vậy mà có đói bụng chăng? Các vị tình thật trả lời: *“Bình thường thôi! Cái bụng đói nhưng tâm có nhẫn, có từ, có xả thì cái tâm ấy làm sao lại đói được!”*

Ngạc nhiên, sau buổi pháp thoại buổi chiều, các vị phàm tăng tố cáo bốn vị sa-di lên đức Phật và nói rằng, họ khoe pháp bậc cao nhân. Họ đã dám trở thần thông lại còn chứng tỏ mình là bậc thánh lậu tận nữa.

Đức Phật chợt mở nụ hàm tiếu, nói rằng:

- Dầu mới bảy tuổi nhưng các *“con trai”* của Như Lai xứng đáng được gọi là những bậc trưởng lão thanh tịnh! Khi cái tâm đã được huấn luyện, khi cái tuệ đã được thấy rõ - thì ngay cả giữa những chuyện hận thù, hung bạo, dính mắc, buộc ràng... các vị ấy cũng dễ dàng bước qua, dễ dàng sống với với tâm từ, dễ dàng sống ôn nhu, ôn hòa, dễ dàng sống vô nhiễm, giải thoát như hư không, huông hồ chỉ nhẫn xả nhịn đói một bữa ăn!

⁽¹⁾ Phỏng theo *“Đức Phật và 45 năm...”*, trang 97, tập 5 của tỳ-khưu Chánh Minh - NXB Tôn Giáo - 2011.

Rồi đức Tôn Sư đọc lên câu kệ ngôn:

“- Thân thiện giữa đám nghịch thù

Giữa người hung dữ, ôn nhu, an hòa

Vô nhiễm giữa cõi trần sa

Những vị như vậy gọi là *bla-môn*!”⁽¹⁾

Bài pháp ngắn gọn của đức Phật đã giúp cho nhiều vị tỳ-khưu vào dòng hoặc đi vào các tầng thánh quả.

(CHUNG)

⁽¹⁾ Pháp cú câu số 406: “*Aviruddham viruddhesu. Attadaṇḍesu nibbutiṃ. Sādānesu anādānaṃ. Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ*” - Bà-la-môn với nghĩa chọn chính là sống đời phạm hạnh” Trích Kinh Lời Vàng, NXB Phương Đông năm 2008 - cùng tác giả.